20 ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA MÔN HÓA HỌC 2020

MỚI NHẤT

TỦ SÁCH LUYỆN THI

Sachhoc.com

MỤC LỤC

1. Đề thi thử môn Hóa THPTQG lần 2 THPT Nguyễn Viết Xuân 2020
2. Đề thi thử THPT Quốc gia 2020 môn Hóa THPT Đoàn Thượng lần 2
3. Đề thi thử THPTQG môn Hóa 2020 THPT Đồng Đậu lần 2
4. Đề thi thử THPT Quốc gia môn Hóa 2020 - THPT Đội Cấn lần 1
5. Đề thi thử THPTQG môn Hóa THPT Quang Hà 2020 lần 1
6. Đề thi thử THPTQG môn Hóa 2020 - THPT Ngô Gia Tự lần 1
7. Đề thi thử THPTQG môn Hóa 2020 lần 1 - THPT Nguyễn Viết Xuân
8. Đề thi thử THPTQG môn Hóa 2020 - THPT Hàn Thuyên lần 1
9. Đề thi thử THPT Quốc gia 2020 lần 1 môn Hóa THPT Yên Lạc 2
10.Đề thi thử THPTQG môn Hóa 2020 - THPT Đồng Đậu
11.Đề thi thử THPTQG 2020 môn Hóa Chuyên Phan Bội Châu lần 1
12.Đề thi thử THPTQG môn Hóa Chuyên Hoàng Văn Thụ 2020 lần 1
13.Đề thi thử môn Văn Chuyên Hoàng Văn Thụ THPTQG 2020 lần 1
14.Đề thi thử THPTQG môn Hóa Chuyên Nguyễn Trãi lần 1 năm 2020
15.Đề thi thử THPT Quốc gia môn Hóa 2020 Chuyên Quốc học Huế lần 1
16.Đề thi thử THPTQG môn Hóa Chuyên KHTN 2020 lần 1
17.Đề thi thử THPTQG 2020 môn Hóa lần 1 Chuyên Trần Phú
18.Đề thi thử THPTQG môn Hóa 2020 Chuyên Hạ Long lần 1
19.Đề thi thử THPTQG môn Hóa THPT Chuyên Thái Bình lần 2 năm 2020
20.Đề thi thử THPTQG 2020 môn Hóa THPT Chuyên Thái Bình lần 1

SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIẾT XUÂN

MÃ ĐỀ: 102 (Đề chẵn)
(Đề thi gồm 04 trang)

ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG LẦN 2
Năm học 2019 - 2020
Môn: HÓA HỌC 12
Thời gian làm bài: 50 phút
(không kể thời gian giao đề)

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố :
H = 1; Li = 7; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52, Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag=108, I = 127, S =32, Ba =137

(Thí sinh không được sử dụng bảng tuần hoàn, bảng tính tan)

Câu 41: Chất nào sau đây không làm mất màu dung dịch brom?

A. Stiren **B.** Etilen **C.** Benzen **D.** CH_2=CH-COOH

Câu 42: Hóa chất **không** sử dụng làm phân bón hóa học là

A. KCl. **B.** $(NH_4)_2HPO_4$. **C.** $Ca(H_2PO_4)_2$. **D.** NaCl.

Câu 43: Etanal có công thức hóa học là

A. CH_3COCH_3 **B.** HCHO **C.** CH_3CHO **D.** C_2H_5CHO

Câu 44: Hợp chất **không** hòa tan được $Cu(OH)_2$ là

A. propan-1,2-điol. **B.** etylen glicol. **C.** propan-1,3-điol. **D.** glixerol.

Câu 45: Alanin có công thức là

A. H_2N-CH_2-CH_2-COOH. **B.** H_2N-CH(CH_3)-COOH.
C. CH_2=CHCOONH_4. **D.** H_2N-CH_2-COOH.

Câu 46: Dãy chất nào sau đây, trong nước đều là chất điện li mạnh?

A. $MgCl_2$, $Al_2(SO_4)_3$, $Ba(OH)_2$. **B.** CH_3COOH, $BaCl_2$, KOH.
C. $Cu(NO_3)_2$, $CaCl_2$, NH_3. **D.** H_3PO_4, $Fe(NO_3)_3$, NaOH.

Câu 47: Trong số các loại tơ sau: tơ tằm, tơ visco, tơ nilon-6,6, tơ axetat, tơ capron, tơ enang. Những loại tơ thuộc loại tơ nhân tạo là

A. Tơ tằm và tơ enang. **B.** Tơ visco và tơ axetat.
C. Tơ visco và tơ nilon-6,6. **D.** Tơ nilon – 6,6 và tơ capron.

Câu 48: Este $HCOOCH_3$ có tên gọi là

A. metyl fomat. **B.** etyl fomat. **C.** metyl axetat. **D.** etyl axetat.

Câu 49: Sođa khan có công thức hóa học là

A. NH_4HCO_3 **B.** Na_2CO_3 **C.** $NaHCO_3$ **D.** $CaCO_3$

Câu 50: Những tính chất vật lí chung của kim loại (dẫn điện, dẫn nhiệt, ánh kim, dẻo) được gây nên chủ yếu bởi

A. Khối lượng riêng của kim loại.
B. Cấu tạo mạng tinh thể của kim loại.
C. Tính chất của kim loại.
D. Các electron tự do trong mạng tinh thể kim loại.

Câu 51: Thuỷ phân hoàn toàn một đipeptit(Ala-Gly) bằng 300ml dung dịch HCl 1M thu được m gam hỗn hợp muối trung hoà. Giá trị của m là

A. 35,55 gam. **B.** 23,7 gam. **C.** 32,85 gam. **D.** 27,3 gam.

Câu 52: Dùng hóa chất nào sau đây có thể nhận biết được 5 chất lỏng không màu là: glixerol, etanol, dung dịch glucozơ, anilin và lòng trắng trứng?

A. Na và dung dịch Br_2 **B.** Na và dung dịch $AgNO_3/NH_3$

Tuyensinh247.com

C. dung dịch $AgNO_3/NH_3$ và $Cu(OH)_2$ **D.** dung dịch Br_2 và $Cu(OH)_2$

Câu 53: Đun nóng 3,42 gam mantozơ trong dung dịch axit sunfuric loãng, đun nóng, trung hòa axit sau phản ứng rồi cho hỗn hợp tác dụng hoàn toàn với $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3, đun nóng thu được 3,78 gam Ag. Hiệu suất phản ứng thủy phân mantozơ là

A. 62,5% **B.** 87,5% **C.** 69,27% **D.** 75,0%

Câu 54: X là este thuần chức tạo ra từ axit đơn chức và ancol đa chức. X không tác dụng với natri. Thủy phân hoàn toàn a gam X cần dùng vừa đủ 100 gam dung dịch NaOH 6 % thu được 10,2 gam muối và 4,6 gam ancol. Công thức của X là

A. $(HCOO)_2C_2H_4$ **B.** $(HCOO)_3C_3H_5$ **C.** $(C_2H_3COO)_3C_3H_5$ **D.** $(CH_3COO)_2C_3H_6$

Câu 55: Cho dãy các chất: metyl acrylat, tristearin, saccarozơ, glyxylalanin (Gly-Ala), glucozơ. Số chất bị thủy phân khi đun nóng trong môi trường axit là

A. 2. **B.** 1. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 56: Hòa tan hoàn toàn hai chất rắn X và Y có số mol bằng nhau vào nước, thu được dung dịch Z. Tiến hành các thí nghiệm sau:

- Thí nghiệm 1: Cho Z phản ứng với dung dịch $CaCl_2$, thấy có n_1 mol $CaCl_2$ phản ứng.
- Thí nghiệm 2: Cho Z phản ứng với dung dịch HCl, thấy có n_2 mol HCl phản ứng.
- Thí nghiệm 2: Cho Z phản ứng với dung dịch NaOH, thấy có n_3 mol NaOH phản ứng.

Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn và $n_1<n_2<n_3$. Hai chất X, Y lần lượt là:

A. $NaHCO_3$ và $(NH_4)_2CO_3$ **B.** NH_4HCO_3 và $(NH_4)_2CO_3$

C. $NaHCO_3$ và Na_2CO_3 **D.** NH_4HCO_3 và Na_2CO_3

Câu 57: Y là một polisaccarit có trong thành phần của tinh bột và có cấu trúc mạch cacbon không phân nhánh. Tên gọi của Y là

A. amilopectin. **B.** saccarozơ. **C.** amilozơ. **D.** glucozơ.

Câu 58: Hỗn hợp X gồm CH_4, C_3H_8, C_2H_4 và C_3H_4. Đem đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp X bằng không khí, sau phản ứng thu được một hỗn hợp gồm a mol N_2, 0,2 mol O_2, 0,4 mol CO_2 và 0,5 mol H_2O. Biết rằng trong không khí N_2 chiếm 80% và O_2 chiếm 20% theo thể tích. Giá trị của a là

A. 4,4 mol **B.** 1,0 mol **C.** 3,4 mol **D.** 2,4 mol

Câu 59: Cho 13,0 gam bột Zn vào dung dịch chứa 0,1mol $Fe(NO_3)_3$, 0,1 mol $Cu(NO_3)_2$ và 0,1mol $AgNO_3$, khuấy đều cho phản ứng hoàn toàn. Khối lượng kết tủa sau khi phản ứng là

A. 14,0 gam **B.** 16,4 gam **C.** 19,07 gam **D.** 17,2 gam

Câu 60: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm Fe và các oxit sắt trong dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng dư thu được 80 gam muối $Fe_2(SO_4)_3$ và 2,24 lít SO_2 (đktc). Số mol H_2SO_4 đã tham gia phản ứng là

A. 0,9 mol **B.** 0,7 mol **C.** 0,8 mol **D.** 0,5 mol

Câu 61: Cho dãy các chất: stiren, ancol benzylic, anilin, toluen, phenol (C_6H_5OH). Số chất trong dãy có khả năng làm mất màu nước brom là

A. 4 chất. **B.** 2 chất. **C.** 3 chất. **D.** 5 chất.

Câu 62: Amin nào sau đây không làm đổi màu quỳ tím?

A. $CH_3NHC_2H_5$ **B.** $C_6H_5NH_2$. **C.** $(CH_3)_2NH$. **D.** $C_2H_5NH_2$.

Câu 63: Muối X có công thức phân tử là $CH_6O_3N_2$. Đun nóng X với NaOH thu được 2,24 lít khí Y (Y là hợp chất chứa C, H, N và có khả năng làm xanh giấy quỳ tím ẩm). Khối lượng muối thu được là

A. 8,5 gam **B.** 8,3 gam **C.** 6,8 gam **D.** 8,2 gam

Câu 64: Điện phân dung dịch NaOH với cường độ không đổi là 10A trong thời gian 268 giờ. Dung dịch còn lại sau điện phân có khối lượng 100g và nồng độ 24%. Nồng độ % của dung dịch ban đầu là

Tuyensinh247.com

A. 4,8% **B.** 2,4% **C.** 9,6% **D.** 1,2%

Câu 65: Hỗn hợp X gồm 1 mol aminoaxit no, mạch hở và 1 mol amin no, mạch hở. X có khả năng phản ứng tối đa với 2 mol HCl hoặc 2 mol NaOH. Đốt cháy hoàn toàn X thu được 6 mol CO_2, x mol H_2O và y mol N_2. Giá trị x, y tương ứng là

A. 7 và 1,0 **B.** 8 và 1,0 **C.** 7 và 1,5 **D.** 8 và 1,5

Câu 66: Phát biểu nào dưới đây chưa chính xác?

A. Tinh bột, mantozơ và glucozơ lần lượt là poli- đi- và monosaccarit.

B. Monosaccarit là cacbon hiđrat không thể thủy phân được.

C. Đisaccarit là cacbon hiđrat thủy phân sinh ra hai loại monosaccarit.

D. Polisaccarit là cacbon hiđrat thủy phân sinh ra nhiều phân tử monosaccarit.

Câu 67: Thủy phân hoàn toàn 0,1 mol este đơn chức Y trong 145 ml dung dịch NaOH 1M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được ancol etylic và 10 gam chất rắn khan. Công thức cấu tạo của Y là

A. $C_2H_5COOC_2H_5$. **B.** $C_2H_3COOC_2H_5$. **C.** $CH_3COOC_2H_5$. **D.** $HCOOC_2H_5$.

Câu 68: Phát biểu nào sau đây ***không đúng*****?**

A. Phân tử có hai nhóm - CO-NH- được gọi là đipeptit, ba nhóm thì được gọi là tripeptit

B. Trong mỗi phân tử protit, các aminoaxit được sắp xếp theo một thứ tự xác định

C. Những hợp chất hình thành bằng cách ngưng tụ hai hay nhiều α-aminoaxit được gọi là peptit

D. Các peptit có từ 10 đến 50 đơn vị amino axit cấu thành được gọi là polipeptit

Câu 69: Cho 3,36 lít khí CO_2 vào 200,0 ml dung dịch chứa NaOH xM và Na_2CO_3 0,4M thu được dung dịch X chứa 19,98 gam hỗn hợp muối. Nồng độ mol/l của NaOH trong dung dịch là

A. 0,60M **B.** 0,50M **C.** 0,70M **D.** 0,75M

Câu 70: Người ta dùng 0,75 gam glucozơ tác dụng với dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 để tráng ruột phích. Biết hiệu suất phản ứng là 80%. Khối lượng Ag có trong ruột phích là

A. 0,72. **B.** 0,45. **C.** 0,9. **D.** 0,36.

Câu 71: Các polime không có nhiệt độ nóng chảy xác định do:

A. có tính chất hóa học khác nhau.

B. có cấu trúc không xác định.

C. có khối lượng quá lớn.

D. là hỗn hợp của nhiều phân tử có khối lượng khác nhau.

Câu 72: Tiến hành các thí nghiệm sau:

(a) Cho Mg vào dung dịch $Fe_2(SO_4)_3$ dư.

(b) Sục khí Cl_2 vào dung dịch $FeCl_2$.

(c) Dẫn khí H_2 dư qua bột CuO nung nóng.

(d) Cho Na vào dung dịch $CuSO_4$ dư.

(e) Nhiệt phân $AgNO_3$.

(g) Đốt FeS_2 trong không khí.

(h) Điện phân dung dịch $CuSO_4$ với điện cực trơ.

Sau khi kết thúc các phản ứng, số thí nghiệm thu được kim loại là

A. 4. **B.** 2. **C.** 5. **D.** 3.

Câu 73: Làm bay hơi một chất hữu cơ A (chứa các nguyên tố C, H, O) được một chất hơi có tỉ khối hơi đối với metan bằng 13,5. Lấy 10,8 gam chất A và 19,2 gam O_2 cho vào bình kín; dung tích 25,6 lít (không đổi). Đốt cháy hoàn toàn A, sau đó giữ nhiệt độ bình ở $163,8^o$ C thì áp suất trong bình bằng 1,26 atm. Lấy toàn bộ

Tuyensinh247.com

sản phẩm cháy cho vào 160 gam dung dịch NaOH 15%; được dung dịch B có chứa 41,1 gam hỗn hợp hai muối. Khí ra khỏi dung dịch B có thể tích V_1 lít (đktc). Số nguyên tử trong một phân tử A là

A. 27 **B.** 25 **C.** 24 **D.** 29

Câu 74: Chất hữu cơ X mạch hở có công thức phân tử $C_8H_{12}O_4$. Từ X thực hiện các phản ứng sau:

(a) $X + 2NaOH \rightarrow Y + Z + T$ (b) $X + H_2 \rightarrow E$

(c) $E + 2NaOH \rightarrow 2Y + T$ (d) $Y + HCl \rightarrow NaCl + F$

Khẳng định nào sau đây đúng?

A. Khối lượng phân tử của E bằng 176. **B.** Khối lượng phân tử của T bằng 62.

C. Khối lượng phân tử của Z bằng 96. **D.** Khối lượng phân tử của Y bằng 94.

Câu 75: Hoà tan hết 14,88 gam hỗn hợp gồm Mg, $Fe(NO_3)_2$, Fe_3O_4 vào dung dịch chứa 0,58 mol HCl. Sau khi các phản ứng kết thúc thu được dung dịch X chứa 30,05 gam chất tan và thấy thoát ra 1,344 lít (đktc) hỗn hợp khí Y gồm H_2, NO,NO_2 có tỉ khối hơi so với H_2 bằng 14. Cho dung dịch X phản ứng với $AgNO_3$ lấy dư, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch Z, 81,34 gam kết tủa và 0,224 lít khí NO(sản phẩm khử duy nhất, đktc). Phần trăm theo khối lượng của Mg trong hỗn hợp đầu có giá trị **gần** bằng

A. 16%. **B.** 19%. **C.** 18%. **D.** 17%.

Câu 76: Cho etan qua xúc tác (ở nhiệt độ cao) thu được một hỗn hợp X gồm etan, etilen, axetilen và H_2. Tỷ khối của hỗn hợp X đối với etan là 0,4. Hãy cho biết nếu cho 0,4 mol hỗn hợp X qua dung dịch Br_2 dư thì số mol Br_2 đã phản ứng là bao nhiêu?

A. 0,16 mol **B.** 0,32 mol **C.** 0,24 mol **D.** 0,40 mol

Câu 77: X có vòng benzen và có CTPT là $C_9H_8O_2$. X tác dụng dễ dàng với dung dịch brom thu được chất Y có công thức phân tử là $C_9H_8O_2Br_2$. Mặt khác, cho X tác dụng với $NaHCO_3$ thu được muối Z có CTPT là $C_9H_7O_2Na$, X có số công thức cấu tạo là

A. 5 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 6

Câu 78: Hai chất đồng phân A, B (A được lấy từ nguồn thiên nhiên) có chứa 40,45 % C, 7,86 % H; 15,73 % N và còn lại là O. Tỷ khối hơi của chất lỏng so với không khí là 3,069. Khi phản ứng với NaOH, A cho muối $C_3H_6O_2NNa$, còn B cho muối $C_2H_4O_2NNa$. Nhận định nào dưới đây là **sai** ?

A. A có tính lưỡng tính nhưng B chỉ có tính bazơ **B.** A là alanin, B là metyl amino axetat.

C. A và B đều tác dụng với HNO_2 để tạo khí N_2 **D.** Ở t^0 thường A là chất lỏng, B là chất rắn

Câu 79: Hỗn hợp E gồm este X đơn chức và axit cacboxylic Y hai chức (đều mạch hở, không no có một liên kết đôi C=C trong phân tử). Đốt cháy hoàn toàn một lượng E, thu được 0,43 mol khí CO_2 và 0,32 mol H_2O. Mặt khác, thủy phân 46,6 gam E bằng 200gam dung dịch NaOH 12% rồi cô cạn dung dịch thu được phần hơi Z có chứa chất hữu cơ T. Dẫn toàn bộ Z vào bình đựng Na, sau phản ứng khối lượng bình tăng 188,85 gam, đồng thời thoát ra 6,16 lit khí H_2 ở đkc. Biết tỉ khối của T so với H_2 là 16. Phần trăm khối lượng của Y trong hỗn hợp E có giá trị gần nhất với giá trị nào sau đây?

A. 46,5% **B.** 48% **C.** 43,5% **D.** 41,3%

Câu 80: Cho X,Y là hai chất thuộc dãy đồng đẳng của axit acrylic và $M_x<M_y$, Z là ancol có cùng số nguyên tử cacbon với X, T là este hai chức tạo bởi X,Y và Z. Đốt cháy hoàn toàn 11,6 gam hỗn hợp E gồm X,Y,Z,T cần vừa đủ 13,216 lít khí O_2(đktc), thu được khí CO_2 và 9,36 gam H_2O. Mặt khác cho 11,16 gam hỗn hợp E tác dụng tối đa với dung dịch chứa 0,04 mol Br_2. Khối lượng muối thu được khi cho cùng lượng E trên tác dụng với KOH dư là

A. 5,44 gam. **B.** 5,80 gam. **C.** 4,68 gam. **D.** 5,04 gam.

---------- HẾT ----------

Tuyensinh247.com

SỞ GD & ĐT VĨNH PHÚC
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIẾT XUÂN

MÃ ĐỀ: 101 (Đề lẻ)
(Đề thi gồm 4 trang)

ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG LẦN 2
Năm học 2019 – 2020
Môn: Hóa học 12
Thời gian làm bài: 50 phút
(không kể thời gian giao đề)

(HS không được sử dụng tài liệu, kể cả Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học)

Cho biết nguyên tử khối: H (1); O (16); C (12); S (32); Cl (35,5); Br (80); I (127); N (14); Na (23); Mg (24); Al (27); Ag (108), K(39); Ca (40); Ba (137); …

Câu 41: Cho các phát biểu sau:
1. Trong công nghiệp, các ankan sản xuất chủ yếu từ các anken.
2. Khí thiên nhiên có thành phần chính là CH_4.
3. Hầu hết các hidrocacbon đều tan rất ít hoặc không tan trong nước.
4. Benzen tác dụng với khí clo chiếu sáng thu được clobenzen.

Số phát biểu ***đúng*** là:
A. 4. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 3.

Câu 42: Chất nào sau đây ***không*** điều chế trực tiếp được axetilen ?
A. Al_4C_3. **B.** CH_4. **C.** Ag_2C_2. **D.** CaC_2.

Câu 43: Cấu tạo hoá học là
A. số lượng liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.
B. thứ tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.
C. các loại liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.
D. bản chất liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.

Câu 44: Hai khoáng vật chính của photpho là:
A. Apatit và photphorit. **B.** Photphorit và cacnalit.
C. Apatit và đolomit. **D.** Photphorit và đolomit.

Câu 45: Chất X có công thức cấu tạo CH_2=CH-$COOCH_3$. Tên gọi của X là
A. etyl axetat. **B.** propyl fomat. **C.** metyl axetat. **D.** metyl acrylat.

Câu 46: Thứ tự một số cặp oxi hóa - khử trong dãy điện hóa như sau : Fe^{2+}/Fe; Cu^{2+}/Cu; Fe^{3+}/Fe^{2+}. Cặp chất **không** phản ứng với nhau là
A. Cu và dung dịch $FeCl_3$ **B.** Fe và dung dịch $FeCl_3$
C. Fe và dung dịch $CuCl_2$ **D.** dung dịch $FeCl_2$ và dung dịch $CuCl_2$

Câu 47: Loại đường **không** có tính khử là :
A. Mantozơ. **B.** Saccarozơ. **C.** Fructozơ. **D.** Glucozơ.

Câu 48: Hợp chất trong phân tử có liên kết ion là?
A. H_2O. **B.** NaCl. **C.** HCl. **D.** NH_3.

Câu 49: Trong các chất sau đây chất nào **không** phải là polime
A. Nhựabakelit **B.** Tri stearat glixerol **C.** Tinhbột **D.** Cao su

Câu 50: Phát biểu nào sau đây **đúng**?
A. Trong một phân tử tripeptit mạch hở có 3 liên kết peptit.
B. Trong môi trường kiềm, đipeptit mạch hở tác dụng được với $Cu(OH)_2$ cho dung dịch màu tím xanh.
C. Axit glutamic HOOC-CH_2-CH_2-CH(NH_2)-COOH có tính lưỡng tính.
D. Các hợp chất peptit bền trong môi trường bazơ và môi trường axit.

Câu 51: Bậc của ancol là
A. số cacbon có trong phân tử ancol. **B.** bậc của cacbon liên kết với nhóm -OH.
C. bậc cacbon lớn nhất trong phân tử. **D.** số nhóm chức có trong phân tử.

Câu 52: Glucozơ và mantozơ đều **không** thuộc loại
A. đisaccarit. **B.** monosaccarit. **C.** cacbohiđrat. **D.** polisaccarit.

Câu 53: Để nhận biết gly – gly và gly – gly – gly trong hai lọ riêng biệt, thuốc thử cần dùng là:

Tuyensinh247.com

A. NaCl **B.** NaOH. **C.** HCl. **D.** $Cu(OH)_2$.

Câu 54: Nhóm –CO–NH– giữa hai đơn vị α-amino axit gọi là :

A. Nhóm cacbonyl. **B.** Nhóm peptit. **C.** Nhóm amit. **D.** Nhóm amino axit.

Câu 55: Chất nào sau đây không phân li ra ion trong nước?

A. $C_6H_{12}O_6$ (glucozơ). **B.** $MgCl_2$. **C.** $HClO_3$. **D.** $Ba(OH)_2$.

Câu 56: Chất nào sau đây vừa tác dụng được với H_2NCH_2COOH, vừa tác dụng với CH_3NH_2?

A. CH_3OH. **B.** NaOH. **C.** NaCl. **D.** HCl.

Câu 57: Để đề phòng bị nhiễm độc CO, người ta sử dụng mặt nạ với chất hấp phụ nào sau đây?

A. CuO và Fe_2O_3. **B.** CuO và MgO. **C.** Than hoạt tính. **D.** CuO và MnO_2.

Câu 58: Để xử lý chất thải có tính axit, người ta thường dùng

A. Giấm ăn. **B.** Nước vôi. **C.** Muối ăn. **D.** Phèn chua.

Câu 59: Đốt cháy hoàn toàn a gam hỗn hợp C_2H_4, C_3H_6, C_4H_8, C_5H_{10} cần 24,64 lít O_2(đktc) thu được 16,8 lít CO_2(đktc). Hỏi a có giá trị bao nhiêu?

A. 4g **B.** 7,5g **C.** 10,4g **D.** 12g

Câu 60: Có 4 dung dịch trong suốt, mỗi dung dịch chỉ chứa 1 cation và 1 anion trong số các ion sau Ba^{2+}, Al^{3+}, Na^+, Ag^+, CO_3^{2-}, NO_3^-, Cl^-, SO_4^{2-}. Các dung dịch đó là:

A. AgCl, $Ba(NO_3)_2$, $Al_2(SO_4)_3$, Na_2CO_3. **B.** Ag_2CO_3, $Ba(NO_3)_2$, $Al_2(SO_4)_3$, $NaNO_3$.

C. $AgNO_3$, $BaCl_2$, $Al_2(SO_4)_3$, Na_2CO_3. **D.** $AgNO_3$, $BaCl_2$, $Al_2(SO_4)_3$, Na_2SO_4.

Câu 61: Etanol là chất có tác động đến thần kinh trung ương. Khi hàm lượng etanol trong máu tăng cao sẽ có hiện tượng nôn, mất tính háo nước và có thể dẫn đến tử vong. Tên gọi khác của etanol là:

A. Ancol metylic. **B.** etanal. **C.** axit fomic. **D.** Ancol etylic.

Câu 62: Chất dẻo PVC được điều chế theo sơ đồ sau: $CH_4 \xrightarrow{H=15\%} A \xrightarrow{H=95\%} B \xrightarrow{H=90\%} PVC$. Biết CH_4 chiếm 95% thể tích khí thiên nhiên, vậy để điều chế một tấn PVC thì số m^3 khí thiên nhiên (đktc) cần là

A. 5883 m^3. **B.** 7225 m^3. **C.** 4576 m^3. **D.** 6235 m^3.

Câu 63: Anken X phản ứng với HBr được chất Y duy nhất. X là:

A. 2 – meyl – but – 1 – en. **B.** pent – 2 – en.

C. but – 2 – en. **D.** but – 1 – en.

Câu 64: Cho 25 gam hỗn hợp gồm Al, Fe, Cu tác dụng với dung dịch HNO_3 có dư thu được dung dịch muối X. Cho dung dịch NaOH đến dư vào dung dịch X thu được 30,3 gam kết tủa Y. Hòa tan Y trong dung dịch NH_3 có dư thấy còn lại 10,7 gam chất rắn Z. Khối lượng Al trong hỗn hợp ban đầu là:

A. 2,7 gam. **B.** 6,6 gam. **C.** 8,1 gam. **D.** 5,4 gam.

Câu 65: Cho các phát biểu sau:

(1) Thủy phân hoàn toàn vinyl axetat bằng NaOH, thu được natri axetat và anđehit axetic.

(2) Polietilen được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.

(3) Ở điều kiện thường, alanin là chất rắn.

(4) Tinh bột thuộc loại polisacarit.

(5) Ở điều kiện thích hợp, triolein tham gia phản ứng cộng H_2.

(6) Tripeptit Gly – Ala – Gly có phản ứng màu biure.

(7) Liên kết peptit là liên kết –CO-NH- giữa hai đơn vị α-amino axit.

(8) Các dung dịch glyxin và lysin đều không làm đổi màu quỳ tím.

Số phát biểu **<u>đúng</u>** là:

A. 6. **B.** 5. **C.** 7. **D.** 4.

Câu 66: Cho dãy các chất sau: vinyl fomat, metyl acrylat, glucozơ, etylamin, alanin. Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Có 3 chất bị thủy phân trong môi trường kiềm.

B. Có 3 chất hữu cơ đơn chức, mạch hở.

C. Có 2 chất tham gia phản ứng tráng bạc.

D. Có 3 chất làm mất màu nước brom.

Câu 67: Các chất hữu cơ thuần chức Z_1, Z_2, Z_3 có CTPT tương ứng là CH_2O, CH_2O_2, $C_2H_4O_2$. Chúng thuộc các dãy đồng đẳng khác nhau. Công thức cấu tạo của Z_3 là

A. $HOCH_2CHO$. **B.** CH_3COOH. **C.** $HOCH_2CH_2OH$. **D.** $HCOOCH_3$.

Tuyensinh247.com

Câu 68: Cho các nhận định sau:

(1) Tính chất vật lý chung của các kim loại là tính dẻo, tính dẫn điện, tính dẫn nhiệt và tính ánh kim.

(2) Trong các phản ứng, các kim loại chỉ thể hiện tính khử.

(3) Crom là kim loại cứng nhất.

(4) Bạc là kim loại có tính dẫn điện tốt nhất trong tất cả các kim loại.

(5) Nhôm, sắt, crom thụ động với dung dịch H_2SO_4 loãng, nguội.

Số nhận định **đúng** là:

A. 5. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 2.

Câu 69: Axit cacboxylic X mạch hở, chứa hai liên kết π trong phân tử. X tác dụng với $NaHCO_3$ (dư) sinh ra khí CO_2 có số mol bằng số mol X phản ứng. Chất X có công thức ứng với công thức chung là:

A. $C_nH_{2n-2}(COOH)_2$ ($n \geq 2$). **B.** $C_nH_{2n+1}COOH$ ($n \geq 0$).

C. $C_nH_{2n-1}COOH$ ($n \geq 2$). **D.** $C_nH_{2n}(COOH)_2$ ($n \geq 0$).

Câu 70: Cho từ từ dung dịch HCl đến dư vào 200 ml dung dịch X chứa Na_2CO_3 và $NaHCO_3$. Phản ứng được biểu diễn theo đồ thị sau:

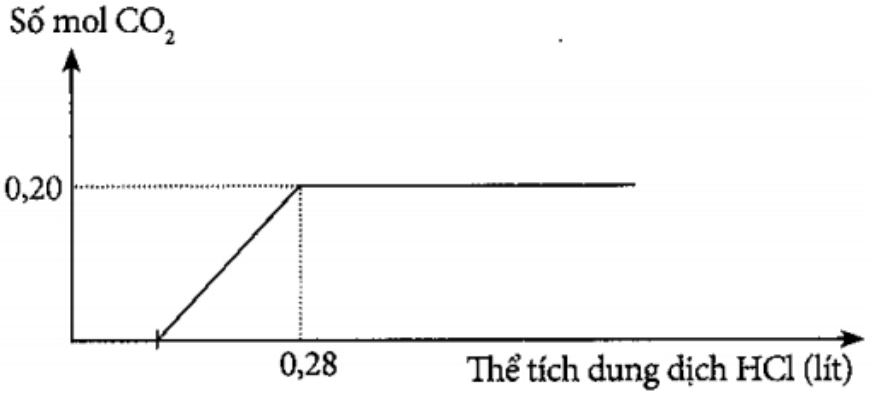

Cho từ từ 200 ml X vào 175 ml dung dịch HCl 1M, thu được V lít khí CO_2 (đktc). Giá trị của V là:

A. 2,800 lít. **B.** 3,920 lít. **C.** 2,128 lít. **D.** 1,232 lít.

Câu 71: Cho hỗn hợp X gồm Mg, Ag tác dụng với dung dịch HNO_3 có dư thu được dung dịch Y. Thêm dung dịch NaCl vào dung dịch Y đến khi kết tủa không thay đổi nữa thấy khối lượng dung dịch NaCl đã dùng là 300 gam. Cân lại dung dịch Y thấy khối lượng tăng 242,6 gam. Lọc tách kết tủa thu được dung dịch Z. Cho NaOH đến dư vào dung dịch Z thu được 17,4 gam kết tủa T. Khối lượng của X là:

A. 56,4 gam. **B.** 50 gam. **C.** 50,4 gam **D.** 55,2 gam.

Câu 72: Khử hoàn toàn 24 gam hỗn hợp CuO và Fe_2O_3 có tỉ lệ mol 1:1 bằng CO, phần trăm khối lượng của CuO và Fe_2O_3 trong hỗn hợp lần lượt là:

A. 33,33% và 66,67%. **B.** 40,33% và 59,67%. **C.** 66,67% và 33,33%. **D.** 59,67% và 40,33%

Câu 73: Oxi hóa 6 gam ancol đơn chức A bằng oxi không khí (có xúc tác và đun nóng) thu được 8,4 gam hỗn hợp anđehit, ancol dư và nước. Phần trăm A bị oxi hóa là

A. 53,33%. **B.** 80%. **C.** 75%. **D.** 60%.

Câu 74: Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol hỗn hợp M gồm este đơn chức X và hiđrocacbon không no Y (phân tử Y nhiều hơn phân tử X một nguyên tử cacbon), thu được 0,65 mol CO_2 và 0,4 mol H_2O. Phần trăm khối lượng của Y trong M là:

A. 19,85%. **B.** 25,00%. **C.** 75,00%. **D.** 19,40%.

Câu 75: Cho 12,4 gam kim loại M tác dụng với dung dịch HCl dư thu được x gam muối. Còn nếu cho 12,4 gam kim loại M tác dụng hết với dung dịch HNO_3 dư thì thu được y gam muối và được khí NO là sản phẩm khử duy nhất. Biết x và y chênh lệch nhau 25,464 gam. Nung nóng a gam hỗn hợp gồm oxit MO và cacbon trong bình kín, thu được 4,48 lít hỗn hợp CO, CO_2 có tỉ khối so với heli bằng 9. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của a là:

A. 24,9. **B.** 21,6. **C.** 22,8. **D.** 24,0.

Câu 76: Đốt cháy hoàn toàn 0,6 mol hỗn hợp E chứa ancol X; este đơn chức Y và anđehit Z (X,Y, Z đều no, mạch hở và có cùng số nguyên tử hidro) có tỉ lệ mol tương ứng 3:1:2 thu được 24,64 lít CO_2 (đktc) và 21,6 gam nước. Mặt khác cho 0,6 mol hỗn hợp E trên tác dụng với dung dịch $AgNO_3$ dư trong NH_3 đun nóng thu được m gam Ag. Giá trị của m là;

A. 108 gam. **B.** 64,8 gam. **C.** 97,2 gam. **D.** 86,4 gam.

Câu 77: Este X được tạo bởi một axit cacboxylic hai chức và hai ancol đơn chức. Đốt cháy hoàn toàn X thu được CO_2 có số mol bằng với số mol của O_2 đã phản ưng. Thực hiện sơ đồ phản ứng sau (đúng tỉ lệ mol)

(1) $X + 2H_2 \xrightarrow{Ni, t^0} Y$ (2) $X + 2NaOH \xrightarrow{t^0} Z + X_1 + X_2$.

Biết rằng X_1 và X_2 thuộc cùng dãy đồng đẳng và khi đun nóng X_1 với H_2SO_4 đặc ở 170^0C không thu được anken. Nhận định nào sau đây là sai?

A. X có công thức phân tử là $C_7H_8O_4$. **B.** X, Y đều có mạch không phân nhánh.

C. X_2 là ancol etylic. **D.** Z có công thức phân tử là $C_4H_2O_4Na_2$.

Câu 78: Tiến hành các thí nghiệm sau:

(a) Cho Mg vào dung dịch $Fe_2(SO_4)_3$ dư

(b) Sục khí Cl_2vào dung dịch $FeCl_2$

(c) Dẫn khí H_2 dư qua bột CuO nung nóng

(d) Cho Na vào dung dịch $CuSO_4$ dư

(e) Nhiệt phân $AgNO_3$.

(g) Đốt FeS_2 trong không khí

(h) Điện phân dung dịch $CuSO_4$ với điện cực trơ.

Sau khi kết thúc các phản ứng. Số thí nghiệm thu được kim loại là:

A. 4 **B.** 5 **C.** 3 **D.** 2

Câu 79: Nhúng lá sắt vào 150 ml dung dịch chứa $CuCl_2$ 1M và HCl 2M. Sau một thời gian, thu được dung dịch X; 2,24 lít H_2 (ở đktc) và lá sắt lấy ra có khối lượng thay đổi 5,2 gam so với ban đầu. Thêm tiếp 2,125 gam $NaNO_3$ vào dung dịch X, kết thúc phản ứng thu được NO (sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là:

A. 37,075 gam. **B.** 36,875 gam. **C.** 32,475 gam. **D.** 36,675 gam.

Câu 80: Hỗn hợp E gồm peptit X ($C_nH_{2n-1}O_4N_3$); peptit Y ($C_mH_{2m-3}O_6N_5$) và este Z ($C_nH_{2n}O_2$). Đốt cháy hoàn toàn 20,99 gam E cần dùng 1,1425 mol O_2 sản phẩm cháy gồm CO_2, H_2O và N_2 được dẫn qua nước vôi trong lấy dư, thu được 90,0 gam kết tủa. Nếu đun nóng 20,99 gam E cần dùng vừa đủ 250 ml dung dịch NaOH 1m, thu được hỗn hợp T gồm 4 muối: trong đó có 3 muối của glyxin, alanin và valin. Phần trăm khối lượng của Y trong E là:

A. 17,77%. **B.** 19,10%. **C.** 19,77%. **D.** 15,78%.

---------- HẾT ----------

Tuyensinh247.com

SỞ GD VÀ ĐT HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT ĐOÀN THƯỢNG

MÃ ĐỀ THI: 159

ĐỀ KHẢO SÁT LẦN 2, NĂM HỌC 2019-2020
Môn: HOÁ HỌC 12
Thời gian làm bài: **90 phút** *(không tính thời gian giao đề)*
Số câu của đề thi: **50 câu** – *Số trang*: **04 trang**

- Họ và tên thí sinh: ..... **– Số báo danh : .....**

***Cho nguyên tử khối cuả một số nguyên tố**: H =1; C =12; N =14; O =16; Cl =35,5; Na =23; K = 39; Ca = 40; S = 32; Ba = 137; Ag = 108*

Câu 1. Khi thủy phân một triglixerit X thu được các axit béo: axit oleic, axit panmitic, axit stearic. Thể tích khí O_2 (đktc) cần để đốt cháy hoàn toàn 8,6 gam X là:
A. 20,016 lít. **B.** 17,472 lít. **C.** 16,128 lít. **D.** 15,680 lít.

Câu 2. Tơ visco thuộc loại:
A. Tơ tổng hợp. **B.** Tơ thiên nhiên. **C.** Tơ poliamit. **D.** Tơ bán tổng hợp.

Câu 3. Este $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ có tên gọi là:
A. tripanmitin **B.** stearic **C.** tristearin **D.** triolein

Câu 4. Đường fructozơ có nhiều trong mật ong, ngoài ra còn có trong các loại hoa quả và rau xanh như ổi, cam, xoài, rau diếp xoắn, cà chua…rất tốt cho sức khỏe. Công thức phân tử của fructozơ là:
A. $C_{12}H_{22}O_{11}$ **B.** CH_3COOH **C.** $C_6H_{12}O_6$ **D.** $C_6H_{10}O_5$

Câu 5. Phản ứng giữa C_2H_5OH với CH_3COOH (xúc tác H_2SO_4đặc, đun nóng) là phản ứng:
A. xà phòng hóa **B.** este hóa. **C.** trùng ngưng. **D.** trùng hợp.

Câu 6. Tính thể tích dung dịch $HNO_3 96\% (D = 1,52 g/ml)$ cần dùng để tác dụng với lượng dư xenlulozơ tạo 29,7 kg xenlulozơ trinitrat.
A. 15,00 lít **B.** 12,952 lít **C.** 1,439 lít **D.** 24,39 lít

Câu 7. Da nhân tạo(PVC) được điều chế từ khí thiên nhiên(CH_4).Nếu hiệu suất của toàn bộ quá trình là 20% thì để điều chế 1 tấn PVC phải cần một thể tích metan (ở đktc)là:
A. $3584m^3$ **B.** $5500m^3$ **C.** $3560m^3$ **D.** $3500m^3$

Câu 8. Đun nóng hoàn toàn 21,9 gam đipeptit Ala - Gly với 250 ml dd NaOH 2M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là
A. 39,2 gam **B.** 41,8 gam **C.** 31,2 gam **D.** 40,1 gam

Câu 9. Cho m gam hỗn hợp X gồm glucozơ và fructozơ tác dụng vừa đủ với 0,8 gam brom trong dung dịch. Cũng m gam hỗn hợp X cho tác dụng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư thu được 4,32 gam Ag. % khối lượng của glucozơ và fructozơ trong X là
A. 33,33%; 66,67%. **B.** 25%; 75%. **C.** 40%; 60%. **D.** 20%; 80%.

Câu 10. Polime nào sau đây có dạng phân nhánh:
A. Polietylen **B.** Polivnylclorua
C. Polimetyl metacrylat **D.** Amilo pectin

Câu 11. Dãy các chất đều có khả năng tham gia phản ứng thủy phân trong dung dịch H_2SO_4 đun nóng là
A. glucozơ, tinh bột và xenlulozơ. **B.** saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ.
C. glucozơ, saccarozơ và fructozơ. **D.** fructozơ, saccarozơ và tinh bột.

Câu 12. Cho 0,01 mol một aminoaxit **X** tác dụng vừa đủ với 40 ml dung dịch NaOH 0,25M. Mặt khác, 1,5 gam **X** tác dụng vừa đủ với 40 ml dung dịch KOH 0,5M. Tên gọi của **X** là:

A. glyxin. **B.** axit glutamic **C.** lysin. **D.** alanin.

Câu 13. Cho phương trình phản ứng: $aCu + bHNO_3 \longrightarrow cCu(NO_3)_2 + dNO + eH_2O$.Tỉ lệ a : b là
A. 3 : 5 **B.** 1 : 4 **C.** 2 : 5 **D.** 3 : 8.

Câu 14. Nhỏ dung dịch iot lên mặt cắt của miếng chuối xanh thấy xuất hiện màu xanh tím là do chuối xanh có chứa

Tuyensinh247.com

A. Tinh bột **B.** Saccarozo **C.** Xenlulozo **D.** Glucozo

Câu 15. Hợp chất X có công thức cấu tạo: $CH_3CH_2COOCH_3$. Tên gọi của X là:

A. etyl axetat. **B.** propyl axetat. **C.** metyl propionat. **D.** metyl axetat.

Câu 16. Dung dịch X chứa 19,5 gam hỗn hợp etylamin và glyxin tác dụng vừa đủ với 200,0 ml dung dịch KOH 1M. Hãy cho biết dung dịch X đó tác dụng vừa đủ với bao nhiêu ml dung dịch HCl 1M?

A. 200 ml. **B.** 300 ml. **C.** 250 ml. **D.** 350 ml.

Câu 17. Aminoaxit **X** trong phân tử có hai nhóm cacboxyl và một nhóm amino. Vậy **X** là

A. glyxin **B.** Lysin **C.** axit glutamic **D.** alanin

Câu 18. Tripeptit là hợp chất

A. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau.

B. có 2 liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc α-amino axit.

C. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit.

D. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau.

Câu 19. Đốt cháy 2,15 gam hỗn hợp gồm Zn, Al và Mg trong khí oxi dư, thu được 3,43 gam hỗn hợp X. Toàn bộ X phản ứng vừa đủ với V ml dung dịch H_2SO_4 0,5M. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của V là

A. 160 **B.** 360 **C.** 240 **D.** 480

Câu 20. Cho các polime sau: poli (vinyl clorua); tơ olon; cao su buna; nilon - 6,6; thủy tinh hữu cơ; polistiren. Số polime được điều chế từ phản ứng trùng hợp là

A. 6 **B.** 5 **C.** 4 **D.** 3

Câu 21. Hai kim loại đều tác dụng mãnh liệt với nước ở điều kiện thường là

A. Na và Al. **B.** Li và Mg. **C.** K và Ca. **D.** Mg và Na.

Câu 22. Phân tử khối trung bình của polietilen X là 420000. Hệ số polime hoá của PE là

A. 13.000 **B.** 17.000 **C.** 15.000 **D.** 12.000

Câu 23. Đốt cháy hoàn toàn 7,8 gam este X thu được 11,44 gam CO_2 và 4,68 gam H_2O. Công thức phân tử của este là

A. $C_4H_8O_4$ **B.** $C_4H_8O_2$ **C.** $C_3H_6O_2$ **D.** $C_2H_4O_2$

Câu 24. Trong các tên gọi dưới đây, tên nào **không** phù hợp với chất CH_3-$CH(NH_2)$-COOH ?

A. Axit α-aminopropionic **B.** Anilin.

C. Axit 2-aminopropanoic **D.** Alanin.

Câu 25. Amino axit là hợp chất hữu cơ trong phân tử

A. chỉ chứa nhóm amino. **B.**chứa nhóm cacboxyl và nhóm amino.

C. chỉ chứa nhóm cacboxyl. **D.** chỉ chứa nitơ hoặc cacbon.

Câu 26. H_2N-CH_2-COOH **không**tác dụng với

A. HCl **B.** NaOH **C.** C_2H_5OH (có mặt HCl) **D.** H_2 (xt Ni t^0)

Câu 27. Chất làm giấy quỳ tím ẩm chuyển thành màu xanh là

A. H_2N - CH_2 - COOH **B.** $C_6H_5NH_2$. **C.** C_2H_5OH. **D.** CH_3NH_2.

Câu 28. Thuỷ phân hoàn toàn 11,44 gam este no, đơn chức, mạch hở X với 100ml dung dịch NaOH 1,3M (vừa đủ) thu được 5,98 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

A. Propyl axetat **B.** Etyl propionat **C.** Etyl axetat **D.** Etyl fomat

Câu 29. Chất thuộc loại đisaccarit là

A. fructozơ. **B.** glucozơ. **C.** xenlulozơ. **D.** saccarozơ.

Câu 30. Cho các este sau:

(1) $CH_2 = CH - COOCH_3$ (2) $CH_3COOCH=CH_2$ (3) $HCOOCH_2$-$CH = CH_2$

(4) $CH_3COOC(CH_3)=CH_2$ (5) $C_6H_5COOCH_3$ (6) $HCOOC_6H_5$

(7) $HCOOCH_2$-C_6H_5 (8) $HCOOCH(CH_3)_2$

Biết rằng -C_6H_5 (phenyl), số este khi tác dụng với dung dịch NaOH, đun nóng thu được ancol là:

A. 7 **B.** 5 **C.** 6 **D.** 4

Câu 31. Tính khối lượng gạo nếp phải dùng khi lên men (với hiệu suất lên men là 50%) thu được 460 ml ancol etylic 50°. Cho biết tỉ lệ tinh bột trong gạo nếp là 80% và khối lượng riêng của ancol etylic là 0,8 g/ml.

A. 810 gam. **B.** 760 gam. **C.** 430 gam. **D.** 520 gam.

Câu 32. Chất tham gia phản ứng tráng gương là

A. fructozơ. **B.** xenlulozơ. **C.** saccarozơ. **D.** tinh bột.

Tuyensinh247.com

Câu 33. Ba dung dịch: glucozơ, saccarozơ và fructozơ có tính chất chung nào sau đây ?

A. Đều tác dụng với dung $AgNO_3/NH_3$ tạo kết tủa Ag.

B. Đều tham gia phản ứng thủy phân.

C. Đun nóng với $Cu(OH)_2$ có kết tủa đỏ gạch.

D. Hòa tan $Cu(OH)_2$ cho dung dịch màu xanh lam.

Câu 34. Chất X có công thức phân tử $C_3H_6O_2$, là este của axit axetic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

A. $HO-C_2H_4-CHO$. **B.** $HCOOC_2H_5$. **C.** CH_3COOCH_3. **D.** C_2H_5COOH.

Câu 35. Sản phẩm cuối cùng của quá trình thủy phân hoàn toàn các protein đơn giản nhờ chất xúc tác thích hợp là

A.α-aminoaxit. **B.** este. **C.**β-aminoaxit. **D.** axit cacboxylic

Câu 36. Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Số nguyên tử hiđro trong phân tử este đơn và đa chức luôn là một số chẵn.

B. Sản phẩm của phản ứng xà phòng hoá chất béo là axit béo và glixerol.

C. Trong công nghiệp có thể chuyển hoá chất béo lỏng thành chất béo rắn.

D. Nhiệt độ sôi của este thấp hơn hẳn so với ancol có cùng phân tử khối.

Câu 37. Kim loại có những tính chất vật lí chung nào sau đây?

A.Tính dẻo, có ánh kim, rất cứng.

B.Tính dẫn điện và nhiệt, có khối lượng riêng lớn, có ánh kim.

C. Tính dẻo, tính dẫn điện và nhiệt, có ánh kim.

D.Tính dẻo, tính dẫn điện, nhiệt độ nóng chảy cao.

Câu 38. Hòa tan hoàn toàn 12 gam hỗn hợp Fe, Cu (tỉ lệ mol 1:1) bằng axit HNO_3, thu được V lít (ở đktc) hỗn hợp khí X (gồm NO và NO_2) và dung dịch Y (chỉ chứa hai muối và axit dư). Tỉ khối của X đối với H_2 bằng 19. Giá trị V là

A. 3,36. **B.** 5,60. **C.** 4,48. **D.** 2,24.

Câu 39. Cho 0,7 mol hỗn hợp T gồm 2 peptit mạch hở X (x mol) và Y (y mol) đều tạo bởi glyxin và alanin. Đun nóng 0,7 mol T trong lượng dư dung dịch NaOH thì có 3,8mol NaOH phản ứng và thu được dung dịch chứa m gam muối. Mặt khác, nếu đốt cháy hoàn toàn x mol X hoặc y mol Y thì đều thu được cùng số mol CO_2. Biết tổng số nguyên tử oxi trong 2 phân tử X và Y là 13, trong X và Y đều có số liên kết peptit **không** nhỏ hơn 4. Giá trị của m là:

A. 399,4 **B.** 396,6 **C.** 340,8 **D.** 409,2

Câu 40. Hỗn hợp **X** chứa chất **A** ($C_5H_{16}O_3N_2$) và chất **B** ($C_4H_{12}O_4N_2$) tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, đun nóng cho đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn rồi cô cạn thu được m gam hỗn hợp **Y** gồm 2 muối **D** và **E** ($M_D < M_E$) và 4,48 lít (đktc) hỗn hợp **Z** gồm 2 amin no, đơn chức, đồng đẳng kế tiếp có tỉ khối so với H_2 bằng 18,3. Khối lượng của muối **E** trong hỗn hợp **Y** là:

A. 5,36 **B.** 3,18 **C.** 8,04 **D.** 4,24

Câu 41. Cho các nhận định sau :

(1) Peptit có từ 2 liên kết peptit trở lên có thể cho phản ứng màu biure với $Cu(OH)_2$

(2) Lipit không hòa tan trong nước

(3) Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm là phản ứng thuận nghịch

(4) Dung dịch axit glutamic làm quỳ tím chuyển thành màu hồng.

(5) Dầu ăn hoặc mỡ ăn đều nhẹ hơn nước.

(6) Các este thường dễ tan trong nước và có mùi thơm dễ chịu.

Số nhận định **đúng** là

A. 4 **B.** 5 **C.** 3 **D.** 2

Câu 42. Cho hỗn hợp **X** gồm 2 chất hữu cơ no, đơn chức, mạch hở (chứa C, H, O) tác dụng vừa đủ với 20 ml dung dịch NaOH 2M, thu được 1 ancol và 1 muối. Cho lượng ancol thu được ở trên tác dụng hết với Na, tạo ra 0,168 lít khí H_2 (đktc). Đốt cháy hoàn toàn lượng **X** ở trên, thu được 7,75 gam sản phẩm gồm CO_2 và H_2O. Công thức cấu tạo của 2 chất trong **X** là

A. C_2H_5COOH và $C_2H_5COOC_2H_5$. **B.** $HCOOC_3H_7$ và C_3H_7OH.

C. CH_3COOH và $CH_3COOC_3H_7$. **D.** $HCOOC_2H_5$ và $HCOOC_3H_7$.

Tuyensinh247.com

Câu 43. Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	**Thuốc thử**	**Hiện tượng**
X	Quỳ tím.	Quỳ tím chuyển màu hồng.
Y	Dung dịch iot.	Hợp chất màu xanh tím.
Z	Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 đun nóng.	Kết tủa Ag trắng.
T	Nước brom.	Kết tủa trắng.

X, Y, Z, T lần lượt là:

A. anilin, axit glutamic, tinh bột, glucozơ. **B.** axit glutamic, tinh bột, glucozơ, anilin.
C. axit glutamic, tinh bột, anilin, glucozơ. **D.** anilin, tinh bột, axit glutamic, glucozơ.

Câu 44. Chất hữu cơ A chỉ chứa C, H, O có CTPT trùng CT đơn giản nhất. Cho 2,76 gam A tác dụng với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, chưng khô thì phần bay hơi chỉ có H_2O, còn lại phần chất rắn khan chứa 2 muối của Nacó khối lượng 4,44 gam. Đốt cháy hoàn toàn hai muối này được 3,18 gam Na_2CO_3; 2,464 lít CO_2 (đktc) và 0,9 gam H_2O. Nếu đốt cháy 2,76 gam A thì khối lượng H_2O thu được là:

A. 0,36 gam. **B.** 1,08g. **C.** 0,9 gam. **D.** 1,2 gam.

Câu 45. Hỗn hợp X gồm 1 andehit, 1 axit cacboxylic, 1 este (trong đó axit cacboxylic và este có cùng công thức phân tử). Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol X cần 14 lit O_2 (dktc) thu được 11,76 lit CO_2 (dktc) và 9,45g H_2O. Mặt khác, 0,2 mol X tác dụng với vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M, đun nóng. Giá trị của V là :

A. 150 **B.**250 **C.** 75 **D.**125

Câu 46. Cho các phát biểu sau:

(1) Chất béo là este.

(2) Các dung dịch protein đều có phản ứng màu biure.

(3) Chỉ có một este đơn chức tham gia phản ứng tráng bạc.

(4) Polime $(-NH-[CH_2]_5-CO-)n$ có thể điều chế bằng cách thực hiện phản ứng trùng hợp hoặc trùng ngưng.

(5) Thủy phân bất kì chất béo nào cũng thu được glixerol.

(6) Triolein tác dụng được với H_2 (xúc tác Ni, t^0), dung dịch Br_2, $Cu(OH)_2$.

(7) Phần trăm khối lượng nguyên tố hiđro trong tripanmitin là 11,54%.

Số phát biểu **đúng** là:

A. 4 **B.** 6 **C.** 5 **D.** 3

Câu 47. Hỗn hợp X gồm một axit cacboxylic 2 chức, no, mạch hở ; hai ancol no đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng và một điester tạo bởi axit và hai ancol đó. Đốt cháy hoàn toàn 4,84g X thu được 7,26g CO_2 và 2,70g H_2O. Mặt khác, đun nóng 4,84g X trên với 80 ml dung dịch NaOH 1M, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thêm vừa đủ 10 ml dung dịch HCl 1M để trung hòa lượng NaOH dư thì thu được dung dịch Y. Cô cạn dung dịch Y được m gam muối khan, đồng thời thu được 896 ml hỗn hợp ancol (đktc) có tỷ khối hơi so với H_2 là 19,5. Giá trị của m là:

A. 4,995 **B.** 5,765 **C.** 4,595 **D.** 5,180

Câu 48. Hỗn hợp **E** gồm hai este đơn chức là đồng phân cấu tạo và đều chứa vòng benzen. Đốt cháy hoàn toàn m gam **E** cần vừa đủ 8,064 lít khí O_2 (đktc), thu được 14,08 gam CO_2 và 2,88 gam H_2O. Đun nóng m gam **E** với dung dịch NaOH dư thì có tối đa 2,40 gam NaOH phản ứng, thu được dung dịch **T** chứa 5,32 gam ba muối. Cho dung dịch HBr (vừa đủ) vào **T** rồi thêm tiếp nước Br_2dư thì lượng Br_2 phản ứng **tối đa** là

A.12,8gam. **B.** 22,4gam. **C.**19,2gam. **D.**9,6gam.

Câu 49. Hòa tan hết m gam hỗn hợp gồm Mg, Al và Zn trong dung dịch HNO_3 loãng (dùng dư), kết thúc phản ứng thu được dung dịch X có khối lượng tăng m gam. Cô cạn cẩn thận dung dịch X thu được x gam hỗn hợp Y chứa các muối; trong đó phần trăm khối lượng của oxi chiếm 60,111%. Nung nóng toàn bộ Y đến khối lượng không đổi thu được 18,6 gam hỗn hợp các oxit. Giá trị của x là

A. 64,68. **B.** 70,12. **C.** 68,46. **D.** 72,10

Tuyensinh247.com

Câu 50. Thủy phân hoàn toàn 0,09 mol hỗn hợp X gồm tripeptit, tetapeptit, pentapeptit với dung dịch NaOH vừa đủ thu được 16,49 gam muối của Glyxin; 17,76 gam muối của Alanin và 6,95 gam muối của Valin. Nếu đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X thì thu được CO_2, H_2O và N_2 trong đó tổng khối lượng của CO_2 và H_2O là 46,5 gam. m ***gần nhất với giá trị nào sau đây***:

A. 21. **B.** 24. **C.** 32. **D.** 26.

Tuyensinh247.com

SỞ GD VÀ ĐT HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT ĐOÀN THƯỢNG

MÃ ĐỀ THI: 193

ĐỀ KHẢO SÁT LẦN 2, NĂM HỌC 2019-2020
Môn: HOÁ HỌC 12
Thời gian làm bài: **90 phút** *(không tính thời gian giao đề)*
Số câu của đề thi: **50 câu** – *Số trang*: **04 trang**

- Họ và tên thí sinh: ..... **– Số báo danh : .....**

***Cho nguyên tử khối cuả một số nguyên tố**: H =1; C =12; N =14; O =16; Cl =35,5; Na =23; K = 39; Ca = 40; S = 32; Ba = 137; Ag = 108*

Câu 1. Chất tham gia phản ứng tráng gương là
A. tinh bột. **B.** saccarozơ. **C.** fructozơ. **D.** xenlulozơ.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **sai**?
A. Nhiệt độ sôi của este thấp hơn hẳn so với ancol có cùng phân tử khối.
B. Sản phẩm của phản ứng xà phòng hoá chất béo là axit béo và glixerol.
C. Trong công nghiệp có thể chuyển hoá chất béo lỏng thành chất béo rắn.
D. Số nguyên tử hiđro trong phân tử este đơn và đa chức luôn là một số chẵn.

Câu 3. Cho 0,01 mol một aminoaxit **X** tác dụng vừa đủ với 40 ml dung dịch NaOH 0,25M. Mặt khác, 1,5 gam **X** tác dụng vừa đủ với 40 ml dung dịch KOH 0,5M. Tên gọi của **X** là:
A. alanin. **B.** glyxin. **C.** lysin. **D.** axit glutamic

Câu 4. H_2N-CH_2-COOH **không** tác dụng với
A. NaOH **B.** C_2H_5OH (có mặt HCl) **C.** H_2 (xt Ni t^0) **D.** HCl

Câu 5. Đốt cháy 2,15 gam hỗn hợp gồm Zn, Al và Mg trong khí oxi dư, thu được 3,43 gam hỗn hợp X. Toàn bộ X phản ứng vừa đủ với V ml dung dịch H_2SO_4 0,5M. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của V là
A. 160 **B.** 360 **C.** 480 **D.** 240

Câu 6. Đốt cháy hoàn toàn 7,8 gam este X thu được 11,44 gam CO_2 và 4,68 gam H_2O. Công thức phân tử của este là
A. $C_2H_4O_2$ **B.** $C_4H_8O_2$ **C.** $C_4H_8O_4$ **D.** $C_3H_6O_2$

Câu 7. Cho phương trình phản ứng: $aCu + bHNO_3 \longrightarrow cCu(NO_3)_2 + dNO + eH_2O$.Tỉ lệ a : b là
A. 3 : 5 **B.** 3 : 8. **C.** 1 : 4 **D.** 2 : 5

Câu 8. Trong các tên gọi dưới đây, tên nào **không** phù hợp với chất $CH_3-CH(NH_2)-COOH$?
A. Axit 2-aminopropanoic **B.** Anilin.
C. Axit α-aminopropionic **D.** Alanin.

Câu 9. Sản phẩm cuối cùng của quá trình thủy phân hoàn toàn các protein đơn giản nhờ chất xúc tác thích hợp là
A.α-aminoaxit. **B.** axit cacboxylic **C.** este. **D.**β-aminoaxit.

Câu 10. Tripeptit là hợp chất
A. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau.
B. có 2 liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc α-amino axit.
C. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit.
D. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau.

Câu 11. Chất thuộc loại đisaccarit là
A. fructozơ. **B.** glucozơ. **C.** xenlulozơ. **D.** saccarozơ.

Câu 12. Dung dịch X chứa 19,5 gam hỗn hợp etylamin và glyxin tác dụng vừa đủ với 200,0 ml dung dịch KOH 1M. Hãy cho biết dung dịch X đó tác dụng vừa đủ với bao nhiêu ml dung dịch HCl 1M?
A. 200 ml. **B.** 350 ml. **C.** 250 ml. **D.** 300 ml.

Câu 13. Phản ứng giữa C_2H_5OH với CH_3COOH (xúc tác H_2SO_4đặc, đun nóng) là phản ứng:
A. este hóa. **B.** xà phòng hóa **C.** trùng ngưng. **D.** trùng hợp.

Câu 14. Cho các este sau:
(1) $CH_2 = CH - COOCH_3$ (2) $CH_3COOCH=CH_2$ (3) $HCOOCH_2-CH = CH_2$
(4) $CH_3COOC(CH_3)=CH_2$ (5) $C_6H_5COOCH_3$ (6) $HCOOC_6H_5$
(7) $HCOOCH_2-C_6H_5$ (8) $HCOOCH(CH_3)_2$

Thuyensinh247.com

Biết rằng $-C_6H_5$ (phenyl), số este khi tác dụng với dung dịch NaOH, đun nóng thu được ancol là:

A. 6 **B.** 5 **C.** 4 **D.** 7

Câu 15. Chất X có công thức phân tử $C_3H_6O_2$, là este của axit axetic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

A. C_2H_5COOH. **B.** CH_3COOCH_3. **C.** $HO-C_2H_4-CHO$. **D.** $HCOOC_2H_5$.

Câu 16. Chất làm giấy quỳ tím ẩm chuyển thành màu xanh là

A. C_2H_5OH. **B.** CH_3NH_2. **C.** $C_6H_5NH_2$. **D.** $H_2N - CH_2 - COOH$

Câu 17. Cho các polime sau: poli (vinyl clorua); tơ olon; cao su buna; nilon - 6,6; thủy tinh hữu cơ; polistiren. Số polime được điều chế từ phản ứng trùng hợp là

A. 3 **B.** 6 **C.** 4 **D.** 5

Câu 18. Thuỷ phân hoàn toàn 11,44 gam este no, đơn chức, mạch hở X với 100ml dung dịch NaOH 1,3M (vừa đủ) thu được 5,98 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

A. Etyl fomat **B.** Etyl axetat **C.** Propyl axetat **D.** Etyl propionat

Câu 19. Hai kim loại đều tác dụng mãnh liệt với nước ở điều kiện thường là

A. K và Ca. **B.** Li và Mg. **C.** Mg và Na. **D.** Na và Al.

Câu 20. Tơ visco thuộc loại:

A. Tơ tổng hợp. **B.** Tơ bán tổng hợp. **C.** Tơ poliamit. **D.** Tơ thiên nhiên.

Câu 21. Đun nóng hoàn toàn 21,9 gam đipeptit Ala - Gly với 250 ml dd NaOH 2M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

A. 41,8 gam **B.** 39,2 gam **C.** 40,1 gam **D.** 31,2 gam

Câu 22. Tính thể tích dung dịch $HNO_3 96\% (D = 1,52 g/ml)$ cần dùng để tác dụng với lượng dư xenlulozơ tạo 29,7 kg xenlulozơ trinitrat.

A. 1,439 lít **B.** 12,952 lít **C.** 15,00 lít **D.** 24,39 lít

Câu 23. Ba dung dịch: glucozơ, saccarozơ và fructozơ có tính chất chung nào sau đây ?

A. Đun nóng với $Cu(OH)_2$ có kết tủa đỏ gạch.

B. Đều tham gia phản ứng thủy phân.

C. Hòa tan $Cu(OH)_2$ cho dung dịch màu xanh lam.

D. Đều tác dụng với dung $AgNO_3/NH_3$ tạo kết tủa Ag.

Câu 24. Este $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ có tên gọi là:

A. tripanmitin **B.** triolein

C. stearic **D.** tristearin

Câu 25. Dãy các chất đều có khả năng tham gia phản ứng thủy phân trong dung dịch H_2SO_4 đun nóng là

A. glucozơ, saccarozơ và fructozơ. **B.** fructozơ, saccarozơ và tinh bột.

C. glucozơ, tinh bột và xenlulozơ. **D.** saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ.

Câu 26. Amino axit là hợp chất hữu cơ trong phân tử

A. chứa nhóm cacboxyl và nhóm amino. **B.** chỉ chứa nitơ hoặc cacbon.

C. chỉ chứa nhóm amino. **D.** chỉ chứa nhóm cacboxyl.

Câu 27. Kim loại có những tính chất vật lí chung nào sau đây?

A. Tính dẻo, có ánh kim, rất cứng.

B. Tính dẻo, tính dẫn điện, nhiệt độ nóng chảy cao.

C. Tính dẫn điện và nhiệt, có khối lượng riêng lớn, có ánh kim.

D. Tính dẻo, tính dẫn điện và nhiệt, có ánh kim.

Câu 28. Nhỏ dung dịch iot lên mặt cắt của miếng chuối xanh thấy xuất hiện màu xanh tím là do chuối xanh có chứa

A. Glucozo **B.** Xenlulozo **C.** Tinh bột **D.** Saccarozo

Câu 29. Polime nào sau đây có dạng phân nhánh:

A. Polimetyl metacrylat **B.** Amilo pectin **C.** Polietylen **D.** Polivnylclorua

Câu 30. Cho m gam hỗn hợp X gồm glucozơ và fructozơ tác dụng vừa đủ với 0,8 gam brom trong dung dịch. Cũng m gam hỗn hợp X cho tác dụng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư thu được 4,32 gam Ag. % khối lượng của glucozơ và fructozơ trong X là

A. 25%; 75%. **B.** 33,33%; 66,67%. **C.** 40%; 60%. **D.** 20%; 80%.

Câu 31. Hợp chất X có công thức cấu tạo: $CH_3CH_2COOCH_3$. Tên gọi của X là:

A. metyl axetat. **B.** metyl propionat. **C.** propyl axetat. **D.** etyl axetat.

Tuyensinh247.com

Câu 32. Đường fructozơ có nhiều trong mật ong, ngoài ra còn có trong các loại hoa quả và rau xanh như ổi, cam, xoài, rau diếp xoắn, cà chua…rất tốt cho sức khỏe. Công thức phân tử của fructozơ là:

A. $C_6H_{10}O_5$ **B.** CH_3COOH **C.** $C_{12}H_{22}O_{11}$ **D.** $C_6H_{12}O_6$

Câu 33. Da nhân tạo(PVC) được điều chế từ khí thiên nhiên(CH_4).Nếu hiệu suất của toàn bộ quá trình là 20% thì để điều chế 1 tấn PVC phải cần một thể tích metan (ở đktc)là:

A. $3560m^3$ **B.** $3500m^3$ **C.** $3584m^3$ **D.** $5500m^3$

Câu 34. Khi thủy phân một triglixerit X thu được các axit béo: axit oleic, axit panmitic, axit stearic. Thể tích khí O_2 (đktc) cần để đốt cháy hoàn toàn 8,6 gam X là:

A. 20,016 lít. **B.** 17,472 lít. **C.** 15,680 lít. **D.** 16,128 lít.

Câu 35. Tính khối lượng gạo nếp phải dùng khi lên men (với hiệu suất lên men là 50%) thu được 460 ml ancol etylic 50°. Cho biết tỉ lệ tinh bột trong gạo nếp là 80% và khối lượng riêng của ancol etylic là 0,8 g/ml.

A. 520 gam. **B.** 760 gam. **C.** 810 gam. **D.** 430 gam.

Câu 36. Aminoaxit **X** trong phân tử có hai nhóm cacboxyl và một nhóm amino. Vậy **X** là

A. axit glutamic **B.** alanin **C.** glyxin **D.** Lysin

Câu 37. Phân tử khối trung bình của polietilen X là 420000. Hệ số polime hoá của PE là

A. 17.000 **B.** 13.000 **C.** 12.000 **D.** 15.000

Câu 38. Thủy phân hoàn toàn 0,09 mol hỗn hợp X gồm tripeptit, tetapeptit, pentapeptit với dung dịch NaOH vừa đủ thu được 16,49 gam muối của Glyxin; 17,76 gam muối của Alanin và 6,95 gam muối của Valin. Nếu đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X thì thu được CO_2, H_2O và N_2 trong đó tổng khối lượng của CO_2 và H_2O là 46,5 gam. m ***gần nhất với giá trị nào sau đây***:

A. 24. **B.** 32. **C.** 26. **D.** 21.

Câu 39. Cho các nhận định sau :

(1) Peptit có từ 2 liên kết peptit trở lên có thể cho phản ứng màu biure với $Cu(OH)_2$

(2) Lipit không hòa tan trong nước

(3) Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm là phản ứng thuận nghịch

(4) Dung dịch axit glutamic làm quỳ tím chuyển thành màu hồng.

(5) Dầu ăn hoặc mỡ ăn đều nhẹ hơn nước.

(6) Các este thường dễ tan trong nước và có mùi thơm dễ chịu.

Số nhận định **đúng** là

A. 5 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 3

Câu 40. Hòa tan hết m gam hỗn hợp gồm Mg, Al và Zn trong dung dịch HNO_3 loãng (dùng dư), kết thúc phản ứng thu được dung dịch X có khối lượng tăng m gam. Cô cạn cẩn thận dung dịch X thu được x gam hỗn hợp Y chứa các muối; trong đó phần trăm khối lượng của oxi chiếm 60,111%. Nung nóng toàn bộ Y đến khối lượng không đổi thu được 18,6 gam hỗn hợp các oxit. Giá trị của x là

A. 70,12. **B.** 72,10 **C.** 68,46. **D.** 64,68.

Câu 41. Hỗn hợp X gồm một axit cacboxylic 2 chức, no, mạch hở ; hai ancol no đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng và một điester tạo bởi axit và hai ancol đó. Đốt cháy hoàn toàn 4,84g X thu được 7,26g CO_2 và 2,70g H_2O. Mặt khác, đun nóng 4,84g X trên với 80 ml dung dịch NaOH 1M, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thêm vừa đủ 10 ml dung dịch HCl 1M để trung hòa lượng NaOH dư thì thu được dung dịch Y. Cô cạn dung dịch Y được m gam muối khan, đồng thời thu được 896 ml hỗn hợp ancol (đktc) có tỷ khối hơi so với H_2 là 19,5. Giá trị của m là:

A. 4,995 **B.** 5,180 **C.** 4,595 **D.** 5,765

Câu 42. Chất hữu cơ A chỉ chứa C, H, O có CTPT trùng CT đơn giản nhất. Cho 2,76 gam A tác dụng với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, chưng khô thì phần bay hơi chỉ có H_2O, còn lại phần chất rắn khan chứa 2 muối của Nacó khối lượng 4,44 gam. Đốt cháy hoàn toàn hai muối này được 3,18 gam Na_2CO_3; 2,464 lít CO_2 (đktc) và 0,9 gam H_2O. Nếu đốt cháy 2,76 gam A thì khối lượng H_2O thu được là:

A. 1,2 gam. **B.** 0,36 gam. **C.** 0,9 gam. **D.** 1,08g.

Câu 43. Cho các phát biểu sau:

(1) Chất béo là este.

(2) Các dung dịch protein đều có phản ứng màu biure.

(3) Chỉ có một este đơn chức tham gia phản ứng tráng bạc.

Tuyensinh247.com

(4) Polime (-NH-$[CH_2]_5$-CO-)n có thể điều chế bằng cách thực hiện phản ứng trùng hợp hoặc trùng ngưng.
(5) Thủy phân bất kì chất béo nào cũng thu được glixerol.
(6) Triolein tác dụng được với H_2 (xúc tác Ni, t^0), dung dịch Br_2, $Cu(OH)_2$.
(7) Phần trăm khối lượng nguyên tố hiđro trong tripanmitin là 11,54%.
Số phát biểu **đúng** là:

A. 3 **B.** 5 **C.** 6 **D.** 4

Câu 44. Cho 0,7 mol hỗn hợp T gồm 2 peptit mạch hở X (x mol) và Y (y mol) đều tạo bởi glyxin và alanin. Đun nóng 0,7 mol T trong lượng dư dung dịch NaOH thì có 3,8mol NaOH phản ứng và thu được dung dịch chứa m gam muối. Mặt khác, nếu đốt cháy hoàn toàn x mol X hoặc y mol Y thì đều thu được cùng số mol CO_2. Biết tổng số nguyên tử oxi trong 2 phân tử X và Y là 13, trong X và Y đều có số liên kết peptit **không** nhỏ hơn 4. Giá trị của m là:

A. 340,8 **B.** 396,6 **C.** 399,4 **D.** 409,2

Câu 45. Hỗn hợp X gồm 1 andehit, 1 axit cacboxylic, 1 este (trong đó axit cacboxylic và este có cùng công thức phân tử). Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol X cần 14 lit O_2 (dktc) thu được 11,76 lit CO_2 (dktc) và 9,45g H_2O. Mặt khác, 0,2 mol X tác dụng với vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M, đun nóng. Giá trị của V là :

A. 75 **B.** 150 **C.**125 **D.**250

Câu 46. Hỗn hợp **X** chứa chất **A** ($C_5H_{16}O_3N_2$) và chất **B** ($C_4H_{12}O_4N_2$) tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, đun nóng cho đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn rồi cô cạn thu được m gam hỗn hợp **Y** gồm 2 muối **D** và **E** ($M_D < M_E$) và 4,48 lít (đktc) hỗn hợp **Z** gồm 2 amin no, đơn chức, đồng đẳng kế tiếp có tỉ khối so với H_2 bằng 18,3. Khối lượng của muối **E** trong hỗn hợp **Y** là:

A. 4,24 **B.** 5,36 **C.** 8,04 **D.** 3,18

Câu 47. Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	**Thuốc thử**	**Hiện tượng**
X	Quỳ tím.	Quỳ tím chuyển màu hồng.
Y	Dung dịch iot.	Hợp chất màu xanh tím.
Z	Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 đun nóng.	Kết tủa Ag trắng.
T	Nước brom.	Kết tủa trắng.

X, Y, Z, T lần lượt là:

A. axit glutamic, tinh bột, glucozơ, anilin. **B.** anilin, axit glutamic, tinh bột, glucozơ.
C. axit glutamic, tinh bột, anilin, glucozơ. **D.** anilin, tinh bột, axit glutamic, glucozơ.

Câu 48. Cho hỗn hợp **X** gồm 2 chất hữu cơ no, đơn chức, mạch hở (chứa C, H, O) tác dụng vừa đủ với 20 ml dung dịch NaOH 2M, thu được 1 ancol và 1 muối. Cho lượng ancol thu được ở trên tác dụng hết với Na, tạo ra 0,168 lít khí H_2 (đktc). Đốt cháy hoàn toàn lượng **X** ở trên, thu được 7,75 gam sản phẩm gồm CO_2 và H_2O. Công thức cấu tạo của 2 chất trong **X** là

A. CH_3COOH và $CH_3COOC_3H_7$. **B.** $HCOOC_2H_5$ và $HCOOC_3H_7$.
C. $HCOOC_3H_7$ và C_3H_7OH. **D.** C_2H_5COOH và $C_2H_5COOC_2H_5$.

Câu 49. Hòa tan hoàn toàn 12 gam hỗn hợp Fe, Cu (tỉ lệ mol 1:1) bằng axit HNO_3, thu được V lít (ở đktc) hỗn hợp khí X (gồm NO và NO_2) và dung dịch Y (chỉ chứa hai muối và axit dư). Tỉ khối của X đối với H_2 bằng 19. Giá trị V là

A. 2,24. **B.** 5,60. **C.** 3,36. **D.** 4,48.

Câu 50. Hỗn hợp **E** gồm hai este đơn chức là đồng phân cấu tạo và đều chứa vòng benzen. Đốt cháy hoàn toàn m gam **E** cần vừa đủ 8,064 lít khí O_2 (đktc), thu được 14,08 gam CO_2 và 2,88 gam H_2O. Đun nóng m gam **E** với dung dịch NaOH dư thì có tối đa 2,40 gam NaOH phản ứng, thu được dung dịch **T** chứa 5,32 gam ba muối. Cho dung dịch HBr (vừa đủ) vào **T** rồi thêm tiếp nước Br_2dư thì lượng Br_2 phản ứng **tối đa** là

A.19,2gam. **B.** 22,4gam. **C.**12,8gam. **D.**9,6gam.

Tuyensinh247.com

SỞ GD VÀ ĐT HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT ĐOÀN THƯỢNG

MÃ ĐỀ THI: 227

ĐỀ KHẢO SÁT LẦN 2, NĂM HỌC 2019-2020
Môn: HOÁ HỌC 12
Thời gian làm bài: **90 phút** *(không tính thời gian giao đề)*
Số câu của đề thi: **50 câu** – *Số trang*: **04 trang**

- Họ và tên thí sinh: ..... – Số báo danh : .....

***Cho nguyên tử khối cuả một số nguyên tố**: H =1; C =12; N =14; O =16; Cl =35,5; Na =23; K = 39; Ca = 40; S = 32; Ba = 137; Ag = 108*

Câu 1. Tính thể tích dung dịch $HNO_3 96\% (D = 1,52 g/ml)$ cần dùng để tác dụng với lượng dư xenlulozơ tạo 29,7 kg xenlulozơ trinitrat.
A. 1,439 lít **B.** 24,39 lít **C.** 12,952 lít **D.** 15,00 lít

Câu 2. Cho các este sau:
(1) $CH_2 = CH - COOCH_3$ (2) $CH_3COOCH=CH_2$ (3) $HCOOCH_2-CH = CH_2$
(4) $CH_3COOC(CH_3)=CH_2$ (5) $C_6H_5COOCH_3$ (6) $HCOOC_6H_5$
(7) $HCOOCH_2-C_6H_5$ (8) $HCOOCH(CH_3)_2$
Biết rằng $-C_6H_5$ (phenyl), số este khi tác dụng với dung dịch NaOH, đun nóng thu được ancol là:
A. 6 **B.** 4 **C.** 7 **D.** 5

Câu 3. Cho phương trình phản ứng: $aCu + bHNO_3 \longrightarrow cCu(NO_3)_2 + dNO + eH_2O$.Tỉ lệ a : b là
A. 2 : 5 **B.** 3 : 8. **C.** 3 : 5 **D.** 1 : 4

Câu 4. Dãy các chất đều có khả năng tham gia phản ứng thủy phân trong dung dịch H_2SO_4 đun nóng là
A. fructozơ, saccarozơ và tinh bột. **B.** glucozơ, tinh bột và xenlulozơ.
C. saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ. **D.** glucozơ, saccarozơ và fructozơ.

Câu 5. Đường fructozơ có nhiều trong mật ong, ngoài ra còn có trong các loại hoa quả và rau xanh như ổi, cam, xoài, rau diếp xoắn, cà chua…rất tốt cho sức khỏe. Công thức phân tử của fructozơ là:
A. $C_{12}H_{22}O_{11}$ **B.** $C_6H_{12}O_6$ **C.** CH_3COOH **D.** $C_6H_{10}O_5$

Câu 6. Cho các polime sau: poli (vinyl clorua); tơ olon; cao su buna; nilon - 6,6; thủy tinh hữu cơ; polistiren. Số polime được điều chế từ phản ứng trùng hợp là
A. 3 **B.** 4 **C.** 5 **D.** 6

Câu 7. Tripeptit là hợp chất
A. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau.
B. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau.
C. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit.
D. có 2 liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc α-amino axit.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây **sai**?
A. Số nguyên tử hiđro trong phân tử este đơn và đa chức luôn là một số chẵn.
B. Trong công nghiệp có thể chuyển hoá chất béo lỏng thành chất béo rắn.
C. Sản phẩm của phản ứng xà phòng hoá chất béo là axit béo và glixerol.
D. Nhiệt độ sôi của este thấp hơn hẳn so với ancol có cùng phân tử khối.

Câu 9. Amino axit là hợp chất hữu cơ trong phân tử
A. chỉ chứa nitơ hoặc cacbon. **B.**chứa nhóm cacboxyl và nhóm amino.
C. chỉ chứa nhóm cacboxyl. **D.** chỉ chứa nhóm amino.

Câu 10. H_2N-CH_2-COOH **không**tác dụng với
A. H_2 (xt Ni t^0) **B.** C_2H_5OH (có mặt HCl)
C. HCl **D.** NaOH

Câu 11. Chất thuộc loại đisaccarit là
A. xenlulozơ. **B.** fructozơ. **C.** glucozơ. **D.** saccarozơ.

Câu 12. Đốt cháy 2,15 gam hỗn hợp gồm Zn, Al và Mg trong khí oxi dư, thu được 3,43 gam hỗn hợp X. Toàn bộ X phản ứng vừa đủ với V ml dung dịch H_2SO_4 0,5M. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của V là
A. 480 **B.** 360 **C.** 160 **D.** 240

Tuyensinh247.com

Câu 13. Khi thủy phân một triglixerit X thu được các axit béo: axit oleic, axit panmitic, axit stearic. Thể tích khí O_2 (đktc) cần để đốt cháy hoàn toàn 8,6 gam X là:

A. 20,016 lít. **B.** 15,680 lít. **C.** 17,472 lít. **D.** 16,128 lít.

Câu 14. Cho m gam hỗn hợp X gồm glucozơ và fructozơ tác dụng vừa đủ với 0,8 gam brom trong dung dịch. Cũng m gam hỗn hợp X cho tác dụng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư thu được 4,32 gam Ag. % khối lượng của glucozơ và fructozơ trong X là

A. 40%; 60%. **B.** 20%; 80%. **C.** 25%; 75%. **D.** 33,33%; 66,67%.

Câu 15. Hai kim loại đều tác dụng mãnh liệt với nước ở điều kiện thường là

A. Na và Al. **B.** K và Ca. **C.** Li và Mg. **D.** Mg và Na.

Câu 16. Dung dịch X chứa 19,5 gam hỗn hợp etylamin và glyxin tác dụng vừa đủ với 200,0 ml dung dịch KOH 1M. Hãy cho biết dung dịch X đó tác dụng vừa đủ với bao nhiêu ml dung dịch HCl 1M?

A. 300 ml. **B.** 250 ml. **C.** 350 ml. **D.** 200 ml.

Câu 17. Sản phẩm cuối cùng của quá trình thủy phân hoàn toàn các protein đơn giản nhờ chất xúc tác thích hợp là

A. este. **B.** axit cacboxylic **C.**α-aminoaxit. **D.**β-aminoaxit.

Câu 18. Hợp chất X có công thức cấu tạo: $CH_3CH_2COOCH_3$. Tên gọi của X là:

A. propyl axetat. **B.** metyl axetat. **C.** metyl propionat. **D.** etyl axetat.

Câu 19. Đốt cháy hoàn toàn 7,8 gam este X thu được 11,44 gam CO_2 và 4,68 gam H_2O. Công thức phân tử của este là

A. $C_3H_6O_2$ **B.** $C_4H_8O_4$ **C.** $C_2H_4O_2$ **D.** $C_4H_8O_2$

Câu 20. Polime nào sau đây có dạng phân nhánh:

A. Polimetyl metacrylat **B.** Polietylen **C.** Amilo pectin **D.** Polivnylclorua

Câu 21. Thuỷ phân hoàn toàn 11,44 gam este no, đơn chức, mạch hở X với 100ml dung dịch NaOH 1,3M (vừa đủ) thu được 5,98 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

A. Etyl axetat **B.** Etyl propionat **C.** Propyl axetat **D.** Etyl fomat

Câu 22. Chất X có công thức phân tử $C_3H_6O_2$, là este của axit axetic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

A. CH_3COOCH_3. **B.** $HCOOC_2H_5$. **C.** $HO\text{-}C_2H_4\text{-}CHO$. **D.** C_2H_5COOH.

Câu 23. Trong các tên gọi dưới đây, tên nào **không** phù hợp với chất $CH_3\text{-}CH(NH_2)\text{-}COOH$?

A. Anilin. **B.** Axit α-aminopropionic

C. Axit 2-aminopropanoic **D.** Alanin.

Câu 24. Tơ visco thuộc loại:

A. Tơ poliamit. **B.** Tơ bán tổng hợp. **C.** Tơ tổng hợp. **D.** Tơ thiên nhiên.

Câu 25. Ba dung dịch: glucozơ, saccarozơ và fructozơ có tính chất chung nào sau đây ?

A. Đều tham gia phản ứng thủy phân.

B. Đều tác dụng với dung $AgNO_3/NH_3$ tạo kết tủa Ag.

C. Hòa tan $Cu(OH)_2$ cho dung dịch màu xanh lam.

D. Đun nóng với $Cu(OH)_2$ có kết tủa đỏ gạch.

Câu 26. Nhỏ dung dịch iot lên mặt cắt của miếng chuối xanh thấy xuất hiện màu xanh tím là do chuối xanh có chứa

A. Saccarozo **B.** Glucozo **C.** Xenlulozo **D.** Tinh bột

Câu 27. Kim loại có những tính chất vật lí chung nào sau đây?

A.Tính dẫn điện và nhiệt, có khối lượng riêng lớn, có ánh kim.

B.Tính dẻo, có ánh kim, rất cứng.

C.Tính dẻo, tính dẫn điện, nhiệt độ nóng chảy cao.

D. Tính dẻo, tính dẫn điện và nhiệt, có ánh kim.

Câu 28. Tính khối lượng gạo nếp phải dùng khi lên men (với hiệu suất lên men là 50%) thu được 460 ml ancol etylic 50°. Cho biết tỉ lệ tinh bột trong gạo nếp là 80% và khối lượng riêng của ancol etylic là 0,8 g/ml.

A. 520 gam. **B.** 430 gam. **C.** 810 gam. **D.** 760 gam.

Câu 29. Đun nóng hoàn toàn 21,9 gam đipeptit Ala - Gly với 250 ml dd NaOH 2M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

A. 31,2 gam **B.** 40,1 gam **C.** 41,8 gam **D.** 39,2 gam

Câu 30. Phân tử khối trung bình của polietilen X là 420000. Hệ số polime hoá của PE là

Tuyensinh247.com

A. 17.000 **B.** 13.000 **C.** 12.000 **D.** 15.000

Câu 31. Da nhân tạo(PVC) được điều chế từ khí thiên nhiên(CH_4).Nếu hiệu suất của toàn bộ quá trình là 20% thì để điều chế 1 tấn PVC phải cần một thể tích metan (ở đktc)là:

A. $3500m^3$ **B.** $5500m^3$ **C.** $3584m^3$ **D.** $3560m^3$

Câu 32. Chất tham gia phản ứng tráng gương là

A. xenlulozơ. **B.** tinh bột. **C.** saccarozơ. **D.** fructozơ.

Câu 33. Phản ứng giữa C_2H_5OH với CH_3COOH (xúc tác H_2SO_4đặc, đun nóng) là phản ứng:

A. xà phòng hóa **B.** trùng hợp. **C.** este hóa. **D.** trùng ngưng.

Câu 34. Este $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ có tên gọi là:

A. stearic **B.** triolein

C. tristearin **D.** tripanmitin

Câu 35. Aminoaxit **X** trong phân tử có hai nhóm cacboxyl và một nhóm amino. Vậy **X** là

A. glyxin **B.** Lysin **C.** alanin **D.** axit glutamic

Câu 36. Chất làm giấy quỳ tím ẩm chuyển thành màu xanh là

A. $H_2N - CH_2 - COOH$ **B.** C_2H_5OH. **C.** CH_3NH_2. **D.** $C_6H_5NH_2$.

Câu 37. Cho 0,01 mol một aminoaxit **X** tác dụng vừa đủ với 40 ml dung dịch NaOH 0,25M. Mặt khác, 1,5 gam **X** tác dụng vừa đủ với 40 ml dung dịch KOH 0,5M. Tên gọi của **X** là:

A. lysin. **B.** glyxin. **C.** axit glutamic **D.** alanin.

Câu 38. Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	**Thuốc thử**	**Hiện tượng**
X	Quỳ tím.	Quỳ tím chuyển màu hồng.
Y	Dung dịch iot.	Hợp chất màu xanh tím.
Z	Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 đun nóng.	Kết tủa Ag trắng.
T	Nước brom.	Kết tủa trắng.

X, Y, Z, T lần lượt là:

A. axit glutamic, tinh bột, anilin, glucozơ. **B.** axit glutamic, tinh bột, glucozơ, anilin.

C. anilin, tinh bột, axit glutamic, glucozơ. **D.** anilin, axit glutamic, tinh bột, glucozơ.

Câu 39. Cho hỗn hợp **X** gồm 2 chất hữu cơ no, đơn chức, mạch hở (chứa C, H, O) tác dụng vừa đủ với 20 ml dung dịch NaOH 2M, thu được 1 ancol và 1 muối. Cho lượng ancol thu được ở trên tác dụng hết với Na, tạo ra 0,168 lít khí H_2 (đktc). Đốt cháy hoàn toàn lượng **X** ở trên, thu được 7,75 gam sản phẩm gồm CO_2 và H_2O. Công thức cấu tạo của 2 chất trong **X** là

A. $HCOOC_3H_7$ và C_3H_7OH. **B.** C_2H_5COOH và $C_2H_5COOC_2H_5$.

C. CH_3COOH và $CH_3COOC_3H_7$. **D.** $HCOOC_2H_5$ và $HCOOC_3H_7$.

Câu 40. Cho các nhận định sau :

(1) Peptit có từ 2 liên kết peptit trở lên có thể cho phản ứng màu biure với $Cu(OH)_2$

(2) Lipit không hòa tan trong nước

(3) Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm là phản ứng thuận nghịch

(4) Dung dịch axit glutamic làm quỳ tím chuyển thành màu hồng.

(5) Dầu ăn hoặc mỡ ăn đều nhẹ hơn nước.

(6) Các este thường dễ tan trong nước và có mùi thơm dễ chịu.

Số nhận định **đúng** là

A. 3 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 5

Câu 41. Hòa tan hoàn toàn 12 gam hỗn hợp Fe, Cu (tỉ lệ mol 1:1) bằng axit HNO_3, thu được V lít (ở đktc) hỗn hợp khí X (gồm NO và NO_2) và dung dịch Y (chỉ chứa hai muối và axit dư). Tỉ khối của X đối với H_2 bằng 19. Giá trị V là

A. 5,60. **B.** 3,36. **C.** 4,48. **D.** 2,24.

Câu 42. Cho 0,7 mol hỗn hợp T gồm 2 peptit mạch hở X (x mol) và Y (y mol) đều tạo bởi glyxin và alanin. Đun nóng 0,7 mol T trong lượng dư dung dịch NaOH thì có 3,8mol NaOH phản ứng và thu được dung dịch chứa m gam muối. Mặt khác, nếu đốt cháy hoàn toàn x mol X hoặc y mol Y thì đều thu được cùng số mol CO_2. Biết tổng

Tuyensinh247.com

số nguyên tử oxi trong 2 phân tử X và Y là 13, trong X và Y đều có số liên kết peptit **không** nhỏ hơn 4. Giá trị của m là:

A. 399,4 **B.** 409,2 **C.** 396,6 **D.** 340,8

Câu 43. Hỗn hợp **X** chứa chất **A** ($C_5H_{16}O_3N_2$) và chất **B** ($C_4H_{12}O_4N_2$) tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, đun nóng cho đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn rồi cô cạn thu được m gam hỗn hợp **Y** gồm 2 muối **D** và **E** ($M_D < M_E$) và 4,48 lít (đktc) hỗn hợp **Z** gồm 2 amin no, đơn chức, đồng đẳng kế tiếp có tỉ khối so với H_2 bằng 18,3. Khối lượng của muối **E** trong hỗn hợp **Y** là:

A. 5,36 **B.** 3,18 **C.** 4,24 **D.** 8,04

Câu 44. Hòa tan hết m gam hỗn hợp gồm Mg, Al và Zn trong dung dịch HNO_3 loãng (dùng dư), kết thúc phản ứng thu được dung dịch X có khối lượng tăng m gam. Cô cạn cẩn thận dung dịch X thu được x gam hỗn hợp Y chứa các muối; trong đó phần trăm khối lượng của oxi chiếm 60,111%. Nung nóng toàn bộ Y đến khối lượng không đổi thu được 18,6 gam hỗn hợp các oxit. Giá trị của x là

A. 68,46. **B.** 72,10 **C.** 70,12. **D.** 64,68.

Câu 45. Hỗn hợp **E** gồm hai este đơn chức là đồng phân cấu tạo và đều chứa vòng benzen. Đốt cháy hoàn toàn m gam **E** cần vừa đủ 8,064 lít khí O_2 (đktc), thu được 14,08 gam CO_2 và 2,88 gam H_2O. Đun nóng m gam **E** với dung dịch NaOH dư thì có tối đa 2,40 gam NaOH phản ứng, thu được dung dịch **T** chứa 5,32 gam ba muối. Cho dung dịch HBr (vừa đủ) vào **T** rồi thêm tiếp nước Br_2dư thì lượng Br_2 phản ứng **tối đa** là

A. 22,4gam. **B.**19,2gam. **C.**12,8gam. **D.**9,6gam.

Câu 46. Hỗn hợp X gồm 1 andehit, 1 axit cacboxylic, 1 este (trong đó axit cacboxylic và este có cùng công thức phân tử). Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol X cần 14 lit O_2 (dktc) thu được 11,76 lit CO_2 (dktc) và 9,45g H_2O. Mặt khác, 0,2 mol X tác dụng với vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M, đun nóng. Giá trị của V là :

A. 75 **B.** 150 **C.**250 **D.**125

Câu 47. Thủy phân hoàn toàn 0,09 mol hỗn hợp X gồm tripeptit, tetapeptit, pentapeptit với dung dịch NaOH vừa đủ thu được 16,49 gam muối của Glyxin; 17,76 gam muối của Alanin và 6,95 gam muối của Valin. Nếu đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X thì thu được CO_2, H_2O và N_2 trong đó tổng khối lượng của CO_2 và H_2O là 46,5 gam. m ***gần nhất với giá trị nào sau đây***:

A. 26. **B.** 32. **C.** 21. **D.** 24.

Câu 48. Chất hữu cơ A chỉ chứa C, H, O có CTPT trùng CT đơn giản nhất. Cho 2,76 gam A tác dụng với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, chưng khô thì phần bay hơi chỉ có H_2O, còn lại phần chất rắn khan chứa 2 muối của Nacó khối lượng 4,44 gam. Đốt cháy hoàn toàn hai muối này được 3,18 gam Na_2CO_3; 2,464 lít CO_2 (đktc) và 0,9 gam H_2O. Nếu đốt cháy 2,76 gam A thì khối lượng H_2O thu được là:

A. 1,2 gam. **B.** 1,08g. **C.** 0,9 gam. **D.** 0,36 gam.

Câu 49. Cho các phát biểu sau:

(1) Chất béo là este.

(2) Các dung dịch protein đều có phản ứng màu biure.

(3) Chỉ có một este đơn chức tham gia phản ứng tráng bạc.

(4) Polime (-NH-$[CH_2]_5$-CO-)n có thể điều chế bằng cách thực hiện phản ứng trùng hợp hoặc trùng ngưng.

(5) Thủy phân bất kì chất béo nào cũng thu được glixerol.

(6) Triolein tác dụng được với H_2 (xúc tác Ni, t^0), dung dịch Br_2, $Cu(OH)_2$.

(7) Phần trăm khối lượng nguyên tố hiđro trong tripanmitin là 11,54%.

Số phát biểu **đúng** là:

A. 5 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 6

Câu 50. Hỗn hợp X gồm một axit cacboxylic 2 chức, no, mạch hở ; hai ancol no đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng và một đieste tạo bởi axit và hai ancol đó. Đốt cháy hoàn toàn 4,84g X thu được 7,26g CO_2 và 2,70g H_2O. Mặt khác, đun nóng 4,84g X trên với 80 ml dung dịch NaOH 1M, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thêm vừa đủ 10 ml dung dịch HCl 1M để trung hòa lượng NaOH dư thì thu được dung dịch Y. Cô cạn dung dịch Y được m gam muối khan, đồng thời thu được 896 ml hỗn hợp ancol (đktc) có tỷ khối hơi so với H_2 là 19,5. Giá trị của m là:

A. 5,765 **B.** 4,995 **C.** 4,595 **D.** 5,180

Tuyensinh247.com

SỞ GD VÀ ĐT HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT ĐOÀN THƯỢNG

MÃ ĐỀ THI: 261

ĐỀ KHẢO SÁT LẦN 2, NĂM HỌC 2019-2020
Môn: HOÁ HỌC 12
Thời gian làm bài: **90 phút** *(không tính thời gian giao đề)*
Số câu của đề thi: **50 câu** – *Số trang*: **04 trang**

- Họ và tên thí sinh: ..... **– Số báo danh : .....**

***Cho nguyên tử khối cuả một số nguyên tố**: H =1; C =12; N =14; O =16; Cl =35,5; Na =23; K = 39; Ca = 40; S = 32; Ba = 137; Ag = 108*

Câu 1. Tripeptit là hợp chất
A. có 2 liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc α-amino axit.
B. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau.
C. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit.
D. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau.

Câu 2. Chất làm giấy quỳ tím ẩm chuyển thành màu xanh là
A. $C_6H_5NH_2$. **B.** CH_3NH_2. **C.** $H_2N - CH_2 - COOH$ **D.** C_2H_5OH.

Câu 3. Polime nào sau đây có dạng phân nhánh:
A. Polietylen **B.** Polivnylclorua **C.** Amilo pectin **D.** Polimetyl metacrylat

Câu 4. Hai kim loại đều tác dụng mãnh liệt với nước ở điều kiện thường là
A. Mg và Na. **B.** Na và Al. **C.** K và Ca. **D.** Li và Mg.

Câu 5. Este $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ có tên gọi là:
A. triolein **B.** tripanmitin
C. stearic **D.** tristearin

Câu 6. Cho các este sau:
(1) $CH_2 = CH - COOCH_3$ (2) $CH_3COOCH=CH_2$ (3) $HCOOCH_2-CH = CH_2$
(4) $CH_3COOC(CH_3)=CH_2$ (5) $C_6H_5COOCH_3$ (6) $HCOOC_6H_5$
(7) $HCOOCH_2-C_6H_5$ (8) $HCOOCH(CH_3)_2$
Biết rằng $-C_6H_5$ (phenyl), số este khi tác dụng với dung dịch NaOH, đun nóng thu được ancol là:
A. 7 **B.** 6 **C.** 5 **D.** 4

Câu 7. Ba dung dịch: glucozơ, saccarozơ và fructozơ có tính chất chung nào sau đây ?
A. Đều tham gia phản ứng thủy phân.
B. Đun nóng với $Cu(OH)_2$ có kết tủa đỏ gạch.
C. Đều tác dụng với dung $AgNO_3/NH_3$ tạo kết tủa Ag.
D. Hòa tan $Cu(OH)_2$ cho dung dịch màu xanh lam.

Câu 8. Đun nóng hoàn toàn 21,9 gam đipeptit Ala - Gly với 250 ml dd NaOH 2M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là
A. 39,2 gam **B.** 31,2 gam **C.** 41,8 gam **D.** 40,1 gam

Câu 9. Sản phẩm cuối cùng của quá trình thủy phân hoàn toàn các protein đơn giản nhờ chất xúc tác thích hợp là
A. este. **B.**β-aminoaxit. **C.**α-aminoaxit. **D.** axit cacboxylic

Câu 10. Trong các tên gọi dưới đây, tên nào **không** phù hợp với chất $CH_3-CH(NH_2)-COOH$?
A. Anilin. **B.** Axit 2-aminopropanoic
C. Alanin. **D.** Axit α-aminopropionic

Câu 11. Phân tử khối trung bình của polietilen X là 420000. Hệ số polime hoá của PE là
A. 12.000 **B.** 15.000 **C.** 13.000 **D.** 17.000

Câu 12. Phát biểu nào sau đây **sai**?
A. Sản phẩm của phản ứng xà phòng hoá chất béo là axit béo và glixerol.
B. Nhiệt độ sôi của este thấp hơn hẳn so với ancol có cùng phân tử khối.
C. Số nguyên tử hiđro trong phân tử este đơn và đa chức luôn là một số chẵn.
D. Trong công nghiệp có thể chuyển hoá chất béo lỏng thành chất béo rắn.

Câu 13. Tính thể tích dung dịch $HNO_3 96\% (D = 1,52 g/ml)$ cần dùng để tác dụng với lượng dư xenlulozơ tạo 29,7 kg xenlulozơ trinitrat.

Tuyensinh247.com

A. 15,00 lít **B.** 24,39 lít **C.** 1,439 lít **D.** 12,952 lít

Câu 14. Cho 0,01 mol một aminoaxit **X** tác dụng vừa đủ với 40 ml dung dịch NaOH 0,25M. Mặt khác, 1,5 gam **X** tác dụng vừa đủ với 40 ml dung dịch KOH 0,5M. Tên gọi của **X** là:

A. glyxin. **B.** lysin. **C.** axit glutamic **D.** alanin.

Câu 15. Cho m gam hỗn hợp X gồm glucozơ và fructozơ tác dụng vừa đủ với 0,8 gam brom trong dung dịch. Cũng m gam hỗn hợp X cho tác dụng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư thu được 4,32 gam Ag. % khối lượng của glucozơ và fructozơ trong X là

A. 20%; 80%. **B.** 25%; 75%. **C.** 40%; 60%. **D.** 33,33%; 66,67%.

Câu 16. H_2N-CH_2-COOH **không**tác dụng với

A. C_2H_5OH (có mặt HCl) **B.** NaOH **C.** H_2 (xt Ni t^0) **D.** HCl

Câu 17. Phản ứng giữa C_2H_5OH với CH_3COOH (xúc tác H_2SO_4đặc, đun nóng) là phản ứng:

A. este hóa. **B.** trùng hợp. **C.** trùng ngưng. **D.** xà phòng hóa

Câu 18. Cho các polime sau: poli (vinyl clorua); tơ olon; cao su buna; nilon - 6,6; thủy tinh hữu cơ; polistiren. Số polime được điều chế từ phản ứng trùng hợp là

A. 4 **B.** 5 **C.** 3 **D.** 6

Câu 19. Dãy các chất đều có khả năng tham gia phản ứng thủy phân trong dung dịch H_2SO_4 đun nóng là

A. saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ. **B.** glucozơ, tinh bột và xenlulozơ.

C. glucozơ, saccarozơ và fructozơ. **D.** fructozơ, saccarozơ và tinh bột.

Câu 20. Hợp chất X có công thức cấu tạo: $CH_3CH_2COOCH_3$. Tên gọi của X là:

A. metyl axetat. **B.** propyl axetat. **C.** etyl axetat. **D.** metyl propionat.

Câu 21. Tơ visco thuộc loại:

A. Tơ bán tổng hợp. **B.** Tơ tổng hợp. **C.** Tơ thiên nhiên. **D.** Tơ poliamit.

Câu 22. Amino axit là hợp chất hữu cơ trong phân tử

A.chứa nhóm cacboxyl và nhóm amino. **B.** chỉ chứa nhóm amino.

C. chỉ chứa nhóm cacboxyl. **D.** chỉ chứa nitơ hoặc cacbon.

Câu 23. Nhỏ dung dịch iot lên mặt cắt của miếng chuối xanh thấy xuất hiện màu xanh tím là do chuối xanh có chứa

A. Saccarozo **B.** Xenlulozo **C.** Tinh bột **D.** Glucozo

Câu 24. Chất thuộc loại đisaccarit là

A. glucozơ. **B.** xenlulozơ. **C.** fructozơ. **D.** saccarozơ.

Câu 25. Chất X có công thức phân tử $C_3H_6O_2$, là este của axit axetic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

A. $HCOOC_2H_5$. **B.** HO-C_2H_4-CHO. **C.** CH_3COOCH_3. **D.** C_2H_5COOH.

Câu 26. Cho phương trình phản ứng: $aCu + bHNO_3 \longrightarrow cCu(NO_3)_2 + dNO + eH_2O$.Tỉ lệ a : b là

A. 3 : 8. **B.** 3 : 5 **C.** 1 : 4 **D.** 2 : 5

Câu 27. Đốt cháy 2,15 gam hỗn hợp gồm Zn, Al và Mg trong khí oxi dư, thu được 3,43 gam hỗn hợp X. Toàn bộ X phản ứng vừa đủ với V ml dung dịch H_2SO_4 0,5M. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của V là

A. 240 **B.** 360 **C.** 160 **D.** 480

Câu 28. Thuỷ phân hoàn toàn 11,44 gam este no, đơn chức, mạch hở X với 100ml dung dịch NaOH 1,3M (vừa đủ) thu được 5,98 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

A. Propyl axetat **B.** Etyl propionat **C.** Etyl axetat **D.** Etyl fomat

Câu 29. Tính khối lượng gạo nếp phải dùng khi lên men (với hiệu suất lên men là 50%) thu được 460 ml ancol etylic 50°. Cho biết tỉ lệ tinh bột trong gạo nếp là 80% và khối lượng riêng của ancol etylic là 0,8 g/ml.

A. 810 gam. **B.** 520 gam. **C.** 430 gam. **D.** 760 gam.

Câu 30. Kim loại có những tính chất vật lí chung nào sau đây?

A.Tính dẻo, tính dẫn điện, nhiệt độ nóng chảy cao.

B.Tính dẫn điện và nhiệt, có khối lượng riêng lớn, có ánh kim.

C. Tính dẻo, tính dẫn điện và nhiệt, có ánh kim.

D.Tính dẻo, có ánh kim, rất cứng.

Câu 31. Đốt cháy hoàn toàn 7,8 gam este X thu được 11,44 gam CO_2 và 4,68 gam H_2O. Công thức phân tử của este là

A. $C_3H_6O_2$ **B.** $C_4H_8O_4$ **C.** $C_4H_8O_2$ **D.** $C_2H_4O_2$

Tuyensinh247.com

Câu 32. Da nhân tạo(PVC) được điều chế từ khí thiên nhiên(CH_4).Nếu hiệu suất của toàn bộ quá trình là 20% thì để điều chế 1 tấn PVC phải cần một thể tích metan (ở đktc)là:

A. $3500m^3$ **B.** $3560m^3$ **C.** $5500m^3$ **D.** $3584m^3$

Câu 33. Chất tham gia phản ứng tráng gương là

A. fructozơ. **B.** xenlulozơ. **C.** saccarozơ. **D.** tinh bột.

Câu 34. Aminoaxit **X** trong phân tử có hai nhóm cacboxyl và một nhóm amino. Vậy **X** là

A. glyxin **B.** axit glutamic **C.** alanin **D.** Lysin

Câu 35. Dung dịch X chứa 19,5 gam hỗn hợp etylamin và glyxin tác dụng vừa đủ với 200,0 ml dung dịch KOH 1M. Hãy cho biết dung dịch X đó tác dụng vừa đủ với bao nhiêu ml dung dịch HCl 1M?

A. 250 ml. **B.** 200 ml. **C.** 300 ml. **D.** 350 ml.

Câu 36. Đường fructozơ có nhiều trong mật ong, ngoài ra còn có trong các loại hoa quả và rau xanh như ổi, cam, xoài, rau diếp xoắn, cà chua…rất tốt cho sức khỏe. Công thức phân tử của fructozơ là:

A. $C_6H_{10}O_5$ **B.** $C_{12}H_{22}O_{11}$ **C.** CH_3COOH **D.** $C_6H_{12}O_6$

Câu 37. Khi thủy phân một triglixerit X thu được các axit béo: axit oleic, axit panmitic, axit stearic. Thể tích khí O_2 (đktc) cần để đốt cháy hoàn toàn 8,6 gam X là:

A. 17,472 lít. **B.** 20,016 lít. **C.** 16,128 lít. **D.** 15,680 lít.

Câu 38. Thủy phân hoàn toàn 0,09 mol hỗn hợp X gồm tripeptit, tetapeptit, pentapeptit với dung dịch NaOH vừa đủ thu được 16,49 gam muối của Glyxin; 17,76 gam muối của Alanin và 6,95 gam muối của Valin. Nếu đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X thì thu được CO_2, H_2O và N_2 trong đó tổng khối lượng của CO_2 và H_2O là 46,5 gam. m ***gần nhất với giá trị nào sau đây***:

A. 24. **B.** 26. **C.** 32. **D.** 21.

Câu 39. Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	**Thuốc thử**	**Hiện tượng**
X	Quỳ tím.	Quỳ tím chuyển màu hồng.
Y	Dung dịch iot.	Hợp chất màu xanh tím.
Z	Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 đun nóng.	Kết tủa Ag trắng.
T	Nước brom.	Kết tủa trắng.

X, Y, Z, T lần lượt là:

A. anilin, axit glutamic, tinh bột, glucozơ. **B.** axit glutamic, tinh bột, glucozơ, anilin.

C. axit glutamic, tinh bột, anilin, glucozơ. **D.** anilin, tinh bột, axit glutamic, glucozơ.

Câu 40. Cho 0,7 mol hỗn hợp T gồm 2 peptit mạch hở X (x mol) và Y (y mol) đều tạo bởi glyxin và alanin. Đun nóng 0,7 mol T trong lượng dư dung dịch NaOH thì có 3,8mol NaOH phản ứng và thu được dung dịch chứa m gam muối. Mặt khác, nếu đốt cháy hoàn toàn x mol X hoặc y mol Y thì đều thu được cùng số mol CO_2. Biết tổng số nguyên tử oxi trong 2 phân tử X và Y là 13, trong X và Y đều có số liên kết peptit **không** nhỏ hơn 4. Giá trị của m là:

A. 399,4 **B.** 340,8 **C.** 409,2 **D.** 396,6

Câu 41. Hòa tan hoàn toàn 12 gam hỗn hợp Fe, Cu (tỉ lệ mol 1:1) bằng axit HNO_3, thu được V lít (ở đktc) hỗn hợp khí X (gồm NO và NO_2) và dung dịch Y (chỉ chứa hai muối và axit dư). Tỉ khối của X đối với H_2 bằng 19. Giá trị V là

A. 4,48. **B.** 3,36. **C.** 2,24. **D.** 5,60.

Câu 42. Hỗn hợp X gồm một axit cacboxylic 2 chức, no, mạch hở ; hai ancol no đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng và một điester tạo bởi axit và hai ancol đó. Đốt cháy hoàn toàn 4,84g X thu được 7,26g CO_2 và 2,70g H_2O. Mặt khác, đun nóng 4,84g X trên với 80 ml dung dịch NaOH 1M, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thêm vừa đủ 10 ml dung dịch HCl 1M để trung hòa lượng NaOH dư thì thu được dung dịch Y. Cô cạn dung dịch Y được m gam muối khan, đồng thời thu được 896 ml hỗn hợp ancol (đktc) có tỷ khối hơi so với H_2 là 19,5. Giá trị của m là:

A. 5,765 **B.** 4,595 **C.** 5,180 **D.** 4,995

Tuyensinh247.com

Câu 43. Cho hỗn hợp **X** gồm 2 chất hữu cơ no, đơn chức, mạch hở (chứa C, H, O) tác dụng vừa đủ với 20 ml dung dịch NaOH 2M, thu được 1 ancol và 1 muối. Cho lượng ancol thu được ở trên tác dụng hết với Na, tạo ra 0,168 lít khí H_2 (đktc). Đốt cháy hoàn toàn lượng **X** ở trên, thu được 7,75 gam sản phẩm gồm CO_2 và H_2O. Công thức cấu tạo của 2 chất trong **X** là

A. C_2H_5COOH và $C_2H_5COOC_2H_5$. **B.** $HCOOC_3H_7$ và C_3H_7OH.
C. CH_3COOH và $CH_3COOC_3H_7$. **D.** $HCOOC_2H_5$ và $HCOOC_3H_7$.

Câu 44. Hỗn hợp X gồm 1 andehit, 1 axit cacboxylic, 1 este (trong đó axit cacboxylic và este có cùng công thức phân tử). Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol X cần 14 lit O_2 (dktc) thu được 11,76 lit CO_2 (dktc) và 9,45g H_2O. Mặt khác, 0,2 mol X tác dụng với vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M, đun nóng. Giá trị của V là :

A.250 **B.** 150 **C.**125 **D.** 75

Câu 45. Chất hữu cơ A chỉ chứa C, H, O có CTPT trùng CT đơn giản nhất. Cho 2,76 gam A tác dụng với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, chưng khô thì phần bay hơi chỉ có H_2O, còn lại phần chất rắn khan chứa 2 muối của Nacó khối lượng 4,44 gam. Đốt cháy hoàn toàn hai muối này được 3,18 gam Na_2CO_3; 2,464 lít CO_2 (đktc) và 0,9 gam H_2O. Nếu đốt cháy 2,76 gam A thì khối lượng H_2O thu được là:

A. 0,9 gam. **B.** 1,08g. **C.** 0,36 gam. **D.** 1,2 gam.

Câu 46. Hỗn hợp **E** gồm hai este đơn chức là đồng phân cấu tạo và đều chứa vòng benzen. Đốt cháy hoàn toàn m gam **E** cần vừa đủ 8,064 lít khí O_2 (đktc), thu được 14,08 gam CO_2 và 2,88 gam H_2O. Đun nóng m gam **E** với dung dịch NaOH dư thì có tối đa 2,40 gam NaOH phản ứng, thu được dung dịch **T** chứa 5,32 gam ba muối. Cho dung dịch HBr (vừa đủ) vào **T** rồi thêm tiếp nước Br_2dư thì lượng Br_2 phản ứng **tối đa** là

A.9,6gam. **B.**19,2gam. **C.**12,8gam. **D.** 22,4gam.

Câu 47. Cho các phát biểu sau:

(1) Chất béo là este.

(2) Các dung dịch protein đều có phản ứng màu biure.

(3) Chỉ có một este đơn chức tham gia phản ứng tráng bạc.

(4) Polime $(-NH-[CH_2]_5-CO-)n$ có thể điều chế bằng cách thực hiện phản ứng trùng hợp hoặc trùng ngưng.

(5) Thủy phân bất kì chất béo nào cũng thu được glixerol.

(6) Triolein tác dụng được với H_2 (xúc tác Ni, t^0), dung dịch Br_2, $Cu(OH)_2$.

(7) Phần trăm khối lượng nguyên tố hiđro trong tripanmitin là 11,54%.

Số phát biểu **đúng** là:

A. 4 **B.** 3 **C.** 6 **D.** 5

Câu 48. Hỗn hợp **X** chứa chất **A** ($C_5H_{16}O_3N_2$) và chất **B** ($C_4H_{12}O_4N_2$) tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, đun nóng cho đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn rồi cô cạn thu được m gam hỗn hợp **Y** gồm 2 muối **D** và **E** ($M_D < M_E$) và 4,48 lít (đktc) hỗn hợp **Z** gồm 2 amin no, đơn chức, đồng đẳng kế tiếp có tỉ khối so với H_2 bằng 18,3. Khối lượng của muối **E** trong hỗn hợp **Y** là:

A. 5,36 **B.** 3,18 **C.** 4,24 **D.** 8,04

Câu 49. Hòa tan hết m gam hỗn hợp gồm Mg, Al và Zn trong dung dịch HNO_3 loãng (dùng dư), kết thúc phản ứng thu được dung dịch X có khối lượng tăng m gam. Cô cạn cẩn thận dung dịch X thu được x gam hỗn hợp Y chứa các muối; trong đó phần trăm khối lượng của oxi chiếm 60,111%. Nung nóng toàn bộ Y đến khối lượng không đổi thu được 18,6 gam hỗn hợp các oxit. Giá trị của x là

A. 64,68. **B.** 68,46. **C.** 70,12. **D.** 72,10

Câu 50. Cho các nhận định sau :

(1) Peptit có từ 2 liên kết peptit trở lên có thể cho phản ứng màu biure với $Cu(OH)_2$

(2) Lipit không hòa tan trong nước

(3) Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm là phản ứng thuận nghịch

(4) Dung dịch axit glutamic làm quỳ tím chuyển thành màu hồng.

(5) Dầu ăn hoặc mỡ ăn đều nhẹ hơn nước.

(6) Các este thường dễ tan trong nước và có mùi thơm dễ chịu.

Số nhận định **đúng** là

A. 5 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 3

Tuyensinh247.com

SỞ GD VÀ ĐT HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT ĐOÀN THƯỢNG

MÃ ĐỀ THI: 295

ĐỀ KHẢO SÁT LẦN 2, NĂM HỌC 2019-2020
Môn: HOÁ HỌC 12
Thời gian làm bài: **90 phút** *(không tính thời gian giao đề)*
Số câu của đề thi: **50 câu** – *Số trang*: **04 trang**

- Họ và tên thí sinh: ..... **– Số báo danh : .....**

***Cho nguyên tử khối cuả một số nguyên tố**: H =1; C =12; N =14; O =16; Cl =35,5; Na =23; K = 39; Ca = 40; S = 32; Ba = 137; Ag = 108*

Câu 1. Polime nào sau đây có dạng phân nhánh:
A. Amilo pectin **B.** Polietylen **C.** Polivnylclorua **D.** Polimetyl metacrylat

Câu 2. Sản phẩm cuối cùng của quá trình thủy phân hoàn toàn các protein đơn giản nhờ chất xúc tác thích hợp là
A.α-aminoaxit. **B.** este. **C.** axit cacboxylic **D.**β-aminoaxit.

Câu 3. Đốt cháy hoàn toàn 7,8 gam este X thu được 11,44 gam CO_2 và 4,68 gam H_2O. Công thức phân tử của este là
A. $C_2H_4O_2$ **B.** $C_4H_8O_2$ **C.** $C_4H_8O_4$ **D.** $C_3H_6O_2$

Câu 4. Tripeptit là hợp chất
A. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit.
B. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau.
C. có 2 liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc α-amino axit.
D. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau.

Câu 5. Tính thể tích dung dịch $HNO_3 96\% (D = 1,52 g/ml)$ cần dùng để tác dụng với lượng dư xenlulozơ tạo 29,7 kg xenlulozơ trinitrat.
A. 1,439 lít **B.** 24,39 lít **C.** 12,952 lít **D.** 15,00 lít

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **sai**?
A. Trong công nghiệp có thể chuyển hoá chất béo lỏng thành chất béo rắn.
B. Số nguyên tử hiđro trong phân tử este đơn và đa chức luôn là một số chẵn.
C. Sản phẩm của phản ứng xà phòng hoá chất béo là axit béo và glixerol.
D. Nhiệt độ sôi của este thấp hơn hẳn so với ancol có cùng phân tử khối.

Câu 7. Khi thủy phân một triglixerit X thu được các axit béo: axit oleic, axit panmitic, axit stearic. Thể tích khí O_2 (đktc) cần để đốt cháy hoàn toàn 8,6 gam X là:
A. 16,128 lít. **B.** 15,680 lít. **C.** 20,016 lít. **D.** 17,472 lít.

Câu 8. Chất thuộc loại đisaccarit là
A. fructozơ. **B.** glucozơ. **C.** xenlulozơ. **D.** saccarozơ.

Câu 9. Đốt cháy 2,15 gam hỗn hợp gồm Zn, Al và Mg trong khí oxi dư, thu được 3,43 gam hỗn hợp X. Toàn bộ X phản ứng vừa đủ với V ml dung dịch H_2SO_4 0,5M. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của V là
A. 480 **B.** 360 **C.** 160 **D.** 240

Câu 10. Chất làm giấy quỳ tím ẩm chuyển thành màu xanh là
A. $H_2N - CH_2 - COOH$ **B.** CH_3NH_2. **C.** C_2H_5OH. **D.** $C_6H_5NH_2$.

Câu 11. Cho m gam hỗn hợp X gồm glucozơ và fructozơ tác dụng vừa đủ với 0,8 gam brom trong dung dịch. Cũng m gam hỗn hợp X cho tác dụng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư thu được 4,32 gam Ag. % khối lượng của glucozơ và fructozơ trong X là
A. 20%; 80%. **B.** 40%; 60%. **C.** 25%; 75%. **D.** 33,33%; 66,67%.

Câu 12. Cho các este sau:
(1) $CH_2 = CH - COOCH_3$ (2) $CH_3COOCH=CH_2$ (3) $HCOOCH_2-CH = CH_2$
(4) $CH_3COOC(CH_3)=CH_2$ (5) $C_6H_5COOCH_3$ (6) $HCOOC_6H_5$
(7) $HCOOCH_2-C_6H_5$ (8) $HCOOCH(CH_3)_2$
Biết rằng $-C_6H_5$ (phenyl), số este khi tác dụng với dung dịch NaOH, đun nóng thu được ancol là:
A. 4 **B.** 5 **C.** 7 **D.** 6

Tuyensinh247.com

Câu 13. Dung dịch X chứa 19,5 gam hỗn hợp etylamin và glyxin tác dụng vừa đủ với 200,0 ml dung dịch KOH 1M. Hãy cho biết dung dịch X đó tác dụng vừa đủ với bao nhiêu ml dung dịch HCl 1M?

A. 250 ml. **B.** 300 ml. **C.** 350 ml. **D.** 200 ml.

Câu 14. Chất X có công thức phân tử $C_3H_6O_2$, là este của axit axetic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

A. C_2H_5COOH. **B.** $HCOOC_2H_5$. **C.** CH_3COOCH_3. **D.** $HO-C_2H_4-CHO$.

Câu 15. Ba dung dịch: glucozơ, saccarozơ và fructozơ có tính chất chung nào sau đây ?

A. Đều tác dụng với dung $AgNO_3/NH_3$ tạo kết tủa Ag.

B. Hòa tan $Cu(OH)_2$ cho dung dịch màu xanh lam.

C. Đun nóng với $Cu(OH)_2$ có kết tủa đỏ gạch.

D. Đều tham gia phản ứng thủy phân.

Câu 16. Amino axit là hợp chất hữu cơ trong phân tử

A. chỉ chứa nhóm amino. **B.** chỉ chứa nhóm cacboxyl.

C.chứa nhóm cacboxyl và nhóm amino. **D.** chỉ chứa nitơ hoặc cacbon.

Câu 17. Cho các polime sau: poli (vinyl clorua); tơ olon; cao su buna; nilon - 6,6; thủy tinh hữu cơ; polistiren. Số polime được điều chế từ phản ứng trùng hợp là

A. 3 **B.** 6 **C.** 5 **D.** 4

Câu 18. Hợp chất X có công thức cấu tạo: $CH_3CH_2COOCH_3$. Tên gọi của X là:

A. propyl axetat. **B.** metyl axetat. **C.** etyl axetat. **D.** metyl propionat.

Câu 19. Nhỏ dung dịch iot lên mặt cắt của miếng chuối xanh thấy xuất hiện màu xanh tím là do chuối xanh có chứa

A. Xenlulozo **B.** Glucozo **C.** Tinh bột **D.** Saccarozo

Câu 20. Phản ứng giữa C_2H_5OH với CH_3COOH (xúc tác H_2SO_4đặc, đun nóng) là phản ứng:

A. trùng ngưng. **B.** xà phòng hóa **C.** trùng hợp. **D.** este hóa.

Câu 21. Da nhân tạo(PVC) được điều chế từ khí thiên nhiên(CH_4).Nếu hiệu suất của toàn bộ quá trình là 20% thì để điều chế 1 tấn PVC phải cần một thể tích metan (ở đktc)là:

A. $3560m^3$ **B.** $3500m^3$ **C.** $5500m^3$ **D.** $3584m^3$

Câu 22. Chất tham gia phản ứng tráng gương là

A. tinh bột. **B.** saccarozơ. **C.** fructozơ. **D.** xenlulozơ.

Câu 23. H_2N-CH_2-COOH **không**tác dụng với

A. C_2H_5OH (có mặt HCl) **B.** NaOH **C.** H_2 (xt Ni t^0) **D.** HCl

Câu 24. Tơ visco thuộc loại:

A. Tơ thiên nhiên. **B.** Tơ poliamit. **C.** Tơ bán tổng hợp. **D.** Tơ tổng hợp.

Câu 25. Cho 0,01 mol một aminoaxit **X** tác dụng vừa đủ với 40 ml dung dịch NaOH 0,25M. Mặt khác, 1,5 gam **X** tác dụng vừa đủ với 40 ml dung dịch KOH 0,5M. Tên gọi của **X** là:

A. alanin. **B.** glyxin. **C.** axit glutamic **D.** lysin.

Câu 26. Hai kim loại đều tác dụng mãnh liệt với nước ở điều kiện thường là

A. Na và Al. **B.** Li và Mg. **C.** Mg và Na. **D.** K và Ca.

Câu 27. Phân tử khối trung bình của polietilen X là 420000. Hệ số polime hoá của PE là

A. 12.000 **B.** 13.000 **C.** 17.000 **D.** 15.000

Câu 28. Tính khối lượng gạo nếp phải dùng khi lên men (với hiệu suất lên men là 50%) thu được 460 ml ancol etylic 50°. Cho biết tỉ lệ tinh bột trong gạo nếp là 80% và khối lượng riêng của ancol etylic là 0,8 g/ml.

A. 520 gam. **B.** 810 gam. **C.** 760 gam. **D.** 430 gam.

Câu 29. Este $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ có tên gọi là:

A. tripanmitin **B.** stearic **C.** triolein **D.** tristearin

Câu 30. Trong các tên gọi dưới đây, tên nào **không** phù hợp với chất $CH_3-CH(NH_2)-COOH$?

A. Axit α-aminopropionic **B.** Alanin.

C. Axit 2-aminopropanoic **D.** Anilin.

Câu 31. Dãy các chất đều có khả năng tham gia phản ứng thủy phân trong dung dịch H_2SO_4 đun nóng là

A. fructozơ, saccarozơ và tinh bột. **B.** glucozơ, tinh bột và xenlulozơ.

C. glucozơ, saccarozơ và fructozơ. **D.** saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ.

Câu 32. Thuỷ phân hoàn toàn 11,44 gam este no, đơn chức, mạch hở X với 100ml dung dịch NaOH 1,3M (vừa đủ) thu được 5,98 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

tuyensinh247.com

A. Propyl axetat **B.** Etyl propionat **C.** Etyl axetat **D.** Etyl fomat

Câu 33. Cho phương trình phản ứng: $aCu + bHNO_3 \longrightarrow cCu(NO_3)_2 + dNO + eH_2O$.Tỉ lệ a : b là

A. 2 : 5 **B.** 3 : 8. **C.** 3 : 5 **D.** 1 : 4

Câu 34. Đun nóng hoàn toàn 21,9 gam đipeptit Ala - Gly với 250 ml dd NaOH 2M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

A. 41,8 gam **B.** 39,2 gam **C.** 31,2 gam **D.** 40,1 gam

Câu 35. Kim loại có những tính chất vật lí chung nào sau đây?

A.Tính dẫn điện và nhiệt, có khối lượng riêng lớn, có ánh kim.

B.Tính dẻo, có ánh kim, rất cứng.

C.Tính dẻo, tính dẫn điện, nhiệt độ nóng chảy cao.

D. Tính dẻo, tính dẫn điện và nhiệt, có ánh kim.

Câu 36. Đường fructozơ có nhiều trong mật ong, ngoài ra còn có trong các loại hoa quả và rau xanh như ổi, cam, xoài, rau diếp xoắn, cà chua…rất tốt cho sức khỏe. Công thức phân tử của fructozơ là:

A. $C_{12}H_{22}O_{11}$ **B.** $C_6H_{12}O_6$ **C.** $C_6H_{10}O_5$ **D.** CH_3COOH

Câu 37. Aminoaxit **X** trong phân tử có hai nhóm cacboxyl và một nhóm amino. Vậy **X** là

A. alanin **B.** Lysin **C.** glyxin **D.** axit glutamic

Câu 38. Chất hữu cơ A chỉ chứa C, H, O có CTPT trùng CT đơn giản nhất. Cho 2,76 gam A tác dụng với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, chưng khô thì phần bay hơi chỉ có H_2O, còn lại phần chất rắn khan chứa 2 muối của Nacó khối lượng 4,44 gam. Đốt cháy hoàn toàn hai muối này được 3,18 gam Na_2CO_3; 2,464 lít CO_2 (đktc) và 0,9 gam H_2O. Nếu đốt cháy 2,76 gam A thì khối lượng H_2O thu được là:

A. 1,2 gam. **B.** 0,36 gam. **C.** 1,08g. **D.** 0,9 gam.

Câu 39. Cho 0,7 mol hỗn hợp T gồm 2 peptit mạch hở X (x mol) và Y (y mol) đều tạo bởi glyxin và alanin. Đun nóng 0,7 mol T trong lượng dư dung dịch NaOH thì có 3,8mol NaOH phản ứng và thu được dung dịch chứa m gam muối. Mặt khác, nếu đốt cháy hoàn toàn x mol X hoặc y mol Y thì đều thu được cùng số mol CO_2. Biết tổng số nguyên tử oxi trong 2 phân tử X và Y là 13, trong X và Y đều có số liên kết peptit **không** nhỏ hơn 4. Giá trị của m là:

A. 340,8 **B.** 399,4 **C.** 396,6 **D.** 409,2

Câu 40. Hòa tan hoàn toàn 12 gam hỗn hợp Fe, Cu (tỉ lệ mol 1:1) bằng axit HNO_3, thu được V lít (ở đktc) hỗn hợp khí X (gồm NO và NO_2) và dung dịch Y (chỉ chứa hai muối và axit dư). Tỉ khối của X đối với H_2 bằng 19. Giá trị V là

A. 5,60. **B.** 3,36. **C.** 4,48. **D.** 2,24.

Câu 41. Cho các nhận định sau :

(1) Peptit có từ 2 liên kết peptit trở lên có thể cho phản ứng màu biure với $Cu(OH)_2$

(2) Lipit không hòa tan trong nước

(3) Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm là phản ứng thuận nghịch

(4) Dung dịch axit glutamic làm quỳ tím chuyển thành màu hồng.

(5) Dầu ăn hoặc mỡ ăn đều nhẹ hơn nước.

(6) Các este thường dễ tan trong nước và có mùi thơm dễ chịu.

Số nhận định **đúng** là

A. 5 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 2

Câu 42. Thủy phân hoàn toàn 0,09 mol hỗn hợp X gồm tripeptit, tetapeptit, pentapeptit với dung dịch NaOH vừa đủ thu được 16,49 gam muối của Glyxin; 17,76 gam muối của Alanin và 6,95 gam muối của Valin. Nếu đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X thì thu được CO_2, H_2O và N_2 trong đó tổng khối lượng của CO_2 và H_2O là 46,5 gam. m ***gần nhất với giá trị nào sau đây***:

A. 21. **B.** 32. **C.** 24. **D.** 26.

Câu 43. Hỗn hợp **E** gồm hai este đơn chức là đồng phân cấu tạo và đều chứa vòng benzen. Đốt cháy hoàn toàn m gam **E** cần vừa đủ 8,064 lít khí O_2 (đktc), thu được 14,08 gam CO_2 và 2,88 gam H_2O. Đun nóng m gam **E** với dung dịch NaOH dư thì có tối đa 2,40 gam NaOH phản ứng, thu được dung dịch **T** chứa 5,32 gam ba muối. Cho dung dịch HBr (vừa đủ) vào **T** rồi thêm tiếp nước Br_2dư thì lượng Br_2 phản ứng **tối đa** là

A.19,2gam. **B.** 22,4gam. **C.**9,6gam. **D.**12,8gam.

Câu 44. Hòa tan hết m gam hỗn hợp gồm Mg, Al và Zn trong dung dịch HNO_3 loãng (dùng dư), kết thúc phản ứng thu được dung dịch X có khối lượng tăng m gam. Cô cạn cẩn thận dung dịch X thu được x gam hỗn hợp Y

Thuyensinh247.com

chứa các muối; trong đó phần trăm khối lượng của oxi chiếm 60,111%. Nung nóng toàn bộ Y đến khối lượng không đổi thu được 18,6 gam hỗn hợp các oxit. Giá trị của x là

A. 68,46. **B.** 64,68. **C.** 72,10 **D.** 70,12.

Câu 45. Hỗn hợp X gồm 1 andehit, 1 axit cacboxylic, 1 este (trong đó axit cacboxylic và este có cùng công thức phân tử). Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol X cần 14 lit O_2 (dktc) thu được 11,76 lit CO_2 (dktc) và 9,45g H_2O. Mặt khác, 0,2 mol X tác dụng với vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M, đun nóng. Giá trị của V là :

A. 150 **B.**125 **C.**250 **D.** 75

Câu 46. Hỗn hợp **X** chứa chất **A** ($C_5H_{16}O_3N_2$) và chất **B** ($C_4H_{12}O_4N_2$) tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, đun nóng cho đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn rồi cô cạn thu được m gam hỗn hợp **Y** gồm 2 muối **D** và **E** ($M_D < M_E$) và 4,48 lít (đktc) hỗn hợp **Z** gồm 2 amin no, đơn chức, đồng đẳng kế tiếp có tỉ khối so với H_2 bằng 18,3. Khối lượng của muối **E** trong hỗn hợp **Y** là:

A. 5,36 **B.** 8,04 **C.** 4,24 **D.** 3,18

Câu 47. Cho các phát biểu sau:

(1) Chất béo là este.

(2) Các dung dịch protein đều có phản ứng màu biure.

(3) Chỉ có một este đơn chức tham gia phản ứng tráng bạc.

(4) Polime (-NH-$[CH_2]_5$-CO-)n có thể điều chế bằng cách thực hiện phản ứng trùng hợp hoặc trùng ngưng.

(5) Thủy phân bất kì chất béo nào cũng thu được glixerol.

(6) Triolein tác dụng được với H_2 (xúc tác Ni, t^0), dung dịch Br_2, $Cu(OH)_2$.

(7) Phần trăm khối lượng nguyên tố hiđro trong tripanmitin là 11,54%.

Số phát biểu **đúng** là:

A. 4 **B.** 5 **C.** 6 **D.** 3

Câu 48. Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	**Thuốc thử**	**Hiện tượng**
X	Quỳ tím.	Quỳ tím chuyển màu hồng.
Y	Dung dịch iot.	Hợp chất màu xanh tím.
Z	Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 đun nóng.	Kết tủa Ag trắng.
T	Nước brom.	Kết tủa trắng.

X, Y, Z, T lần lượt là:

A. anilin, axit glutamic, tinh bột, glucozơ. **B.** anilin, tinh bột, axit glutamic, glucozơ.

C. axit glutamic, tinh bột, anilin, glucozơ. **D.** axit glutamic, tinh bột, glucozơ, anilin.

Câu 49. Cho hỗn hợp **X** gồm 2 chất hữu cơ no, đơn chức, mạch hở (chứa C, H, O) tác dụng vừa đủ với 20 ml dung dịch NaOH 2M, thu được 1 ancol và 1 muối. Cho lượng ancol thu được ở trên tác dụng hết với Na, tạo ra 0,168 lít khí H_2 (đktc). Đốt cháy hoàn toàn lượng **X** ở trên, thu được 7,75 gam sản phẩm gồm CO_2 và H_2O. Công thức cấu tạo của 2 chất trong **X** là

A. CH_3COOH và $CH_3COOC_3H_7$. **B.** $HCOOC_2H_5$ và $HCOOC_3H_7$.

C. $HCOOC_3H_7$ và C_3H_7OH. **D.** C_2H_5COOH và $C_2H_5COOC_2H_5$.

Câu 50. Hỗn hợp X gồm một axit cacboxylic 2 chức, no, mạch hở ; hai ancol no đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng và một đieste tạo bởi axit và hai ancol đó. Đốt cháy hoàn toàn 4,84g X thu được 7,26g CO_2 và 2,70g H_2O. Mặt khác, đun nóng 4,84g X trên với 80 ml dung dịch NaOH 1M, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thêm vừa đủ 10 ml dung dịch HCl 1M để trung hòa lượng NaOH dư thì thu được dung dịch Y. Cô cạn dung dịch Y được m gam muối khan, đồng thời thu được 896 ml hỗn hợp ancol (đktc) có tỷ khối hơi so với H_2 là 19,5. Giá trị của m là:

A. 4,595 **B.** 5,180 **C.** 5,765 **D.** 4,995

Tuyensinh247.com

SỞ GD VÀ ĐT HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT ĐOÀN THƯỢNG

MÃ ĐỀ THI: 329

ĐỀ KHẢO SÁT LẦN 2, NĂM HỌC 2019-2020
Môn: HOÁ HỌC 12
Thời gian làm bài: **90 phút** *(không tính thời gian giao đề)*
Số câu của đề thi: **50 câu** – *Số trang*: **04 trang**

- Họ và tên thí sinh: ..... – Số báo danh : .....

***Cho nguyên tử khối cuả một số nguyên tố**: H =1; C =12; N =14; O =16; Cl =35,5; Na =23; K = 39; Ca = 40; S = 32; Ba = 137; Ag = 108*

Câu 1. Phân tử khối trung bình của polietilen X là 420000. Hệ số polime hoá của PE là
A. 12.000 **B.** 15.000 **C.** 13.000 **D.** 17.000

Câu 2. Cho m gam hỗn hợp X gồm glucozơ và fructozơ tác dụng vừa đủ với 0,8 gam brom trong dung dịch. Cũng m gam hỗn hợp X cho tác dụng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư thu được 4,32 gam Ag. % khối lượng của glucozơ và fructozơ trong X là
A. 40%; 60%. **B.** 25%; 75%. **C.** 33,33%; 66,67%. **D.** 20%; 80%.

Câu 3. Este $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ có tên gọi là:
A. stearic **B.** tristearin
C. triolein **D.** tripanmitin

Câu 4. Sản phẩm cuối cùng của quá trình thủy phân hoàn toàn các protein đơn giản nhờ chất xúc tác thích hợp là
A. axit cacboxylic **B.** este. **C.**β-aminoaxit. **D.**α-aminoaxit.

Câu 5. Dung dịch X chứa 19,5 gam hỗn hợp etylamin và glyxin tác dụng vừa đủ với 200,0 ml dung dịch KOH 1M. Hãy cho biết dung dịch X đó tác dụng vừa đủ với bao nhiêu ml dung dịch HCl 1M?
A. 250 ml. **B.** 300 ml. **C.** 200 ml. **D.** 350 ml.

Câu 6. Aminoaxit **X** trong phân tử có hai nhóm cacboxyl và một nhóm amino. Vậy **X** là
A. axit glutamic **B.** Lysin **C.** glyxin **D.** alanin

Câu 7. H_2N-CH_2-COOH **không**tác dụng với
A. C_2H_5OH (có mặt HCl) **B.** HCl **C.** NaOH **D.** H_2 (xt Ni t^0)

Câu 8. Nhỏ dung dịch iot lên mặt cắt của miếng chuối xanh thấy xuất hiện màu xanh tím là do chuối xanh có chứa
A. Glucozo **B.** Tinh bột **C.** Saccarozo **D.** Xenlulozo

Câu 9. Amino axit là hợp chất hữu cơ trong phân tử
A. chỉ chứa nhóm amino. **B.**chứa nhóm cacboxyl và nhóm amino.
C. chỉ chứa nitơ hoặc cacbon. **D.** chỉ chứa nhóm cacboxyl.

Câu 10. Tripeptit là hợp chất
A. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau.
B. mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit.
C. có 2 liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc α-amino axit.
D. có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau.

Câu 11. Tơ visco thuộc loại:
A. Tơ tổng hợp. **B.** Tơ bán tổng hợp. **C.** Tơ thiên nhiên. **D.** Tơ poliamit.

Câu 12. Cho phương trình phản ứng: $aCu + bHNO_3 \longrightarrow cCu(NO_3)_2 + dNO + eH_2O$.Tỉ lệ a : b là
A. 1 : 4 **B.** 2 : 5 **C.** 3 : 5 **D.** 3 : 8.

Câu 13. Tính thể tích dung dịch $HNO_3 96\% (D = 1,52 g/ml)$ cần dùng để tác dụng với lượng dư xenlulozơ tạo 29,7 kg xenlulozơ trinitrat.
A. 24,39 lít **B.** 1,439 lít **C.** 15,00 lít **D.** 12,952 lít

Câu 14. Đốt cháy hoàn toàn 7,8 gam este X thu được 11,44 gam CO_2 và 4,68 gam H_2O. Công thức phân tử của este là
A. $C_4H_8O_2$ **B.** $C_4H_8O_4$ **C.** $C_2H_4O_2$ **D.** $C_3H_6O_2$

Câu 15. Thuỷ phân hoàn toàn 11,44 gam este no, đơn chức, mạch hở X với 100ml dung dịch NaOH 1,3M (vừa đủ) thu được 5,98 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

Tuyensinh247.com

A. Propyl axetat **B.** Etyl fomat **C.** Etyl axetat **D.** Etyl propionat

Câu 16. Trong các tên gọi dưới đây, tên nào **không** phù hợp với chất CH_3-CH(NH_2)-COOH ?

A. Alanin. **B.** Axit 2-aminopropanoic

C. Anilin. **D.** Axit α-aminopropionic

Câu 17. Dãy các chất đều có khả năng tham gia phản ứng thủy phân trong dung dịch H_2SO_4 đun nóng là

A. saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ. **B.** glucozơ, tinh bột và xenlulozơ.

C. glucozơ, saccarozơ và fructozơ. **D.** fructozơ, saccarozơ và tinh bột.

Câu 18. Chất tham gia phản ứng tráng gương là

A. tinh bột. **B.** xenlulozơ. **C.** fructozơ. **D.** saccarozơ.

Câu 19. Cho 0,01 mol một aminoaxit **X** tác dụng vừa đủ với 40 ml dung dịch NaOH 0,25M. Mặt khác, 1,5 gam **X** tác dụng vừa đủ với 40 ml dung dịch KOH 0,5M. Tên gọi của **X** là:

A. glyxin. **B.** alanin. **C.** lysin. **D.** axit glutamic

Câu 20. Đốt cháy 2,15 gam hỗn hợp gồm Zn, Al và Mg trong khí oxi dư, thu được 3,43 gam hỗn hợp X. Toàn bộ X phản ứng vừa đủ với V ml dung dịch H_2SO_4 0,5M. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của V là

A. 240 **B.** 480 **C.** 360 **D.** 160

Câu 21. Chất thuộc loại đisaccarit là

A. glucozơ. **B.** fructozơ. **C.** saccarozơ. **D.** xenlulozơ.

Câu 22. Đun nóng hoàn toàn 21,9 gam đipeptit Ala - Gly với 250 ml dd NaOH 2M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

A. 39,2 gam **B.** 40,1 gam **C.** 31,2 gam **D.** 41,8 gam

Câu 23. Hai kim loại đều tác dụng mãnh liệt với nước ở điều kiện thường là

A. Li và Mg. **B.** K và Ca. **C.** Mg và Na. **D.** Na và Al.

Câu 24. Kim loại có những tính chất vật lí chung nào sau đây?

A.Tính dẻo, tính dẫn điện, nhiệt độ nóng chảy cao.

B.Tính dẻo, có ánh kim, rất cứng.

C. Tính dẻo, tính dẫn điện và nhiệt, có ánh kim.

D.Tính dẫn điện và nhiệt, có khối lượng riêng lớn, có ánh kim.

Câu 25. Chất X có công thức phân tử $C_3H_6O_2$, là este của axit axetic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

A. CH_3COOCH_3. **B.** $HCOOC_2H_5$. **C.** C_2H_5COOH. **D.** HO-C_2H_4-CHO.

Câu 26. Cho các polime sau: poli (vinyl clorua); tơ olon; cao su buna; nilon - 6,6; thủy tinh hữu cơ; polistiren. Số polime được điều chế từ phản ứng trùng hợp là

A. 3 **B.** 6 **C.** 4 **D.** 5

Câu 27. Ba dung dịch: glucozơ, saccarozơ và fructozơ có tính chất chung nào sau đây ?

A. Hòa tan $Cu(OH)_2$ cho dung dịch màu xanh lam.

B. Đun nóng với $Cu(OH)_2$ có kết tủa đỏ gạch.

C. Đều tác dụng với dung $AgNO_3/NH_3$ tạo kết tủa Ag.

D. Đều tham gia phản ứng thủy phân.

Câu 28. Cho các este sau:

(1) $CH_2 = CH - COOCH_3$ (2) $CH_3COOCH=CH_2$ (3) $HCOOCH_2$-CH = CH_2

(4) $CH_3COOC(CH_3)=CH_2$ (5) $C_6H_5COOCH_3$ (6) $HCOOC_6H_5$

(7) $HCOOCH_2$-C_6H_5 (8) $HCOOCH(CH_3)_2$

Biết rằng -C_6H_5 (phenyl), số este khi tác dụng với dung dịch NaOH, đun nóng thu được ancol là:

A. 4 **B.** 5 **C.** 7 **D.** 6

Câu 29. Đường fructozơ có nhiều trong mật ong, ngoài ra còn có trong các loại hoa quả và rau xanh như ổi, cam, xoài, rau diếp xoắn, cà chua…rất tốt cho sức khỏe. Công thức phân tử của fructozơ là:

A. CH_3COOH **B.** $C_6H_{10}O_5$ **C.** $C_6H_{12}O_6$ **D.** $C_{12}H_{22}O_{11}$

Câu 30. Khi thủy phân một triglixerit X thu được các axit béo: axit oleic, axit panmitic, axit stearic. Thể tích khí O_2 (đktc) cần để đốt cháy hoàn toàn 8,6 gam X là:

A. 15,680 lít. **B.** 20,016 lít. **C.** 16,128 lít. **D.** 17,472 lít.

Câu 31. Chất làm giấy quỳ tím ẩm chuyển thành màu xanh là

A. $C_6H_5NH_2$. **B.** CH_3NH_2. **C.** H_2N - CH_2 - COOH **D.** C_2H_5OH.

Câu 32. Polime nào sau đây có dạng phân nhánh:

Tuyensinh247.com

A. Polivnylclorua **B.** Amilo pectin **C.** Polimetyl metacrylat **D.** Polietylen

Câu 33. Phản ứng giữa C_2H_5OH với CH_3COOH (xúc tác H_2SO_4đặc, đun nóng) là phản ứng:

A. este hóa. **B.** trùng hợp. **C.** trùng ngưng. **D.** xà phòng hóa

Câu 34. Hợp chất X có công thức cấu tạo: $CH_3CH_2COOCH_3$. Tên gọi của X là:

A. propyl axetat. **B.** etyl axetat. **C.** metyl propionat. **D.** metyl axetat.

Câu 35. Da nhân tạo(PVC) được điều chế từ khí thiên nhiên(CH_4).Nếu hiệu suất của toàn bộ quá trình là 20% thì để điều chế 1 tấn PVC phải cần một thể tích metan (ở đktc)là:

A. $5500m^3$ **B.** $3500m^3$ **C.** $3560m^3$ **D.** $3584m^3$

Câu 36. Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Số nguyên tử hiđro trong phân tử este đơn và đa chức luôn là một số chẵn.

B. Nhiệt độ sôi của este thấp hơn hẳn so với ancol có cùng phân tử khối.

C. Sản phẩm của phản ứng xà phòng hoá chất béo là axit béo và glixerol.

D. Trong công nghiệp có thể chuyển hoá chất béo lỏng thành chất béo rắn.

Câu 37. Tính khối lượng gạo nếp phải dùng khi lên men (với hiệu suất lên men là 50%) thu được 460 ml ancol etylic 50°. Cho biết tỉ lệ tinh bột trong gạo nếp là 80% và khối lượng riêng của ancol etylic là 0,8 g/ml.

A. 810 gam. **B.** 760 gam. **C.** 430 gam. **D.** 520 gam.

Câu 38. Cho 0,7 mol hỗn hợp T gồm 2 peptit mạch hở X (x mol) và Y (y mol) đều tạo bởi glyxin và alanin. Đun nóng 0,7 mol T trong lượng dư dung dịch NaOH thì có 3,8mol NaOH phản ứng và thu được dung dịch chứa m gam muối. Mặt khác, nếu đốt cháy hoàn toàn x mol X hoặc y mol Y thì đều thu được cùng số mol CO_2. Biết tổng số nguyên tử oxi trong 2 phân tử X và Y là 13, trong X và Y đều có số liên kết peptit **không** nhỏ hơn 4. Giá trị của m là:

A. 399,4 **B.** 340,8 **C.** 396,6 **D.** 409,2

Câu 39. Thủy phân hoàn toàn 0,09 mol hỗn hợp X gồm tripeptit, tetapeptit, pentapeptit với dung dịch NaOH vừa đủ thu được 16,49 gam muối của Glyxin; 17,76 gam muối của Alanin và 6,95 gam muối của Valin. Nếu đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X thì thu được CO_2, H_2O và N_2 trong đó tổng khối lượng của CO_2 và H_2O là 46,5 gam. m ***gần nhất với giá trị nào sau đây***:

A. 26. **B.** 21. **C.** 32. **D.** 24.

Câu 40. Chất hữu cơ A chỉ chứa C, H, O có CTPT trùng CT đơn giản nhất. Cho 2,76 gam A tác dụng với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, chưng khô thì phần bay hơi chỉ có H_2O, còn lại phần chất rắn khan chứa 2 muối của Nacó khối lượng 4,44 gam. Đốt cháy hoàn toàn hai muối này được 3,18 gam Na_2CO_3; 2,464 lít CO_2 (đktc) và 0,9 gam H_2O. Nếu đốt cháy 2,76 gam A thì khối lượng H_2O thu được là:

A. 1,2 gam. **B.** 0,9 gam. **C.** 0,36 gam. **D.** 1,08g.

Câu 41. Cho các nhận định sau :

(1) Peptit có từ 2 liên kết peptit trở lên có thể cho phản ứng màu biure với $Cu(OH)_2$

(2) Lipit không hòa tan trong nước

(3) Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm là phản ứng thuận nghịch

(4) Dung dịch axit glutamic làm quỳ tím chuyển thành màu hồng.

(5) Dầu ăn hoặc mỡ ăn đều nhẹ hơn nước.

(6) Các este thường dễ tan trong nước và có mùi thơm dễ chịu.

Số nhận định **đúng** là

A. 5 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 3

Câu 42. Hỗn hợp **X** chứa chất **A** ($C_5H_{16}O_3N_2$) và chất **B** ($C_4H_{12}O_4N_2$) tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, đun nóng cho đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn rồi cô cạn thu được m gam hỗn hợp **Y** gồm 2 muối **D** và **E** ($M_D < M_E$) và 4,48 lít (đktc) hỗn hợp **Z** gồm 2 amin no, đơn chức, đồng đẳng kế tiếp có tỉ khối so với H_2 bằng 18,3. Khối lượng của muối **E** trong hỗn hợp **Y** là:

A. 3,18 **B.** 8,04 **C.** 4,24 **D.** 5,36

Câu 43. Hỗn hợp X gồm một axit cacboxylic 2 chức, no, mạch hở ; hai ancol no đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng và một đieste tạo bởi axit và hai ancol đó. Đốt cháy hoàn toàn 4,84g X thu được 7,26g CO_2 và 2,70g H_2O. Mặt khác, đun nóng 4,84g X trên với 80 ml dung dịch NaOH 1M, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thêm vừa đủ 10 ml dung dịch HCl 1M để trung hòa lượng NaOH dư thì thu được dung dịch Y. Cô cạn dung dịch Y được m gam muối khan, đồng thời thu được 896 ml hỗn hợp ancol (đktc) có tỷ khối hơi so với H_2 là 19,5. Giá trị của m là:

Tuyensinh247.com

A. 4,595 **B.** 5,765 **C.** 4,995 **D.** 5,180

Câu 44. Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
X	Quỳ tím.	Quỳ tím chuyển màu hồng.
Y	Dung dịch iot.	Hợp chất màu xanh tím.
Z	Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 đun nóng.	Kết tủa Ag trắng.
T	Nước brom.	Kết tủa trắng.

X, Y, Z, T lần lượt là:

A. anilin, tinh bột, axit glutamic, glucozơ. **B.** axit glutamic, tinh bột, glucozơ, anilin.

C. axit glutamic, tinh bột, anilin, glucozơ. **D.** anilin, axit glutamic, tinh bột, glucozơ.

Câu 45. Hòa tan hoàn toàn 12 gam hỗn hợp Fe, Cu (tỉ lệ mol 1:1) bằng axit HNO_3, thu được V lít (ở đktc) hỗn hợp khí X (gồm NO và NO_2) và dung dịch Y (chỉ chứa hai muối và axit dư). Tỉ khối của X đối với H_2 bằng 19. Giá trị V là

A. 2,24. **B.** 3,36. **C.** 5,60. **D.** 4,48.

Câu 46. Cho các phát biểu sau:

(1) Chất béo là este.

(2) Các dung dịch protein đều có phản ứng màu biure.

(3) Chỉ có một este đơn chức tham gia phản ứng tráng bạc.

(4) Polime $(-NH-[CH_2]_5-CO-)n$ có thể điều chế bằng cách thực hiện phản ứng trùng hợp hoặc trùng ngưng.

(5) Thủy phân bất kì chất béo nào cũng thu được glixerol.

(6) Triolein tác dụng được với H_2 (xúc tác Ni, t^0), dung dịch Br_2, $Cu(OH)_2$.

(7) Phần trăm khối lượng nguyên tố hiđro trong tripanmitin là 11,54%.

Số phát biểu **đúng** là:

A. 3 **B.** 4 **C.** 5 **D.** 6

Câu 47. Cho hỗn hợp **X** gồm 2 chất hữu cơ no, đơn chức, mạch hở (chứa C, H, O) tác dụng vừa đủ với 20 ml dung dịch NaOH 2M, thu được 1 ancol và 1 muối. Cho lượng ancol thu được ở trên tác dụng hết với Na, tạo ra 0,168 lít khí H_2 (đktc). Đốt cháy hoàn toàn lượng **X** ở trên, thu được 7,75 gam sản phẩm gồm CO_2 và H_2O. Công thức cấu tạo của 2 chất trong **X** là

A. $HCOOC_2H_5$ và $HCOOC_3H_7$. **B.** CH_3COOH và $CH_3COOC_3H_7$.

C. C_2H_5COOH và $C_2H_5COOC_2H_5$. **D.** $HCOOC_3H_7$ và C_3H_7OH.

Câu 48. Hòa tan hết m gam hỗn hợp gồm Mg, Al và Zn trong dung dịch HNO_3 loãng (dùng dư), kết thúc phản ứng thu được dung dịch X có khối lượng tăng m gam. Cô cạn cẩn thận dung dịch X thu được x gam hỗn hợp Y chứa các muối; trong đó phần trăm khối lượng của oxi chiếm 60,111%. Nung nóng toàn bộ Y đến khối lượng không đổi thu được 18,6 gam hỗn hợp các oxit. Giá trị của x là

A. 72,10 **B.** 70,12. **C.** 68,46. **D.** 64,68.

Câu 49. Hỗn hợp X gồm 1 andehit, 1 axit cacboxylic, 1 este (trong đó axit cacboxylic và este có cùng công thức phân tử). Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol X cần 14 lit O_2 (dktc) thu được 11,76 lit CO_2 (dktc) và 9,45g H_2O. Mặt khác, 0,2 mol X tác dụng với vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M, đun nóng. Giá trị của V là :

A.250 **B.** 150 **C.** 75 **D.**125

Câu 50. Hỗn hợp **E** gồm hai este đơn chức là đồng phân cấu tạo và đều chứa vòng benzen. Đốt cháy hoàn toàn m gam **E** cần vừa đủ 8,064 lít khí O_2 (đktc), thu được 14,08 gam CO_2 và 2,88 gam H_2O. Đun nóng m gam **E** với dung dịch NaOH dư thì có tối đa 2,40 gam NaOH phản ứng, thu được dung dịch **T** chứa 5,32 gam ba muối. Cho dung dịch HBr (vừa đủ) vào **T** rồi thêm tiếp nước Br_2dư thì lượng Br_2 phản ứng **tối đa** là

A.9,6gam. **B.** 22,4gam. **C.**19,2gam. **D.**12,8gam.

luyensinh247.com

Đáp án mã đề: 159

01. B; 02. D; 03. D; 04. C; 05. B; 06. B; 07. A; 08. A; 09. B; 10. D; 11. B; 12. A; 13. D; 14. A; 15. C; 16. B; 17. C; 18. B; 19. A; 20. B; 21. C; 22. C; 23. D; 24. B; 25. B; 26. D; 27. D; 28. C; 29. D; 30. C; 31. A; 32. A; 33. D; 34. C; 35. A; 36. B; 37. C; 38. B; 39. B; 40. C; 41. A; 42. C; 43. B; 44. B; 45. D; 46. A; 47. B; 48. A; 49. A; 50. A;

Đáp án mã đề: 193

01. C; 02. B; 03. B; 04. C; 05. A; 06. A; 07. B; 08. B; 09. A; 10. B; 11. D; 12. D; 13. A; 14. A; 15. B; 16. B; 17. D; 18. B; 19. A; 20. B; 21. B; 22. B; 23. C; 24. B; 25. D; 26. A; 27. D; 28. C; 29. B; 30. A; 31. B; 32. D; 33. C; 34. B; 35. C; 36. A; 37. D; 38. D; 39. C; 40. D; 41. D; 42. D; 43. D; 44. B; 45. C; 46. C; 47. A; 48. A; 49. B; 50. C;

Đáp án mã đề: 227

01. C; 02. A; 03. B; 04. C; 05. B; 06. C; 07. D; 08. C; 09. B; 10. A; 11. D; 12. C; 13. C; 14. C; 15. B; 16. A; 17. C; 18. C; 19. C; 20. C; 21. A; 22. A; 23. A; 24. B; 25. C; 26. D; 27. D; 28. C; 29. D; 30. D; 31. C; 32. D; 33. C; 34. B; 35. D; 36. C; 37. B; 38. B; 39. C; 40. C; 41. A; 42. C; 43. D; 44. D; 45. C; 46. D; 47. C; 48. B; 49. C; 50. A;

Đáp án mã đề: 261

01. A; 02. B; 03. C; 04. C; 05. A; 06. B; 07. D; 08. A; 09. C; 10. A; 11. B; 12. A; 13. D; 14. A; 15. B; 16. C; 17. A; 18. B; 19. A; 20. D; 21. A; 22. A; 23. C; 24. D; 25. C; 26. A; 27. C; 28. C; 29. A; 30. C; 31. D; 32. D; 33. A; 34. B; 35. C; 36. D; 37. A; 38. D; 39. B; 40. D; 41. D; 42. A; 43. C; 44. C; 45. B; 46. C; 47. A; 48. D; 49. A; 50. B;

Đáp án mã đề: 295

01. A; 02. A; 03. A; 04. C; 05. C; 06. C; 07. D; 08. D; 09. C; 10. B; 11. C; 12. D; 13. B; 14. C; 15. B; 16. C; 17. C; 18. D; 19. C; 20. D; 21. D; 22. C; 23. C; 24. C; 25. B; 26. D; 27. D; 28. B; 29. C; 30. D; 31. D; 32. C; 33. B; 34. B; 35. D; 36. B; 37. D; 38. C; 39. C; 40. A; 41. C; 42. A; 43. D; 44. B; 45. B; 46. B; 47. A; 48. D; 49. A; 50. C;

Đáp án mã đề: 329

01. B; 02. B; 03. C; 04. D; 05. B; 06. A; 07. D; 08. B; 09. B; 10. C; 11. B; 12. D; 13. D; 14. C; 15. C; 16. C; 17. A; 18. C; 19. A; 20. D; 21. C; 22. A; 23. B; 24. C; 25. A; 26. D; 27. A; 28. D; 29. C; 30. D; 31. B; 32. B; 33. A; 34. C; 35. D; 36. C; 37. A; 38. C; 39. B; 40. D; 41. C; 42. B; 43. B; 44. B; 45. C; 46. B; 47. B; 48. D; 49. D; 50. D;

Tuyensinh247.com

Sở GD-ĐT **Kiểm tra một tiết HKII - Năm học 2008-2009**
Trường THPT Bình Phú **Môn: Vật Lý 12 Ban TN**
Thời gian: 45 phút
Họ tên học sinh: . . . . . .SBD: . . . . . .Lớp: 12.....

Đáp án mã đề: 159

01. - / - -	14. ; - - -	27. - - - ~	40. - - = -
02. - - - ~	15. - - = -	28. - - = -	41. ; - - -
03. - - - ~	16. - / - -	29. - - - ~	42. - - = -
04. - - = -	17. - - = -	30. - - = -	43. - / - -
05. - / - -	18. - / - -	31. ; - - -	44. - / - -
06. - / - -	19. ; - - -	32. ; - - -	45. - - - ~
07. ; - - -	20. - / - -	33. - - - ~	46. ; - - -
08. ; - - -	21. - - = -	34. - - = -	47. - / - -
09. - / - -	22. - - = -	35. ; - - -	48. ; - - -
10. - - - ~	23. - - - ~	36. - / - -	49. ; - - -
11. - / - -	24. - / - -	37. - - = -	50. ; - - -
12. ; - - -	25. - / - -	38. - / - -	
13. - - - ~	26. - - - ~	39. - / - -	

Đáp án mã đề: 193

01. - - = -	14. ; - - -	27. - - - ~	40. - - - ~
02. - / - -	15. - / - -	28. - - = -	41. - - - ~
03. - / - -	16. - / - -	29. - / - -	42. - - - ~
04. - - = -	17. - - - ~	30. ; - - -	43. - - - ~
05. ; - - -	18. - / - -	31. - / - -	44. - / - -
06. ; - - -	19. ; - - -	32. - - - ~	45. - - = -
07. - / - -	20. - / - -	33. - - = -	46. - - = -
08. - / - -	21. - / - -	34. - / - -	47. ; - - -
09. ; - - -	22. - / - -	35. - - = -	48. ; - - -
10. - / - -	23. - - = -	36. ; - - -	49. - / - -
11. - - - ~	24. - / - -	37. - - - ~	50. - - = -
12. - - - ~	25. - - - ~	38. - - - ~	
13. ; - - -	26. ; - - -	39. - - = -	

Tuyensinh247.com

Đáp án mã đề: 227

01. - - = -	14. - - = -	27. - - - ~	40. - - = -
02. ; - - -	15. - / - -	28. - - = -	41. ; - - -
03. - / - -	16. ; - - -	29. - - - ~	42. - - = -
04. - - = -	17. - - = -	30. - - - ~	43. - - - ~
05. - / - -	18. - - = -	31. - - = -	44. - - - ~
06. - - = -	19. - - = -	32. - - - ~	45. - - = -
07. - - - ~	20. - - = -	33. - - = -	46. - - - ~
08. - - = -	21. ; - - -	34. - / - -	47. - - = -
09. - / - -	22. ; - - -	35. - - - ~	48. - / - -
10. ; - - -	23. ; - - -	36. - - = -	49. - - = -
11. - - - ~	24. - / - -	37. - / - -	50. ; - - -
12. - - = -	25. - - = -	38. - / - -	
13. - - = -	26. - - - ~	39. - - = -	

Đáp án mã đề: 261

01. ; - - -	14. ; - - -	27. - - = -	40. - - - ~
02. - / - -	15. - / - -	28. - - = -	41. - - - ~
03. - - = -	16. - - = -	29. ; - - -	42. ; - - -
04. - - = -	17. ; - - -	30. - - = -	43. - - = -
05. ; - - -	18. - / - -	31. - - - ~	44. - - = -
06. - / - -	19. ; - - -	32. - - - ~	45. - / - -
07. - - - ~	20. - - - ~	33. ; - - -	46. - - = -
08. ; - - -	21. ; - - -	34. - / - -	47. ; - - -
09. - - = -	22. ; - - -	35. - - = -	48. - - - ~
10. ; - - -	23. - - = -	36. - - - ~	49. ; - - -
11. - / - -	24. - - - ~	37. ; - - -	50. - / - -
12. ; - - -	25. - - = -	38. - - - ~	
13. - - - ~	26. ; - - -	39. - / - -	

Đáp án mã đề: 295

01. ; - - -	14. - - = -	27. - - - ~	40. ; - - -
02. ; - - -	15. - / - -	28. - / - -	41. - - = -

Tuyensinh247.com

03. ; - - -
04. - - = -
05. - - = -
06. - - = -
07. - - - ~
08. - - - ~
09. - - = -
10. - / - -
11. - - = -
12. - - - ~
13. - / - -
16. - - = -
17. - - = -
18. - - - ~
19. - - = -
20. - - - ~
21. - - - ~
22. - - = -
23. - - = -
24. - - = -
25. - / - -
26. - - - ~
29. - - = -
30. - - - ~
31. - - - ~
32. - - = -
33. - / - -
34. - / - -
35. - - - ~
36. - / - -
37. - - - ~
38. - - = -
39. - - = -
42. ; - - -
43. - - - ~
44. - / - -
45. - / - -
46. - / - -
47. ; - - -
48. - - - ~
49. ; - - -
50. - - = -

Đáp án mã đề: 329

01. - / - -
02. - / - -
03. - - = -
04. - - - ~
05. - / - -
06. ; - - -
07. - - - ~
08. - / - -
09. - / - -
10. - - = -
11. - / - -
12. - - - ~
13. - - - ~
14. - - = -
15. - - = -
16. - - = -
17. ; - - -
18. - - = -
19. ; - - -
20. - - - ~
21. - - = -
22. ; - - -
23. - / - -
24. - - = -
25. ; - - -
26. - - - ~
27. ; - - -
28. - - - ~
29. - - = -
30. - - - ~
31. - / - -
32. - / - -
33. ; - - -
34. - - = -
35. - - - ~
36. - - = -
37. ; - - -
38. - - = -
39. - / - -
40. - - - ~
41. - - = -
42. - / - -
43. - / - -
44. - / - -
45. - - = -
46. - / - -
47. - / - -
48. - - - ~
49. - - - ~
50. - - - ~

Tuyensinh247.com

SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC
TRƯỜNG THPT ĐỒNG ĐẬU

KỲ KSCL THI THPTQG NĂM 2020 LẦN 2
Đề thi môn: Hóa học
Thời gian làm bài: 50 phút; không kể thời gian phát đề.
(40 câu trắc nghiệm)

Mã đề thi 201

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

Cho biết khối lượng nguyên tử (tính theo đvC) của các nguyên tố:
H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Mn = 55; Fe = 56; Ni = 59; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Sn = 119; Pb = 207; Ba = 137.

Câu 41: Tiến hành clo hoá poli(vinyl clorua) thu được một loại polime X dùng để điều chế tơ clorin. Trong X có chứa 66,18% clo theo khối lượng. Vậy, trung bình có bao nhiêu mắt xích PVC phản ứng được với một phân tử clo ?
A. 3 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 1

Câu 42: Kim loại nào sau đây nhẹ nhất (khối lượng riêng nhỏ nhất) trong tất cả các kim loại ?
A. Rubiđi. **B.** Natri. **C.** Liti. **D.** Kali.

Câu 43: 13,35 gam hỗn hợp X gồm 2 amin no đơn chức mạch hở đồng đẳng kế tiếp tác dụng với dung dịch HCl vừa đủ thu được dung dịch chứa 22,475 gam muối . Nếu đốt 13,35 gam hỗn hợp X thì trong sản phẩm cháy có V_{CO2}/ V_{H2O} bằng
A. 8/13. **B.** 11/ 17. **C.** 5/8. **D.** 26/41.

Câu 44: Cho các phát biểu sau đây
(1) Glucozơ được gọi là đường nho do có nhiều trong quả nho chín.
(2) Chất béo là điesteđ của glixerol với axit béo.
(3) Phân tử amilopectin có cấu trúc mạch phân nhánh.
(4) Ở nhiệt độ thường, triolein ở trạng thái rắn.
(5) Trong mật ong chứa nhiều fructozơ.
(6) Tinh bột là một trong những nguồn lương thực cơ bản cuả con người.
(7) Muối natri glutamat là thành phần chính của bột ngọt.
(8) Khi thủy phân hoàn toàn các protein đơn giản sẽ thu được hỗn hợp các α và β amino axit.
(9) Trùng ngưng axit ω-amino caproic sẽ thu được tơ nilon-6.
(10) Tơ nilon-6,6, tơ capron, tơ nitron, tơ tằm đều thuộc loại tơ poliamit.
Số phát biểu đúng là?
A. 5 **B.** 7 **C.** 6 **D.** 4

Câu 45: Hợp chất hữu cơ X có tên gọi là N-Metylanilin có công thức cấu tạo thu gọn là
A. $CH_3 - C_6H_4 - NH_2$. **B.** $CH_3 - NH - CH_3$. **C.** $C_6H_5 - CH_2 - NH_2$. **D.** $C_6H_5 - NH - CH_3$.

Câu 46: Hòa tan hoàn toàn 5,95 gam hỗn hợp hai kim loại Al và Zn bằng dung dịch H_2SO_4 loãng thì khối lượng dung dịch tăng 5,55 gam. Khối lượng Al và Zn trong hỗn hợp lần lượt là (gam)
A. 4,05 và 1,9. **B.** 3,95 và 2,0. **C.** 2,95 và 3,0. **D.** 2,7 và 3,25.

Câu 47: Chất nào sau đây có phản ứng tráng gương?
A. Glucozơ **B.** Xenlulozơ **C.** Saccarozơ **D.** Tinh bột

Câu 48: Sắp xếp theo thứ tự giảm dần tính bazơ của các chất sau: (1) NH_3, (2) CH_3NH_2, (3) $C_6H_5NH_2$, (4) $(CH_3)_2NH$, (5) $C_2H_5NH_2$, (6) p-O_2N-$C_6H_4NH_2$.
A. 3, 6, 1, 2, 4, 5. **B.** 1, 2, 3, 4, 5, 6. **C.** 6, 3, 1, 2, 5, 4. **D.** 4, 5, 2, 1, 3, 6.

Câu 49: Hỗn hợp X gồm 2 chất hữu cơ có công thức phân tử là $CH_6O_3N_2$ và $C_3H_{12}O_3N_2$. Cho 6,84 gam X phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch NaOH, thu được V lít hỗn hợp Y (gồm 3 khí) và dung dịch Z chỉ chứa các chất vô cơ. Nếu cho dung dịch HCl dư vào dung dịch Z thì có 0,896 lít (đktc) khí thoát ra. Nếu hấp thụ hoàn toàn V lít hỗn hợp khí Y vào dung dịch HCl dư thì khối lượng muối thu được là
A. 7,87 gam. **B.** 6,75 gam. **C.** 7,59 gam. **D.** 7,03 gam.

Câu 50: Este vinyl axetat có công thức là

A. CH_3COOCH_3. **B.** $CH_2=CHCOOCH_3$. **C.** $CH_3COOCH=CH_2$. **D.** $HCOOCH_3$.

Câu 51: Hỗn hợp X gồm HCOOH và CH_3COOH (tỉ lệ mol 1:1); hỗn hợp Y gồm CH_3OH và C_2H_5OH (tỉ lệ mol 3 : 2). Lấy 11,13 gam hỗn hợp X tác dụng với 7,52 gam hỗn hợp Y có xúc tác H_2SO_4 đặc, đun nóng. Khối lượng của este thu được là (biết hiệu suất các phản ứng este đều 75%)

A. 10,89 gam. **B.** 14,52 gam. **C.** 11,616 gam. **D.** 11,4345 gam.

Câu 52: Cho thực hiện phản ứng tráng bạc hoàn toàn 1,53 gam dung dịch truyền huyết thanh glucozo thu được 0,0918 gam Ag. Nồng độ phần trăm của dung dịch truyền huyết thanh trên là

A. 7,65%. **B.** 2,5%. **C.** 3,5%. **D.** 5%.

Câu 53: Cho X,Y là hai axit cacboxylic đơn chức, no mạch hở ($M_X<M_Y$); T là este hai chức tạo bởi X,Y và một ancol no mạch hở Z. Đốt cháy hoàn toàn 8,58 gam hỗn hợp E gồm X,Y,T bằng một lượng vừa đủ O_2, thu được 7,168 lít CO_2 và 5,22 gam nước.Mặt khác 8,58 gam E tác dụng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư thu được 17,28 gam Ag. Khối lượng chất rắn khan thu được khi cho cùng lượng E trên tác dụng với 150 ml dung dịch NaOH 1M là

A. 11,04. **B.** 9,06. **C.** 12,08. **D.** 12,08.

Câu 54: Tiến hành 3 thí nghiệm như hình vẽ sau:

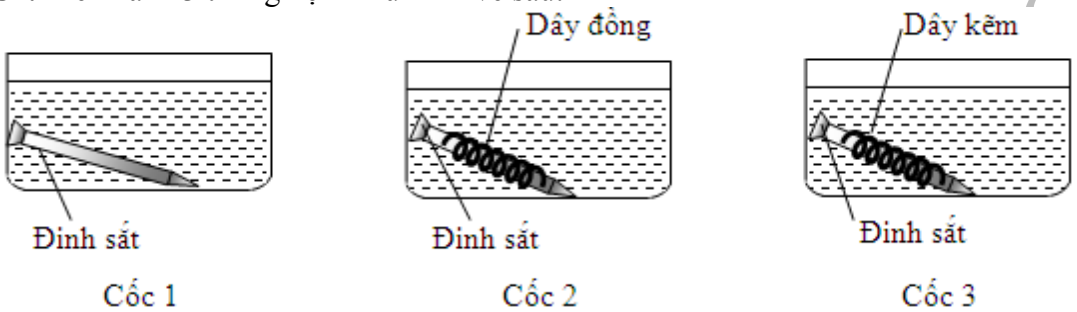

Đinh sắt trong cốc nào sau đây bị ăn mòn nhanh nhất?

A. Cốc 3. **B.** Tốc độ ăn mòn như nhau.

C. Cốc 2. **D.** Cốc 1.

Câu 55: Cho sơ đồ các phản ứng sau:

(1) $Cu + HNO_3$ (đặc) $\xrightarrow{t^0}$ khí X. (2) $KNO_3 \xrightarrow{t^0}$ khí Y.

(3) $NH_4Cl + NaOH \xrightarrow{t^0}$ khí Z. (4) $CaCO_3 \xrightarrow{t^0}$ khí T.

Cho lần lượt các khí X, Y, Z, T đi chậm qua bình đựng dung dịch NaOH dư. Số khí bị hấp thu là

A. 1. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 4.

Câu 56: Chất hữu cơ X mạch hở có công thức phân tử $C_8H_{12}O_4$. Từ X thực hiện các phản ứng sau:

(a) $X + 2NaOH \xrightarrow{t^o} Y + Z + T$

(b) $X + H_2 \xrightarrow{Ni,t^o} E$

(c) $E + 2NaOH \xrightarrow{t^o} 2Y + T$

(d) $Y + HCl \longrightarrow NaCl + F$

Khẳng định nào sau đây đúng?

A. Y là ancol etylic. **B.** T có hai đồng phân **C.** T là etylen glicol. **D.** Z là anđehit axetic.

Câu 57: Điện phân dung dịch hỗn hợp $AgNO_3$, $Cu(NO_3)_2$, $Fe(NO_3)_2$. Các kim loại lần lượt xuất hiện tại catot theo thứ tự

A. Cu–Ag–Fe. **B.** Fe–Cu–Ag. **C.** Ag–Fe–Cu. **D.** Ag – Cu – Fe.

Câu 58: Cho các polime: (1) polietilen, (2) poli(metyl metacrylat), (3) polibutađien, (4) polistiren, (5) poli(vinyl axetat) và (6) tơ nilon-6,6. Trong các polime trên, các polime có thể bị thuỷ phân trong dung dịch axit và dung dịch kiềm là:

A. (1), (4), (5). **B.** (2), (3), (6). **C.** (2), (5), (6). **D.** (1), (2), (5).

Câu 59: Thực hiện các thí nghiệm sau:

(1) Thả một viên Fe vào dung dịch HCl.

(2) Thả một viên Fe vào dung dịch $Cu(NO_3)_2$.

(3) Thả một viên Fe vào dung dịch $FeCl_3$.

(4) Nối một dây Ni với một dây Fe rồi để trong không khí ẩm.

(5) Đốt một dây Fe trong bình kín chứa đầy khí O_2.

(6) Thả một viên Fe vào dung dịch chứa đồng thời $CuSO_4$ và H_2SO_4 loãng.

Các thí nghiệm mà Fe **không** bị ăn mòn điện hóa học là

A. (1), (3), (5). **B.** (1), (3), (4), (5).
C. (2), (3), (4),(6). **D.** (2), (4), (6).

Câu 60: Khử hoàn toàn 37,6 gam hỗn hợp X gồm Fe, FeO, Fe_2O_3 cần 2,24 lít CO (ở đktc). Tính khối lượng chất rắn thu được sau phản ứng?

A. 16 gam **B.** 36 gam. **C.** 26 gam. **D.** 12 gam.

Câu 61: Số đồng phân của hợp chất este đơn chức có CTPT $C_4H_8O_2$ tác dụng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ sinh ra Ag là

A. 4 **B.** 2 **C.** 1 **D.** 3

Câu 62: Loại dầu nào sau đây không phải là este của axit béo và glixerol ?

A. Dầu vừng. **B.** Dầu ôliu. **C.** Dầu luyn. **D.** Dầu gan cá.

Câu 63: Dẫn V lít (ở đktc) hỗn hợp X gồm axetilen và hiđro đi qua ống sứ đựng bột niken nung nóng, thu được khí Y. Dẫn Y vào lượng dư $AgNO_3$ trong dd NH_3 thu được 12 gam kết tủa. Khí đi ra khỏi dung dịch phản ứng vừa đủ với 16 gam brom và còn lại khí Z. Đốt cháy hoàn toàn khí Z được 2,24 lít khí CO_2 (đktc) và 4,5 gam H_2O. Giá trị của V bằng

A. 8,96. **B.** 5,60. **C.** 11,2. **D.** 13,44.

Câu 64: Đem 2,0 kg glucozơ, có lẫn 10% tạp chất, lên men rượu với hiệu suất 70%. Biết khối lượng riêng của etanol là 0,8 g/ml. Thể tích rượu 46° thu được là

A. 2,0 lít. **B.** 0,81 lít. **C.** 0,88 lít. **D.** 1,75 lít.

Câu 65: X là một loại phân bón hoá học. Khi cho X tác dụng với dung dịch NaOH đun nóng có khí thoát ra. Nếu cho X vào dung dịch H_2SO_4 loãng sau đó thêm bột Cu vào thấy có khí không màu hoá nâu trong không khí thoát ra. X là

A. $NaNO_3$. **B.** $(NH_4)_2SO_4$. **C.** NH_4NO_3. **D.** $(NH_2)_2CO$.

Câu 66: Công thức nào sau đây là của xenlulozơ ?

A. $[C_6H_5O_2(OH)_3]_n$. **B.** $[C_6H_8O_2(OH)_3]_n$. **C.** $[C_6H_7O_3(OH)_3]_n$. **D.** $[C_6H_7O_2(OH)_3]_n$.

Câu 67: Ngâm một lá đồng nhỏ trong dung dịch $AgNO_3$ thấy bạc xuất hiện. Sắt tác dụng chậm với HCl giải phóng khí H_2, nhưng Cu và Ag không phản ứng với HCl. Dãy sắp xếp tính khử tăng dần là

A. Ag, H_2, Cu, Fe. **B.** Ag, Cu, H_2, Fe. **C.** Fe, Cu, H_2, Ag. **D.** Cu, Ag, Fe, H_2.

Câu 68: Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với các thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	**Thuốc thử**	**Hiện tượng**
X	Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3,t^0	Kết tủa Ag
Y	Quỳ tím	Chuyển màu xanh
Z	$Cu(OH)_2$, nhiệt độ thường	Màu xanh lam
T	Nước brom	Kết tủa trắng

Các dung dịch X, Y, Z, T lần lượt là

A. axetilen, lysin, glucozơ, anilin. **B.** Etyl fomat, lysin, saccarozơ, anilin.
C. glucozơ, alanin, lysin, phenol. **D.** metanal, anilin, glucozơ, phenol.

Câu 69: Thủy phân hoàn toàn m gam đipeptit Gly-Ala (mạch hở) bằng dung dịch KOH vừa đủ, thu được dung dịch X. Cô cạn toàn bộ dung dịch X thu được 2,4 gam muối khan. Giá trị của m là

A. 1,36. **B.** 1,46. **C.** 1,22. **D.** 1,64.

Câu 70: Điện phân dung dịch $CuSO_4$ một thời gian thu được tổng thể tích khí là 11,2 lít. Trong đó một nửa lượng khí được sinh ra từ cực dương và một nửa được sinh ra từ cực âm. Khối lượng $CuSO_4$ có trong dung dịch là

A. 80 gam. **B.** 40 gam **C.** 10 gam. **D.** 20 gam.

Câu 71: Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp X gồm kim loại A, Fe và các oxit của sắt bằng dung dịch H_2SO_4 loãng thu được dung dịch Y chỉ chứa 2 muối sunfat có khối lượng 130,4 gam và 0,5 mol khí H_2. Cho Y tác dụng với dung dịch $Ba(OH)_2$ dư (trong điều kiện không có không khí) thu được **a** gam kết tủa.Biết hidroxit của A không tan trong kiềm mạnh và nếu lấy 63 gam X thì có thể điều chế được tối đa 55 gam hỗn hợp kim loại.Giá trị của **a** gần nhất với

A. 300. **B.** 310. **C.** 290. **D.** 280.

Tuyensinh247.com

Câu 72: Đun nóng 0,1 mol este đơn chức X với 135 ml dung dịch NaOH 1M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được ancol etylic và 9,6 gam chất rắn khan. Công thức cấu tạo của X là

A. $CH_3COOC_2H_5$. **B.** $C_2H_5COOC_2H_5$. **C.** $C_2H_3COOC_2H_5$. **D.** $C_2H_5COOCH_3$.

Câu 73: Cho 12,8 gam kim loại X hóa trị II phản ứng hoàn toàn với khí Cl_2 thu được muối Y. Hòa tan muối Y vào nước để được 400 ml dung dịch Z. Nhúng thanh Zn nặng 13,0 gam vào Z, sau một thời gian thấy kim loại X bám vào thanh Zn và khối lượng thanh Zn lúc này là 12,9 gam, nồng độ $ZnCl_2$ trong dung dịch là 0,25M. Kim loại X và nồng độ mol của muối Y trong dd Z lần lượt là

A. Fe; 0,25M. **B.** Cu; 0,5M. **C.** Fe; 0,57M **D.** Cu; 0,25M.

Câu 74: Cho a mol triglixerit X cộng hợp tối đa với 5a mol Br_2. Đốt a mol X được b mol H_2O và V lít CO_2 .Biểu thức liên hệ giữa V, a và b là

A. V = 22,4.(b + 7a.) **B.** V = 22,4.(4a - b). **C.** V = 22,4.(b + 6a). **D.** V = 22,4.(b + 5a).

Câu 75: Một hợp chất hữu cơ X có tỉ lệ khối lượng C:H:O:N = 9: 1,75: 8: 3,5 tác dụng với dung dịch NaOH và dung dịch HCl theo tỉ lệ mol 1: 1 và mỗi trường hợp chỉ tạo một muối duy nhất. Một đồng phân Y của X cũng tác dụng với dung dịch NaOH và dung dịch HCl theo tỉ lệ mol 1: 1 nhưng đồng phân này có khả năng làm mất màu dung dịch Br_2. Công thức phân tử của X và công thức cấu tạo của X, Y lần lượt là

A. $C_3H_7O_2N$; H_2N-C_2H_4-COOH; H_2N-CH_2-COO-CH_3.
B. $C_3H_5O_2N$; H_2N-C_2H_2-COOH; CHC-$COONH_4$.
C. $C_2H_5O_2N$; H_2N-CH_2-COOH; CH_3-CH_2-NO_2.
D. $C_3H_7O_2N$; H_2N-C_2H_4-COOH; CH_2=CH-$COONH_4$.

Câu 76: Dung dịch X có chứa: 0,07 mol Na^+; 0,02 mol SO_4^{2-} và x mol OH^-. Dung dịch Y có chứa ClO_4^-, NO_3^- và y mol H^+; tổng số mol ion âm trong Y là 0,04. Trộn X và Y được 100 ml dung dịch Z. Dung dịch Z có pH (bỏ qua sự điện li của H_2O) là

A. 12. **B.** 1. **C.** 13. **D.** 2.

Câu 77: Hòa tan hết m gam hỗn hợp rắn A gồm Cu, Fe_3O_4 và $Fe(NO_3)_3$ trong dung dịch chứa 0,24 mol H_2SO_4 loãng, đun nóng. Kết thúc phản ứng thu được dung dịch X và 1,344 lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất; đktc). Nhúng thanh Mg vào dung dịch X thấy thoát ra 1,792 lít khí H_2 (đktc); đồng thời khối lượng thanh Mg tăng 4,08 gam. Các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị đúng của m **gần nhất** với :

A. 14. **B.** 16. **C.** 13. **D.** 15.

Câu 78: Theo nguồn gốc, loại tơ cùng loại với len là

A. bông **B.** capron **C.** xenlulozơ axetat. **D.** visco

Câu 79: Số đồng phân tripeptit có chứa gốc của cả glyxin và alanin là

A. 6. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 80: Hợp chất không làm đổi màu giấy quỳ ẩm là

A. $H_2N – CH_2 – CH(NH_2) – COOH$. **B.** C_6H_5ONa.
C. H_2NCH_2COOH. **D.** CH_3NH_2.

---------- HẾT ----------

Tuyensinh247.com

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO BẮC NINH

TRƯỜNG THPT LÝ THÁI TỔ

ĐỀ THI THỬ THPTQG LẦN 1 NĂM 2019-2020

Môn: Hóa học

Thời gian làm bài: 50 phút;

(40 câu trắc nghiệm)

Mã đề: 895

(Biết H=1; C=12; O=16; N=14; Cl=35,5; K=39; Ag=108; Na=23; Ca=40)

Câu 1: Cho 54 gam glucozơ lên men rượu với hiệu suất 75% thu được m gam C_2H_5OH. Giá trị của m là

A. 10,35. **B.** 27,60. **C.** 36,80. **D.** 20,70.

Câu 2: Dung dịch chất nào sau đây làm quì tím hóa xanh

A. $C_6H_5NH_2$ **B.** C_6H_5OH **C.** CH_3OH **D.** CH_3NH_3

Câu 3: Este nào sau đây tác dụng với NaOH thu được natri axetat

A. $C_2H_5COOCH_3$. **B.** $HCOOC_2H_5$. **C.** $HCOOCH_3$. **D.** $CH_3COOC_2H_5$.

Câu 4: Cho 4,5 gam amin X (no, đơn chức, mạch hở) tác dụng hết với dung dịch HCl dư, thu được 8,15 gam muối. Tổng số nguyên tử có trong phân tử X là

A. 7. **B.** 5. **C.** 10. **D.** 12.

Câu 5: Chọn nhận xét đúng.

A. Stiren không làm mất màu dung dịch brom.

B. Anken là những hidrocacbon không no có một liên kết đôi C=C

C. Công thức chung của ankan là C_nH_{2n+2} ($n \geq 1$).

D. Các ankin đều tác dụng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ tạo kết tủa vàng.

Câu 6: Cho dãy gồm các chất: $CH_3COOC_2H_5$; Ala-Gly; H_2NCH_2COOH và CH_3NH_3Cl. Số chất trong dãy vừa có khả năng tác dụng với dung dịch NaOH và dung dịch HCl là

A. 4 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 1

Câu 7: Khí nào gây hiệu ứng nhà kính và làm vẩn đục nước vôi trong

A. NO_2 **B.** CO_2 **C.** CH_4 **D.** CO

Câu 8: Công thức phân tử của este no, đơn chức, mạch hở là

A. $C_nH_{2n}O_2$ ($n \geq 2$). **B.** $C_nH_{2n-2}O_2$ ($n \geq 4$). **C.** $C_nH_{2n+2}O_2$ ($n \geq 2$). **D.** $C_nH_{2n}O_2$ ($n \geq 3$).

Câu 9: Thủy phân hoàn toàn 3,42 gam saccarozơ trong môi trường axit, thu được dung dịch **X**. Cho toàn bộ dung dịch **X** phản ứng hết với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư, đun nóng, thu được m gam Ag. Giá trị của m là

A. 4,32. **B.** 2,16. **C.** 43,20. **D.** 21,60.

Câu 10: Axit aminoaxetic (H_2NCH_2COOH) **không** tác dụng được với chất nào sau đây

A. HCl **B.** NaCl **C.** NaOH **D.** C_2H_5OH

Câu 11: Phát biểu nào sau đây đúng ?

A. Xenlulozơ phản ứng với HNO_3 tạo thành tơ axetat.

B. Glucozơ bị thủy phân trong môi trường axit.

C. Tinh bột có phản ứng tráng bạc.

D. Dung dịch saccarozơ phản ứng với $Cu(OH)_2$ tạo dung dịch màu xanh lam.

Tuyensinh247.com

Câu 12: Cho một peptit X được tạo nên bởi n gốc alanin có khối lượng phân tử là 302 đvC. Peptit X thuộc loại

A. tetrapeptit. **B.** pentapepit. **C.** đipetit. **D.** tripetit.

Câu 13: Đạm ure có công thức là

A. $(NH_4)_2CO_3$ **B.** $NaNO_3$ **C.** $(NH_2)_2CO$ **D.** NH_4NO_3

Câu 14: Trong môi trường kiềm, chất nào dưới đây tác dụng với $Cu(OH)_2$ cho hợp chất màu xanh tím?

A. Glucozơ. **B.** metylamin. **C.** Gly-Val. **D.** Ala-Gly-Val.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Tơ nilon-6,6 được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.

B. Cao su lưu hóa có cấu trúc mạng không gian.

C. Tơ poliamit bền trong môi trường kiềm và axit.

D. Cao su buna thuộc loại polime tổng hợp.

Câu 16: Phản ứng hóa học giữa axit cacboxylic và ancol được gọi là phản ứng

A. trùng ngưng **B.** kết hợp. **C.** trung hòa. **D.** este hóa.

Câu 17: Công thức của triolein là

A. $(C_2H_5COO)_3C_3H_5$. **B.** $(CH_3COO)_3C_3H_5$. **C.** $(HCOO)_3C_3H_5$. **D.** $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$.

Câu 18: Cho m gam H_2NCH_2COOH phản ứng hết với dd KOH, thu được dd chứa 28,25 gam muối. Giá trị của m là

A. 28,25. **B.** 18,75. **C.** 37,50. **D.** 21,75.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Phân tử lysin có một nguyên tử nitơ. **B.** Phân tử Gly-Ala-Ala có ba nguyên tử oxi.

C. Etylamin thuộc loại amin bậc một. **D.** Anilin tác dụng được với dung dịch NaOH.

Câu 20: Thủy phân hoàn toàn $H_2N–CH_2–CO–NH–CH(CH_3)–CO–NH–CH(CH_3)–CO–NH–CH_2–COOH$ thu được bao nhiêu loại α–amino axit khác nhau?

A. 2 **B.** 4 **C.** 5 **D.** 3

Câu 21: Số đồng phân cấu tạo mạch hở có CTPT $C_3H_6O_2$ tác dụng được với NaOH là

A. 2 **B.** 3 **C.** 1 **D.** 4

Câu 22: Loại polime nào sau đây khi đốt cháy hoàn toàn chỉ thu được CO_2 và H_2O?

A. Polietilen. **B.** Nilon-6,6

C. Tơ tằm. **D.** PVC

Câu 23: Chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

A. Tinh bột. **B.** Saccarozơ. **C.** Fructozơ. **D.** Glucozơ.

Câu 24: Ancol etylic có công thức cấu tạo là

A. CH_3CH_2OH **B.** CH_3OCH_3 **C.** CH_3CHO **D.** CH_3COOH

Câu 25: Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp chứa glucozo, metyl fomat và saccarozo cần vừa đủ 6,72 lít khí O_2 (đktc). Hấp thụ toàn bộ sản phẩm cháy bằng dung dịch $Ca(OH)_2$ dư, thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 30. **B.** 25 **C.** 22 **D.** 27.

Tuyensinh247.com

Câu 26: Cho hỗn hợp A gồm 0,1 mol Ala và 0,15 mol axit glutamic tác dụng với 300 ml dung dịch NaOH 1M, sau phản ứng thu được dung dịch B. Lấy dung dịch B phản ứng vừa đủ với dung dịch HCl, sau phản ứng thu được dung dịch chứa m gam muối khan. Giá trị của m là

A. 53,125 **B.** 57,625 **C.** 45,075 **D.** 48,875

Câu 27: Một peptit X mạch hở khi thuỷ phân hoàn toàn chỉ thu được glyxin. Khi đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol X thu được 12,6 gam nước. Số liên kết peptit trong một phân tử X là

A. 3. **B.** 2. **C.** 1. **D.** 4.

Câu 28: Cho các phát biểu sau :

(a) Thủy phân vinyl axetat bằng NaOH đun nóng, thu được natri axetat và fomanđehit.

(b) Anilin là một bazo, dung dịch của nó có thể làm quỳ tím chuyển xanh.

(c) Glu–Ala tác dụng với dung dịch HCl theo tỉ lệ mol 1:2.

(d) Trong một phân tử triolein có 3 liên kết π .

(e) Tinh bột và xenlulozo là đồng phân của nhau.

Số phát biểu đúng là

A. 1 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 2

Câu 29: Cho các phát biểu sau:

(a) Mỡ lợn hoặc dầu dừa có thể dùng làm nguyên liệu để sản xuất xà phòng.
(b) Nước ép của quả nho chín có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc.
(c) Trong tơ tằm có các gốc α-amino axit.
(d) Cao su lưu hóa có tính đàn hồi, lâu mòn và khó tan hơn cao su thường.
(e) Một số este có mùi thơm được dùng làm chất tạo hương cho thực phẩm và mỹ phẩm.

Số phát biểu đúng là:

A. 3. **B.** 2. **C.** 5. **D.** 4.

Câu 30: Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
X	Dung dịch I_2	Có màu xanh tím
Y	$Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm	Có màu tím
Z	Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 dư, đun nóng	Kết tủa Ag trắng sáng
T	Nước brom	Kết tủa trắng

Dung dịch X, Y, Z, T lần lượt là:

A. Hồ tinh bột, lòng trắng trứng, anilin, glucozơ. **B.** Hồ tinh bột, anilin, lòng trắng trứng, glucozơ.

C. Hồ tinh bột, lòng trắng trứng, glucozơ, anilin. **D.** Lòng trắng trứng, hồ tinh bột, glucozơ, anilin.

Câu 31: Cho 27,6 gam hỗn hợp CH_3COOH, C_6H_5OH, NH_2CH_2COOH tác dụng vừa đủ 350 ml dung dịch NaOH 1M thu được dung dịch Y. Cô cạn dung dịch Y thu được m gam muối khan. Giá trị m là

A. 32,65. **B.** 35,30. **C.** 38,45. **D.** 41,60.

Câu 32: Hỗn hợp Z gồm 2 este đơn chức X và Y tạo bởi cùng 1 ancol và 2 axit cacboxylic kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng ($M_X < M_Y$). Đốt cháy hoàn toàn m gam Z cần 6,16 lít O_2 thu được 5,6 lít CO_2 (đktc) và 4,5 gam H_2O. Công thức của este X và giá trị của m tương ứng là

A. CH_3COOCH_3 và 6,7 **B.** $HCOOC_2H_5$ và 9,5

C. $(HCOO)_2C_2H_4$ và 6,6 **D.** $HCOOCH_3$ và 6,7

Tuyensinh247.com

Câu 33: Hợp chất X có công thức $C_8H_{14}O_4$. Từ X thực hiện các phản ứng (theo đúng tỉ lệ mol):

(1) $X + 2NaOH \rightarrow X_1 + X_2 + H_2O$ (2) $X_1 + H_2SO_4 \rightarrow X_3 + Na_2SO_4$

(3) $nX_3 + nX_4 \rightarrow$ nilon-6,6 + $2nH_2O$ (4) $2X_2 + X_3 \rightarrow X_5 + 2H_2O$

Phân tử khối của X_5 là

A. 174. **B.** 198. **C.** 202. **D.** 216.

Câu 34: Hai este A, B là dẫn xuất của benzen có công thức phân tử là $C_9H_8O_2$, A và B đều cộng hợp với brom theo tỉ lệ mol là 1:1. A tác dụng với dung dịch NaOH cho một muối và một anđehit. B tác dụng với dung dịch NaOH dư cho 2 muối và nước, các muối đều có phân tử khối lớn hơn phân tử khối của CH_3COONa. Công thức cấu tạo thu gọn của A và B lần lượt là:

A. $HCOOC_6H_4CH=CH_2$ và $CH_2=CH-COOC_6H_5$. **B.** $C_6H_5COOCH=CH_2$ và $CH_2=CHCOOC_6H_5$.

C. $C_6H_5COOCH=CH_2$ và $C_6H_5CH=CHCOOH$. **D.** $HCOOC_6H_4CH=CH_2$ và $HCOOCH=CHC_6H_5$.

Câu 35: Chất hữu cơ X có công thức phân tử $C_8H_{15}O_4N$. Khi cho chất X tác dụng với dung dịch NaOH, đun nóng, thu được sản phẩm gồm chất Y, C_2H_6O và CH_4O. Chất Y là muối natri của α – amino axit Z (chất Z có cấu tạo mạch hở và có mạch cacbon không phân nhánh). Số công thức cấu tạo phù hợp của X là

A. 4. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 1.

Câu 36: Cho 18,5 gam chất hữu cơ A có công thức phân tử $C_3H_{11}O_6N_3$. A tác dụng vừa đủ với 300 ml dung dịch NaOH 1M tạo thành nước, 1 chất hữu cơ đa chức bậc I và m gam hỗn hợp muối vô cơ. Giá trị của m là:

A. 18 ,5 gam **B.** 24,2 gam **C.** 16,2 gam **D.** 19,1 gam

Câu 37: Cho hỗn hợp M gồm hai axit cacboxylic X, Y (cùng dãy đồng đẳng, có số mol bằng nhau $M_X < M_Y$) và một amino axit Z (phân tử có một nhóm $-NH_2$). Đốt cháy hoàn toàn 0,4 mol hỗn hợp M thu được khí N_2; 14,56 lít CO_2 (ở đktc) và 12,6 gam H_2O. Cho 0,3 mol M phản ứng vừa đủ với dung dịch có x mol HCl. Nhận xét nào sau đây **không** đúng?

A. X có phản ứng tráng bạc. **B.** Phần trăm khối lượng của Y trong M là 40%.

C. Giá trị của x là 0,075. **D.** Phần trăm khối lượng của Z trong M là 32,05%.

Câu 38: Đốt cháy hoàn toàn m gam triglixerit X cần vừa đủ 3,08 mol O_2, thu được CO_2 và 2 mol H_2O. Cho m gam X tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được glixerol và 35,36 gam muối. Mặt khác, m gam X tác dụng tối đa với a mol Br_2 trong dung dịch. Giá trị của a là

A. 0,16. **B.** 0,12. **C.** 0,2. **D.** 0,24.

Câu 39: Hỗn hợp X gồm ba este mạch hở đều tạo bởi axit cacboxylic với ancol, trong đó hai este có cùng số nguyên tử cacbon trong phân tử. Xà phòng hóa hoàn toàn 7,76 gam X bằng dung dịch NaOH vừa đủ thu được hỗn hợp Y gồm hai ancol đơn chức, kế tiếp trong dãy đồng đẳng và hỗn hợp Z gồm hai muối. Cho toàn bộ Y vào bình đựng kim loại Na dư, sau phản ứng có khí thoát ra và khối lượng bình tăng 4 gam. Đốt cháy hoàn toàn Z cần vừa đủ 0,09 mol O_2, thu được Na_2CO_3 và 4,96 gam hỗn hợp CO_2 và H_2O. Phần trăm khối lượng của este có phân tử khối nhỏ nhất trong X là

A. 15,46%. **B.** 19,07%. **C.** 77,32%. **D.** 61,86%.

Câu 40: Chất X ($C_nH_{2n+4}O_4N_2$) là muối amoni của axit cacboxylic đa chức, chất Y ($C_mH_{2m-3}O_6N_5$) là pentapeptit được tạo bởi một amino axit. Cho 0,26 mol E gồm X và Y tác dụng tối đa với dung dịch chứa 0,7 mol NaOH, đun nóng thu được etylamin và dung dịch T chỉ chứa 62,9 gam hỗn hợp muối. Phần trăm khối lượng của X trong E có giá trị **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

A. 47,24%. **B.** 63,42%. **C.** 46,63%. **D.** 51,78%.

---------- HẾT ----------

Tuyensinh247.com

ĐỀ KTCL ÔN THI THPT QUỐC GIA
LẦN 1 - Năm học: 2019-2020
MÔN: Hóa Học - LỚP 12
Thời gian làm bài: 50 phút; Không kể thời gian giao đề

Đề thi gồm 04 trang, 40 câu trắc nghiệm

Mã đề thi 132

Họ, tên thí sinh:..... SBD: .....

Cho khối lượng nguyên tử một số nguyên tố: Fe= 56; O= 16; Na= 23, K= 39; Mg= 24, Al= 27; Cu= 64; Ca= 40; Ba= 137, S= 32; H= 1; Cl= 35,5; P= 31; N= 14; C = 12; Ag = 108.

Chọn câu trả lời đúng cho các câu hỏi sau

Câu 1: Phát biểu nào sau đây đúng?
A. Đimetylamin có công thức $CH_3CH_2NH_2$
B. Dung dịch amino axit không làm hồng phenolphtalein.
C. Glyxin là hợp chất có tính lưỡng tính.
D. Valin tác dụng với dung dịch Br_2 tạo kết tủa.

Câu 2: Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím đổi thành màu xanh?
A. lysin. **B.** alanin. **C.** glyxin. **D.** anilin.

Câu 3: Dãy nào sắp xếp các chất theo chiều tính bazơ giảm dần?
A. NH_3, CH_3NH_2, $C_6H_5NH_2$ **B.** CH_3NH_2, $C_6H_5NH_2$, NH_3.
C. $C_6H_5NH_2$, NH_3, CH_3NH_2. **D.** CH_3NH_2, NH_3, $C_6H_5NH_2$

Câu 4: Cho 5,9 gam amin X (no, đơn chức, mạch hở) tác dụng hết với dung dịch HCl dư, thu được 9,55 gam muối. Số nguyên tử H trong phân tử X là
A. 11. **B.** 9. **C.** 5. **D.** 7.

Câu 5: Đun nóng m gam hỗn hợp X gồm các chất có cùng một loại nhóm chức với 600 ml dung dịch NaOH 2,3M, thu được dung dịch Y chứa muối của một axit cacboxylic đơn chức và 30,8 gam hơi Z gồm các ancol. Cho toàn bộ Z tác dụng với Na dư, thu được 10,08 lít khí H_2 (đktc). Cô cạn dung dịch Y, nung nóng chất rắn thu được với CaO cho đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 14,4 gam một hiđrocacbon. Giá trị của m là
A. 69,02. **B.** 49,40. **C.** 68,60. **D.** 81,20.

Câu 6: Hỗn hợp X gồm Fe, Al, Mg, FeO, Fe_3O_4 và CuO. Hòa tan 18,6 gam X trong dung dịch HNO_3 dư, thu được dung dịch chứa 68,88 gam muối và 2,24 lít khí NO (đktc). Biết lượng HNO_3 đã phản ứng là 0,98 mol. Phần trăm khối lượng oxi trong X **gần nhất** với giá trị nào?
A. 21%. **B.** 22%. **C.** 30%. **D.** 25%.

Câu 7: Cho các chất: Fe_2O_3, Cu, CuO, $FeCO_3$, $MgCO_3$, S, $FeCl_2$, $Fe(OH)_3$ lần lượt tác dụng với dung dịch HNO_3 loãng. Số phản ứng oxi hoá khử là:
A. 6. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 3.

Câu 8: Chất X có công thức $C_8H_8O_2$ là dẫn xuất của benzen, được tạo bởi axit cacboxylic và ancol tương ứng. Biết X **không** tham gia phản ứng tráng gương. Công thức của X là:
A. $CH_3COOC_6H_5$ **B.** $C_6H_5COOCH_3$ **C.** p- $HCOO-C_6H_4-CH_3$ **D.** $HCOOCH_2-C_6H_5$

Câu 9: Cho các phát biểu sau đây:
(1) Glyxin, alanin là các α–amino axit.
(2) C_4H_9N có thể là một amin no, đơn chức, mạch hở.
(3) Amin bậc II luôn có tính bazơ mạnh hơn amin bậc I.
(4) CH_3NH_2 là amin bậc I.
(5) Sau khi mổ cá, có thể dùng giấm ăn để giảm mùi tanh.
(6) Amin có trong cây thuốc lá là nicotin.
(7) Ở điều kiện thường, metylamin, etylamin, đimetylamin và trimetylamin là chất khí.
Số phát biểu đúng là
A. 5. **B.** 4. **C.** 6. **D.** 3.

Tuyensinh247.com

Câu 10: Cho 1 mol triglixerit X tác dụng với dung dịch NaOH dư, thu được 1 mol glixerol, 1 mol natri oleat và 2 mol natri stearat. Có các phát biểu sau:

(1) Phân tử X có 5 liên kết π.
(2) Có 2 đồng phân cấu tạo thỏa mãn tính chất của X.
(3) Công thức phân tử chất X là $C_{57}H_{108}O_6$.
(4) 1 mol X làm mất màu tối đa 2 mol Br_2 trong dung dịch.
(5) Đốt cháy 1 mol X thu được khí CO_2 và H_2O với số mol CO_2 lớn hơn số mol H_2O 3 mol.

Số phát biểu đúng là

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 11: Kim loại nào dưới đây bị thụ động với dung dịch HNO_3 đặc, nguội?

A. Mg. **B.** Cu. **C.** Ag. **D.** Al.

Câu 12: Cho các phát biểu sau:

(1) Dung dịch saccarozơ phản ứng với $Cu(OH)_2$ tạo dung dịch màu xanh lam.
(2) Xenlulozơ bị thuỷ phân trong dung dịch kiềm đun nóng.
(3) Dung dịch fructozơ làm mất màu nước brôm.
(4) Ở nhiệt độ thường, tinh bột tạo với dung dịch iot hợp chất có màu xanh tím.
(5) Amilozơ có cấu trúc mạch không nhánh còn amilopectin có cấu trúc mạch phân nhánh.
(6) Tinh bột là một trong những lương thực cơ bản của con người.
(7) Xenlulozơ triaxetat được dùng làm thuốc súng không khói.

Số phát biểu đúng là

A. 5. **B.** 6. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 13: Hỗn hợp E gồm hai chất hữu cơ X, Y mạch hở có cùng chức hoá học ($M_X < M_Y$). Đốt cháy hoàn toàn 21,8 gam hỗn hợp E thu được 24,64 lít CO_2 (ở đktc) và 19,8 gam H_2O. Mặt khác, cho 21,8 gam E tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được 12 gam ancol đơn chức, bậc I và hỗn hợp muối của hai axit hữu cơ đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng. X,Y lần lượt là

A. $CH_3COOCH_2CH_2CH_3$, $C_2H_5COOCH_2CH_2CH_3$.
B. $HCOOCH_2CH_2CH_3$, $CH_3COOCH_2CH_2CH_3$.
C. $CH_3COOCH(CH_3)_2$, $C_2H_5COOCH(CH_3)_2$.
D. $HCOOC_2H_5$, $CH_3COOC_2H_5$.

Câu 14: Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

A. Xenlulozơ. **B.** Glucozơ. **C.** Saccarozơ. **D.** Tinh bột.

Câu 15: Đốt cháy hoàn toàn m gam triglixerit X cần vừa đủ 2,31 mol O_2, thu được H_2O và 1,65 mol CO_2. Cho m gam X tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được glyxerol và 26,52 gam muối. Mặt khác, m gam X tác dụng được tối đa với a mol Br_2 trong dung dịch. Giá trị của a là

A. 0,09. **B.** 0,12. **C.** 0,18. **D.** 0,15.

Câu 16: Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
T	Quỳ tím	Quỳ tím chuyển màu xanh
Y	Dung dịch AgNO3 trong NH3 đun	Kết tủa Ag trắng sáng
X, Y	Cu(OH)2	Dung dịch xanh lam
Z	Nước brom	Kết tủa trắng

X, Y, Z, T lần lượt là:

A. Etylamin, glucozơ, saccarozơ, anilin. **B.** Saccarozơ, glucozơ, anilin, etylamin.
C. Saccarozơ, anilin, glucozơ, etylamin. **D.** Anilin, etylamin, saccarozơ, glucozơ.

Câu 17: Ở trạng thái rắn, hợp chất X tạo thành một khối trắng gọi là "nước đá khô". Nước đá khô không nóng chảy mà thăng hoa, được dùng để tạo môi trường lạnh không có hơi ẩm. Chất X là

A. O_2 **B.** N_2 **C.** H_2O **D.** CO_2

Câu 18: Xà phòng hoá hoàn toàn 35,6 gam chất béo X cần vừa đủ dung dịch chứa 0,12 mol NaOH. Cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được m gam muối. Giá trị của m là

A. 38,08. **B.** 29,36. **C.** 36,72. **D.** 38,24.

Tuyensinh247.com

Câu 19: Đốt cháy hoàn toàn một amino axit X (phân tử có 1 nhóm -COOH và 1 nhóm $-NH_2$) X bằng O_2, thu được 1,12 lít N_2, 8,96 lít CO_2 (các khí đo ở đktc) và 8,1 gam H_2O. Công thức phân tử của X là

A. $C_4H_{11}NO_2$. **B.** $C_3H_9NO_2$. **C.** $C_4H_9NO_2$. **D.** $C_3H_7NO_2$.

Câu 20: Cho 54 gam glucozơ lên men rượu với hiệu suất 75%, thu được m gam C_2H_5OH. Giá trị của m là

A. 36,80 **B.** 10,35 **C.** 27,60 **D.** 20,70

Câu 21: Khối lượng glucozo tạo thành khi thủy phân hoàn toàn 1kg mùn cưa có 40% xenlulozo, còn lại là tạp chất trơ là

A. 444,44 gam. **B.** 400,00 gam. **C.** 450,00 gam. **D.** 420,44 gam

Câu 22: Đun nóng dung dịch chứa 27,0 gam glucozơ với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3, đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam Ag. Giá trị của m là

A. 16,2. **B.** 10,8. **C.** 21,6. **D.** 32,4.

Câu 23: **X**, **Y** là hai axit cacboxylic đều đơn chức; **Z** là ancol no; **T** là este mạch hở được tạo bởi **X**, **Y**, **Z** có công thức tổng quát dạng $C_nH_{2n-6}O_4$. Đốt cháy hoàn toàn 30,61 gam hỗn hợp **E** chứa **X**, **Y**, **Z**, **T**, thu được 1,29 mol CO_2. Mặt khác, đun nóng 30,61 gam **E** với 400 ml dung dịch NaOH 1M (vừa đủ), cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được 5,89 gam ancol **Z** và 36,4 gam muối. Phần trăm khối lượng của **T** có trong hỗn hợp **E** là

A. 45,67%. **B.** 53,79% **C.** 44,43%. **D.** 54,78%.

Câu 24: Công thức nào sau đây có thể là công thức của chất béo ?

A. $C_{15}H_{31}COOCH_3$. **B.** $(C_{17}H_{33}COO)_2C_2H_4$. **C.** $(C_{16}H_{33}COO)_3C_3H_5$. **D.** $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$.

Câu 25: Este có mùi thơm của hoa nhài là

A. etyl axetat. **B.** benzyl axetat. **C.** geranyl axetat. **D.** isoamyl axetat.

Câu 26: Metyl fomat có công thức hóa học là

A. $CH_3COOC_2H_5$. **B.** $HCOOCH_3$. **C.** CH_3COOCH_3. **D.** $HCOOC_2H_5$.

Câu 27: Hoà tan 8,8 gam hỗn hợp X gồm Mg và Cu trong dung dịch HCl dư, sau khi phản ứng xảy ra thì thu được 3,36 lít khí H_2(đktc). Khối lượng của Cu trong hỗn hợp X là

A. 3,2 g **B.** 2,4 g. **C.** 5,2 g **D.** 6,4 g

Câu 28: Chất hữu cơ X (chứa vòng benzen) có công thức là $CH_3COOC_6H_5$. Khi đun nóng, a mol X tác dụng được với tối đa bao nhiêu mol NaOH trong dung dịch?

A. 3a mol. **B.** 2a mol. **C.** 4a mol. **D.** a mol.

Câu 29: Hỗn hợp X gồm 2 amino axit no (chỉ có nhóm chức –COOH và $–NH_2$ trong phân tử), trong đó tỉ lệ $m_O : m_N = 80 : 21$. Để tác dụng vừa đủ với 3,83 gam hỗn hợp X cần 30 ml dung dịch HCl 1M. Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn 3,83 gam hỗn hợp X cần 3,192 lít O_2 (đktc). Dẫn toàn bộ sản phẩm cháy vào nước vôi trong dư thì khối lượng kết tủa thu được là

A. 20 gam. **B.** 13 gam. **C.** 10 gam. **D.** 15 gam.

Câu 30: Cho các phát biểu sau:

(1) Mỡ lợn hoặc dầu dừa có thể dùng làm nguyên liệu để sản xuất xà phòng

(2) Nước ép của quả nho chín có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc.

(3) Trong môi trường axit, fructozơ chuyển hóa thành glucozơ.

(4) Công thức của xenlulozơ có thể biểu diễn là $[C_6H_7O_2(OH)_3]_n$.

(5) Phân tử saccarozơ được cấu tạo từ gốc α- glucozoơ và β-fructozơ.

(6) Dầu mỡ động thực vật bị ôi thiu do liên kết C=C của chất béo bị oxi hóa.

Số phát biểu đúng là

A. 5 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 6.

Câu 31: Thủy phân este X ($C_4H_6O_2$) trong môi trường axit, thu được anđehit. Công thức của X là

A. $CH_2=CHCOOCH_3$. **B.** CH_3COOCH_3. **C.** $CH_3COOCH=CH_2$. **D.** $HCOOCH_2CH=CH_2$.

Tuyensinh247.com

Câu 32: Cho các chất sau: tripanmitin, alanin, tinh bột, glucozơ, metyl axetat, metylamin. Số chất phản ứng với dung dịch HCl (đun nóng) là

A. 4. **B.** 6. **C.** 3. **D.** 5.

Câu 33: Khi đốt cháy hoàn toàn một este no, đơn chức thì số mol CO_2 sinh ra bằng số mol O_2 đã phản ứng. Công thức phân tử của este là

A. $C_3H_6O_2$. **B.** $C_2H_6O_2$. **C.** $C_4H_8O_2$. **D.** $C_2H_4O_2$.

Câu 34: Để phân biệt các dung dịch $BaCl_2$, HCl, $Ba(OH)_2$ có thể dùng dung dịch

A. Na_2SO_4. **B.** NaOH. **C.** $NaHCO_3$. **D.** $NaNO_3$.

Câu 35: Cho dãy các chất: Saccarozơ, fructozơ, amilozơ, amilopectin và xenlulozơ. Số chất trong dãy khi thủy phân hoàn toàn sinh ra sản phẩm duy nhất là glucozơ có

A. 3 chất. **B.** 2 chất. **C.** 4 chất. **D.** 5 chất.

Câu 36: Thủy phân hoàn toàn 7,4 gam este đơn chức, mạch hở X cần vừa đủ 100 ml dung dịch KOH 1M thu được 4,6 gam một ancol Y. Tên gọi của X là

A. metyl axetat. **B.** etyl axetat. **C.** etyl fomat **D.** metyl fomat.

Câu 37: Sục CO_2 vào dung dịch chứa m gam hỗn hợp gồm $Ca(OH)_2$ và NaOH ta quan sát hiện tượng theo đồ thị hình bên (số liệu tính theo đơn vị mol). Giá trị của m và x lần lượt là

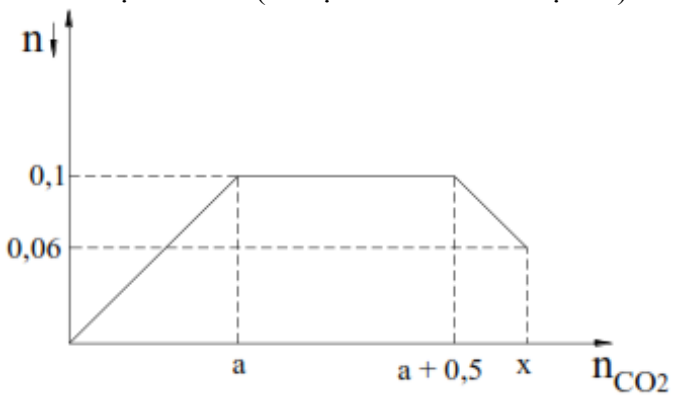

A. 27,4 (g) và 0,64(mol) **B.** 17,4 (g) và 0,66(mol) **C.** 27,4 (g) và 0,66(mol) **D.** 17,4 (g) và 0,64(mol)

Câu 38: Tinh thể chất rắn X không màu, vị ngọt, dễ tan trong nước. X có nhiều trong mật ong nên làm cho mật ong có vị ngọt sắc. Trong công nghiệp, X được điều chế băng phản ứng thủy phân chất Y. Tên gọi của X và Y lần lượt là

A. glucozơ và fructozơ. **B.** saccarozơ và xenlulozơ. **C.** fructozơ và saccarozơ. **D.** saccarozơ và glucozơ.

Câu 39: Hợp chất X có công thức phân tử $C_5H_8O_4$. Từ X thực hiện các phản ứng (theo đúng tỉ lệ mol):

(1) $X + 2NaOH \xrightarrow{t^o} X_1 + 2X_2$

(2) $X_1 + H_2SO_4 \rightarrow X_3 + Na_2SO_4$

(3) $X_2 + X_3 \xrightarrow{H^+, t^o} X_4 + H_2O$

Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. X_1 có 4 nguyên tử H trong phân tử.

B. X_2 có 1 nguyên tử O trong phân tử.

C. 1 mol X_3 hoặc X_4 đều có thể tác dụng tối đa với 2 mol NaOH.

D. X có cấu tạo mạch không nhánh.

Câu 40: Khi cho 0,1 mol este X $C_5H_{10}O_2$ tác dụng hoàn toàn với dung dịch NaOH dư thì khối lượng muối thu được là 8,2 gam. Số đồng phân cấu tạo của X thỏa mãn là

A. 1. **B.** 2. **C.** 4. **D.** 3.

---------- HẾT ----------

Tuyensinh247.com

ĐÁP ÁN ĐỀ KTCL ÔN THI THPT QUỐC GIA
LẦN 1 - Năm học: 2019-2020
MÔN: Hóa - LỚP 12

Câu	Mã đề	Đ.A	Mã đề	Đ.A	Mã đề	Đ.A	Mã đề	Đ.A	Mã đề	Đ.A	Mã đề	Đ.A	Mã đề	Đ.A	Mã đề	Đ.A
1	132	C	209	C	357	A	485	D	570	B	628	C	743	A	896	D
2	132	A	209	B	357	B	485	B	570	B	628	A	743	B	896	B
3	132	D	209	D	357	A	485	B	570	A	628	C	743	D	896	A
4	132	B	209	A	357	D	485	B	570	C	628	B	743	D	896	A
5	132	D	209	B	357	B	485	C	570	B	628	C	743	D	896	A
6	132	A	209	B	357	D	485	B	570	D	628	C	743	B	896	C
7	132	B	209	D	357	C	485	A	570	B	628	A	743	C	896	D
8	132	B	209	A	357	B	485	C	570	C	628	A	743	B	896	D
9	132	A	209	D	357	C	485	C	570	C	628	B	743	C	896	D
10	132	C	209	D	357	A	485	C	570	A	628	D	743	D	896	B
11	132	D	209	A	357	B	485	A	570	D	628	A	743	C	896	D
12	132	D	209	A	357	A	485	C	570	B	628	D	743	A	896	A
13	132	A	209	B	357	A	485	B	570	B	628	B	743	C	896	D
14	132	B	209	A	357	D	485	C	570	A	628	C	743	A	896	C
15	132	A	209	A	357	D	485	D	570	C	628	B	743	B	896	C
16	132	B	209	C	357	D	485	A	570	D	628	C	743	A	896	B
17	132	D	209	B	357	A	485	D	570	A	628	A	743	D	896	D
18	132	C	209	C	357	B	485	B	570	C	628	A	743	C	896	A
19	132	C	209	D	357	A	485	D	570	C	628	B	743	D	896	A
20	132	D	209	A	357	D	485	A	570	A	628	D	743	A	896	D
21	132	A	209	A	357	B	485	A	570	D	628	A	743	A	896	D
22	132	D	209	B	357	A	485	A	570	A	628	D	743	C	896	B
23	132	C	209	B	357	A	485	C	570	D	628	C	743	A	896	C
24	132	D	209	C	357	C	485	D	570	B	628	B	743	D	896	B
25	132	B	209	D	357	D	485	D	570	A	628	B	743	B	896	C
26	132	B	209	D	357	D	485	D	570	B	628	D	743	D	896	A
27	132	C	209	B	357	B	485	B	570	D	628	A	743	A	896	A
28	132	B	209	B	357	A	485	B	570	C	628	B	743	B	896	B
29	132	B	209	B	357	C	485	A	570	C	628	A	743	B	896	B
30	132	A	209	C	357	C	485	D	570	A	628	D	743	B	896	C
31	132	C	209	C	357	C	485	A	570	D	628	B	743	D	896	B
32	132	D	209	D	357	C	485	A	570	B	628	D	743	C	896	C
33	132	D	209	D	357	B	485	C	570	A	628	A	743	C	896	C
34	132	C	209	A	357	C	485	C	570	C	628	B	743	C	896	C
35	132	A	209	C	357	D	485	D	570	B	628	C	743	C	896	A
36	132	C	209	A	357	D	485	B	570	A	628	C	743	B	896	A
37	132	A	209	C	357	C	485	A	570	D	628	C	743	A	896	C
38	132	C	209	C	357	B	485	D	570	C	628	D	743	A	896	B
39	132	A	209	D	357	C	485	B	570	D	628	D	743	B	896	D
40	132	B	209	C	357	B	485	C	570	D	628	D	743	D	896	B

Tuyensinh247.com

SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC
TRƯỜNG THPT QUANG HÀ

ĐỀ KIỂM TRA KHẢO SÁT ÔN THI THPT QUỐC GIA 2020- LẦN 1
Bài thi: KHOA HỌC TỰ NHIÊN
Môn thi thành phần: HÓA HỌC
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi 119

Cho nguyên tử khối của các nguyên tố:
H = 1; He = 4; Li = 7; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39;Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108.

Câu 41: Cho dãy các hợp chất hữu cơ: triolein, metyl propionat, tinh bột, axit axetic, axit fomic, vinyl axetat. Có bao nhiêu chất trong dãy khi đốt hoàn toàn thu được số mol CO_2 và H_2O không bằng nhau?
A. 5. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 4.

Câu 42: Cho các chất sau: CH_3COOCH_3, $HCOOCH_3$, $HCOOC_6H_5$, $CH_3COOC_2H_5$. Chất có nhiệt độ sôi thấp nhất là
A. $HCOOC_6H_5$. **B.** $CH_3COOC_2H_5$. **C.** $HCOOCH_3$. **D.** CH_3COOCH_3.

Câu 43: Phát biểu nào sau đây **sai**?
A. Ở điều kiện thường, chất béo $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ ở trạng thái rắn.
B. Metyl acrylat, tripanmitin và tristearin đều là este.
C. Thủy phân hoàn toàn chất béo luôn thu được glixerol.
D. Fructozơ có nhiều trong mật ong.

Câu 44: Nhận định nào sau đây **sai**?
A. Các este đều tham gia phản ứng thủy phân. **B.** Các este thường có mùi thơm đặc trưng.
C. Các este rất ít tan trong nước. **D.** Các este đều tồn tại ở thể rắn.

Câu 45: Saccarozơ là loại đường phổ biến nhất, có nhiều trong cây mía, củ cải đường và hoa thốt nốt.Công thức phân tử của saccarozơ là
A. $(C_6H_{10}O_5)_n$. **B.** $C_{12}H_{24}O_{12}$. **C.** $C_{12}H_{22}O_{11}$. **D.** $C_6H_{12}O_6$.

Câu 46: Cho từ từ dung dịch HCl 1M vào 200 ml dung dịch **X** chứa Na_2CO_3 và $NaHCO_3$. Phản ứng được biểu diễn theo đồ thị sau:

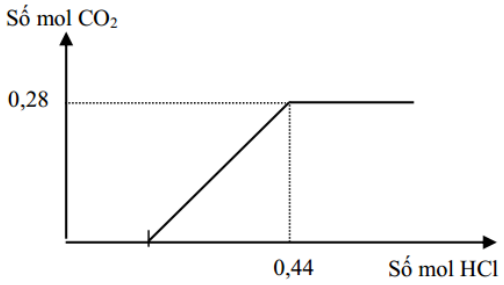

Nếu cho từ từ 200 ml dung dịch HCl 0,8M và H_2SO_4 aM vào 200 ml dung dịch **X**, thu được dung dịch **Y** và 1,792 lít khí CO_2 (đktc). Cho dung dịch $Ba(OH)_2$ dư vào **Y**, thu được mgam kết tủa. Giá trị của m là
A. 44,06. **B.** 39,40. **C.** 48,72. **D.** 41,73.

Câu 47:Các phát biểu sau:
(a) Glucozơ phản ứng với H_2 (t^o, Ni) cho sản phẩm là sobitol.
(b) Trong môi trường axit, glucozơ và fructozơ có thể chuyển hóa lẫn nhau.
(c) Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng với dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3.
(d) Glucozơ và fructozơ đều hòa tan $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường cho dung dịch màu xanh lam.
(e) Fructozơ là hợp chất đa chức.
(d) Có thể điều chế ancol etylic từ glucozơ bằng phương pháp sinh hóa.

Số phát biểu đúng là
A. 3. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 5.

Câu 48: Đun nóng 5,18 gam metyl axetat với 100ml dung dich NaOH 1M đến phản ứng hoàn toàn. Cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

A. 6,28. **B.** 8,20. **C.** 6,94. **D.** 5,74.

Câu 49: Cho các sơ đồ phản ứng theo đúng tỉ lệ mol:

(a) $X + 3\,H_2O \xrightleftharpoons{H_2SO_4, t^o} X_1 + X_2 + X_3 + X_4$

(b) $X_1 + 2\,H_2 \xrightleftharpoons{Ni, t^o} X_2$

Cho biết X là triglixerit có số liên kết $\pi < 6$ và có 55 nguyên tử C trong phân tử; X_1, X_2, X_3, X_4 là những hợp chất hữu cơ khác nhau, X_2 có nhiều hơn X_3 hai nhóm CH_2. Nhận định nào sau đây **không** đúng?

A. X_3 có % mH =12,5%. **B.** X_4 là glixerol.

C. X có 5 liên kết π. **D.** X_1 có % mC < 70%.

Câu 50: Nung hỗn hợp X gồm: metan, etilen, popin, vinyl axetilen và a mol H_2 có xúc tác Ni (chỉ xảy ra phản ứng cộng H_2), thu được 0,2 mol hỗn hợp Y (gồm các hiđrocacbon) có tỷ khối so với H_2 là 14,4. Biết 0,1 mol Y phản ứng tối đa với 0,06 mol Br_2 trong dung dịch. Giá trị của a là

A. 0,06. **B.** 0,08. **C.** 0,04. **D.** 0,10.

Câu 51: Cho m gam glucozơ tác dụng với H_2 (xúc tác Ni, t^0, hiệu suất 80%) thu được 36,4 gam sobitol. Giá trị của m là

A. 45,0. **B.** 36,0. **C.** 45,5. **D.** 40,5.

Câu 52: Thực hiện phản ứng este hóa giữa axit axetic với glixerol (xúc tác H_2SO_4 đặc, đun nóng), số sản phẩm hữu cơ chứa chức este có thể thu được là

A. 5. **B.** 1. **C.** 4. **D.** 3.

Câu 53: Cho sơ đồ phản ứng sau (các phản ứng ở điều kiện và xúc tác thích hợp):

(1) $C_6H_{12}O_6$ (glucozơ) → X + Y; (2) X + O_2 → Z + T;

(3) Y + T → $(C_6H_{10}O_5)_n + O_2$; (4) X + Z → P + T;

Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Chất P là etyl axetat. **B.** Ở nhiệt độ thường, chất Y tan tốt trong chất T.

C. Chất X có nhiệt độ sôi thấp hơn chất Z. **D.** Đốt cháy hoàn toàn chất Z, thu được Y và T.

Câu 54: Muối kẽm photphua thường được dùng để làm thuốc diệt chuột. Công thức hóa học của kẽm photphua là

A. Zn_2P_3. **B.** $Zn_3(PO_4)_2$. **C.** ZnS. **D.** Zn_3P_2.

Câu 55: Đun nóng dung dịch chứa 18,0 gam glucozơ với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3, đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam Ag. Giá trị của m là

A. 10,8. **B.** 32,4. **C.** 21,6. **D.** 16,2.

Câu 56: Thủy phân m gam xenlulozơ trong môi trường axit. Cho sản phẩm tác dụng với $AgNO_3$ dư trong NH_3 đun nóng, sau phản ứng hoàn toàn thu được 1,1m gam Ag. Hiệu suất của phản ứng thủy phân là

A. 81,0%. **B.** 78,5%. **C.** 84,5%. **D.** 82,5%.

Câu 57: Đun nóng 48 gam axit axetic với lượng dư ancol etylic (xúc tác axit H_2SO_4 đặc), thu được 45,76 gam este. Hiệu suất của phản ứng este hóa là

A. 55%. **B.** 75%. **C.** 60%. **D.** 65%.

Câu 58: Tiến hành thí nghiệm điều chế xà phòng theo các bước sau đây:

Bước 1: Cho vào bát sứ nhỏ khoảng 1 ml dầu dừa và 3 ml dung dịch NaOH 40%.

Bước 2: Đun hỗn hợp sôi nhẹ và liên tục khuấy đều bằng đũa thủy tinh khoảng 8-10 phút. Thỉnh thoảng thêm vài giọt nước cất.

Bước 3: Để nguội hỗn hợp.

Bước 4: Rót thêm vào hỗn hợp 4-5 ml dung dịch NaCl bão hòa nóng, khuấy nhẹ. Sau đó để nguội.

Nhận định **không** đúng về thí nghiệm này là

A. Ở bước 2, nếu không thêm nước cất, hỗn hợp bị cạn khô thì phản ứng thủy phân không xảy ra.

B. Việc thêm dung dịch NaCl bão hòa ở bước 4 nhằm giúp xà phòng nổi lên trên mặt, dễ dàng tách ra khỏi hỗn hợp.

C. Sau bước 3, khi để nguội ta thấy phần dung dịch bên trên có một lớp chất lỏng màu trắng đục.

D. Ở bước 1, có thể thay thế dầu dừa bằng mỡ động vật.

Tuyensinh247.com

Câu 59: Hỗn hợp X gồm metyl fomat, đimetyl oxalat, glixeryl triaxetat và phenyl axetat. Thủy phân hoàn toàn 4,73 gam X trong dung dịch NaOH dư, đun nóng, thu được m gam hỗn hợp muối và 1,56 gam hỗn hợp Y gồm các ancol. Cho Y tác dụng với Na dư, thu được 0,56 lít khí H_2 (đktc). Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn 4,73 gam X bằng oxi, thu được 9,24 gam CO_2 và 2,61 gam H_2O. Giá trị của m **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

A. 5,3. **B.** 5,5. **C.** 5,9. **D.** 5,8.

Câu 60: Hỗn hợp 2 este X, Y là hợp chất thơm có cùng công thức phân tử là $C_8H_8O_2$. Cho 4,08 gam hỗn hợp trên tác dụng vừa đủ với 1,6 gam NaOH, thu được dung dịch Z chứa 3 chất hữu cơ. Khối lượng muối có trong dung dịch Z là

A. 2,66. **B.** 4,96. **C.** 3,34. **D.** 5,94.

Câu 61: Cho 1 mol triglixerit **X** tác dụng với dung dịch NaOH dư, thu được 1 mol glixerol, 1 mol natri panmitat và 2 mol natri oleat. Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. 1 mol **X** phản ứng được với tối đa 2 mol Br_2. **B.** Số công thức cấu tạo phù hợp của **X** là 2.

C. Phân tử **X** có 5 liên kết π. **D.** Công thức phân tử của **X** là $C_{52}H_{102}O_6$.

Câu 62: Đốt cháy hoàn toàn 9,0 gam cacbohiđrat **X** cần 6,72 lít O_2 (đktc) thu được CO_2 và H_2O. Hấp thụ hết sản phẩm cháy bằng 250 ml dung dịch $Ba(OH)_2$ thì thấy khối lượng dung dịch giảm 1,1 gam. Nồng độ mol/l của dung dịch $Ba(OH)_2$ là

A. 0,2M. **B.** 0,3M. **C.** 0,4M. **D.** 0,8M.

Câu 63: Tên gọi của chất béo có công thức $(CH_3[CH_2]_{16}COO)_3C_3H_5$ là

A. triolein. **B.** tristearin. **C.** tripanmitin. **D.** trilinolein.

Câu 64: Tiến hành sản xuất ancol etylic từ xenllulozơ với hiệu suất của toàn bộ quá trình là 70%. Để sản xuất 2 tấn ancol etylic, khối lượng xenlulozơ cần dùng là

A. 5,031 tấn. **B.** 10,062 tấn. **C.** 3,521 tấn. **D.** 2,515 tấn.

Câu 65: Cho 5,1 gam este đơn chức **Y** tác dụng với dung dịch NaOH dư, thu được 4,80 gam muối và 2,3 gam một ancol. Công thức cấu tạo của **Y** là

A. $C_3H_7COOC_2H_5$. **B.** $C_2H_5COOC_2H_5$. **C.** $HCOOCH_3$. **D.** $C_3H_7COOCH_3$.

Câu 66: Hỗn hợp **X** chứa ba este đều no, mạch hở và không chứa nhóm chức khác. Đốt cháy hoàn toàn 0,24 mol **X** với lượng oxi vừa đủ, thu được 60,72 gam CO_2 và 22,14 gam H_2O. Mặt khác, đun nóng 0,24 mol **X** với dung dịch KOH vừa đủ, thu được hỗn hợp gồm hai ancol đều đơn chức có tổng khối lượng là 20,88 gam và hỗn hợp **Z** chứa hai muối của hai axit cacboxylic có mạch không phân nhánh, trong đó có x gam muối **X** và y gam muối **Y** ($M_X < M_Y$). Tỉ lệ **gần nhất** của x : y là

A. 0,5. **B.** 0,3. **C.** 0,4. **D.** 0,6.

Câu 67: Cho sơ đồ chuyển hóa:

$$\text{Xenlulozơ} \xrightarrow[t^0]{+H_2O, H^+} \mathbf{X} \xrightarrow{+\text{Dung dịch } AgNO_3/NH_3 \text{ dư}} \mathbf{Y} \xrightarrow{+\text{Dung dịch } HCl} \mathbf{Z}$$

Trong sơ đồ trên, các chất **X, Y, Z** lần lượt là

A. fructozơ, amino gluconat, axit gluconic. **B.** glucozơ, amino gluconat, axit gluconic.

C. fructozơ, amoni gluconat, axit gluconic. **D.** glucozơ, amoni gluconat, axit gluconic.

Câu 68: Trộn m gam hỗn hợp X gồm Mg, Fe, Fe_3O_4, Cu và CuO (trong đó nguyên tố O chiếm 12,82% theo khối lượng hỗn hợp) với 7,05 gam $Cu(NO_3)_2$, thu được hỗn hợp Y. Hòa tan hoàn toàn Y trong dung dịch chứa đồng thời HCl; 0,05 mol KNO_3 và 0,1 mol $NaNO_3$. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch Z chỉ chứa muối clorua và 0,15 mol hỗn hợp khí T gồm N_2 và NO. Tỉ khối của T so với H_2 là 14,667. Cho Z phản ứng với dung dịch $Ba(OH)_2$ dư, kết thúc phản ứng thu được 56,375 gam kết tủa. Giá trị của m gần nhất với giá trị nào sau đây?

A. 33. **B.** 30. **C.** 31. **D.** 32.

Câu 69: Một loại xenlulozơ trong thành phần của sợi bông có khối lượng phân tử là 5184000 đvC. Trong phân tửxenlulozơ trên có x nguyên tử H và y nhóm –OH. Tổng giá trị (x+y) có giá trị là

A. 352000. **B.** 384000. **C.** 416000. **D.** 320000.

Câu 70: Hỗn hợp **X** gồm các triglixerit trong phân tử đều chứa axit stearic, axit oleic, axit linoleic. Đốt cháy hoàn toàn m gam **X** cần a mol O_2 thu được 0,285 mol CO_2. Xà phòng hóa hoàn toàn m gam **X** bằng dung dịch NaOH vừa đủ được m_1 gam muối. Giá trị a và m_1 lần lượt là

A. 0,8 và 8,82. **B.** 0,4 và 4,56. **C.** 0,4 và 4,32. **D.** 0,8 và 4,56.

Câu 71: Dãy gồm các dung dịch đều tham gia phản ứng tráng bạc là

A. Glucozơ, fructozơ, anđehit axetic. **B.** Glucozơ, fructozơ, saccarozơ.

C. Glucozơ, glixerol, axit fomic. **D.** Fructozơ, glixerol, anđehit axetic.

Tuyensinh247.com

Câu 72: Để điều chế etyl axetat trong phòng thí nghiệm, lắp dụng cụ như hình vẽ sau:

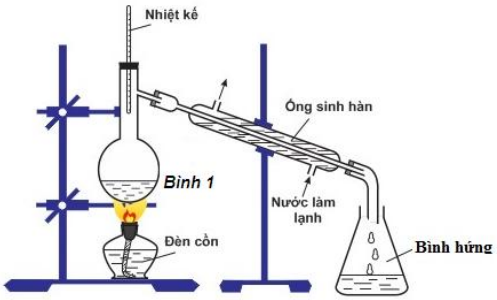

Hóa chất được cho vào bình 1 trong thí nghiệm trên là

A. axit axetic, etanol và axit H_2SO_4 đặc. **B.** Axit axetic và etanol.

C. axit axetic và metanol. **D.** Axit axetic, metanol và axit H_2SO_4 đặc.

Câu 73: Thủy phân hoàn toàn ese X hai chức, mạch hở có công thức phân tử $C_6H_{10}O_4$ trong dung dịch NaOH, đun nóng, sản phẩm thu được gồm hai muối và một ancol. Công thức của X là

A. $HCOOCH_2CH_2OOCCH_2CH_3$. **B.** $CH_3OOCCH_2CH_2COOCH_3$.

C. $CH_3COOCH_2CH_2OOCCH_3$. **D.** $CH_3OOCCH_2COOCH_2CH_3$.

Câu 74: Số este có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ là

A. 2. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 6.

Câu 75: Đun nóng este X với dung dịch NaOH, thu được muối CH_2=CHCOONa và ancol CH_3OH. Tên gọi của X là

A. metyl axetat. **B.** metyl acrylat. **C.** vinyl axetat. **D.** etyl acrylat.

Câu 76: Khi thủy phân hợp chất hữu cơ **X** (không có phản ứng tráng bạc) trong môi trường axit, rồi trung hòa axit thì dung dịch thu được có phản ứng tráng bạc. **X** là

A. anđehit axetic. **B.** ancol etylic. **C.** glixerol. **D.** saccarozơ.

Câu 77: Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp metyl axetat và etyl axetat, thu được CO_2 và m gam H_2O. Hấp thụ toàn bộ sản phẩm cháy vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư, thu được 25 gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 5,4. **B.** 6,3. **C.** 4,5. **D.** 3,6.

Câu 78: Cho **X**, **Y** là 2 axit cacboxylic hai chức, mạch hở, đồng đẳng kế tiếp, **Z**, **T** là hai este hơn kém nhau 1 nhóm CH_2, **Y** và **Z** là đồng phân của nhau, ($M_X < M_Y < M_T$). Đốt cháy 23,04 gam hỗn hợp **E** gồm **X**, **Y**, **Z** và **T** cần dùng 20,48 gam O_2. Mặt khác, 5,76 gam hỗn hợp **E** tác dụng vừa đủ 200 ml dung dịch NaOH 0,5M thu được 1,4 gam hỗn hợp 3 ancol có số mol bằng nhau. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Phần trăm về khối lượng của **X** có trong hỗn hợp **E gần nhất** với giá trị nào sau đây?

A. 36. **B.** 18. **C.** 20. **D.** 40.

Câu 79: Cho các phát biểu sau:

(a) Chất béo được gọi chung là triglixerit hay triaxylglixerol.

(b) Chất béo nhẹ hơn nước, không tan trong nước nhưng tan nhiều trong dung môi hữu cơ.

(c) Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm là phản ứng thuận nghịch.

(d) Tripanmitin, triolein có công thức lần lượt là: $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$, $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$.

Số phát biểu đúng là

A. 3. **B.** 1. **C.** 4. **D.** 2.

Câu 80: Đốt cháy hoàn toàn 12,0 gam este X cần dùng 0,4 mol oxi, sản phẩm cháy dẫn qua bình chứa dung dịch $Ca(OH)_2$ dư, thu được 40 gam kết tủa. Mặt khác, đun nóng 18,0 gam X với 450 ml dung dịch NaOH 1M, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam rắn khan. Giá trị của m là

A. 24,2. **B.** 26,4. **C.** 24,6. **D.** 20,4.

---------- HẾT ----------

Tuyensinh247.com

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM KHẢO SÁT THPT QUỐC GIA 2020 MÔN HÓA KHỐI 12

Câu	Mã đề 119	Mã đề 220	Mã đề 319	Mã đề 420	Mã đề 519	Mã đề 620
41	B	D	D	A	A	A
42	C	A	C	B	D	D
43	A	D	A	C	A	A
44	D	B	C	C	C	B
45	C	D	B	C	B	B
46	C	B	C	B	B	D
47	A	B	D	D	D	A
48	C	A	C	C	B	D
49	D	C	D	B	C	B
50	B	A	C	C	D	C
51	A	C	D	A	D	C
52	A	A	D	D	C	C
53	B	C	D	C	C	A
54	D	C	B	A	C	D
55	C	A	A	A	B	D
56	D	C	B	D	C	D
57	D	C	C	C	B	A
58	C	B	B	A	B	C
59	D	B	A	D	A	A
60	C	B	A	B	B	A
61	D	A	B	A	D	C
62	D	D	C	A	A	B
63	B	C	A	D	B	C
64	A	D	B	A	B	D
65	B	D	B	C	B	A
66	B	B	D	D	D	A
67	D	A	D	B	A	C
68	C	C	B	D	A	B
69	C	A	C	B	A	B
70	B	D	D	B	D	B
71	A	B	A	B	C	C
72	A	D	C	A	A	A
73	A	B	A	D	C	B
74	B	A	A	D	A	B
75	B	D	A	D	C	C
76	D	D	C	C	A	B
77	C	C	B	B	C	D
78	A	A	A	B	D	C
79	A	C	B	C	D	D
80	B	B	D	A	D	D

luyensinh247.com

SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC
TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

Mã đề thi: 134

KÌ THI KSCĐ LỚP 12 LẦN I. NĂM HỌC 2019 - 2020
Đề thi môn: Hóa học
Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian giao đề
(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm)

SBD: …… Họ và tên thí sinh: ……..

Câu 1: Tiến hành thí nghiệm như hình vẽ:
Ban đầu trong cốc chứa nước vôi trong. Sục rất từ từ CO_2 vào cốc cho tới dư. Hỏi độ sáng của bóng đèn thay đổi như thế nào?

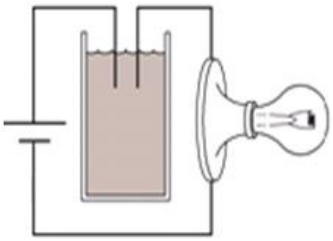

A. Giảm dần đến tắt rồi lại sáng tăng dần. **B.** Tăng dần rồi giảm dần đến tắt.
C. Tăng dần. **D.** Giảm dần đến tắt.

Câu 2: Từ etilen, có thể điều chế trực tiếp hợp chất nào sau đây?
A. Anđehit axetic. **B.** Propan. **C.** Metan. **D.** Axit axetic.

Câu 3: Lên men 12,15 kg tinh bột với hiệu suất 70%, thu được V lít rượu 40°. Giá trị của V gần nhất với giá trị nào sau đây?
A. 8,6. **B.** 21,6. **C.** 15,1. **D.** 30,8.

Câu 4: Đốt cháy 3,1 gam P bằng lượng dư O_2, cho sản phẩm thu được vào nước, được 200 ml dung dịch X. Nồng độ mol/l của dung dịch X là
A. 0,1. **B.** 0,2. **C.** 0,25. **D.** 0,5.

Câu 5: Đốt cháy hoàn toàn 4,4 gam chất hữu cơ X, thu được 8,8 gam CO_2 và 3,6 gam nước. Công thức đơn giản nhất của X là
A. CH_2O_2. **B.** $C_2H_4O_2$. **C.** CH_2O. **D.** C_2H_4O.

Câu 6: Đun este X với dung dịch H_2SO_4 loãng, thu được dung dịch Y. Trung hòa dung dịch Y rồi thực hiện phản ứng tráng bạc thấy có kết tủa trắng bạc sinh ra. X là este nào dưới đây?
A. Anlyl axetat. **B.** Metyl fomat. **C.** Phenyl acrylat. **D.** Bezyl axetat.

Câu 7: Dãy gồm các chất được xếp theo chiều tính bazơ giảm dần từ trái sang phải là
A. CH_3NH_2, NH_3, $C_6H_5NH_2$. **B.** CH_3NH_2, $C_6H_5NH_2$, NH_3.
C. $C_6H_5NH_2$, NH_3, CH_3NH_2. **D.** NH_3, CH_3NH_2, $C_6H_5NH_2$.

Câu 8: Nguyên tử nguyên tố X có tổng số hạt cơ bản (proton, nơtron, electron) là 48. X có số khối chênh lệch với số khối trung bình không quá 1 đơn vị. X là
A. Si. **B.** Cl. **C.** S. **D.** P.

Câu 9: Cho NH_3 dư vào dung dịch chất nào sau đây, thu được kết tủa?
A. $Cu(NO_3)_2$. **B.** $ZnCl_2$. **C.** $FeSO_4$. **D.** $AgNO_3$.

Câu 10: Đun nóng metyl axetat với dung dịch NaOH, thu được muối là
A. HCOONa. **B.** CH_3OH. **C.** CH_3COONa. **D.** C_2H_5OH.

Câu 11: Glyxylalanin có công thức là
A. H_2N-CH_2-CO-NH-CH(CH_3)-COOH. **B.** H_2N-CH_2-CO-NH-CH_2-COOH.
C. H_2N- CH(CH_3)-CO-NH-CH(CH_3)-COOH. **D.** H_2N- CH(CH_3)-CO-NH-CH_2-COOH.

Câu 12: Hằng số cân bằng hóa học phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?
A. Áp suất. **B.** Nhiệt độ. **C.** Xúc tác. **D.** Nồng độ.

Câu 13: Cặp chất nào dưới đây phản ứng được với nhau ở điều kiện thường?
A. P và O_2. **B.** N_2 và Cl_2. **C.** H_2 và O_2. **D.** H_2 và Cl_2.

Câu 14: Stiren có công thức phân tử là
A. C_6H_8. **B.** C_8H_8. **C.** C_9H_8. **D.** C_7H_7.

Tuyensinh247.com

Câu 15: Nhận xét nào sau đây đúng?

A. Amophot là phân hỗn hợp.
B. Độ dinh dưỡng của phân đạm được tính bằng hàm lượng %N trong phân đạm.
C. Phân đạm cung cấp nguyên tố dinh dưỡng là K cho cây trồng.
D. Độ dinh dưỡng của phân lân được tính bằng hàm lượng %P trong phân lân.

Câu 16: Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Trong phản ứng tráng bạc, anđehit là chất oxi hóa.
B. Axit fomic không làm mất màu nước brom.
C. Amoni fomat có phản ứng tráng bạc.
D. Ancol bậc ba bị oxi hóa thành xeton.

Câu 17: Cacbohidrat nào dưới đây làm mất màu nước brom?

A. Xenlulozơ. **B.** Glucozơ. **C.** Fructozơ. **D.** Saccarozơ.

Câu 18: Axit propionic có công thức cấu tạo là

A. CH_3-CH_2-OH. **B.** CH_3-CH_2-COOH. **C.** CH_2=CH-COOH. **D.** CH_3-CH_2-CHO.

Câu 19: Cho hỗn hợp gồm 0,025 mol Mg và 0,03 mol Al tác dụng với dung dịch HCl dư thu được dung dịch A. Thêm dung dịch NaOH dư vào dung dịch A, thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 3,49. **B.** 16,30. **C.** 1,00. **D.** 1,45.

Câu 20: Số este có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ là

A. 5. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 21: Cho các phát biểu sau

(1) Trong công nghiệp dược phẩm, saccarozơ được dùng để pha chế thuốc.
(2) Nhỏ vài giọt dung dịch HCl vào dung dịch anilin thấy vẩn đục.
(3) Các este là chất lỏng hoặc rắn ở nhiệt độ thường và tan nhiều trong nước.
(4) Cho Br_2 vào dung dịch phenol xuất hiện kết tủa trắng.
(5) Ở điều kiện thích hợp, glyxin phản ứng được với ancol etylic.

Số phát biểu đúng là

A. 4. **B.** 6. **C.** 5. **D.** 3.

Câu 22: Cho 1 mol chất X ($C_7H_6O_3$, chứa vòng benzen) tác dụng tối đa với 3 mol NaOH trong dung dịch, thu được 1 mol muối Y; 1 mol muối Z và 2 mol H_2O. Số đồng phân cấu tạo thỏa mãn điều kiện trên của X là

A. 1. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 2.

Câu 23: Cho 13,35 gam hỗn hợp X gồm hai amin no, đơn chức, mạch hở là đồng đẳng kế tiếp, tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl thấy tạo ra 22,475 gam muối. Đốt cháy hoàn toàn 13,35 gam hỗn hợp X, thu được tổng khối lượng CO_2 và H_2O là

A. 38,45 gam. **B.** 47,05 gam. **C.** 46,35 gam. **D.** 62,95gam.

Câu 24: Chất X có công thức $C_4H_{14}O_3N_2$. Khi cho X tác dụng với dung dịch NaOH thì thu được hỗn hợp Y gồm 2 khí ở điều kiện thường và đều có khả năng làm xanh quỳ tím ẩm. Số công thức cấu tạo phù hợp của X là

A. 3. **B.** 2. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 25: Cho các chất sau: etilen, axetilen, isopren, toluen, propin, stiren, butan, cumen, benzen, buta-1,3-đien. Phát biểu nào dưới đây đúng khi nhận xét về các chất trên?

A. Có 3 chất tác dụng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$, đun nóng.
B. Có 5 chất làm mất màu dung dịch $KMnO_4$ ở nhiệt độ thường.
C. Có 6 chất làm mất màu dung dịch brom.
D. Có 6 chất tác dụng với H_2 (có xúc tác thích hợp và đun nóng).

Câu 26: Cho sơ đồ sau: NaCl → A →Na_2CO_3 →B →NaCl (với A, B là các hợp chất của natri). A và B lần lượt là

A. NaOH và Na_2O. **B.** NaOH và $NaNO_3$. **C.** Na_2SO_4 và Na_2O. **D.** NaOH và Na_2SO_4.

Câu 27: Đốt cháy hoàn toàn m gam một este X đơn chức, không no (phân tử có một liên kết đôi C=C), mạch hở cần vừa đủ 0,405 mol O_2, thu được 15,84 gam CO_2. Mặt khác, m gam X tác dụng vừa đủ với dung dịch KOH, cô cạn dung dịch thu được x gam muối khan và 3,96 gam một chất hữu cơ. Giá trị của x là

Tuyensinh247.com

A. 8,82. **B.** 7,38. **C.** 7,56. **D.** 7,74.

Câu 28: Cho các chất sau: etyl axetat, vinyl fomat, tripanmitin, triolein, glucozơ, saccarozơ, tinh bột, xenlulozơ. Số chất tham gia phản ứng thủy phân là

A. 6. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 7.

Câu 29: Thuỷ phân hoàn toàn 1 mol pentapeptit X mạch hở thu được 1 mol glyxin (Gly), 2 mol alanin (Ala), 2 mol valin (Val). Mặt khác nếu thuỷ phân không hoàn toàn X thu được sản phẩm có chứa Ala-Gly và Gly-Val. Số công thức cấu tạo phù hợp của X là

A. 6. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 8.

Câu 30: Hỗn hợp X gồm alanin và axit glutamic. Cho m gam X tác dụng hoàn toàn với dung dịch NaOH dư, thu được dung dịch Y chứa (m + 61,6) gam muối. Mặt khác, nếu cho m gam X tác dụng hoàn toàn với dung dịch HCl dư, thu được dung dịch Z chứa (m + 73) gam muối. Giá trị của m là

A. 224,4. **B.** 342,0. **C.** 331,2. **D.** 247,6.

Câu 31: Cho 0,4 mol hỗn hợp X gồm 2 ancol no, đơn chức, bậc 1, là đồng đẳng kế tiếp đun nóng với H_2SO_4 đặc ở 140^oC thu được 7,704 gam hỗn hợp 3 ete. Tham gia phản ứng ete hoá có 50% lượng ancol có khối lượng phân tử nhỏ và 40% lượng ancol có khối lượng phân tử lớn. Tên gọi của 2 ancol trong X là

A. propan-1-ol và butan-1-ol. **B.** pentan-1-ol và butan-1-ol.
C. etanol và propan-1-ol. **D.** metanol và etanol.

Câu 32: Hợp chất hữu cơ **X** mạch hở có công thức phân tử $C_4H_6O_4$. Biết rằng khi đun **X** với dung dịch bazo tạo ra hai muối và một ancol no đơn chức mạch hở. Cho 17,7 gam **X** tác dụng với 400 ml dung dịch NaOH 1M, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

A. 24,9. **B.** 28,9. **C.** 24,4. **D.** 24,1.

Câu 33: Cho hỗn hợp A gồm X, Y là hai este đều mạch hở, không phân nhánh và không chứa nhóm chức khác ($M_X < M_Y$). Khi đốt cháy X cũng như Y với lượng O_2 vừa đủ thì số mol O_2 đã phản ứng bằng số mol CO_2 thu được. Đun nóng 30,24 gam hỗn hợp A (số mol X gấp 1,5 lần số mol Y) cần dùng 400ml dung dịch KOH 1M, thu được hỗn hợp B chứa 2 ancol và hỗn hợp D chứa 2 muối. Dẫn toàn bộ B qua bình đựng Na dư thấy khối lượng bình tăng 15,2 gam. Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp D cần dùng 0,42 mol O_2. Tổng số nguyên tử có trong phân tử Y là

A. 21. **B.** 20. **C.** 22. **D.** 19.

Câu 34: Hòa tan hết 35,52 gam hỗn hợp X gồm $FeCl_2$, Mg, $Fe(NO_3)_2$ và Al vào dung dịch chứa 0,816 mol HCl thu được dung dịch Y và 3,2256 lít khí NO (dktc). Cho từ từ $AgNO_3$ vào dung dịch Y đến khi phản ứng hoàn toàn thì lượng $AgNO_3$ tối đa là 1,176 mol, thu được 164,496 gam kết tủa; 0,896 lít khí NO_2 là sản phẩm khử duy nhất (đktc) và dung dịch Z chứa m gam chất tan đều là muối. Giá trị m **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

A. 44 gam. **B.** 43 gam. **C.** 86 gam. **D.** 88 gam.

Câu 35: Cho X, Y là hai axit hữu cơ mạch hở ($M_X < M_Y$); Z là ancol no; T là este hai chức mạch hở không phân nhánh tạo bởi X, T, Z. Đun nóng 38,86 gam hỗn hợp E chứa X, Y Z, T với 400ml dung dịch NaOH 1M vừa đủ thu được ancol Z và hỗn hợp F chứa hai muối có số mol bằng nhau. Cho Z vào bình chứa Na dư thấy bình tăng 19,24 gam và thu được 5,824 lít H_2 ở đktc. Đốt hoàn toàn hỗn hợp F cần 15,68 lít O_2 (đktc) thu được khí CO_2, Na_2CO_3 và 7,2 gam H_2O. Thành phần phần trăm khối lượng của T trong E **gần nhất** với giá trị

A. 14 **B.** 9 **C.** 51 **D.** 26

Tuyensinh247.com

Câu 36: Nhỏ từ từ đến dư dung dịch X gồm $Ba(OH)_2$ 1M và NaOH 2M vào dung dịch Y gồm a mol H_2SO_4 và b mol $Al_2(SO_4)_3$. Sự phụ thuộc của tổng số mol kết tủa thu được (y mol) vào thể tích dung dịch X nhỏ vào (x lít) được biểu diễn theo đồ thị sau:

Tỉ lệ a : b là

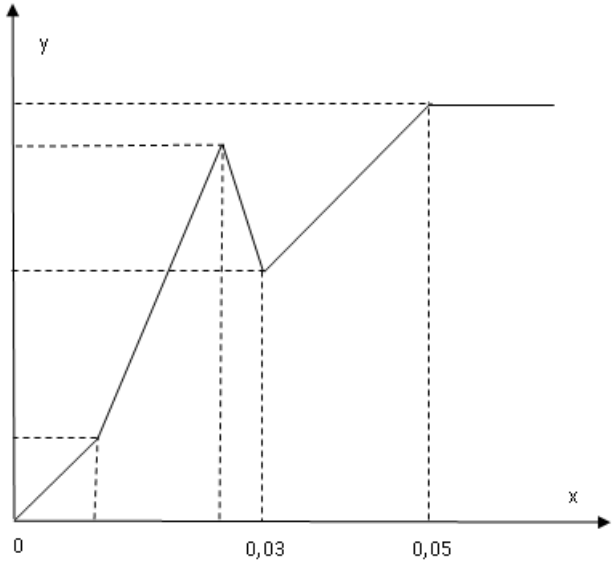

A. 3 : 5. **B.** 1 : 2. **C.** 2 : 1. **D.** 1 : 1.

Câu 37: Hỗn hợp X gồm đipeptit $C_5H_{10}N_2O_3$, este đa chức $C_4H_6O_4$, este $C_5H_{11}O_2N$. Cho X tác dụng vừa đủ với 800 ml dung dịch NaOH 0,1M, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam muối khan và hỗn hợp khí Z gồm các chất hữu cơ. Cho Z tác dụng với Na dư, thấy thoát ra 0,02 mol khí H_2. Nếu đốt cháy hoàn toàn Z, thu được 1,76 gam CO_2. Còn oxi hóa Z bằng CuO dư đun nóng, sản phẩm thu được cho vào lượng dư dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư, khối lượng Ag tạo ra là 10,80 gam. Giá trị của m là

A. 7,17. **B.** 6,99. **C.** 7,67. **D.** 7,45.

Câu 38: Hòa tan hết 20 gam hỗn hợp X gồm Cu và các oxit sắt (trong hỗn hợp X oxi chiếm 16,8% về khối lượng) cần vừa đủ dung dịch hỗn hợp A chứa b mol HCl và 0,2 mol HNO_3 thu được 1,344 lít NO (đktc) là sản phẩm khử duy nhất và dung dịch Y. Cho dung dịch Y tác dụng với một lượng $AgNO_3$ vừa đủ thu được m gam kết tủa và dung dịch Z. Cho Z tác dụng với một lượng dư dung dịch NaOH, lọc kết tủa, nung đến khối lượng không đổi thu được 22,4 gam chất rắn. Các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

A. 76,81. **B.** 70,33. **C.** 78,97. **D.** 83,29.

Câu 39: Cho các sơ đồ phản ứng:

(1) $(X) + HCl \rightarrow (X_1) + (X_2) + H_2O$
(2) $(X_1) + NaOH \rightarrow (X_3)\downarrow + (X_4)$
(3) $(X_1) + Cl_2 \rightarrow (X_5)$
(4) $(X_3) + H_2O + O_2 \rightarrow (X_6)\downarrow$
(5) $(X_2) + Ba(OH)_2 \rightarrow (X_7)$
(6) $(X_7) + NaOH \rightarrow (X_8)\downarrow + (X_9) + \ldots$
(7) $(X_8) + HCl \rightarrow (X_2) + \ldots$
(8) $(X_5) + (X_9) + H_2O \rightarrow (X_4) + \ldots$

Biết X_2 là khí thải gây hiệu ứng nhà kính, X_6 có màu đỏ nâu. Cho các phát biểu sau đây:

(a) Oxi hóa X_1 bằng $KMnO_4$ trong H_2SO_4 loãng thu được khí màu vàng lục.
(b) X_5 vừa có tính oxi hóa, vừa có tính khử.
(c) X_7 có tính lưỡng tính.
(d) X_9 là hóa chất quan trọng trong công nghiệp thủy tinh, bột giặt, phẩm nhuộm, giấy, sợi....

Số phát biểu đúng là

A. 4. **B.** 3. **C.** 1. **D.** 2.

Câu 40: Chất X có công thức phân tử $C_6H_8O_4$. Cho 1 mol X phản ứng hết với dung dịch NaOH, thu được chất Y và 2 mol chất Z. Đun Z với dung dịch H_2SO_4 đặc, thu được đimetyl ete. Chất Y phản ứng với lượng dư dung dịch H_2SO_4 loãng, thu được chất T. Cho T phản ứng với HBr, thu được hai sản phẩm là đồng phân cấu tạo của nhau. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Chất X phản ứng với H_2 (Ni, t^o) theo tỉ lệ mol 1 : 3.
B. Chất T không có đồng phân hình học.
C. Chất Y có công thức phân tử $C_4H_4O_4Na_2$.
D. Chất Z làm mất màu nước brom.

---------- **HẾT** ----------

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Tuyensinh247.cc

Thông Tin Đề Thi Hoán Vị

Kỳ thi KSCĐ lớp 12 - lần 1

Môn thi Hóa học 12 Mã đề thi 134

Mã câu hỏi	Câu đề chuẩn	Câu đề hvị	Thứ tự Hvị	Đáp án chuẩn	Đáp án Hvị
14	14	1	A-B-C-D	A	A
8	8	2	D-B-A-C	D	A
19	19	3	A-B-C-D	C	C
15	15	4	A-B-C-D	D	D
16	16	5	A-B-C-D	D	D
18	18	6	A-B-C-D	B	B
20	20	7	A-B-C-D	A	A
1	1	8	A-D-C-B	C	C
4	4	9	C-A-B-D	B	C
10	10	10	A-C-B-D	B	C
12	12	11	A-B-C-D	A	A
2	2	12	C-B-D-A	B	B
3	3	13	B-C-A-D	D	D
6	6	14	A-C-D-B	C	B
5	5	15	C-D-B-A	D	B
17	17	16	A-B-C-D	C	C
11	11	17	D-B-C-A	B	B
7	7	18	A-D-C-B	D	B
13	13	19	B-A-C-D	D	D
9	9	20	D-A-B-C	C	D
28	28	21	A-D-C-B	B	D
25	25	22	D-A-B-C	A	B
32	32	23	C-A-B-D	A	B
29	29	24	A-B-C-D	A	A
22	22	25	C-D-A-B	A	C
21	21	26	A-D-B-C	C	D
27	27	27	B-A-C-D	B	A
24	24	28	B-D-C-A	A	D
30	30	29	A-B-C-D	A	A
31	31	30	A-B-C-D	A	A
23	23	31	C-D-B-A	B	C
26	26	32	D-A-C-B	A	B
35	35	33	A-B-C-D	A	A
39	39	34	A-B-C-D	D	D
36	36	35	B-D-A-C	A	C
38	38	36	D-B-C-A	C	C
34	34	37	D-B-C-A	A	D
40	40	38	A-B-C-D	C	C
37	37	39	A-B-C-D	A	A
33	33	40	C-A-D-B	A	B

SỞ GD&DT VĨNH PHÚC
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIẾT XUÂN

MÃ ĐỀ: 001
(Đề thi gồm 04 trang)

ĐỀ KHẢO SÁT ÔN THI THPT QUỐC GIA LẦN I
Năm học: 2019 - 2020
Môn: Hóa Học 12
Thời gian làm bài: 50 phút
(không kể thời gian giao đề)

(Thí sinh không được sử dụng bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học)

Họ và tên thi sinh:.....
Số báo danh:.....

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; Li = 7; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Rb = 85,5; Ag =108.

Câu 41: Số đồng phân amin đơn chức bậc 1 có công thức phân tử C_7H_9N là

A. 6. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 42: Chất nào sau đây có thể dùng điều chế trực tiếp axetilen?

A. Al_4C_3 **B.** CaC_2 **C.** C_2H_5OH **D.** CH_3COONa .

Câu 43: Độ dinh dưỡng của phân lân được đánh giá bằng hàm lượng % của

A. P **B.** H_3PO_4 **C.** PO_4^{3-} **D.** P_2O_5

Câu 44: Phản ứng nào mô tả quá trình khắc chữ lên thủy tinh?

A. $SiH_4 \xrightarrow{t^o} Si + 2H_2$. **B.** $SiO_2 + 4HF \xrightarrow{t^o} SiF_4 + 2H_2O$.
C. $SiCl_4 + 2Zn \rightarrow 2ZnCl_2 + Si$. **D.** $SiO_2 + 2Mg \rightarrow Si + 2MgO$.

Câu 45: Cho các phản ứng sau:

(a) $NH_4Cl + NaOH \rightarrow NaCl + NH_3\uparrow + H_2O$
(b) $NH_4HCO_3 + 2KOH \rightarrow K_2CO_3 + NH_3\uparrow + 2H_2O$
(c) $NaHCO_3 + NaOH \rightarrow Na_2CO_3 + H_2O$
(d) $Ba(HCO_3)_2 + 2NaOH \rightarrow BaCO_3\downarrow + Na_2CO_3 + 2H_2O$

Số phản ứng có phương trình ion rút gọn $OH^- + HCO_3^- \longrightarrow CO_3^{2-} + H_2O$ là

A. 3. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 1.

Câu 46: Chất nào sau đây **không** phải là ancol?

A. CH_3OH. **B.** $CH_3C_6H_4OH$. **C.** $C_2H_4(OH)_2$. **D.** $C_6H_5CH_2OH$.

Câu 47: Chất nào sau đây thuộc amin bậc 2

A. Metyl amin. **B.** Etyl metyl amin. **C.** Tri metyl amin. **D.** Sec-butyl amin.

Câu 48: Este vinylaxetat có công thức cấu tạo là

A. $CH_2=CHCOOCH_3$. **B.** $CH_2=CHCOOCH=CH_2$.
C. CH_3COOCH_3. **D.** $CH_3COOCH=CH_2$.

Câu 49: Trong phân tử chất nào sau đây có chứa nguyên tố nitơ?

A. Anilin. **B.** Metylaxetat. **C.** Phenol. **D.** Benzylic .

Câu 50: Có bao nhiêu amin thể khí ở điều kiện thường?

A. 3. **B.** 5. **C.** 4. **D.** 2.

Câu 51: Fomalin hay fomon được dùng để ngâm xác động vật, thuộc da, tẩy uế, diệt trùng,… Fomalin là

A. Dung dịch axetanđehit khoảng 40%. **B.** Dung dịch 50% fomanđehit trong nước
C. Dung dịch rất loãng của anđehit fomic **D.** Dung dịch 37 – 40% fomanđehit trong nước

Câu 52: Mỗi este thường có mùi thơm đặc trưng, este isoamyl axetat có mùi

A. Chuối chín. **B.** Hoa nhài. **C.** Hoa hồng. **D.** Dứa chín.

Câu 53: Trong phân tử cacbohidrat luôn có

A. Nhóm chức ancol. **B.** Nhóm chức anđehit. **C.** Nhóm chức xeton. **D.** Nhóm chức axit.

Câu 54: Cho các mô tả sau:

(a) đơn chức (b) mạch cacbon không phân nhánh.

Tuyensinh247.com

(c) mạch cacbon dài. (d) no, đơn chức, mạch hở.
Số mô tả đúng cho các axit béo nói chung là?

A. 1. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 2.

Câu 55: Dung dịch nào sau đây có pH < 7 ?

A. CH_3COONa . **B.** $NaNO_3$. **C.** $NaHCO_3$ **D.** $CuSO_4$.

Câu 56: Cho dãy các chất sau: anđêhit axetic, axetylen, glucozơ, mantozơ, tinh bột, metylaxetat. Số chất có khả năng tham gia phản ứng tráng gương là

A. 4. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 5.

Câu 57: Khoáng vật nào sau đây có chứa nitơ.

A. Florit. **B.** Diêm tiêu. **C.** Cacnalit. **D.** Diêm sinh.

Câu 58: Chất nào sau đây là tripanmitin?

A. $C_3H_5(COOC_{17}H_{33})_3$. **B.** $C_3H_5(OCOC_{17}H_{31})_3$. **C.** $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$. **D.** $C_3H_5(OCOC_{17}H_{33})_3$.

Câu 59: Chất thuộc loại đisaccarit là

A. Tinh bột. **B.** Mantozơ. **C.** Glucozơ. **D.** Fructozơ.

Câu 60: Đốt cháy một este X thu được 13,2 gam CO_2 và 5,4 gam nước . X thuộc loại este

A. Mạch vòng, đơn chức . **B.** Không no, đơn chức, mạch hở.
C. No, đơn chức , mạch hở. **D.** No, hai chức, mạch hở.

Câu 61: Cho hỗn hợp X gồm 0,1 mol C_2H_4, 0,2 mol C_2H_2 và 0,7 mol H_2. Nung X trong bình kín, xúc tác Ni. Sau một thời gian thu được 0,8 mol hỗn hợp Y. Cho Y phản ứng vừa đủ với 100 ml dung dịch Br_2 x mol/l. Tìm giá trị x

A. 3 M. **B.** 0,3 M. **C.** 2 M. **D.** 0,2 M.

Câu 62: Đốt cháy hoàn toàn 29,6 gam hỗn hợp X gồm CH_3COOH, C_xH_yCOOH và $(COOH)_2$ thu được 14,4g H_2O và m gam CO_2. Mặt khác, 29,6 gam hỗn hợp X phản ứng hoàn toàn với $NaHCO_3$ dư thu được 11,2 lít khí CO_2 (đktc). Tính m?

A. 52,8 gam. **B.** 33 gam. **C.** 44 gam. **D.** 48,4 gam.

Câu 63: Đốt cháy hoàn toàn một amin đơn chức bằng lượng không khí vừa đủ, chỉ thu được 0,15 mol CO_2, 0,175 mol H_2O và 0,975 mol N_2 (biết O_2 chiếm 20% thể tích không khí). Công thức phân tử của X là

A. C_3H_7N. **B.** $C_4H_{11}N$. **C.** C_3H_9N. **D.** C_2H_7N.

Câu 64: Hỗn hợp A gồm axit axetic và etanol. Chia A thành ba phần bằng nhau.

+ Phần 1 tác dụng với Kali dư thấy có 3,36 lít khí thoát ra

+ Phần 2 tác dụng với Na_2CO_3 dư thấy có 1,12 lít khí CO_2 thoát ra . Các thể tích khí đo ở đktc .

+ Phần 3 được thêm vào vài giọt dung dịch H_2SO_4, sau đó đun sôi hỗn hợp một thời gian. Biết hiệu suất của phản ứng este hoá bằng 60%. Khối lượng este tạo thành là bao nhiêu?

A. 5,20 gam **B.** 10,56 gam **C.** 8,80 gam **D.** 5,28 gam

Câu 65: Khi cho 7,67 gam một amin đơn chức X phản ứng vừa đủ với dung dịch axit clohidric thu được dung dịch Y. Cô cạn Y thu được 12,415 gam muối khan. Số đồng phân cấu tạo của amin là

A. 6. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 1.

Câu 66: Cho X, Y, Z, T là các chất khác nhau trong số 4 chất: axetilen, axetanđehit, etanol, axit axetic . Nhiệt độ sôi của chúng được ghi lại trong bảng sau:

Chất	X	Y	Z	T
Nhiệt độ sôi (°C)	21	78,3	-75	118

Cho các phát biểu sau:

(a) Chất Z có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc .

(b) Chất T hòa tan được $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường.

(c) Đốt cháy hoàn toàn chất X thu được số mol CO_2 lớn hơn số mol H_2O.

(d) Phản ứng giữa chất Y và chất T (xúc tác H_2SO_4 đặc) được gọi là phản ứng este hóa

Số phát biểu **đúng** là

A. 4. **B.** 1. **C.** 3. **D.** 2.

Tuyensinh247.com

Câu 67: Hỗn hợp X gồm một axit cacboxylic no, đơn chức, mạch hở và một ancol đơn chức mạch hở. Đốt cháy hoàn toàn 21,7 gam hỗn hợp X, thu được 20,16 lít khí CO_2(đktc) và 18,9 gam H_2O. Thực hiện phản ứng este hoá X với hiệu suất 60%, thu được m gam este. Giá trị của m là

A. 12,24 gam. **B.** 15,53 gam. **C.** 10,8 gam. **D.** 9,18 gam.

Câu 68: Cho 0,1 mol chất X có CTPT là $C_2H_8O_3N_2$ tác dụng với dung dịch chứa 0,2 mol NaOH đun nóng thu được chất khí làm xanh giấy quỳ ẩm và dung dịch Y. Cô cạn dung dịch Y thu được m gam chất rắn khan. Hãy chọn giá trị của m là

A. 15 gam. **B.** 5,7 gam. **C.** 21,8 gam. **D.** 12,5gam.

Câu 69: Cho m gam hỗn hợp gồm $HCOOC_2H_5$ và $H_2N–CH_2–COOC_2H_5$ tác dụng vừa đủ với 200 ml dung dịch NaOH 0,5M đun nóng, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch chứa ancol etylic và 7,525 gam hỗn hợp hai muối. Giá trị của m là

A. 8,125. **B.** 8,250. **C.** 7,750. **D.** 8,725.

Câu 70: Chia 200 gam dung dịch hỗn hợp X chứa glucozo và fructozo thành hai phần bằng nhau.

+ Phần 1 cho tác dụng với lượng dư dung dịch $AgNO_3/NH_3$ thu được 86,4 gam Ag.

+ Phần 2 tác dụng vừa hết 35,2 gam Brom.

Nồng độ % của fructozo trong dung dịch ban đầu là?

A. 16,2%. **B.** 32,4%. **C.** 39,6%. **D.** 40,5%.

Câu 71: Thuỷ phân m gam xenlulozo trong môi trường axit, trung hoà lượng axit dư sau phản ứng cho tác dụng với dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 thu được m gam Ag kết tủa . Hiệu suất của phản ứng thuỷ phân xenlulo là?

A. 50%. **B.** 66,67%. **C.** 75%. **D.** 80%.

Câu 72: Hỗn hợp bột X gồm $BaCO_3$,$Fe(OH)_2$, $Al(OH)_3$,CuO, $MgCO_3$. Nung X trong không khí đến khối lượng không đổi thu được hỗn hợp rắn X_1. Cho X_1 vào nước khấy đều cho phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch Y chứa 2 chất tan và phần không tan Z. Cho khí CO dư qua bình chứa Z nung nóng được hỗn hợp rắn T, T chứa tối đa:

A. 3 đơn chất. **B.** 2 đơn chất và 2 hợp chất.
C. 1 đơn chất và 1 hợp chất. **D.** 2 đơn chất và 1 hợp chất.

Câu 73: Dung dịch X chứa hỗn hợp gồm Na_2CO_3 1,5M và $KHCO_3$ 1M. Nhỏ từ từ từng giọt cho đến hết 200ml dung dịch HCl 1M vào 100ml dung dịch X, sinh ra V lit khí (đkc). Giá trị của V là

A. 1,12 **B.** 2,24 **C.** 3,36 **D.** 4,48

Câu 74: Đun một lượng dư axit axetic với 13,8 gam ancol etylic(có axit H_2SO_4 đặc làm xúc tác) đến khi phản ứng dừng lại thu được 11,0 gam este. Hiệu suất của phản ứng este hoá là

A. 41,67%. **B.** 60%. **C.** 75%. **D.** 62,5%.

Câu 75: Đốt cháy hoàn toàn 18,26 gam hỗn hợp X gồm hai este đơn chức cần 1,215 mol O_2 thu được CO_2 và 9,18 gam H_2O. Mặt khác đem đun 18,26 gam hỗn hợp X với lượng dư NaOH thu được 1 ancol Y duy nhất và 18,52 gam hỗn hợp muối Z. Dẫn ancol Y qua bình đựng Na dư thấy khối lượng bình tăng 6,42 gam. Thành phần % theo khối lượng muối của axit cacboxylic có khối lượng phân tử nhỏ hơn có giá trị là?

A. 25,7%. **B.** 22,03%. **C.** 28,5%. **D.** 24,5%.

Câu 76: Nhỏ từ từ dung dịch đến dư $Ba(OH)_2$ 0,2M vào 100 ml dung dịch **A** chứa $Al_2(SO_4)_3$ xM. Mối quan hệ giữa khối lượng kết tủa và số mol OH^- được biểu diễn bằng đồ thị sau:

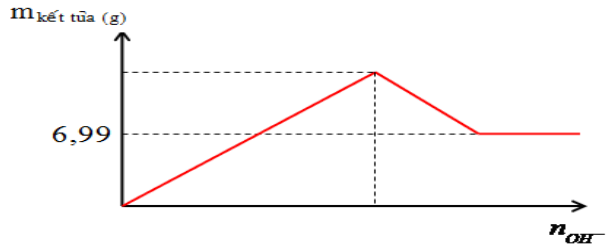

Nếu cho 100ml dung dịch hỗn hợp $Ba(OH)_2$ 0,2M và NaOH 0,3M vào 100ml dung dịch **A** thì khối lượng kết tủa thu được là bao nhiêu?

A. 6,22 gam. **B.** 5,70 gam. **C.** 5,44 gam. **D.** 4,66 gam.

Câu 77: Hòa tan hoàn toàn 21,5 gam hỗn hợp **X** gồm Al, Zn, FeO, $Cu(NO_3)_2$ cần dùng hết 430 ml dung dịch H_2SO_4 1M thu được hỗn hợp khí **Y** (đktc) gồm 0,06 mol NO và 0,13 mol H_2, đồng thời thu được dung dịch **Z** chỉ chứa các muối sunfat trung hòa . Cô cạn dung dịch **Z** thu được 56,9 gam muối khan. Thành phần phần trăm của Al trong hỗn hợp **X** có giá trị ***gần nhất*** là:

A. 25,5% **B.** 18,5% **C.** 20,5% **D.** 22,5%

Câu 78: Điều chế este $CH_3COOC_2H_5$ trong phòng thí nghiệm được mô tả theo hình vẽ sau

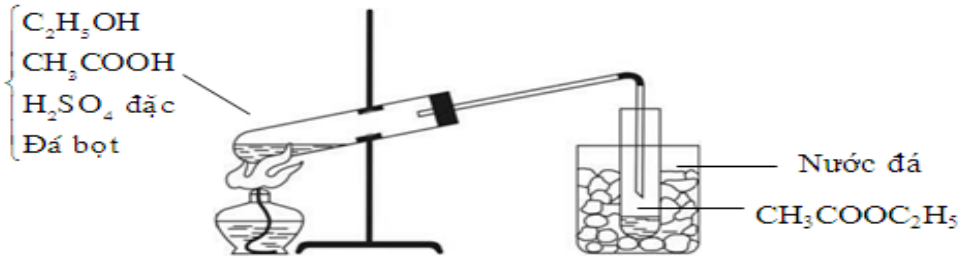

Cho các phát biểu sau:

(a) Etyl axetat có nhiệt độ sôi thấp (77°C) nên dễ bị bay hơi khi đun nóng.

(b) H_2SO_4 đặc vừa làm chất xúc tác, vừa có tác dụng hút nước .

(c) Etyl axetat qua ống dẫn dưới dạng hơi nên cần làm lạnh bằng nước đá để ngưng tụ.

(d) Khi kết thúc thí nghiệm, cần tắt đèn cồn trước khi tháo ống dẫn hơi etyl axetat.

(e) Vai trò của đá bọt là để bảo vệ ống nghiệm không bị vỡ.

Số phát biểu đúng là

A. 3. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 2.

Câu 79: Đốt cháy hoàn toàn 0,16 mol hỗn hợp E chứa 2 este đều no, mạch hở ,không mạch nhánh thu được tổng khối lượng CO_2 và H_2O bằng 26,56 gam. Mặt khác cho 0,16 mol hỗn hợp E tác dụng với 450 ml dung dịch NaOH 1M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được hỗn hợp F chứa 2 ancol kế tiếp và phần rắn có khối lượng m gam. Dẫn F vào bình chứa Na dư thấy thoát ra 0,1 mol khí H_2. Giá trị ***gần nhất*** của m là?

A. 23,5 gam. **B.** 24 gam. **C.** 23 gam. **D.** 24,5 gam.

Câu 80: Hỗn hợp E gồm este X no, đơn chức và este Y no hai chức(đều mạch hở). Hoá hơi hoàn toàn 26,84 gam hỗn hợp E thu được thể tích hơi đúng bằng thể tích của 5,6 gam N_2 trong cùng điều kiện. Mặt khác đun 26,84 gam hỗn hợp E với lượng dung dịch NaOH vừa đủ thu được hỗn hợp Z gồm hai ancol hơn kém nhau 1 nguyên tử cacsbon và hỗn T gồm hai muối của axit cacboxylic đơn chức , trong đó có a gam muối A và b gam muối B ($M_A<M_B$). Đốt cháy hoàn toàn Z thu được tổng khối lượng CO_2 và H_2O là 24,68 gam. Tỉ lệ a:b gần với giá trị nào sau đây?

A. 0,7. **B.** 1,0. **C.** 1,2. **D.** 1,1.

---------- HẾT ----------

Tuyensinh247.com

ĐÁP ÁN

Mã đề	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
001	41	C	61	A
001	42	B	62	C
001	43	D	63	A
001	44	B	64	D
001	45	D	65	B
001	46	B	66	D
001	47	B	67	D
001	48	D	68	D
001	49	A	69	A
001	50	C	70	B
001	51	D	71	C
001	52	A	72	D
001	53	A	73	A
001	54	B	74	A
001	55	D	75	A
001	56	C	76	C
001	57	B	77	C
001	58	C	78	B
001	59	B	79	A
001	60	C	80	C

Tuyensinh247.com

SỞ GD & ĐT BẮC NINH
TRƯỜNG THPT HÀN THUYÊN
(Đề có 5 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG LẦN 1- KHỐI 12
NĂM HỌC 2019 - 2020
Môn: HÓA HỌC
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề
(40 câu trắc nghiệm)

Họ, tên thí sinh:..... SBD: ..... **Mã đề 132**

Cho biết: H =1; C=12; O=16; N=14; S= 32; Cl=35,5; Br= 80; Na=23; Mg=24; Al=27; K=39; Ca=40; Fe=56; Zn=65; Cu=64; Ag= 108; Ba=137.

Tuyensinh247.com

Câu 1: Đun nóng este $CH_2=CHCOOCH_3$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, sản phẩm thu được là
A. $CH_2=CHCOONa$ và CH_3OH. **B.** CH_3COONa và CH_3CHO.
C. CH_3COONa và $CH_2=CHOH$. **D.** C_2H_5COONa và CH_3OH.

Câu 2: Nhận xét nào sau đây **không đúng** về tinh bột?
A. Thủy phân hoàn toàn cho glucozơ. **B.** Có phản ứng tráng bạc.
C. Là chất rắn, màu trắng, vô định hình. **D.** Là hỗn hợp của amilozơ và amilopectin.

Câu 3: Chất nào sau đây thuộc loại amin bậc một?
A. $CH_3CH_2NHCH_3$. **B.** $(CH_3)_3N$. **C.** CH_3NH_2. **D.** CH_3NHCH_3.

Câu 4: "Nước đá khô" không nóng chảy mà thăng hoa nên được dùng để tạo môi trường lạnh và khô rất tiện cho việc bảo quản thực phẩm. Nước đá khô là
A. SO_2 rắn. **B.** H_2O rắn. **C.** CO_2 rắn. **D.** CO rắn.

Câu 5: Hình vẽ sau đây mô tả thí nghiệm điều chế chất hữu cơ Y:

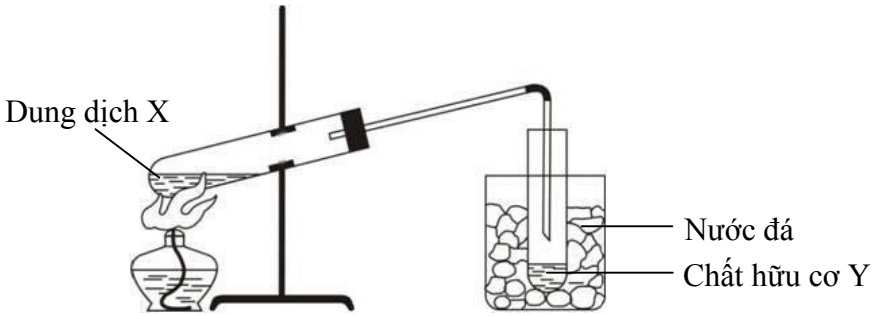

Phản ứng nào sau đây xảy ra trong thí nghiệm trên?
A. $2C_6H_{12}O_6 + Cu(OH)_2 \rightarrow (C_6H_{11}O_6)_2Cu + 2H_2O$
B. $H_2NCH_2COOH + NaOH \rightarrow H_2NCH_2COONa + H_2O$
C. $CH_3COOH + NaOH \rightarrow CH_3COONa + H_2O$
D. $CH_3COOH + C_2H_5OH \xrightleftharpoons{H_2SO_4\ đặc,\ t^o} CH_3COOC_2H_5 + H_2O$

Câu 6: Chất có công thức phân tử nào dưới đây có thể tác dụng được với Na và NaOH ?
A. C_5H_8O. **B.** C_6H_8O. **C.** $C_7H_{10}O$. **D.** $C_9H_{12}O$.

Câu 7: CH_3COOH không thể được điều chế trực tiếp bằng cách
A. Lên men rượu C_2H_5OH
B. Oxi hoá CH_3CHO bằng O_2 (xúc tác Mn^{2+})
C. Cho CH_3OH tác dụng với CO (có xúc tác thích hợp)
D. Oxi hoá CH_3CHO bằng $AgNO_3/NH_3$

Câu 8: X có công thức phân tử $C_4H_8O_2$. Biết X tác dụng được với NaOH và không có phản ứng tráng gương. Số đồng phân cấu tạo của X thỏa mãn tính chất trên?
A. 4. **B.** 6. **C.** 5. **D.** 2.

Câu 9: Cho các dung dịch sau: H_2N-CH_2-COOH (1); $H_2N-[CH_2]_2CH(NH_2)-COOH$ (2); $HOOC-[CH_2]_2CH(NH_2)-COOH$ (3); $CH_3CH(NH_2)COOH$ (4). Dung dịch làm quỳ tím hoá xanh là?

A. (3) **B.** (2) **C.** (4) **D.** (1)

Câu 10: Dữ kiện thực nghiệm nào **không** dùng để chứng minh cấu tạo của glucozơ ?

A. Glucozơ tạo este chứa 5 gốc axit CH_3COO.

B. Glucozơ tác dụng với $Cu(OH)_2$ ở nhiêt độ thường tạo dung dịch màu xanh lam.

C. Lên men thành ancol etylic.

D. Khử hoàn toàn glucozơ thu được hexan.

Câu 11: Chất nào dưới đây là công thức của Alanin?.

A. H_2NCH_2COOH **B.** $CH_3CH(NH_2)COOH$

C. $C_6H_5NH_2$ **D.** CH_3COOCH_3

Câu 12: Cho một số tính chất: có dạng sợi (1) ; tan trong nước (2) ; tan trong nước Svayde (3) ; phản ứng với axit nitric đặc (xúc tác axit sunfuric đặc) (4) ; tham gia phản ứng tráng bạc (5) ; bị thuỷ phân trong dung dịch axit đun nóng (6). Các tính chất của xenlulozơ là

A. (1), (3), (5) và (6) **B.** (1), (3), (4) và (6)

C. (1), (2), (3) và (6) **D.** (1), (2), (4) và (6).

Câu 13: Cho biết chất nào thuộc loại đisaccarit?

A. Xenlulozơ **B.** Tinh bột **C.** Glucozơ **D.** Saccarozơ

Câu 14: Các este thường có mùi thơm đặc trưng của hương hoa, trái cây như: Isoamyl axetat có mùi chuối chín, Benzyl axetat có mùi hoa nhài... Công thức nào dưới đây là của Benzyl axetat?

A. $CH_3COOCH_2CH_2CH(CH_3)_2$ **B.** $CH_3COOC_6H_5$

C. $CH_3CH_2CH_2COOC_2H_5$ **D.** $CH_3COOCH_2C_6H_5$

Câu 15: Chất nào sau đây **không** phải là este ?

A. $CH_3COOC_2H_5$. **B.** $C_2H_5OC_2H_5$. **C.** $C_3H_5(COOCH_3)_3$. **D.** $HCOOCH_3$.

Câu 16: Một chất béo ở trạng thái rắn trong điều kiện thường và có tổng số các nguyên tử trong phân tử là 155. Vậy tên gọi của chất béo này là?

A. Tripanmitin **B.** Tristearin **C.** Triolein **D.** Trilinolein

Câu 17: Este no, đơn chức, mạch hở có công thức tổng quát là:

A. $C_nH_{2n+2}O_2$ ($n \geq 2$). **B.** $C_nH_{2n}O_2$ ($n \geq 2$).

C. $C_nH_{2n-2}O_2$ ($n \geq 2$). **D.** $C_nH_{2n}O$ ($n \geq 2$).

Câu 18: Cho lần lượt các đồng phân mạch hở, có cùng công thức phân tử $C_2H_4O_2$ lần lượt tác dụng với: Na, NaOH, $NaHCO_3$, $AgNO_3/NH_3$. Số phản ứng xảy ra là:

A. 7. **B.** 6. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 19: Nguyên tử X có cấu hình electron lớp ngoài cùng là $3s^23p^5$. Nguyên tử X là

A. P (Z=15). **B.** N (Z=7). **C.** Cl (Z=17). **D.** F (Z=9).

Câu 20: Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Các amin đều không độc, được sử dụng trong chế biến thực phẩm

B. Tất cả các amin đều làm quỳ tím ẩm chuyển màu xanh

C. Ở nhiệt độ thường, tất cả các amin đều tan nhiều trong nước

D. Để rửa sạch ống nghiệm có dính anilin, có thể dùng HCl

Câu 21: Các chất sau được sắp xếp theo thứ tự tính bazơ tăng dần:

A. $C_6H_5NH_2$, CH_3NH_2, NH_3. **B.** CH_3NH_2, $C_6H_5NH_2$, NH_3.

C. $C_6H_5NH_2$, NH_3, CH_3NH_2. **D.** NH_3, $C_6H_5NH_2$, CH_3NH_2.

Câu 22: Chất nào dưới đây thuộc loại hiđrocacbon no?

A. Axetilen **B.** Metan **C.** Etilen **D.** Benzen

Tuyensinh247.com

Câu 23: Đun nóng 0,1 mol chất X chỉ chứa một loại nhóm chức tác dụng vừa đủ với NaOH trong dung dịch thu được 13,4 gam muối của axit hữu cơ Y mạch thẳng và 9,2 gam rượu đơn chức. Cho toàn bộ lượng rượu đó tác dụng với Na thu được 2,24 lít H_2 (đktc). Xác định tên gọi của X.

A. Đietyl oxalat **B.** Đimetyl oxalat. **C.** Đietyl ađipat **D.** Etyl propionat

Câu 24: Hỗn hợp A gồm một amin đơn chức, một anken, một ankan. Đốt cháy hoàn toàn 12,95 gam hỗn hợp cần V lít O_2 (đktc) thu được 19,04 lít CO_2 (đktc); 0,56 lít N_2 (đktc) và H_2O. Giá trị của V là:

A. 30,520 **B.** 32,536 **C.** 31,360 **D.** 34,048

Câu 25: X là một $\alpha-$amino axit no (phân tử chỉ có 1 nhóm $-NH_2$ và 1 nhóm –COOH). Cho 0,03 mol X tác dụng với dung dịch chứa 0,05 mol HCl thu được dung dịch Y. Thêm 0,1 mol NaOH vào Y sau phản ứng đem cô cạn thu được 7,895 gam chất rắn. Chất X là:

A. Glyxin **B.** Alanin **C.** Valin **D.** Lysin

Câu 26: Một dung dịch X gồm 0,01 mol Na^+; 0,02 mol Ca^{2+}; 0,02 mol HCO_3^- và a mol ion X (bỏ qua sự điện li của nước). Ion X và giá trị của a là

A. Cl^- và 0,03 **B.** NO_3^- và 0,01 **C.** OH^- và 0,03 **D.** CO_3^{2-} và 0,03

Câu 27: Hỗn hợp X gồm CuO, Fe_2O_3, FeS_2 và CuS. Người ta hòa tan hoàn toàn **m** gam X trong dung dịch H_2SO_4 (đặc, nóng, dư) thu được khí SO_2, dung dịch sau phản ứng chứa 215m/107 gam muối. Mặt khác, hòa tan hoàn toàn m gam X trên vào dung dịch HNO_3 (đặc, nóng, dư) thu được 11,2 lít hỗn hợp khí gồm NO_2 và SO_2 có tỷ khối so với H_2 là 23,54. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được 19,58 gam hỗn hợp muối khan. Biết trong X tổng khối lượng các kim loại lớn hơn khối lượng oxi là 4,08 gam. Phần trăm khối lượng của CuO trong X có ***giá trị gần đúng nhất*** với:

A. 12,0% **B.** 9,0% **C.** 15,0% **D.** 18,0%

Câu 28: Đốt cháy hoàn toàn 10,24 gam hỗn hợp M gồm một axit no, đơn chức, mạch hở và một ancol no, đơn chức, mạch hở thu được 9,408 lít CO_2 (đktc) và 9,36 gam nước. Nếu lấy 5,12 gam M ở trên thực hiện phản ứng este hóa với hiệu suất 75% thì thu được m gam este. Giá trị **gần đúng nhất** của m là?

A. 6,5 **B.** 3,82 **C.** 3,05 **D.** 3,85

Câu 29: Khi nhỏ từ từ đến dư dung dịch NaOH vào dung dịch gồm a mol HCl và b mol $ZnSO_4$. Kết quả thí nghiệm được biểu diễn trên sơ đồ sau :

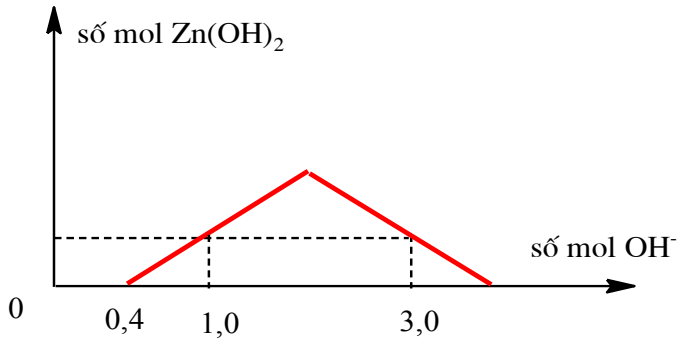

Tỉ lệ a : b là

A. 3 : 2. **B.** 3 : 4. **C.** 2 : 3. **D.** 1 : 2.

Câu 30: Hỗn hợp X gồm 2 este đơn chức (đều tạo bởi axit no, đều không có phản ứng cộng brom trong nước) là đồng phân của nhau. 0,2 mol X phản ứng với tối đa 0,3 mol NaOH, khi đó tổng khối lượng sản phẩm hữu cơ thu được là 37,4 gam. Số cặp este tối đa có thể có trong hỗn hợp X là:

A. 3 **B.** 1 **C.** 8 **D.** 4

Tuyensinh247.com

Câu 31: Hòa tan 3,82 gam hỗn hợp gồm NaH_2PO_4, Na_2HPO_4 và Na_3PO_4 vào nước dư thu được dung dịch X. Trung hòa hoàn toàn X cần 50 ml dung dịch KOH 1M, thu được dung dịch Y. Khối lượng kết tủa thu được khi cho Y tác dụng hết với dung dịch $AgNO_3$ dư là

A. 20,95 gam. **B.** 16,76 gam. **C.** 12,57 gam. **D.** 8,38 gam.

Câu 32: Cho 0,5 mol hỗn hợp E chứa 2 este đều đơn chức, mạch hở tác dụng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ đun nóng, thu được 64,8 gam Ag. Mặt khác, đun nóng 37,92 gam hỗn hợp E trên với 320 ml dung dịch NaOH 2M rồi cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được phần rắn Y và 20,64 gam hỗn hợp chứa 2 ancol no trong đó oxi chiếm 31,0% về khối lượng. Đốt cháy hết chất rắn Y thu được Na_2CO_3; x mol CO_2; y mol H_2O. Tỉ lệ x : y là

A. 7 : 6. **B.** 17 : 9. **C.** 14 : 9. **D.** 4 : 3.

Câu 33: Cho 3,78 gam kim loại M tan hết trong dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng thu được 3,696 lít (đktc) hỗn hợp khí SO_2 và H_2S có khối lượng 10,11 gam. Vậy kim loại M là:

A. Fe **B.** Al **C.** Zn **D.** Mg

Câu 34: Hỗn hợp X chứa 1 ancol no, đơn chức A, axit hai chức B và este 2 chức C đều no, mạch hở và có tỉ lệ mol tương ứng 3:2:3. Đốt cháy hoàn m gam hỗn hợp X cần dùng 7,28 lít O_2 (đktc). Mặt khác đun nóng m gam hỗn hợp X trong 130 ml dung dịch NaOH 1M thu được dung dịch Y và hỗn hợp 2 ancol là đồng đẳng kế tiếp. Cô cạn dung dịch Y sau đó nung với CaO thu được duy nhất một hydrocacbon đơn giản nhất có khối lượng 0,24 gam. (Biết: Các phản ứng đạt hiệu suất 100%, số mol hiđrocacbon nhỏ hơn số mol muối trong Y). Giá trị của m ***gần nhất*** với:

A. 7,0 gam. **B.** 7,5 gam. **C.** 7,8 gam. **D.** 8,5 gam.

Câu 35: Cho 38,55 gam hỗn hợp X gồm Mg, Al, ZnO và $Fe(NO_3)_2$ tan hoàn toàn trong dung dịch chứa 0,725 mol H_2SO_4 loãng. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch Y chỉ chứa 96,55 gam muối sunfat trung hòa và 3,92 lít (đktc) khí Z gồm hai khí trong đó có một khí hóa nâu ngoài không khí. Biết tỉ khối của Z so với H_2 là 9. Biết Y không chứa ion Fe^{3+}. Phần trăm số mol của Mg trong hỗn hợp X **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

A. 25 **B.** 15 **C.** 40 **D.** 30

Câu 36: Hỗn hợp E chứa hai este $C_nH_{2n}O_2$ (X) và $C_mH_{2m-2}O_4$ (Y) (đều mạch hở, không có nhóm chức khác). Đun nóng 20,58 gam E với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được 9,48 gam hỗn hợp gồm hai ancol Z và 2 muối T. Đốt cháy hoàn toàn muối T cần dùng 0,48 mol O_2, thu được CO_2, H_2O và 14,31 gam Na_2CO_3. Phần trăm khối lượng của X trong E **gần nhất** với?

A. 12% **B.** 32% **C.** 15% **D.** 24%

Câu 37: Đốt cháy hoàn toàn a gam triglixerit X cần vừa đủ 3,2 mol O_2, thu được 2,28 mol CO_2 và 2,08 mol H_2O. Mặt khác, cho a gam X vào 500 ml NaOH 0,3M, sau phản ứng cô cạn dung dịch thu được chất rắn chứa m gam muối khan. Giá trị của m là:

A. 43,14. **B.** 36,48. **C.** 37,68. **D.** 37,12.

Câu 38: Đun nóng dung dịch chứa m gam glucozơ với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 10,8 gam Ag. Giá trị của m là :

A. 9,0. **B.** 4,5. **C.** 8,1. **D.** 18,0.

Câu 39: Cho 37,6 gam hỗn hợp gồm CaO, CuO và Fe_2O_3 tác dụng vừa đủ với 0,6 lít dung dịch HCl 2M, rồi cô cạn dung dịch sau phản ứng thì số gam muối khan thu được là :

A. 70,6. **B.** 61,0. **C.** 80,2. **D.** 49,3.

Tuyensinh247.com

Câu 40: Có một số nhận xét về cacbohiđrat như sau:

(1) Saccarozo, tinh bột và xenlulozo đều có bị thủy phân.

(2) Glucozo, Fructozo, saccarozo đều tác dụng được với $Cu(OH)_2$ và có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc.

(3) Tinh bột và xenlulozo là đồng phân cấu tạo của nhau.

(4) Phân tử xenlulozo được cấu tạo bởi nhiều gốc α- glucozo.

(5) Thủy phân tinh bột trong môi trường axit sinh ra fructozo.

Trong các nhận xét trên, số nhận xét đúng là:

A. 4 **B.** 3 **C.** 2 **D.** 1

---------- HẾT ----------

Tuyensinh247.com

SỞ GD&ĐT BẮC NINH
TRƯỜNG THPT HÀN THUYÊN
(Đáp án gồm 01 trang)

ĐÁP ÁN - ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG LẦN 1
NĂM HỌC 2019-2020
MÔN: HÓA HỌC - 12

Câu	Mã đề							
	132	209	357	485	570	628	743	896
1	A	C	B	A	A	C	C	D
2	B	D	A	B	C	B	C	B
3	C	C	C	C	C	A	D	A
4	C	B	B	A	C	C	C	C
5	D	D	D	D	B	A	B	C
6	D	D	D	C	B	D	B	C
7	D	A	A	C	A	C	D	B
8	A	B	C	A	A	B	D	C
9	B	D	A	B	B	D	A	D
10	C	C	A	C	B	C	D	B
11	B	B	D	B	B	B	A	C
12	B	D	B	A	B	D	C	B
13	D	A	B	B	D	A	B	A
14	D	B	C	D	C	B	A	A
15	B	C	A	C	C	A	D	B
16	A	A	A	C	D	B	B	B
17	B	A	B	D	B	B	C	D
18	A	C	C	C	C	D	B	C
19	C	C	C	D	D	B	A	C
20	D	B	A	D	A	D	A	A
21	C	A	B	A	A	C	B	C
22	B	A	D	B	D	B	A	C
23	A	A	C	B	A	A	B	D
24	A	B	D	C	C	A	D	A
25	C	D	D	D	A	B	A	D
26	A	B	B	C	C	A	B	A
27	B	B	C	B	D	C	C	D
28	C	D	B	A	B	A	C	A
29	D	A	D	A	D	D	D	A
30	D	B	C	C	B	B	C	D
31	C	D	C	A	D	C	D	B
32	A	C	D	B	C	A	A	D
33	B	C	C	D	B	D	A	C
34	C	C	D	B	A	A	B	D
35	D	D	B	B	A	C	D	B
36	C	B	A	D	C	D	C	B
37	B	C	A	A	D	C	B	A
38	A	A	A	A	D	C	D	A
39	A	A	B	D	A	D	A	B
40	D	D	D	D	D	D	C	D

Tuyensinh247.com

SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC
TRƯỜNG THPT YÊN LẠC 2

KỲ KSCL THI THPTQG NĂM 2020 LẦN 1
Đề thi môn: Hóa học
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề.
Đề thi gồm 04 trang.

Mã đề thi 201

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....
Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108; Ba = 137.

Câu 41: Dung dịch **X** chứa H_2SO_4 0,2M và HCl 0,1M, dung dịch **Y** chứa $KHCO_3$ 0,3M và $BaCl_2$ 0,1M. Cho 0,5 lít dung dịch **X** phản ứng với 0,5 lít dung dịch **Y** và đun nóng, sau phản ứng hoàn toàn thấy tổng khối lượng các chất trong dung dịch thu được giảm m gam (giả sử nước bay hơi không đáng kể). Giá trị của m là
A. 18,25. **B.** 11,65. **C.** 22,65. **D.** 10,34.

Câu 42: Hợp chất hữu cơ **X** có công thức phân tử $C_5H_6O_4$. **X** tác dụng với NaOH trong dung dịch theo tỉ lệ mol tương ứng 1 : 2, tạo ra muối của axit no **Y** và ancol **Z**. Dẫn **Z** qua CuO nung nóng thu được anđehit **T** có phản ứng tráng bạc, tạo ra Ag theo tỉ lệ mol tương ứng 1 : 4. Biết **Y** không có đồng phân bền nào khác. Phát biểu nào sau đây đúng?
A. Ancol **Z** hoà tan $Cu(OH)_2$ để tạo dung dịch màu xanh.
B. Anđehit **T** là chất đầu tiên trong dãy đồng đẳng.
C. Axit **Y** có tham gia phản ứng tráng bạc.
D. Ancol **Z** không no (có 1 liên kết C=C).

Câu 43: Thủy phân este không no, mạch hở **X** (có tỉ khối hơi so với oxi bằng 3,125), thu được một anđehit và một muối của axit hữu cơ. Số công thức cấu tạo phù hợp của **X** là
A. 3. **B.** 5. **C.** 4. **D.** 6.

Câu 44: : Ba dung dịch X, Y, Z thoả mãn:
- X tác dụng với Y thì có kết tủa xuất hiện; - Y tác dụng với Z thì có kết tủa xuất hiện;
- X tác dụng với Z thì có khí thoát ra. X, Y, Z lần lượt là:
A. $NaHCO_3$, $NaHSO_4$, $BaCl_2$. **B.** $FeCl_2$, $Ba(OH)_2$, $AgNO_3$.
C. $NaHSO_4$, $BaCl_2$, Na_2CO_3. **D.** $Al_2(SO_4)_3$, $BaCl_2$, Na_2SO_4.

Câu 45: Dung dịch chứa chất tan nào sau đây **không** phản ứng được với glyxin?
A. H_2SO_4. **B.** NaOH. **C.** HCl. **D.** NaCl.

Câu 46: Hỗn hợp X gồm 0,5 mol H_2 ; 0,1 mol etilen và 0,2 mol axetilen. Nung nóng hỗn hợp X(xúc tác Ni) sau một thời gian thu được hỗn hợp Y có tỉ khối so với hidro bằng 12,85. Dẫn Y qua dung dịch brom dư, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, khối lượng brom tham gia phản ứng là:
A. 8,03 gam. **B.** 16,06 gam. **C.** 24,09 gam. **D.** 32,12 gam.

Câu 47: Nung m gam hỗn hợp **X** gồm Fe, Cu, $Fe(NO_3)_2$, $Cu(NO_3)_2$ và $FeCO_3$ trong bình chân không, thu được chất rắn **Y** và hỗn hợp khí **Z** có tỉ khối so với H_2 là 22,8 (giả sử khí NO_2 sinh ra không tham gia phản ứng nào khác). Cho **Y** tan hoàn toàn trong dung dịch chứa đồng thời 0,08 mol KNO_3 và 0,68 mol H_2SO_4 (loãng), thu được dung dịch chỉ chứa 98,36 gam muối trung hòa của các kim loại và hỗn hợp khí **T** gồm NO và H_2. Tỉ khối của **T** so với H_2 là 12,2. Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m **gần nhất với** giá trị nào sau đây?
A. 60,72. **B.** 60,74. **C.** 60,73. **D.** 60,75.

Câu 48: Chất oxi hóa là chất
A. nhường electron. **B.** nhận proton. **C.** nhận electron. **D.** cho proton.

Câu 49: Cho các phát biểu sau:
(a) Anđehit axetic phản ứng được với dung dịch NaOH.
(b) Lysin làm quỳ tím ẩm hoá xanh.

Tuyensinh247.com

(c) Phenol (C_6H_5OH) phản ứng được với dung dịch $NaHCO_3$.
(d) Dung dịch axit glutamic làm đổi màu quỳ tím.
(e) Phenol (C_6H_5OH) có khả năng làm mất màu dung dịch nước Br_2.
(g) Stiren tham gia phản ứng cộng Br_2 trong dung dịch nước.

Số phát biểu đúng là

A. 6. **B.** 5. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 50: Cho 0,1 mol amino axit **X** tác dụng vừa đủ với 100 ml dung dịch HCl 2M, thu được 17,7 gam muối khan. Phân tử khối của **X** là

A. 90. **B.** 104. **C.** 92. **D.** 88.

Câu 51: Hỗn hợp **M** gồm este đơn chức mạch hở **X**, hai anđehit đồng đẳng kế tiếp **Y** và **Z** ($M_Y < M_Z$). Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol hỗn hợp **M** cần vừa đủ 4,2 lít khí O_2 (đktc), thu được 3,92 lít khí CO_2 (đktc) và 2,7 gam H_2O. Đun nóng 0,1 mol **M** với lượng vừa đủ dung dịch KOH rồi thêm dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 tới khi thu được lượng kết tủa lớn nhất là m gam. Giá trị của m là

A. 21,6. **B.** 32,4. **C.** 27,0. **D.** 37,8.

Câu 52: Tiến hành các thí nghiệm sau:

(a) Cho mẫu đồng sunfua vào dung dịch axit sunfuric loãng, đun nóng.
(b) Cho mẫu đá vôi vào dung dịch axit clohiđric.
(c) Cho natri vào dung dịch đồng(II) sunfat.
(d) Đun nóng dung dịch canxi hiđrocacbonat.

Số thí nghiệm xảy ra phản ứng hóa học có tạo ra chất khí là

A. 2. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 1.

Câu 53: Khí X thoát ra khi đốt than trong lò, đốt xăng dầu trong động cơ, gây ngộ độc hô hấp cho người và vật nuôi, do làm giảm khả năng vận chuyển oxi của máu. X là

A. CO_2. **B.** SO_2. **C.** CO. **D.** Cl_2.

Câu 54: Cho các phát biểu sau:

(a) Axetilen và etilen là đồng đẳng của nhau.
(b) Axit fomic có phản ứng tráng bạc.
(c)Phenol là chất rắn, ít tan trong nước lạnh.
(d) Axit axetic được tổng hợp trực tiếp từ metanol.

Số phát biểu đúng là

A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 1.

Câu 55: Chất nào sau đây là chất điện li mạnh?

A. NaOH. **B.** HF. **C.** C_2H_5OH. **D.** CH_3COOH.

Câu 56: Cho các cặp chất sau:

(a) Hg và S.
(b) Khí H_2S và khí SO_2.
(c) Khí H_2S và dung dịch $CuCl_2$.
(d) Dung dịch $KHCO_3$ và dung dịch KOH.
(e) Dung dịch NaH_2PO_4 và dung dịch Na_3PO_4.
(g) Dung dịch $AgNO_3$ và dung dịch $FeCl_3$.
(h) Dung dịch $NaHSO_4$ và dung dịch $Fe(NO_3)_2$.

Số cặp chất xảy ra phản ứng hoá học ở nhiệt độ thường là

A. 4. **B.** 6. **C.** 7. **D.** 5.

Câu 57: Đốt cháy hoàn toàn 0,5 mol hỗn hợp **X** gồm một amino axit **Y** (có một nhóm amino) và một axit cacboxylic no **Z** (đơn chức, mạch hở), thu được 26,88 lít CO_2 (đktc) và 23,4 gam H_2O. Mặt khác, 0,45 mol **X** phản ứng vừa đủ với lượng dung dịch chứa m gam HCl. Giá trị của m là

A. 6,57. **B.** 6,39. **C.** 4,38. **D.** 10,95.

Câu 58: Isoamyl axetat là este được dùng để làm dung môi. Công thức của isoamyl axetat là

A. $CH_3CH(CH_3)CH_2CH_2COOC_2H_5$. **B.** $CH_3CH(CH_3)CH_2CH_2COOCH_3$.
C. $HCOOCH_2CH_2CH(CH_3)CH_3$. **D.** $CH_3COOCH_2CH_2CH(CH_3)CH_3$.

Câu 59: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp **X** chứa hỗn hợp các triglixerit tạo bởi từ cả 3 axit panmitic, oleic, linoleic thu được 24,2 gam CO_2 và 9 gam H_2O. Nếu xà phòng hóa hoàn toàn 2m gam hỗn hợp **X** bằng dung dịch KOH vừa đủ sẽ thu được bao nhiêu gam xà phòng?

A. 11,90 gam. **B.** 18,64 gam. **C.** 21,40 gam. **D.** 19,60 gam.

Câu 60: Dãy gồm các ion cùng tồn tại trong một dung dịch là

A. Fe^{2+}, NO_3^-, H^+, NH_4^+. **B.** S^{2-}, Cu^{2+}, H^+, Na^+.

C. Ca^{2+}, $H_2PO_4^-$, Cl^-, K^+. **D.** Fe^{2+}, Ag^+, NO_3^-, SO_4^{2-}.

Câu 61: Cẩm tú cầu là loài hoa được trồng nhiều nhất tại Sa Pa hay Đà Lạt . Màu của loại hoa này có thể thay đổi tùy thuộc vào pH của thổ nhưỡng nên có thể điều chỉnh màu hoa thông qua việc điều chỉnh độ pH của đất trồng

pH đất trồng	< 7	= 7	> 7
Hoa sẽ có màu	Lam	Trắng sữa	Hồng

Khi trồng loài hoa trên, nếu ta bón thêm 1 ít vôi (CaO) và chỉ tưới nước thì khi thu hoạch hoa sẽ

A. Có màu trắng sữa. **B.** Có màu hồng.

C. Có đủ cả 3 màu lam, trắng , hồng. **D.** Có màu lam.

Câu 62: Cho các chất: $HOCH_2CH_2OH$, $HOCH_2CH_2CH_2OH$, CH_3COOH và $C_6H_{12}O_6$ (fructozơ). Số chất phản ứng được với $Cu(OH)_2$ tạo ra dung dịch màu xanh là

A. 4. **B.** 3. **C.** 1. **D.** 2.

Câu 63: Cho từ từ 350 ml dung dịch NaOH 1M vào 100 ml dung dịch $AlCl_3$ x mol/l, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 3,9 gam kết tủa. Giá trị của x là

A. 0,75. **B.** 1,50. **C.** 0,50. **D.** 1,00.

Câu 64: Trong công nghiệp, một lượng lớn chất béo dùng để sản xuất

A. xà phòng và glixerol. **B.** glucozơ và ancol etylic.

C. glucozơ và glixerol. **D.** xà phòng và ancol etylic.

Câu 65: Ở điều kiện thường, đơn chất phi kim nào sau đây tồn tại ở trạng thái khí?

A. Photpho. **B.** Cacbon. **C.** Clo. **D.** Lưu huỳnh.

Câu 66: Chất nào sau đây là hiđroxit lưỡng tính?

A. $Cr(OH)_2$. **B.** $Fe(OH)_3$. **C.** NaOH. **D.** $Pb(OH)_2$.

Câu 67: Cho hỗn hợp **X** gồm ba kim loại tác dụng với dung dịch gồm $NaNO_3$ và **x** mol HCl thu được dung dịch **Y** chỉ chứa muối trong đó có 0,15 mol NH_4^+ và hỗn hợp khí gồm 0,1 mol NO và 0,05 mol N_2O. Giá trị của **x** là

A. 1,8. **B.** 2,6. **C.** 2,0. **D.** 2,4.

Câu 68: Dung dịch nào sau đây có thể dùng để xử lý một lượng khí clo gây ô nhiễm trong phòng thí nghiệm?

A. Dung dịch amoniac. **B.** Dung dịch axit clohiđric.

C. Dung dịch brom. **D.** Dung dịch natri clorua.

Câu 69: Dung dịch (A) chứa a mol $Ba(OH)_2$ và m gam NaOH. Sục từ từ CO_2 đến dư vào dung dịch (A) thấy lượng kết tủa biến đổi theo đồ thị dưới đây:

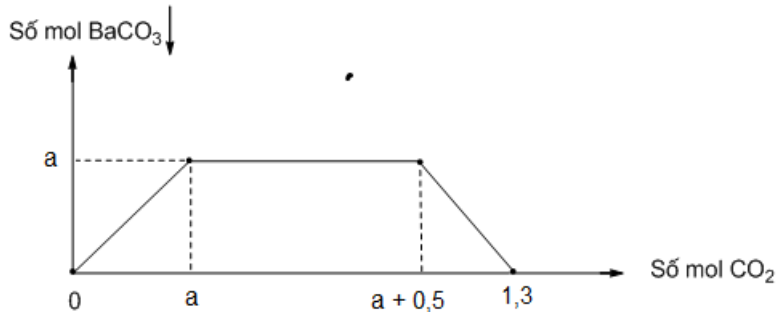

Giá trị của a và m lần lượt là

A. 0,4 và 40,0. **B.** 0,4 và 20,0. **C.** 0,5 và 24,0. **D.** 0,5 và 20,0.

Câu 70: Đốt cháy hoàn toàn 4,16 gam hỗn hợp **X** gồm RCOOH và $RCOOC_2H_5$, thu được 4,256 lít khí CO_2 (đktc) và 2,52 gam H_2O. Mặt khác 2,08 gam hỗn hợp **X** phản ứng với lượng vừa đủ dung dịch NaOH, thu được 0,46 gam ancol và m gam muối. Giá trị của m là

A. 2,484. **B.** 4,70. **C.** 2,35. **D.** 2,62.

Câu 71: Cho hỗn hợp bột hai kim loại Mg, Cu vào cốc đựng dung dịch HCl (vừa đủ) thu được chất khí X, dung dịch chứa muối Y và chất rắn không tan Z. Các chất X, Y, Z lần lượt là

A. Cl_2, $MgCl_2$, Cu. **B.** H_2, $CuCl_2$, Mg. **C.** H_2, $CuCl_2$, $MgCl_2$. **D.** H_2, $MgCl_2$, Cu.

Câu 72: Dẫn 0,02 mol hỗn hợp X (gồm hơi nước và khí CO_2) qua cacbon nung đỏ, thu được 0,035 mol hỗn hợp Y gồm CO, H_2 và CO_2. Cho Y đi qua ống đựng 10 gam hỗn hợp gồm Fe_2O_3 và CuO (dư, nung nóng), sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

A. 9,52. **B.** 9,28. **C.** 9,76. **D.** 9,20.

Câu 73: NH_3 có thể phản ứng được với tất cả các chất trong nhóm nào sau đây (các điều kiệncoi như có đủ)

A. HCl , KOH , $FeCl_3$, Cl_2 . **B.** HCl ,O_2 , Cl_2 , CuO ,dd $AlCl_3$.

C. KOH , HNO_3 , CuO , $CuCl_2$. **D.** H_2SO_4 , PbO, FeO ,NaOH .

Câu 74: Hợp chất hữu cơ A có công thức phân tử $C_3H_9O_2N$. Cho A phản ứng với dung dịch NaOH, đun nóng thu được muối B và khí C làm xanh giấy quỳ tím ẩm. Số đồng phân của A thoả mãn điều kiện trên là

A. 5. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 75: Lên men m gam glucozơ thành ancol etylic với hiệu suất 60%, thu được 6,72 lít khí CO_2 (đktc). Giá trị của m là

A. 18,0. **B.** 16,0. **C.** 45,0. **D.** 40,5.

Câu 76: Chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

A. Tinh bột. **B.** Fructozơ. **C.** Saccarozơ. **D.** Glucozơ.

Câu 77: Từ các sơ đồ phản ứng sau (theo đúng tỉ lệ mol):

$2X_1 + 2X_2 \longrightarrow 2X_3 + H_2$ $X_3 + CO_2 \longrightarrow X_4$

$X_3 + X_4 \longrightarrow X_5 + X_2$ $2X_6 + 3X_5 + 3X_2 \longrightarrow 2Fe(OH)_3 + 3CO_2 + 6KCl$

Các chất thích hợp tương ứng với $\mathbf{X_3}$, $\mathbf{X_5}$, $\mathbf{X_6}$ lần lượt là

A. $KHCO_3$, K_2CO_3, $FeCl_3$. **B.** KOH, K_2CO_3, $Fe_2(SO_4)_3$.

C. KOH, K_2CO_3, $FeCl_3$. **D.** NaOH, Na_2CO_3, $FeCl_3$.

Câu 78: Cho 10,8 gam hỗn hợp gồm Mg và $MgCO_3$ (có tỉ lệ số mol 1:1) vào dung dịch H_2SO_4 loãng (dư), thu được V lít khí (đktc). Giá trị của V là

A. 4,48. **B.** 6,72. **C.** 2,24. **D.** 8,96.

Câu 79: Thành phần chính của quặng photphorit là canxi photphat. Công thức của canxi photphat là

A. $CaSO_4$. **B.** $Ca_3(PO_4)_2$. **C.** $CaHPO_4$. **D.** $Ca(H_2PO_4)_2$.

Câu 80: Cho hình vẽ mô tả thí nghiệm phân tích định tính hợp chất hữu cơ như sau:

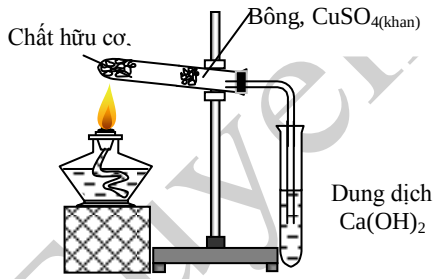

Hãy cho biết vai trò của dung dịch $Ca(OH)_2$ đựng trong ống nghiệm và biến đổi của nó trong thí nghiệm.

A. Xác định H và dung dịch từ trong suốt xuất hiện kết tủa màu trắng.

B. Xác định C và dung dịch từ trong suốt xuất hiện kết tủa màu trắng.

C. Xác định N và dung dịch trong suốt không thấy xuất hiện kết tủa.

D. Xác định O và dung dịch trong suốt không thấy xuất hiện kết tủa.

---------- HẾT ----------

Tuyensinh247.com

ĐÁP ÁN TẤT CẢ CÁC MÃ ĐỀ

Mã đề	Câu	Đáp án	Mã đề	Câu	Đáp án	Mã đề	Câu	Đáp án	Mã đề	Câu	Đáp án	Mã đề	Câu	Đáp án	Mã đề	Câu	Đáp án
201	41	A	202	41	D	203	41	C	204	41	C	205	41	C	206	41	C
201	42	C	202	42	B	203	42	D	204	42	C	205	42	B	206	42	B
201	43	C	202	43	A	203	43	D	204	43	C	205	43	B	206	43	C
201	44	C	202	44	A	203	44	A	204	44	A	205	44	D	206	44	D
201	45	D	202	45	A	203	45	D	204	45	B	205	45	C	206	45	C
201	46	A	202	46	B	203	46	B	204	46	A	205	46	A	206	46	D
201	47	D	202	47	B	203	47	C	204	47	C	205	47	C	206	47	B
201	48	C	202	48	D	203	48	D	204	48	B	205	48	B	206	48	B
201	49	D	202	49	B	203	49	C	204	49	B	205	49	C	206	49	A
201	50	B	202	50	D	203	50	C	204	50	D	205	50	C	206	50	A
201	51	D	202	51	C	203	51	B	204	51	A	205	51	D	206	51	A
201	52	C	202	52	B	203	52	C	204	52	D	205	52	A	206	52	D
201	53	C	202	53	C	203	53	A	204	53	C	205	53	D	206	53	A
201	54	B	202	54	B	203	54	D	204	54	A	205	54	D	206	54	B
201	55	A	202	55	C	203	55	D	204	55	D	205	55	D	206	55	B
201	56	B	202	56	B	203	56	D	204	56	A	205	56	B	206	56	B
201	57	A	202	57	C	203	57	A	204	57	B	205	57	B	206	57	D
201	58	D	202	58	B	203	58	D	204	58	C	205	58	D	206	58	A
201	59	B	202	59	D	203	59	A	204	59	D	205	59	D	206	59	C
201	60	C	202	60	A	203	60	C	204	60	D	205	60	B	206	60	A
201	61	B	202	61	C	203	61	B	204	61	D	205	61	C	206	61	D
201	62	B	202	62	B	203	62	B	204	62	A	205	62	B	206	62	B
201	63	D	202	63	C	203	63	A	204	63	D	205	63	A	206	63	B
201	64	A	202	64	A	203	64	C	204	64	A	205	64	A	206	64	C
201	65	C	202	65	A	203	65	D	204	65	A	205	65	B	206	65	C
201	66	D	202	66	D	203	66	C	204	66	B	205	66	A	206	66	C
201	67	D	202	67	C	203	67	B	204	67	D	205	67	A	206	67	A
201	68	A	202	68	A	203	68	D	204	68	B	205	68	D	206	68	D
201	69	B	202	69	D	203	69	A	204	69	B	205	69	C	206	69	A
201	70	C	202	70	A	203	70	B	204	70	A	205	70	A	206	70	C
201	71	D	202	71	A	203	71	A	204	71	A	205	71	C	206	71	C
201	72	A	202	72	D	203	72	A	204	72	C	205	72	D	206	72	C
201	73	B	202	73	C	203	73	C	204	73	C	205	73	A	206	73	A
201	74	D	202	74	C	203	74	A	204	74	D	205	74	C	206	74	D
201	75	C	202	75	D	203	75	C	204	75	C	205	75	A	206	75	D
201	76	A	202	76	C	203	76	A	204	76	B	205	76	C	206	76	D
201	77	C	202	77	D	203	77	B	204	77	B	205	77	B	206	77	D
201	78	A	202	78	B	203	78	B	204	78	B	205	78	D	206	78	B
201	79	B	202	79	A	203	79	B	204	79	D	205	79	A	206	79	B
201	80	B	202	80	D	203	80	B	204	80	C	205	80	B	206	80	A

Tuyensinh247.com

TRƯỜNG THPT ĐỒNG ĐẬU

ĐỀ THI KSCL THPT QUỐC GIA LẦN I
NĂM HỌC 2019 - 2020
BÀI THI KHTN – MÔN: HÓA HỌC
Thời gian làm bài: 50 phút;

Mã đề thi 120

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

Câu 41: Điểm giống nhau về cấu tạo giữa tinh bột và xenlulozơ là
A. được tạo nên từ nhiều phân tử glucozơ. **B.** được tạo nên từ nhiều gốc fructozơ.
C. được tạo nên từ nhiều phân tử saccarozơ. **D.** được tạo nên từ nhiều gốc glucozơ.

Câu 42: Đốt cháy hoàn toàn 4,712 gam một ancol no, hai chức, mạch hở thu được m gam CO_2 và 4,464 gam H_2O. Giá trị của m là
A. 5,456. **B.** 6,688. **C.** 10,032. **D.** 8,184.

Câu 43: Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng với
A. dd $AgNO_3/NH_3$, đun nóng. **B.** thuỷ phân trong môi trường axit
C. dd Br_2 **D.** $Cu(OH)_2$, t^0 thường

Câu 44: Sục CO_2 vào dung dịch $Ba(OH)_2$ thu được kết quả theo đồ thị hình bên (số liệu tính theo đơn vị mol).

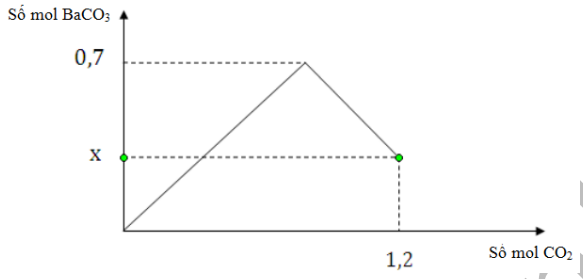

Giá trị của x là
A. 0,20. **B.** 0,10. **C.** 0,15. **D.** 0,18.

Câu 45: Este nào sau đây thủy phân trong môi trường axit cho ra phenol?
A. Phenylaxetat. **B.** Metylbenzoat. **C.** Etylfomat. **D.** Metylaxetat.

Câu 46: Cho hỗn hợp X gồm axit axetic và metyl axetat tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH , sau phản ứng thu được 16,4 gam muối và 3,84 gam ancol. Phần trăm số mol của metyl axetat trong X là
A. 64,91%. **B.** 35,09%. **C.** 60%. **D.** 40%.

Câu 47: Chất béo là
A. là este của axit béo và ancol đa chức. **B.** trieste của glixerol và axit béo.
C. trieste của axit hữu cơ và glixerol. **D.** hợp chất hữu cơ chứa C, H, N, O.

Câu 48: Thủy phân hoàn toàn chất béo trong dung dịch NaOH luôn thu được
A. ancol benzylic. **B.** etylen glicol. **C.** ancol etylic. **D.** glixerol.

Câu 49: Axit cacboxylic nào sau đây là axit béo?
A. Axit oxalic. **B.** Axit axetic. **C.** Axit fomic. **D.** Axit stearic.

Câu 50: Các ion có thể cùng tồn tại trong một dung dịch là
A. Ag^+; Cl^-. **B.** Cl^-; Ca^{2+}. **C.** OH^-; Mg^{2+}. **D.** H^+; OH^-.

Câu 51: Axetilen có công thức phân tử là
A. C_2H_2. **B.** C_2H_6. **C.** C_2H_4. **D.** CH_4.

Câu 52: Trong công nghiệp, một lượng lớn chất béo dùng để sản xuất
A. xà phòng và ancol etylic. **B.** glucozơ và ancol etylic.
C. xà phòng và glixerol. **D.** glucozơ và glixerol.

Câu 53: X, Y, Z là 3 este đều đơn chức mạch hở (trong đó X, Y là este no, $M_Y = M_X + 14$, Z không no chứa một liên kết C=C). Đốt cháy hoàn toàn 14,64 gam hỗn hợp E chứa X, Y, Z cần dùng 0,76 mol O_2. Mặt khác đun nóng 14,64 gam E với dung dịch NaOH vừa đủ thu được ancol T duy nhất và

Tuyensinh247.com

hỗn hợp muối. Dẫn toàn bộ T đi qua bình đựng Na dư thấy khối lượng bình tăng 8,1 gam; đồng thời thu được 2,016 lít khí H_2. Tỷ lê mol các muối có khối lượng phân tử tăng dần là:

A. 6 : 1 : 2 **B.** 4 : 3 : 2 **C.** 5 : 2 : 2 **D.** 9 : 5 : 4

Câu 54: Cho các phát biểu sau:

(a) Hiđro hóa hoàn toàn glucozơ thu được axit gluconic.

(b) Phản ứng thủy phân xenlulozơ xảy ra được trong dạ dày của động vật ăn cỏ.

(c) Xenlulozơ trinitrat là nguyên liệu để sản xuất tơ nhân tạo.

(d) Saccarozơ bị hóa đen trong H_2SO_4 đậm đặc.

(e) Trong công nghiệp dược phẩm, saccarozơ được dùng để pha chế thuốc.

Số phát biểu **đúng** là

A. 4. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 5.

Câu 55: Thủy phân hoàn toàn 10,12 gam este X trong dung dịch NaOH, sau phản ứng thu được muối của axit cacboxylic đơn chức và 3,68 gam ancol metylic. Công thức của X là

A. $CH_3COOC_2H_5$. **B.** $C_2H_3COOCH_3$. **C.** CH_3COOCH_3. **D.** $C_2H_5COOCH_3$.

Câu 56: Hấp thu hết 4,48 lít CO_2 (ở đktc) vào dung dịch chứa x mol KOH và y mol K_2CO_3 thu được 200ml dung dịch **X**. Cho từ từ đến hết 100ml dung dịch **X** vào 300ml dung dịch HCl 0,5M thu được 2,688 lít khí (ở đktc). Mặt khác 100 ml dung dịch **X** tác dụng với dung dịch $Ba(OH)_2$ dư thu được 39,4 gam kết tủa. Giá trị của x là

A. 0,15. **B.** 0,2. **C.** 0,06. **D.** 0,1.

Câu 57: Hiệu ứng nhà kính là hiện tượng trái đất nóng lên do các bức xạ có bước sóng dài trong vùng hồng ngoại bị giữ lại mà không bức xạ ra ngoài vũ trụ. Khí nào dưới đây là nguyên nhân chính gây ra hiệu ứng nhà kính?

A. N_2. **B.** CO_2. **C.** O_2. **D.** SO_2.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

A. Amilopectin có cấu trúc mạch phân nhánh. **B.** Saccarozơ làm mất màu dung dịch nước Br_2.

C. Xenlulozơ có cấu trúc mạch phân nhánh. **D.** Glucozơ bị khử bởi dung dịch $AgNO_3/NH_3$.

Câu 59: Khi làm bay hơi 8,14 gam một este đơn chức X thu được một thể tích đúng bằng thể tích của 3,52 gam oxi đo ở cùng điều kiện nhiệt độ và áp suất. Công thức phân tử của X là

A. $C_3H_6O_2$. **B.** $C_3H_4O_2$. **C.** $C_4H_8O_2$. **D.** $C_4H_6O_2$.

Câu 60: Sục V lít (đktc) khí axetilen vào dung dịch Br_2 thì lượng Br_2 phản ứng tối đa 0,3 mol. Giá trị của V là

A. 3,36. **B.** 2,24. **C.** 6,72. **D.** 8,96.

Câu 61: Axit HCl và HNO_3 đều phản ứng được với

A. Ag. **B.** Na_2CO_3 và Ag. **C.** Na_2CO_3. **D.** Cu.

Câu 62: Tính chất hóa học cơ bản của NH_3 là

A. tính bazơ mạnh và tính oxi hóa. **B.** tính bazơ yếu và tính khử.

C. tính bazơ yếu và tính oxi hóa. **D.** tính bazơ mạnh và tính khử.

Câu 63: Cho m gam hỗn hợp bột X gồm Fe_xO_y, CuO và Cu vào 300ml dung dịch HCl 1M chỉ thu được dung dịch Y (không chứa HCl) và còn lại 3,2 gam kim loại không tan. Cho Y tác dụng với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ thu được 51,15 gam kết tủa. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn, giá trị của m gần nhất với giá trị nào sau đây

A. 14,5 **B.** 11,2 **C.** 17,0 **D.** 13,8

Câu 64: Số đồng phân cấu tạo là este ứng với công thức phân tử $C_4H_8O_2$ là

A. 5. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 3.

Câu 65: Đốt cháy hoàn toàn m gam hiđrocacbon ở thể khí , nhẹ hơn không khí , mạch hở thu được 7,04 gam CO_2. Sục m gam hiđrocacbon này vào nước br om dư đến phản ứng hoàn toàn , thấy có 25,6 gam brom phản ứng. Giá trị m là:

A. 2,04. **B.** 3,06. **C.** 3,02. **D.** 2,08.

Câu 66: Cho các chất: HCHO, HCOOH, C_2H_2, CH_3COOH, $CH_3COOCH{=}CH_2$, $HCOOCH_3$. Số chất thuộc loại este là

A. 5. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 4.

Tuyensinh247.com

Câu 67: Nhóm tất cả các chất đều tác dụng được với H_2O khi có mặt chất xúc tác trong điều kiện thích hợp là

A. tinh bột, C_2H_4, C_2H_2. **B.** C_2H_4, CH_4, C_2H_2.
C. saccarozơ, CH_3COOCH_3, benzen. **D.** C_2H_6, CH_3COOCH_3, tinh bột.

Câu 68: Cho hình vẽ mô tả thí nghiệm điều chế khí Y từ chất rắn X như sau:

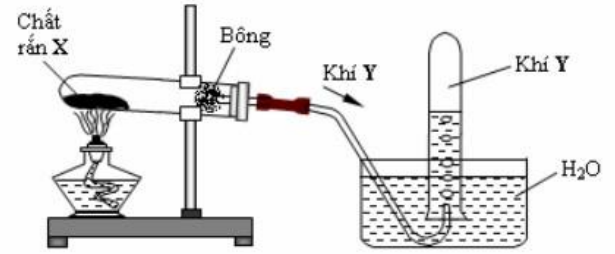

Hình vẽ trên minh họa cho phản ứng nào sau đây:

A. $BaSO_3 \rightarrow BaO + SO_2$. **B.** $KMnO_4 \rightarrow K_2MnO_4 + MnO_2 + O_2$.
C. $CaC_2 + H_2O \rightarrow Ca(OH)_2 + C_2H_2$. **D.** $NH_4Cl \rightarrow NH_3 + HCl$.

Câu 69: Hòa tan hoàn toàn 21,5 gam hỗn hợp **X** gồm Al, Zn, FeO, $Cu(NO_3)_2$ cần dùng hết 430 ml dung dịch H_2SO_4 1M thu được 0,19 mol hỗn hợp khí **Y** (đktc) gồm hai khí không màu, có 1 khí hóa nâu ngoài không khí, có tỉ khối hơi so với H_2 bằng 5,421; dung dịch **Z** chỉ chứa các muối sunfat trung hòa. Cô cạn dung dịch **Z** thu được 56,9 gam muối khan. Phần trăm khối lượng của Al trong hỗn hợp **X** có giá trị **gần giá trị nào nhất**?

A. 18,5%. **B.** 18,1%. **C.** 19,1%. **D.** 20,1%.

Câu 70: Lên men hoàn toàn 23,4 gam glucozơ, thu được ancol etylic và V lít CO_2 (đktc). Giá trị của V là

A. 2,912. **B.** 7,280. **C.** 17,472. **D.** 5,824.

Câu 71: **X** là este mạch hở được tạo bởi axit cacboxylic hai chức và một ancol đơn chức. **Y**, **Z** là hai ancol đơn chức, mạch hở, đồng đẳng kế tiếp nhau. Đốt cháy hoàn toàn 5,7 gam hỗn hợp **E** chứa **X**, **Y**, **Z** cần dùng 7,728 lít O_2 (đktc), sau phản ứng thu được 4,86 gam nước. Mặc khác, đun nóng 5,7 gam hỗn hợp **E** trên cần dùng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được phần hơi chứa 2 ancol **Y**, **Z** có khối lượng 4,1 gam. Phần trăm khối lượng **X** có trong **E** là

A. 60,35%. **B.** 62,28%. **C.** 61,40%. **D.** 57,89%.

Câu 72: Este vinyl axetat có công thức là

A. $CH_2=CHCOOCH_3$. **B.** $CH_3COOCH=CH_2$. **C.** $CH_3COOC_2H_5$. **D.** $C_2H_5COOCH_3$.

Câu 73: Đun nóng m gam glucozơ với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3, thu được 15,12 gam Ag. Giá trị của m là

A. 25,20. **B.** 12,74. **C.** 12,60. **D.** 6,30.

Câu 74: Chất có khả năng tham gia phản ứng tráng gương là

A. CH_3OH. **B.** C_2H_5OH. **C.** CH_3CHO. **D.** CH_3COOH.

Câu 75: Khi thuỷ phân tristearin trong môi trường axit ta thu được sản phẩm là

A. $C_{15}H_{31}COONa$ và etanol. **B.** $C_{17}H_{35}COONa$ và glixerol.
C. $C_{17}H_{35}COOH$ và glixerol. **D.** $C_{17}H_{33}COOH$ và glixerol.

Câu 76: Đun nóng hoàn toàn 12,9 gam este $CH_2=CHCOOCH_3$ với 100 ml dung dịch KOH 1M, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được bao nhiêu gam rắn khan ?

A. 15,3 gam. **B.** 13,7 gam. **C.** 11,0 gam. **D.** 9,4 gam.

Câu 77: **X** là este no, đa chức, mạch hở; **Y** là este ba chức, mạch hở (được tạo bởi glixerol và một axit cacboxylic đơn chức, không no chứa một liên kết C=C). Đốt cháy hoàn toàn 17,02 gam hỗn hợp **E** chứa **X**, **Y** thu được 18,144 lít CO_2 (đktc). Mặt khác, đun nóng 0,12 mol **E** cần dùng 570 ml dung dịch NaOH 0,5M thu được dung dịch **G**. Cô cạn dung dịch **G** thu được hỗn hợp **T** chứa 3 muối ($\mathbf{T_1}$, $\mathbf{T_2}$, $\mathbf{T_3}$) và hỗn hợp 2 ancol có cùng số nguyên tử cacbon. Biết $M_{T1} < M_{T2} < M_{T3}$ và $\mathbf{T_3}$ nhiều hơn $\mathbf{T_1}$ là 2 nguyên tử cacbon. Phần trăm khối lượng của $\mathbf{T_3}$ trong hỗn hợp **T gần nhất** với giá trị nào dưới đây?

A. 20%. **B.** 30%. **C.** 29%. **D.** 25%.

Tuyensinh247.com

Câu 78: Dãy các chất đều có phản ứng thủy phân trong môi trường axit là

A. saccarozơ, xenlulozơ, glucozơ.
B. tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ.
C. tinh bột, glucozơ, xenlulozơ.
D. saccarozơ, tinh bột, glucozơ.

Câu 79: Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Isoamyl axetat có mùi thơm của chuối chín.
B. Các este thường dễ tan trong nước.
C. Một số este của axit phtalic được dùng làm chất dẻo.
D. Benzyl axetat có mùi thơm của hoa nhài.

Câu 80: Đun nóng axit acrylic với ancol etylic có mặt H_2SO_4 đặc làm xúc tác, thu được este có công thức cấu tạo là

A. $C_2H_5COOCH_3$.
B. $C_2H_5COOC_2H_5$.
C. $CH_2=CHCOOC_2H_5$.
D. $CH_3COOCH=CH_2$.

---------- HẾT ----------

Tuyensinh247.com

ĐÁP ÁN

Mã đề	120	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130	131
41	D	B	C	D	A	A	A	D	C	D	D	B
42	D	C	B	A	C	C	A	C	D	B	B	D
43	D	C	B	A	B	B	D	D	A	B	B	B
44	A	B	B	C	C	A	C	B	A	D	A	C
45	A	B	C	A	D	D	B	B	B	B	D	C
46	C	A	C	B	A	C	D	A	B	C	B	C
47	B	B	B	A	C	D	C	A	A	B	A	C
48	D	A	A	C	C	D	A	A	D	A	A	A
49	D	D	C	C	B	C	B	A	D	D	C	A
50	B	C	B	C	A	B	D	D	B	A	A	D
51	A	C	B	A	C	D	A	B	B	A	B	A
52	C	C	B	A	B	A	C	B	D	B	A	A
53	A	D	A	D	D	B	D	D	D	C	A	B
54	C	D	D	C	C	C	A	A	C	D	A	C
55	D	A	C	A	B	A	C	C	A	C	B	D
56	D	B	D	C	D	C	D	D	D	A	D	D
57	B	A	D	D	B	D	A	A	A	A	B	D
58	A	B	D	A	A	A	B	C	B	C	C	C
59	A	A	A	B	A	B	B	D	C	C	D	D
60	A	A	A	D	D	B	C	C	B	A	C	B
61	C	D	A	B	B	A	D	B	B	D	D	A
62	B	A	A	D	C	D	A	B	A	D	C	B
63	A	A	D	D	B	A	C	D	C	C	D	A
64	B	A	A	C	D	D	D	B	D	B	A	B
65	D	D	C	A	D	A	C	A	A	A	C	D
66	C	D	D	B	B	C	A	C	B	A	C	A
67	A	B	C	D	D	A	D	A	A	B	A	C
68	B	D	D	A	A	A	B	C	D	B	A	B
69	D	A	A	D	A	B	B	D	C	B	B	D
70	D	D	C	B	D	B	B	C	B	C	B	A
71	A	D	B	B	C	C	A	B	C	A	D	D
72	B	C	C	D	D	C	C	C	C	D	D	A
73	C	B	D	B	A	D	D	C	C	A	C	B
74	C	C	A	B	B	D	D	B	A	C	B	D
75	C	C	C	D	C	B	C	C	C	B	D	C
76	C	C	D	B	D	C	C	B	B	D	D	C
77	B	B	B	B	B	C	B	A	C	D	C	C
78	B	D	D	C	C	B	A	D	D	C	C	B
79	B	C	A	C	A	B	B	D	D	C	C	B
80	C	B	B	C	A	D	B	A	A	D	B	A

Tuyensinh247.com

Cho biết:

- *Nguyên tử khối của các nguyên tố:* H = 1; He = 4; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137.
- *Các thể tích khí đều đo ở điều kiện tiêu chuẩn, các khí sinh ra không tan trong nước.*

Câu 41. Kim loại nào sau đây tan được trong dung dịch kiềm dư?

A. Al. B. Fe. C. Mg. D. Cu.

Câu 42. Chất nào sau đây được gọi là xút ăn da?

A. NaCl. B. KOH. C. $NaHCO_3$. D. NaOH.

Câu 43. Chất **X** là chất rắn dạng sợi, màu trắng, là nguyên liệu sản xuất tơ nhân tạo, thuốc súng không khói và chế tạo phim ảnh. Chất **X** là

A. Saccarozơ. B. Tinh bột. C. Tristearin. D. Xenlulozơ.

Câu 44. Kim loại nào sau đây được điều chế bằng phương pháp thủy luyện?

A. Na. B. Mg. C. Cu. D. Al.

Câu 45. Polietilen là chất dẻo mềm, được dùng nhiều để làm

A. màng mỏng, vật liệu cách điện, bình chứa

B. vật liệu cách điện, ống dẫn nước, thủy tinh hữu cơ.

C. dệt vải may quần áo ấm, bện thành sợi.

D. sản xuất bột ép, sơn, cao su.

Câu 46. Thạch cao nung được dùng để nặn tượng, bó bột. Công thức của thạch cao nung là

A. $CaSO_4$. B. $CaSO_4.H_2O$. C. $CaSO_4.2H_2O$. D. $CaCO_3$.

Câu 47. Khử hết m gam CuO bằng H_2 dư, thu được chất rắn X. Cho X tan hết trong dung dịch HNO_3 dư thu được 2,24 lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất của N^{+5}). Giá trị của m là

A. 9,6. B. 8,0. C. 6,4. D. 12,0.

Câu 48. Cho 2,3 gam Na vào 100 ml dung dịch $AlCl_3$ 0,3M, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 2,34. B. 0,78. C. 1,56. D. 7,80.

Câu 49. Cách pha loãng dung dịch H_2SO_4 đặc (theo hình vẽ bên) đúng kĩ thuật là

A. Cho từ từ H_2O vào H_2SO_4 đặc và khuấy đều.

B. Cho nhanh H_2O vào H_2SO_4 đặc và khuấy đều.

C. Cho từ từ H_2SO_4 đặc vào H_2O và khuấy đều.

D. Cho nhanh H_2SO_4 đặc vào H_2O và khuấy đều.

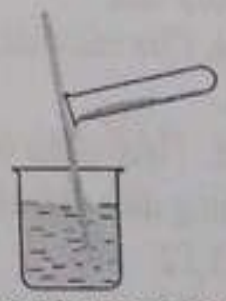

Cách pha loãng H_2SO_4 đặc

Câu 50. Kim loại nào sau đây dẫn điện tốt nhất?

A. Al. B. Cu. C. Fe. D. Ag.

Câu 51. CO_2 tác dụng với lượng dư dung dịch nào sau đây tạo kết tủa?

A. NaCl. B. NaOH. C. $Ca(NO_3)_2$. D. $Ca(OH)_2$.

Câu 52. Quá trình nào sau đây **không** gây ô nhiễm môi trường không khí?

A. Hoạt động của phương tiện giao thông. B. Đốt rác thải và cháy rừng.

C. Quang hợp của cây xanh. D. Hoạt động của núi lửa.

Câu 53. Este nào sau đây thuộc loại este no, đơn chức, mạch hở?

A. $CH_3COOC_6H_5$. B. $HCOOCH{=}CH_2$. C. CH_3COOCH_3. D. $(HCOO)_2C_2H_4$.

Tuyensinh247.com

Câu 54. Kim loại sắt **không** phản ứng được với dung dịch nào sau đây?

A. H_2SO_4 loãng, nguội. B. $AgNO_3$. C. $FeCl_3$. D. $ZnCl_2$.

Câu 55. Khi cho dung dịch anbumin tác dụng với $Cu(OH)_2$ thì thu được dung dịch có màu

A. tím. B. đỏ. C. trắng. D. vàng.

Câu 56. Dung dịch chứa chất nào sau đây **không** làm đổi màu quỳ tím?

A. Glyxin. B. Metylamin. C. Axit glutamic. D. Lysin.

Câu 57. Cho 0,5 mol hơi nước qua cacbon nung đỏ thu được 0,9 mol hỗn hợp X (gồm CO, H_2, CO_2). Cho X hấp thụ vào 100 ml dung dịch NaOH 1,5M, thu được dung dịch Z. Cho từ từ dung dịch Z vào 120 ml dung dịch HCl 1M, thu được V lít CO_2. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của V là

A. 2,240. B. 1,792. C. 0,224. D. 1,120.

Câu 58. Thủy phân hoàn toàn cacbohiđrat **A** thu được hai monosaccarit **X** và **Y**. Hiđro hóa **X** hoặc **Y** đều thu được chất hữu cơ **Z**. Hai chất **A** và **Z** lần lượt là

A. Saccarozơ và axit gluconic. B. Tinh bột và sobitol.

C. Tinh bột và glucozơ. D. Saccarozơ và sobitol.

Câu 59. Thí nghiệm nào sau đây xảy ra ăn mòn điện hóa học?

A. Đốt dây thép trong khí clo.

B. Cho lá đồng nguyên chất vào dung dịch gồm $Fe(NO_3)_3$ và HNO_3.

C. Cho lá nhôm nguyên chất vào dung dịch gồm $CuSO_4$ và H_2SO_4 loãng.

D. Nhúng thanh kẽm nguyên chất vào dung dịch HCl.

Câu 60. Số hợp chất hữu cơ đơn chức, mạch hở có có công thức phân tử $C_2H_4O_2$ là

A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 61. Từ chất $X(C_5H_8O_4)$ mạch hở, không phản ứng tráng bạc và có các phản ứng sau:

$X + 2NaOH \longrightarrow Y + Z + H_2O$; $Z + HCl \longrightarrow T + NaCl$; $T \xrightarrow{H_2SO_4\ đặc} Q + H_2O$

Biết Q làm mất màu dung dịch brôm. Kết luận nào sau đây đúng?

A. Chất Y là natriaxetat. B. T là hợp chất hữu cơ đơn chức.

C. X là hợp chất hữu cơ đa chức. D. Q là axit metacrylic

Câu 62. Dãy chuyển hóa theo sơ đồ: $X \xrightarrow{+Ba(OH)_2} Y \xrightarrow{+T} Z \xrightarrow{CO_2\ dư\ +\ H_2O} X + T$. Các chất X, Y, Z, T thỏa mãn sơ đồ trên tương ứng là

A. Na_2CO_3, NaOH, $NaAlO_2$, $Al(OH)_3$ B. $NaHCO_3$, NaOH, $NaAlO_2$, $Al(OH)_3$

C. $Al(OH)_3$, $Ba(AlO_2)_2$ $NaAlO_2$, Na_2CO_3 D. $Al(OH)_3$, $Ba(AlO_2)_2$ $NaAlO_2$, $NaHCO_3$

Câu 63. Cho 5,6 lít hỗn hợp X gồm propin và H_2 qua Ni đun nóng, thu được hỗn hợp khí Y (chỉ gồm các hiđrocacbon) có tỉ khối so với H_2 bằng 21,5. Hỗn hợp Y phản ứng tối đa với a mol Br_2 trong dung dịch. Giá trị của a là

A. 0,05 mol. B. 0,10. C. 0,15. D. 0,20.

Câu 64. Cho các chất: HCl, $NaHCO_3$, Al, $Fe(OH)_3$. Số chất tác dụng được với dung dịch NaOH là

A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 65. Thủy phân 68,4 gam saccarozơ trong môi trường axit với hiệu suất 92%, sau phản ứng thu được dung dịch chứa m gam glucozơ. Giá trị của m là

A. 33,12. B. 66,24. C. 72,00. D. 36,00.

Câu 66. Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp M gồm hai amin no, đơn chức, mạch hở X và Y (có số mol bằng nhau, $M_X < M_Y$) cần lượng vừa đủ 13,44 lít O_2, thu được H_2O, N_2 và 6,72 lít CO_2. Chất Y là

A. etylamin. B. propylamin. C. butylamin. D. metylamin.

Câu 67. Cho các chất: $NaNO_3$, $Mg(OH)_2$, CH_3COOH, HCl. Số chất điện li mạnh là

A. 4. B. 1. C. 2. D. 3

Câu 68. Cho các polime sau: polietilen, tinh bột, tơ tằm, xenluozơ triaxetat, polibutadien. Số polime thiên nhiên là

A. 3. B. 5. C. 2. D. 4.

Câu 69. Thuỷ phân hoàn toàn a mol triglixerit **X** trong dung dịch NaOH vừa đủ, thu được glixerol và m gam hỗn hợp muối. Đốt cháy hoàn toàn a mol **X** cần vừa đủ 7,75 mol O_2 và thu được 5,5 mol CO_2. Mặt khác, a mol **X** tác dụng tối đa với 0,2 mol Br_2 trong dung dịch. Giá trị của m là

A. 97,6. B. 82,4. C. 88,6. D. 80,6.

Câu 70. Điện phân dung dịch X chứa $Cu(NO_3)_2$ và NaCl với điện cực trơ. Tổng thể tích khí thoát ra ở cả 2 điện cực (V lít) phụ thuộc vào thời gian điện phân (t giây) theo đồ thị bên. Nếu điện phân X trong thời gian 3,5a giây thì thu được dung dịch có khối lượng giảm m gam so với dung dịch X. Giả thiết các chất điện phân ra không tan trong dung dịch. Giá trị của m là

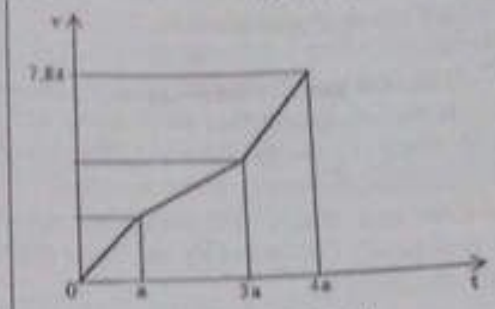

A. 31,1. B. 29,5. C. 31,3. D. 30,4.

Câu 71. Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp A gồm 3 este X, Y, Z (đều mạch hở và chỉ chứa chức este, Z chiếm phần trăm khối lượng lớn nhất trong A) thu được số mol CO_2 lớn hơn số mol H_2O là 0,25 mol. Mặt khác, m gam A phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH thu được 22,2 gam hai ancol hơn kém nhau 1 nguyên tử cacbon và hỗn hợp T gồm hai muối. Đốt cháy hoàn toàn T cần vừa đủ 0,275 mol O_2, thu được CO_2, 0,35 mol Na_2CO_3 và 0,2 mol H_2O. Phần trăm khối lượng của Z trong A là

A. 45,20%. B. 50,40%. C. 62,10%. D. 42,65%.

Câu 72. Cho m gam Mg vào dung dịch chứa 0,1 mol $AgNO_3$ và 0,25 mol $Cu(NO_3)_2$, sau một thời gian thu được 20 gam kết tủa và dung dịch X chứa hai muối. Tách lấy kết tủa, thêm tiếp 9,6 gam bột sắt vào dung dịch X, sau khi các phản ứng hoàn toàn, thu được 10,56 gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 4,80. B. 4,32. C. 5,20. D. 5,04.

Câu 73: Tiến hành thí nghiệm điều chế isoamyl axetat (dầu chuối) theo thứ tự các bước sau đây:

Bước 1: Cho 1 ml $CH_3CH(CH_3)CH_2CH_2OH$, 1 ml CH_3COOH và vài giọt H_2SO_4 đặc vào ống nghiệm.

Bước 2: Lắc đều ống nghiệm, đun cách thủy (trong nồi nước nóng) khoảng 5 - 6 phút ở 65 - 70°C.

Bước 3: Làm lạnh, sau đó rót 2 ml dung dịch NaCl bão hòa vào ống nghiệm.

Phát biểu nào sau đây đúng?

A. H_2SO_4 đặc chỉ đóng vai trò xúc tác cho phản ứng tạo isoamyl axetat.

B. Thêm dung dịch NaCl bão hòa vào để tránh phân hủy sản phẩm.

C. Sau bước 2, trong ống nghiệm vẫn còn $CH_3CH(CH_3)CH_2CH_2OH$ và CH_3COOH.

D. Sau bước 3, trong ống nghiệm thu được hỗn hợp chất lỏng đồng nhất.

Câu 74. Thực hiện các thí nghiệm sau:

(a) Cho kim loại Cu vào dung dịch $Fe_2(SO_4)_3$ dư.

(b) Hấp thụ hết 0,15 mol CO_2 vào dung dịch chứa 0,2 mol NaOH.

(c) Cho Fe_3O_4 vào dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng, dư.

(e) Cho dung dịch KOH dư vào dung dịch $AlCl_3$.

(g) Cho $NaHCO_3$ dư vào dung dịch $Ba(OH)_2$.

Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Số thí nghiệm thu được dung dịch chứa hai muối là

A. 4. B. 3. C. 2. D. 5.

Câu 75. Cho từ từ dung dịch $Ba(OH)_2$ đến dư vào dung dịch chứa a mol hỗn hợp gồm HCl, $AlCl_3$ và $Al_2(SO_4)_3$. Số mol kết tủa thu được (y mol) phụ thuộc vào số mol $Ba(OH)_2$ (x mol) được biểu diễn như đồ thị bên. Giá trị của a là

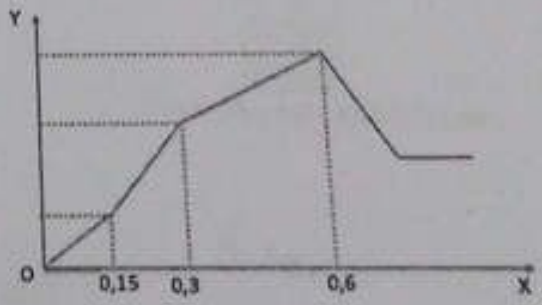

A. 0,50. B. 0,45. C. 0,40. D. 0,60.

Câu 76. Cho các chất mạch hở: X là axit cacboxylic no, đơn chức; Y là hai axit cacboxylic đơn chức, có hai liên kết pi; Z là este đơn chức; T là este 2 chức. Cho 38,5 gam hỗn hợp E gồm X, Y, Z, T tác dụng vừa đủ với 470 ml dung dịch NaOH 1M được m gam hỗn hợp 2 muối và 13,9 gam hỗn

hợp 2 ancol no, có cùng số nguyên tử C trong phân tử. Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp muối cần vừa đủ 1,24 mol O_2 thu được Na_2CO_3 và 56,91 gam hỗn hợp gồm CO_2 và H_2O. Phần trăm khối lượng của T trong E gần nhất với?

A. 41%. B. 66%. C. 26%. D. 61%.

Câu 77. Cho các phát biểu sau:

(a)Muối mononatriglutmat được dùng làm bột ngọt.

(b) Mỡ động vật và dầu thực vật đều chứa nhiều chất béo.

(c) Saccarozơ dễ bị thủy phân trong môi trường axit hoặc bazơ.

(d) Để rửa sạch anilin bám trong ống nghiệm ta dùng dung dịch HCl loãng.

(e) 1 mol peptit Glu-Ala-Gly tác dụng được tối đa với 3 mol NaOH.

Số phát biểu đúng là

A. 2. B. 4. C. 3. D. 5.

Câu 78. Hòa tan hết m gam hỗn hợp X gồm Na, K, Ba, Na_2O, K_2O, BaO (trong X oxi chiếm 7,5% về khối lượng) vào nước thu được dung dịch Y và 0,896 lít khí H_2. Cho hết Y vào 200 ml dung dịch $AlCl_3$ 0,2M, sau khi các phản ứng kết thúc, thu được 1,56 gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 7,2. B. 5,6. C. 6,4. D. 6,8.

Câu 79. Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp rắn X gồm Al, $Fe(NO_3)_2$ và Fe vào dung dịch chứa 0,5 mol HCl và 0,03 mol $NaNO_3$, thu được dung dịch Y chỉ chứa 25,13 gam các muối và 0,05 mol hỗn hợp khí T có tỉ khối so với H_2 bằng 10,6 (trong T có chứa 0,02 mol H_2). Cho Y phản ứng tối đa với 0,58 mol NaOH trong dung dịch. Mặt khác, nếu cho dung dịch $AgNO_3$ dư vào Y, thu được 78,23 gam kết tủa Z. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Phần trăm khối lượng của Fe trong X là

A. 17,09%. B. 31,78%. C. 25,43%. D. 28,60%.

Câu 80. Đốt cháy hoàn toàn 68,2 gam hỗn hợp X gồm glyxin, alanin, axit glutamic và axit oleic, thu được N_2, 55,8 gam H_2O và a mol CO_2. Mặt khác 68,2 gam X tác dụng được tối đa với 0,6 mol NaOH trong dung dịch. Giá trị của a là

A. 3,1. B. 2,8. C. 3,0. D. 2,7.

---------- Hết ----------

SỞ GIÁO DỤC &ĐÀO TẠO HÒA BÌNH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN
HOÀNG VĂN THỤ

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN 1
NĂM HỌC 2019 – 2020
Bài thi: Khoa học tự nhiên
Môn thi thành phần : Hóa học
Thời gian làm bài : 50 phút
(Đề gồm 04 trang)

Mã đề : 202

Họ và tên thí sinh :.....

Số báo danh: .....

Cho nguyên tử khối của các nguyên tố:

H = 1; Li = 7; C = 12; O = 16; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Rb = 85,5; Ag = 108; Cs = 133.

Câu 1. Chọn phương pháp thích hợp dùng để điều chế kim loại phân nhóm chính nhóm II (IIA):
A. Điện phân oxit kim loại nóng chảy
B. Điện phân muối clorua nóng chảy
C. Điện phân dung dịch muối clorua
D. Nhiệt phân muối clorua

Câu 2. Cho sơ đồ chuyển hoá (mỗi mũi tên là một phương trình phản ứng) :

$$NaOH \xrightarrow{+dd\ X} Fe(OH)_2 \xrightarrow{+dd\ Y} Fe_2(SO_4)_3 \xrightarrow{+dd\ Z} BaSO_4$$

Các chất X, Y, Z thỏa mãn sơ đồ trên là:
A. $FeCl_2$, H_2SO_4 (đặc, nóng), $BaCl_2$.
B. $FeCl_2$, H_2SO_4 (loãng), $Ba(NO_3)_2$.
C. $FeCl_3$, H_2SO_4 (đặc, nóng), $BaCl_2$.
D. $FeCl_3$, H_2SO_4 (đặc, nóng), $Ba(NO_3)_2$.

Câu 3. Tại những khu vực đào vàng, nước sông và đất ven sông bị nhiễm chất độc X do thợ đào vàng sử dụng để tách vàng khỏi cát và tạp chất. Chất X là muối Natri của axit HCN (một axit gây nên độc tính của sắn). Chất X là:
A. NaN_3. B. Na_3N. C. HCN. D. NaCN.

Câu 4. Polime X là chất rắn trong suốt, cho ánh sáng truyền qua tốt nên được dùng chế tạo thủy tinh hữu cơ plexiglas, còn có tên gọi là poli(metylmetacrylat). Monome tạo thành X là
A. $CH_2=C(CH_3)COOCH_3$. B. $H_2N-[CH_2]_5-COOH$.
C. $CH_2=CH-CN$. D. $CH_2=CH-Cl$.

Câu 5. Cho 9,0 gam glucozo($C_6H_{12}O_6$) phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 (đun nóng), thu được m gam Ag. Giá trị của m là:
A. 21,6 B. 10,8 C. 16,2 D. 5,4

Câu 6. Kim loại nào sau đây có khả năng tác dụng mạnh với nước ở điều kiện thường?
A. Al. B. Ba C. Fe. D. Mg.

Câu 7. Cho 0,85 lít dung dịch NaOH 1M vào dung dịch chứa 0,1 mol $Al_2(SO_4)_3$ và 0,1 mol H_2SO_4 đến khi phản ứng hoàn toàn, thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là :
A. 11,7. B. 3,9. C. 7,8. D. 15,6.

Câu 8. Ngày nay, việc sử dụng khí gas đã mang lại sự tiện lợi cho cuộc sống con người. Một loại gas dùng để đun nấu có thành phần chính là khí butan được hóa lỏng ở áp suất cao trong bình chứa. Số nguyên tử cacbon trong phân tử butan là
A. 1 B. 3 C. 4 D. 2

Câu 9. Khi nấu canh cua thì thấy các mảng "riêu cua" nổi lên là do
A. sự đông tụ của protein do nhiệt độ.

Trang 87

B. phản ứng thủy phân của protein.
C. phản ứng màu của protein.
D. sự đông tụ của lipit.

Câu 50. Kim loại nào sau đây có tính khử mạnh nhất?
A. Ag. B. Fe. C. Cu. D. Al.

Câu 51. Hấp thụ hoàn toàn V lít khí CO_2 (đktc) vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư, sau phản ứng thu được 4g kết tủa trắng. Giá trị của V là
A. 0,896. B. 0,672. C. 0,448. D. 0,224.

Câu 52. Cho 8,8 gam một hỗn hợp gồm hai kim loại kiềm thổ ở hai chu kì liên tiếp tác dụng với dung dịch HCl dư thu được 6,72 lít khí H_2 (ở đktc). Hai kim loại đó là
A. Sr và Ba. B. Ca và Sr. C. Mg và Ca. D. Be và Mg.

Câu 53. Protein phản ứng với $Cu(OH)_2$ tạo sản phẩm có màu đặc trưng là:
A. màu xanh lam. B. màu đen. C. màu vàng. D. màu tím.

Câu 54. Hợp chất $Fe_2(SO_4)_3$ có tên gọi
A. Sắt(III) sunfat.
B. Sắt(II) sunfua.
C. Sắt(III) sunfua.
D. Sắt(II) sunfat.

Câu 55. Cho 1,44 gam bột Al vào dung dịch NaOH lấy dư, sau khi kết thúc thí nghiệm thu được V lít khí H_2 (đktc). Giá trị của V là
A. 2,016 lít B. 4,032 lít C. 2,688 lít D. 1,792 lít

Câu 56. Cho m gam kim loại Fe tác dụng hoàn toàn với lượng dư dung dịch H_2SO_4 loãng sinh ra 1,12 lít (đktc) khí H_2. Giá trị của m là
A. 5,6. B. 2,8. C. 4,2. D. 6,5.

Câu 57. Có 4 dung dịch riêng biệt: $CuSO_4$, $ZnCl_2$, $FeCl_3$, $AgNO_3$. Nhúng vào mỗi dung dịch một thanh Ni. Số trường hợp xuất hiện ăn mòn điện hoá là
A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 58. Có hiện tượng gì xảy ra khi cho từ từ dung dịch NaOH đến dư vào dung dịch $AlCl_3$:
A. Có phản ứng xảy ra nhưng không quan sát được hiện tượng
B. Lúc đầu có kết tủa keo trắng, sau kết tủa tan hết
C. Lúc đầu có kết tủa keo trắng, sau kết tủa tan một phần
D. Tạo kết tủa keo trắng và kết tủa không bị hòa tan

Câu 59. Hợp chất nào sau đây chứa 40% cacbon về khối lượng?
A. $HCOOCH_3$. B. CH_3CHO. C. C_2H_5OH. D. C_3H_8.

Câu 60. Dãy kim loại bị thụ động trong axit HNO_3 đặc, nguội là :
A. Fe, Al, Cr. B. Fe, Al, Ag. C. Fe, Al, Cu. D. Fe, Zn, Cr.

Câu 61. Cho 7,5 gam axit aminoaxetic (H_2N-CH_2-COOH) phản ứng hết với dung dịch HCl. Sau phản ứng, khối lượng muối thu được là?
A. 43,00 gam. B. 11,15 gam. C. 11,05 gam. D. 44,00 gam.

Câu 62. Este A được điều chế từ α-amino axit và ancol metylic, tỉ khối hơi của A so với H_2 là 44,5. CTCT của A là:
A. $CH_3 - CH(NH_2) - COOCH_3$.
B. H_2N-CH_2CH_2-COOH
C. $H_2N - CH_2 - CH(NH_2) - COOCH_3$.
D. $H_2N - CH_2 - COOCH_3$.

Câu 63. Cho 6,5 gam bột Zn vào dung dịch $CuSO_4$ dư, sau phản ứng hoàn toàn thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là
A. 5,6. B. 12,9. C. 6,4. D. 3,2.

Câu 64. Cho dãy các kim loại: Ca, Cr, Li, Cu. Kim loại cứng nhất trong dãy là:
A. Cu. B. Li. C. Cr. D. Ca.

Câu 65. Số nhóm chức este có trong mỗi phân tử chất béo (triglixerit) là?
A. 4. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 66. Cho 8,6 gam metylacrylat (CH_2=CHCOOCH_3) tác dụng với 150 ml NaOH 1M (dư) thu được dung dịch X. Cô cạn X thu được m gam chất rắn khan. Giá trị m là
A. 12,2. B. 10,8. C. 11,4. D. 14,6.

Câu 67. Vinyl axetat có công thức cấu tạo thu gọn là

A. $CH_3COOCH=CH_2$ B. $CH_3COOCH_2CH_3$ C. CH_3COOCH_3 D. $CH_2=CHCOOCH_3$

Câu 68. Kim loại nào sau đây có nhiệt độ nóng chảy cao nhất?

A. Cr B. Mn C. W D. Hg

Câu 69. Đốt cháy hoàn toàn amin đơn chức X, thu được 16,8 lít CO_2; 2,8 lít N_2 (đktc) và 20,25 gam H_2O. Công thức phân tử của X là

A. C_2H_7N. B. C_4H_9N. C. C_3H_9N. D. C_3H_7N.

Câu 70. Trong các phản ứng hóa học sau, phản ứng nào sai?

A. $3CO + Fe_2O_3 \xrightarrow{t^o} 3CO_2 + 2Fe$ B. $3CO + Al_2O_3 \xrightarrow{t^o} 3CO_2 + 2Al$

C. $CO + Cl_2 \xrightarrow{t^o} COCl_2$ D. $2CO + O_2 \xrightarrow{t^o} 2CO_2$

Câu 71. Kim loại nào sau đây không tan được trong H_2SO_4 loãng?

A. Al B. Mg C. Fe D. Cu.

Câu 72. Hoà tan 19,2 gam Cu trong axit H_2SO_4 đặc, nóng thì thể tích khí SO_2 (đktc) thu được là:

A. 2,24 lít. B. 5,60 lít. C. 4,48 lít. D. 6,72 lít.

Câu 73. Cho hình vẽ mô tả thí nghiệm điều chế khí Z từ dung dịch X và chất rắn Y:

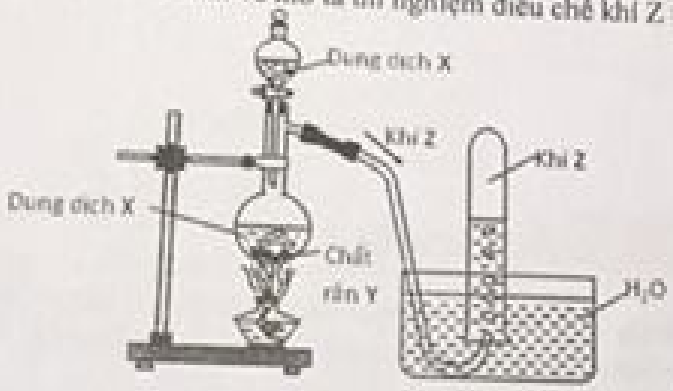

Hình vẽ trên minh họa cho phản ứng nào sau đây:

A. $Mg + H_2SO_4$ (loãng) $\xrightarrow{t^o} MgSO_4 + H_2\uparrow$

B. K_2SO_3 (rắn) $+ H_2SO_4 \xrightarrow{t^o} K_2SO_4 + SO_2\uparrow + H_2O$

C. $2KMnO_4 \xrightarrow{t^o} K_2MnO_4 + MnO_2 + O_2\uparrow$

D. $NaOH + NH_4Cl$ (rắn) $\xrightarrow{t^o} NH_3\uparrow + NaCl + H_2O$

Câu 74. Bệnh nhân phải tiếp đường (tiêm hoặc truyền dung dịch đường vào tĩnh mạch), đó là loại đường nào?

A. Saccarozơ B. Xenlulozơ C. Fructozơ D. Glucozơ

Câu 75. Giấm ăn là một chất lỏng có vị chua và có thành phần chính là dung dịch axit axetic nồng độ 5%. Công thức hóa học của axit axetic là

A. CH_3COOH. B. CH_3CH_2OH. C. HCOOH. D. CH_3CH_2COOH.

Câu 76. Hợp kim Cu-Zn có tính dẻo, bền, đẹp, giá thành rẻ nên được sử dụng phổ biến trong đời sống. Để xác định phần trăm khối lượng từng kim loại trong hợp kim, người ta ngâm 10,00 gam hợp kim vào dung dịch HCl dư, khi phản ứng kết thúc thu được 1,12 lít hiđro (đktc). Phần trăm theo khối lượng của Cu trong 10,0 gam hợp kim trên là

A. 67,50 %. B. 67,00 %. C. 32,50 %. D. 33,00 %.

Câu 77. Cho các phát biểu sau:

a) Chất béo thuộc loại hợp chất este.

b) Các este không tan trong nước do chúng nhẹ hơn nước.

c) Các este không tan trong nước và nổi lên mặt nước do chúng không tạo được liên kết hiđro với nước và nhẹ hơn nước.

d) Khi đun nóng chất béo lỏng trong nồi hấp rồi sục dòng khí hiđro vào (có xúc tác niken) thì chúng chuyển thành chất béo rắn.

hocmai247.com

e) Chất béo lỏng là các triglixerit chứa gốc axit không no trong phân tử.

Những phát biểu đúng là

A. a,b,c,d,e B. a,d,e C. a,c,d,e D. a,b,d

Câu 78. Đốt cháy hết 5,64g hỗn hợp X gồm 1 axit đơn chức, 1 ancol đơn chức và este tạo bởi chúng thu được 11,88 gam CO_2 và 4,32 gam H_2O. Nếu lấy cùng lượng hỗn hợp trên tác dụng vừa đủ với 250 ml dung dịch NaOH 0,2 M. Dung dịch sau phản ứng đun nóng thu được 0,896 lít hơi ancol (đktc) và 4,7 gam muối khan Y. Trong số các phát biểu sau:

(a) % về số mol của axit trong hỗn hợp X là 42,86%.

(b) Có 2 đồng phân este thỏa mãn đề ra.

(c) % về số khối lượng của este trong hỗn hợp là 40,43%.

(d) Khi nung muối Y với NaOH/CaO thu được eten.

(e) 5,64 gam hỗn hợp X phản ứng tối đa với 0,05 mol Br_2.

Số phát biểu *đúng* là:

A. 5 B. 3 C. 4 D. 2

Câu 79. Tiến hành các thí nghiệm sau:

(a) Cho Mg vào dung dịch $Fe_2(SO_4)_3$ dư.

(b) Sục khí Cl_2 vào dung dịch $FeCl_2$.

(c) Dẫn khí H_2 dư qua bột CuO nung nóng.

(d) Cho Na vào dung dịch $CuSO_4$ dư.

(e) Nhiệt phân $AgNO_3$.

(g) Đốt FeS_2 trong không khí.

(h) Điện phân dung dịch $CuSO_4$ với điện cực trơ.

Sau khi kết thúc các phản ứng, số thí nghiệm thu được kim loại là

A. 3. B. 5. C. 4. D. 2.

Câu 80. Điện phân 400 ml (không đổi) dung dịch gồm NaCl, HCl và $CuCl_2$ 0,02M (điện cực trơ, màng ngăn xốp) với cường độ dòng điện bằng 1,93A. Mối liên hệ giữa thời gian điện phân và pH của dung dịch điện phân được biểu diễn dưới đây.

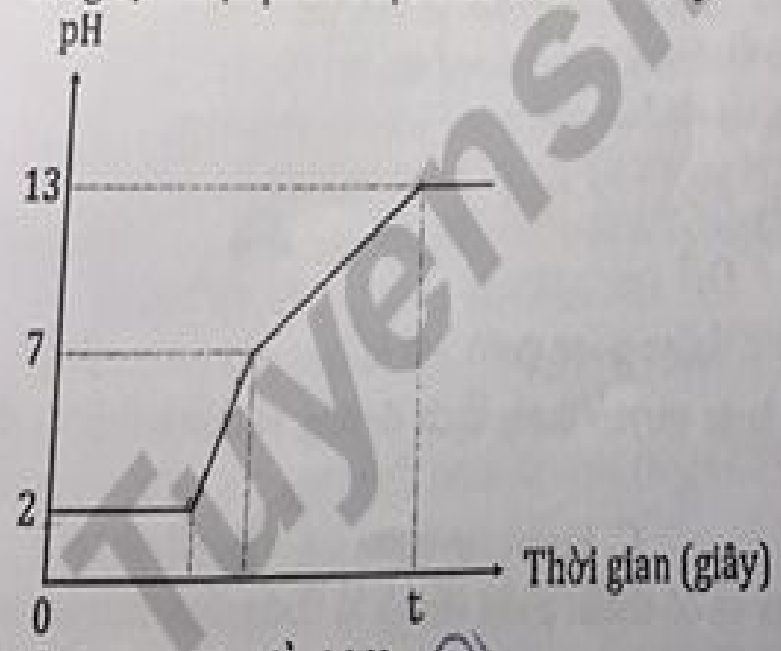

Giá trị của t trên đồ thị là

A. 3600. B. 3000. C. 1800. D. 1200.

----------HẾT----------

Tuyensinh247.com

Mã đề thi 485

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

Cho biết nguyên tử khối (theo u) của các nguyên tố:
H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137.

Câu 41: Khi bị ong đốt, để giảm đau, giảm sưng, kinh nghiệm dân gian thường dùng chất nào sau đây để bôi trực tiếp lên vết thương?

A. nước muối. B. nước vôi. C. nước mắm. D. giấm.

Câu 42: Trong cùng điều kiện, ion nào sau đây có tính oxi hóa mạnh nhất?

A. Cu^{2+}. B. Fe^{3+}. C. Zn^{2+}. D. Fe^{2+}.

Câu 43: Hợp chất nào dưới đây thuộc loại amino axit?

A. $HCOONH_4$. B. $C_2H_5NH_2$. C. H_2NCH_2COOH. D. $CH_3COOC_2H_5$.

Câu 44: Ở nhiệt độ thường, nhỏ vài giọt dung dịch iot vào lát cắt củ khoai lang thấy xuất hiện màu:

A. xanh tím. B. nâu đỏ. C. hồng. D. đỏ.

Câu 45: Polime bị thuỷ phân cho α – amino axit là:

A. nilon – 6,6. B. polistiren. C. polisaccarit. D. polipeptit.

Câu 46: Kim loại nào vừa tan trong dung dịch HCl vừa tan trong dung dịch NaOH?

A. Al B. Fe C. Mg D. Cu

Câu 47: Dung dịch chất nào sau đây làm xanh quỳ tím?

A. KCl. B. Na_2SO_4. C. HCl. D. NaOH.

Câu 48: Hỗn hợp nào sau đây tan hết trong nước dư ở điều kiện thường?

A. Be và Mg. B. Ba và Na. C. Be và Na. D. Ca và Mg.

Câu 49: Chất nào sau đây tác dụng với dung dịch NaOH sinh ra glixerol?

A. Metyl axetat. B. Glucozơ. C. Saccarozơ. D. Triolein.

Câu 50: Cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tử nhóm IIA là:

A. ns^2. B. ns^2np^1. C. ns^1. D. ns^2np^2.

Câu 51: Hiện nay tình trạng ô nhiễm không khí nhất là tại các thành phố lớn đang ở mức báo động. Để bảo vệ sức khỏe của bản thân khi đi ra ngoài mọi người cần phải đeo khẩu trang. Theo em loại khẩu trang có thể lọc sạch bụi, loại bỏ đáng kể các virus, vi khuẩn và khí ô nhiễm thường có chất nào trong số các chất sau:

A. Axit sunfuric. B. hiđropeoxit. C. ozon. D. than hoạt tính.

Câu 52: Kim loại Fe không phản ứng được với dung dịch:

A. HCl. B. H_2SO_4 (loãng).
C. H_2SO_4 (đặc, nguội). D. HNO_3 (loãng)

Câu 53: Dãy các chất đều có khả năng tham gia phản ứng thủy phân trong dung dịch H_2SO_4 loãng, nóng là:

A. nilon-6; amilopectin; polistiren. B. nilon-6,6; tơ axetat; amilozơ.
C. xenlulozơ; poli(vinyl clorua); nilon-7. D. tơ visco; nilon-6; polietilen.

Câu 54: Cho bột nhôm dư vào 100 ml dung dịch $CuSO_4$ 0,15 M đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch chứa bao nhiêu gam muối?

A. 1,16. B. 5,13. C. 3,42. D. 1,71.

Tuyensinh247.com

Câu 55: Để cứu sống bệnh nhân ngộ độc rượu, bác sĩ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị đã dùng gần 5 lít bia truyền vào đường tiêu hóa. Bác sĩ Lâm giải thích rượu có hai loại cơ bản là **rượu etylic** và **rượu metylic**. Trong đó, **rượu etylic** được chuyển hóa sẽ không gây ngộ độc nhưng **rượu metylic** được chuyển hóa thành **andehit fomic** ở hàm lượng cao sẽ gây ngộ độc. Do gan ưu tiên chuyển hóa etylic trước metylic, các bác sĩ truyền bia cho bệnh nhân sẽ làm ngưng chuyển hóa metylic nhờ đó có thêm thời gian để lọc máu, giải độc cho bệnh nhân. (*Theo baomoi.com đăng ngày 10/1/2019*). Cho biết **rượu etylic, rượu metylic, andehit fomic** còn có tên gọi khác lần lượt là:

A. Metanol, Etanol, Axit fomic.
B. Metanol, Etanol, Metanal.
C. Etanol, Metanol, Anđehit axetic.
D. Etanol, Metanol, Fomanđêhit.

Câu 56: Để phân biệt hai dung dịch KNO_3 và $Zn(NO_3)_2$ đựng trong hai lọ riêng biệt, ta có thể dùng dung dịch:

A. NaOH.
B. HCl.
C. NaCl.
D. $MgCl_2$.

Câu 57: Khi nói về peptit và protein, phát biểu nào sau đây là **sai**?

A. Tất cả các protein đều tan trong nước tạo thành dung dịch keo.
B. Thủy phân hoàn toàn protein đơn giản thu được các α – amino axit.
C. Protein có phản ứng màu biure với $Cu(OH)_2$.
D. Liên kết của nhóm CO với nhóm NH giữa hai đơn vị α – amino axit được gọi là liên kết peptit.

Câu 58: Đốt cháy hoàn toàn este nào sau đây thu được số mol CO_2 lớn hơn số mol H_2O?

A. $HCOOCH_3$
B. $CH3COOCH_2CH_3$
C. $CH_2=CHCOOCH_3$.
D. CH_3COOCH_3

Câu 59: Kết tủa nào sau đây không có màu trắng?

A. Dung dịch $CaCO_3$
B. Dung dịch $BaSO_4$.
C. Dung dịch $Fe(OH)_3$.
D. Dung dịch $Mg(OH)_2$

Câu 60: Cho hỗn hợp X gồm Fe_2O_3, Al_2O_3, Cu tác dụng với dung dịch HCl (dư) thu được dung dịch Y và phần không tan Z. Cho Y tác dụng với dung dịch NaOH (loãng dư) thu được kết tủa gồm:

A. $Fe(OH)_3$.
B. $Fe(OH)_2$ va $Cu(OH)_2$.
C. $Fe(OH)_2$, $Cu(OH)_2$ và $Al(OH)_3$.
D. $Fe(OH)_3$ và $Al(OH)_3$.

Câu 61: Cho 30 gam hỗn hợp các amin bao gồm metanamin, etanamin, anilin tác dụng vừa đủ với 500 ml dung dịch HCl 1M. Khối lượng sản phẩm thu được là:

A. 65,50 gam.
B. 66,5 gam.
C. 47,75 gam.
D. 48,25 gam.

Câu 62: Điện phân nóng chảy hoàn toàn 2,98 gam MCl_n, thu được 0,02 mol Cl_2. Kim loại M là:

A. Mg.
B. Na.
C. Ca.
D. K.

Câu 63: Trường hợp nào sau đây xảy ra ăn mòn điện hóa?

A. Đốt lá sắt trong khí Cl_2.
B. Thanh kẽm nhúng trong dung dịch $CuSO_4$.
C. Sợi dây bạc nhúng trong dung dịch HNO_3.
D. Thanh nhôm nhúng trong dung dịch H_2SO_4 loãng.

Câu 64: Lên men 22,5 gam glucozơ để điều chế ancol etylic, hiệu suất phản ứng 85% thu được V lít khí CO_2 (đktc). Giá trị của V là:

A. 4,76.
B. 2,38.
C. 2,795.
D. 5,95.

Câu 65: **Ma túy đá** hay còn gọi là **hàng đá, chấm đá** là tên gọi chi chung cho các loại ma túy tổng hợp, có chứa chất methamphetamine (meth). Những người thường xuyên sử dụng ma túy gây ra hậu quả là suy kiệt thể chất, hoang tưởng, thậm chí mất kiểm soát hành vi, chém giết người vô cớ, nặng hơn sẽ mắc tâm thần. Hỏi công thức methamphetamine là gì? Biết oxi hóa hoàn toàn 104,3 gam methamphetamine bằng CuO dư, dẫn sản phẩm cháy lần lượt qua bình 1 đựng H_2SO_4 đặc, bình 2 đựng $Ba(OH)_2$ dư. Sau khi kết thúc thí nghiệm thấy khối lượng bình 1 tăng 94,5 gam, ở bình 2 tạo thành 1379 gam kết tủa và còn 7,84 lít khí (đktc) thoát ra. (Công thức phân tử trùng với công thức đơn giản nhất):

A. $C_9H_{15}ON_2$.
B. $C_{10}H_{17}N_2$.
C. $C_{10}H_{15}N$.
D. C_3H_5ON.

Câu 66: Thủy phân chất béo triglixerit X trong dd NaOH người ta thu được xà phòng là hỗn hợp 2 muối natri oleat, natri panmitat theo tỉ lệ mol lần lượt là 2:1 . Khi đốt cháy a mol X thu được b mol CO_2 và c mol H_2O. Liên hệ giữa a, b, c là

A. b- c = 4a B. b - c = 2a C. b- c = 5a D. b - c = 3a

Câu 67: Cho các phát biểu sau:

(1) $CuSO_4$ khan được dùng để phát hiện dấu vết nước trong chất lỏng.

(2) Cho Fe vào dd $AgNO_3$ dư, sau phản ứng thu được dung dịch chứa hai muối.

(3) Các nguyên tố ở nhóm IA đều là kim loại.

(4) Tính dẫn điện của kim loại giảm dần theo thứ tự: Ag, Cu, Au, Al, Fe.

(5) Bột nhôm tự bốc cháy khi tiếp xúc với khí Clo.

Số phát biểu đúng là

A. 6 B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 68: Cho các phát biểu sau :

(1) Thủy phân este đơn chức trong môi trường bazơ luôn cho sản phẩm là muối và ancol.

(2) Số nguyên tử N có trong phân tử đipeptit Glu–Lys là 2.

(3) Trong một phân tử sobitol có 5 nhóm OH.

(4) Mật ong có vị ngọt sắc do trong mật ong có chứa nhiều fructozơ.

(5) Nhựa PET (viết tắt của poli(etilenterephtalat)) là sản phẩm của phản ứng trùng ngưng.

(6) Tên thay thế của amin có công thức $(CH_3)_3N$ là trimetylamin

Số phát biểu đúng là:

A. 3 B. 4 C. 2 D. 1

Câu 69: Có 4 lọ đựng dung dịch sau: $KHSO_4$, KOH, $Ba(HCO_3)_2$, $BaCl_2$ được đánh dấu ngẫu nhiên không theo thứ tự là A, B, C, D. Để xác định hóa chất trong mỗi lọ người ta tiến hành thí nghiệm và thấy hiện tượng như sau:

+ Cho dung dịch A tác dụng với dung dịch C thấy xuất hiện kết tủa không thấy xuất hiện khí.

+ Cho dung dịch B tác dụng với dung dịch C không thấy xuất hiện hiện tượng gì.

+ Cho dung dịch A tác dụng với dung dịch D vừa thấy xuất hiện kết tủa vừa thấy xuất hiện khí.

Các chất A, B, C, D lần lượt là:

A. $Ba(HCO_3)_2$, $KHSO_4$, KOH, $BaCl_2$. B. $BaCl_2$, $Ba(HCO_3)_2$, $KHSO_4$, KOH.

C. $Ba(HCO_3)_2$, $BaCl_2$, KOH, $KHSO_4$. D. $Ba(HCO_3)_2$, KOH, $KHSO_4$, $BaCl_2$.

Câu 70: Lấy 0,2 mol hỗn hợp **X** gồm $(H_2N)_2C_5H_9COOH$ và H_2NCH_2COOH cho vào 100 ml dung dịch NaOH 1,5M thì thu được dung dịch **Y**. **Y** tác dụng vừa đủ với 450 ml dung dịch HCl 1M thu được dung dịch **Z**. Làm bay hơi **Z** thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là:

A. 38,025 B. 38,175 C. 41,825 D. 30,875

Câu 71: Cho các cặp dung dịch sau:

(a) H_3PO_4 và $AgNO_3$. (b) NH_4NO_3 và KOH.

(c) Na_2SO_4 và $MgCl_2$. (d) $AgNO_3$ và $Fe(NO_3)_2$.

(e) $Fe(NO_3)_2$ và HCl. (f) NaOH và RbCl.

Số cặp dung dịch khi trộn với nhau có xảy ra phản ứng là:

A. 3. B. 6. C. 5. D. 4.

Câu 72: Kết quả thí nghiệm của các hợp chất hữu cơ **A, B, C, D, E** như sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
A	Dung dịch $AgNO_3$ trong môi trường NH_3 đun nóng	Kết tủa Ag trắng sáng
B	$Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm, đun nóng	Kết tủa Cu_2O đỏ gạch
C	$Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường	Dung dịch xanh lam
D	Nước Br_2	Mất màu dung dịch Br_2
E	Qùy tím	Hóa xanh

Các chất **A, B, C, D, E** lần lượt là:

A. Metyl fomat, etanal, axit metanoic, glucozơ, metyl amin.
B. Metanal, glucozơ, axit metanoic, fructozơ, metyl amin.
C. Etanal, axit etanoic, metyl axetat, phenol, etyl amin.
D. Metanal, metyl fomat, axit metanoic, metyl amin, glucozơ.

PHẦN I

Câu 73: Hỗn hợp khí X gồm 0,15 mol C_2H_4; 0,25 mol C_2H_2 và 0,5 mol H_2. Đun nóng X với xúc tác Ni, sau một thời gian thu được hỗn hợp khí Y có tỉ khối so với H_2 bằng 9. Hỗn hợp Y phản ứng tối đa với x mol Br_2 trong dung dịch. Giá trị của x là:

A. 0,15 B. 0,3. C. 0,4. D. 0,1.

Câu 74: Cho hỗn hợp X gồm 2 chất A ($C_5H_{16}N_2O_3$) và B ($C_2H_8N_2O_3$) có tỉ lệ số mol là 3:2 tác dụng với lượng dư dung dịch NaOH, đun nóng. Sau phản ứng thu được dung dịch chứa 4,88 gam hỗn hợp 2 muối và 1 khí duy nhất làm xanh giấy quỳ ẩm. Phần trăm khối lượng của A trong X có giá trị gần nhất với giá trị nào sau đây:

A. 45%. B. 55%. C. 68 %. D. 32%.

Câu 75: Hấp thụ hoàn toàn khí CO_2 vào dung dịch có chứa 0,08a mol $Ca(OH)_2$, khối lượng kết tủa tạo ra phụ thuộc vào thể tích khí CO_2 được ghi ở bảng sau:

Thể tích khí CO_2 ở đktc (lít)	V	V +12,32	V_1
Khối lượng kết tủa (gam)	3a	2a	max

Giá trị của V_1 là:

A. 8,96. B. 6,72. C. 11,20. D. 10,08.

Câu 76: Đun nóng 52,38 gam hỗn hợp X gồm 2 axit cacboxylic đều mạch hở A, B; ancol no C, và D là este hai chức, mạch hở được tạo bởi A, B, C với 400 ml dung dịch NaOH 1,5 M (vừa đủ), thu được ancol E và hỗn hợp F gồm 2 muối có tỉ lệ mol 1:1. Dẫn toàn bộ E qua bình đựng Na dư thấy khối lượng bình tăng 23,4 gam; đồng thời thu được 8,736 lít khí H_2 (đktc). Đốt cháy hoàn toàn F cần dùng 23,52 lít O_2(đktc), thu được 0,9 mol CO_2, Na_2CO_3 và H_2O. Phần trăm khối lượng của B trong hỗn hợp X gần nhất là:

A. 18%. B. 20% C. 16%. D. 14%.

Câu 77: Cho hỗn hợp X gồm Fe (0,2 mol), Mg (0,55 mol), $Mg(NO_3)_2$ và $MgCO_3$. Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp X trong hỗn hợp dung dịch chứa 0,04 mol HNO_3 và 2,02 mol $NaHSO_4$. Sau khi phản ứng kết thúc, thu được dung dịch Y chỉ chứa các muối trung hòa và 0,66 mol hỗn hợp khí Z gồm 4 khí không màu không hóa nâu trong không khí và có khối lượng là 11,76 gam. Cho dung dịch NaOH cho đến dư vào dung dịch Y, sau đó lấy lượng kết tủa đun nóng trong không khí đến khối lượng không đổi thu được 48 gam chất rắn. Các phản ứng xảy ra hoàn toàn. % khối lượng N_2O trong hỗn hợp khí Z là

A. 7,48%. B. 11,22%. C. 26,19% . D. 18,71%.

Câu 78: Hòa tan hết 12,8 gam hỗn hợp X gồm Fe, FeO, Fe_3O_4 và Fe_2O_3 trong dung dịch chứa 1,2 mol HNO_3 (đặc, nóng, dư), thu được V lít khí NO_2 (sản phẩm khử duy nhất N^{+5}, đktc) và dung dịch Y. Cho 650 ml dung dịch NaOH 1M vào Y, thu được 16,05 gam kết tủa. Giá trị của V là:

A. 6,72. B. 8,96. C. 11,2. D. 4,48.

Câu 79: Cho 6,4 gam hỗn hợp Mg và Fe vào dung dịch HCl, sau phản ứng thu được dung dịch X chứa ba chất tan có nồng độ mol bằng nhau. Cho lượng dư dung dịch $AgNO_3$ vào dung dịch X, kết thúc các phản ứng thu được m gam kết tủa. Biết NO là sản phẩm khử duy nhất của N^{+5}. Giá trị của m là:

A. 57,40. B. 59,56. C. 68,20 D. 63,88.

Câu 80: Hỗn hợp **A** gồm **x** mol Al và **y** mol Na. Hỗn hợp **B** gồm **y** mol Al và **x** mol Na. Dung dịch **C** chứa HCl 1M. Thực hiện 2 thí nghiệm sau:

Thí nghiệm 1: Hòa tan hỗn hợp **A** vào nước dư thu được 13,44 lít khí H_2 đo ở đktc và dung dịch **X**. Cho từ từ dung dịch **C** vào dung dịch X thấy xuất hiện ngay kết tủa.

Thí nghiệm 2: Hòa tan hỗn hợp **B** vào nước dư thu được V lít khí H_2 đo ở đktc và dung dịch **Y**. Cho từ từ dung dịch **C** vào dung dịch X thấy hết 50 ml thì bắt đầu xuất hiện kết tủa.

Tính V?

A. 12,096 lít B. 14,00 lít C. 15,12 lít D. 15,68 lít

---------- HẾT ----------

TRƯỜNG THPT CHUYÊN QUỐC HỌC HUẾ
TỔ HÓA HỌC
(Đề thi gồm 4 trang)

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN 1
Môn: HÓA HỌC. Năm học: 2019 - 2020
Thời gian: 50 phút (không kể thời gian phát đề)

Mã đề thi 419

Nguyên tử khối: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Al = 27;K = 39;Ca = 40;Fe = 56; Cu = 64; Ag = 108; Ba = 137; Zn = 65; Mg = 24; S = 32; Cl = 35,5.

Họ và tên thí sinh: .....
Số báo danh: .....

Câu 1: Thực hiện các thí nghiệm sau:
(a) Nhỏ vài giọt nước brom vào dung dịch anilin.
(b) Cho dung dịch HCl vào dung dịch axit glutamic.
(c) Sục khí CH_3NH_2 vào dung dịch CH_3COOH.
(d) Sục khí H_2 vào nồi kín chứa triolein (xúc tác Ni), đun nóng.
(e) Cho dung dịch metyl fomat vào dung dịch $AgNO_3/NH_3$, đun nóng.
(f) Đun nóng tinh bột trong dung dịch H_2SO_4 loãng.
Số thí nghiệm xảy ra phản ứng là
A. 5. **B.** 6. **C.** 4. **D.** 3.

Câu 2: Phản ứng nào sau đây **không** phải là phản ứng oxi hóa-khử?
A. $Cl_2 + Ca(OH)_2(sữa) \rightarrow CaOCl_2 + H_2O$
B. $3Cl_2 + 6KOH \xrightarrow{t^o} 5KCl + KClO_3 + H_2O$
C. $2NaHCO_3 \xrightarrow{t^o} Na_2CO_3 + CO_2 + H_2O$
D. $CH_2=CH_2 + HCl \rightarrow C_2H_5Cl$

Câu 3: Cho các phát biểu sau
(1) Trong các phân tử amin, nhất thiết phải chứa nguyên tử nitơ.
(2) Các amin chứa từ 1C đến 4C đều là chất khí ở điều kiện thường.
(3) Trong phân tử đipeptit mạch hở có chứa hai liên kết peptit.
(4) Trong phân tử metylamoni clorua, cộng hóa trị của nitơ là IV. CH_3NH_3Cl
(5) Dung dịch anilin làm mất màu nước brom.
Những phát biểu đúng là
A. (1), (3), (5) **B.** (1), (4), (5) **C.** (2), (4), (5) **D.** (1), (2), (3)

Câu 4: Saccarozơ là loại đường phổ biến nhất, có nhiều trong cây mía, củ cải đường và hoa thốt nốt. Công thức phân tử của saccarozơ là
A. $(C_6H_{10}O_5)_n$ **B.** $C_6H_{12}O_6$ **C.** $C_{12}H_{24}O_{11}$ **D.** $C_{12}H_{22}O_{11}$

Câu 5: Để khắc chữ lên thủy tinh người ta dựa vào phản ứng nào sau đây?
A. $SiO_2 + 4HF \rightarrow SiF_4 + 2H_2O$. **B.** $SiO_2 + Na_2CO_3 \rightarrow Na_2SiO_3 + CO_2$.
C. $SiO_2 + 2Mg \rightarrow 2MgO + Si$. **D.** $SiO_2 + 2NaOH \rightarrow Na_2SiO_3 + H_2O$.

Câu 6: Tiến hành các thí nghiệm sau:
(1) Cho vật bằng gang vào dung dịch HCl.
(2) Cho đinh sắt vào dung dịch H_2SO_4 2M.
(3) Nhúng thanh Zn vào dung dịch $AgNO_3$.
(4) Để miếng tôn (Fe tráng Zn) có vết xước sâu ngoài không khí ẩm.
(5) Cho Mg vào dung dịch $FeCl_3$ dư.
Số thí nghiệm có xảy ra quá trình ăn mòn điện hóa là
A. 2 **B.** 4 **C.** 5 **D.** 3

Câu 7: Các chất nào sau đây có thể cùng tồn tại trong một dung dịch?
A. $(NH_4)_2CO_3$; K_2SO_4; $(CH_3COO)_2Ca$ **B.** $Zn(NO_3)_2$; $(CH_3COO)_2Pb$; NaCl
C. $Al_2(SO_4)_3$; $MgCl_2$; $Cu(NO_3)_2$ **D.** HCOONa; $Mg(NO_3)_2$; HCl

Câu 8: Một số loại khẩu trang y tế có chứa chất bột màu đen để tăng khả năng lọc không khí. Chất đó là
A. than hoạt tính. **B.** thạch cao. **C.** đá vôi. **D.** muối ăn.

Câu 9: Chất nào là chất khí ở điều kiện thường ?
A. Alanin **B.** Anilin **C.** Metylamin **D.** Etylaxetat

Câu 10: Axit aminoaxetic **không** tác dụng với dung dịch chất nào sau đây ?

A. H_2SO_4 loãng B. KCl C. NaOH D. HCl

Câu 11: Dung dịch nào sau đây làm quỳ tím chuyển thành màu xanh?

A. $C_2H_5NH_2$. B. $CH_3CH(NH_2)COOH$.

C. HOOC- $[CH_2]_2$- CH (NH_2)- COOH. D. HCOOH.

Câu 12: Chất nào sau đây **KHÔNG** làm mất tính cứng của nước cứng tạm thời?

A. $Ca(OH)_2$. B. Na_2CO_3. C. HCl. D. NaOH.

Câu 13: Nguyên tố nào sau đây có bán kính ion nhỏ hơn bán kính nguyên tử tương ứng?

A. Clo B. Lưu huỳnh C. Neon D. Natri

Câu 14: Một mol hợp chất nào sau đây khi phản ứng với dung dịch HNO_3 đặc nóng, dư tạo nhiều mol khí nhất?

A. FeO. B. FeS. C. $FeCO_3$. D. Fe_3O_4.

Câu 15: Dãy các ion xếp theo chiều giảm dần tính oxi hóa là

A. $Fe^{3+}, Cu^{2+}, Ag^+, Fe^{2+}$. B. $Ag^+, Cu^{2+}, Fe^{3+}, Fe^{2+}$.

C. $Fe^{3+}, Ag^+, Cu^{2+}, Fe^{2+}$. D. $Ag^+, Fe^{3+}, Cu^{2+}, Fe^{2+}$.

Câu 16: Cho các tơ sau : tơ xenlulozơ axetat, tơ nitron, tơ capron, tơ nilon-6,6, tơ visco. Có bao nhiêu tơ thuộc loại tơ poliamit?

A. 4 B. 1 C. 3 D. 2

Câu 17: Chất nào sau đây là muối axit?

A. $NaHSO_4$. B. Na_2SO_4. C. NaCl. D. KNO_3.

Câu 18: Cho các phát biểu sau:

(a) Thủy phân hoàn toàn vinyl axetat bằng NaOH thu được natri axetat và andehit fomic.

(b) Peptit Gly-Ala-Gly có phản ứng màu biure.

(c) Tinh bột thuộc loại polisaccarit.

(d) Ở điều kiện thích hợp triolein tham gia phản ứng cộng hợp H_2.

Số phát biểu đúng là

A. 4 B. 2 C. 1 D. 3

Câu 19: Để điều chế etyl axetat trong phòng thí nghiệm, người ta lắp dụng cụ như hình vẽ bên. Hóa chất được cho vào bình 1 trong thí nghiệm trên gồm

A. CH_3COOH và CH_3OH.

B. CH_3COOH và C_2H_5OH.

C. CH_3COOH, CH_3OH và H_2SO_4 đặc.

D. CH_3COOH, C_2H_5OH và H_2SO_4 đặc.

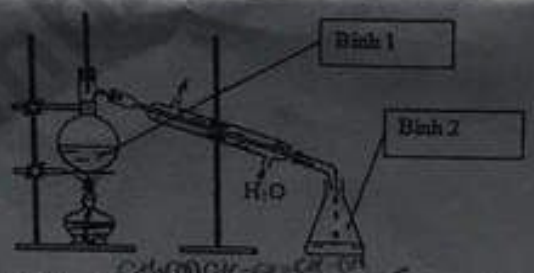

$CH_3COOC_2H_5$

Câu 20: Cho dãy các chất : Phenyl axetat, metyl axetat, anlyl axetat, tripanmitin, etyl fomat. Số chất trong dãy khi thủy phân trong dung dịch NaOH dư, đun nóng tạo ra ancol là

A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 21: Cho 5 gam hỗn hợp X gồm Ag và Al vào dung dịch HCl dư. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 3,36 lít khí (đktc). Phần trăm khối lượng Ag trong X là

A. 46%. B. 50,2%. C. 54,0%. D. 49,8%

Câu 22: Hòa tan hết 2,055 gam một kim loại M vào dung dịch $Ba(OH)_2$, có một khí thoát ra và khối lượng dung dịch sau phản ứng tăng 2,025 gam. Kim loại M là

A. Zn B. Ba C. Be D. Al

Câu 23: Trong một bình kín chứa 0,35 mol C_2H_2; 0,65 mol H_2 và một ít bột Ni. Nung nóng bình một thời gian, thu được hỗn hợp khí X có tỉ khối so với H_2 bằng 8. Sục X vào lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 đến phản ứng hoàn toàn thu được hỗn hợp khí Y và 24 gam kết tủa. Hỗn hợp khí Y phản ứng vừa đủ với bao nhiêu mol Br_2 trong dung dịch?

A. 0,2. B. 0,15. C. 0,25. D. 0,1.

Câu 24: Cho các chất: axit fomic, axit acrylic, phenol, metyl axetat lần lượt phản ứng với Na, dung dịch NaOH đun nóng. Số trường hợp có phản ứng xảy ra là

A. 8 B. 6 C. 5 D. 7

Câu 25: Tiến hành các thí nghiệm sau:

(a) Sục khí CO_2 dư vào dung dịch $BaCl_2$.

Trang 96

(b) Cho dung dịch NH_3 dư vào dung dịch $AlCl_3$.
(c) Cho dung dịch $Fe(NO_3)_2$ vào dung dịch $AgNO_3$ dư.
(d) Cho hỗn hợp Na_2O và Al_2O_3 (tỉ lệ mol 1:1) vào nước dư.
(e) Cho dung dịch $Ba(OH)_2$ dư vào dung dịch $Cr_2(SO_4)_3$.
(g) Cho hỗn hợp bột Cu và Fe_3O_4 (tỉ lệ mol 1:1) vào dung dịch HCl dư.
Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, số thí nghiệm thu được kết tủa là

A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 26: Hòa tan hết 3,24 gam kim loại X trong 100 ml dung dịch NaOH 1,5 M thu được 4,032 lít H_2 (đktc) và dung dịch Y. Kim loại X là

A. K **B.** Zn **C.** Al **D.** Cr

Câu 27: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm Na_2O và Al_2O_3 vào nước thu được dung dịch X trong suốt. Thêm từ từ dung dịch HCl 1M vào dung dịch X đến khi bắt đầu xuất hiện kết tủa thì hết 100 ml. Nếu thêm từ từ dung dịch HCl trên đến khi hết 300ml hoặc 700ml thì đều thu được a gam kết tủa. Giá trị của m và a lần lượt là:

A. 27,7 và 15,6 **B.** 35,9 và 23,4 **C.** 55,4 và 15,6 **D.** 56,3 và 23,4

Câu 28: Tiến hành thí nghiệm với các dung dịch X, Y, Z, T. Kết quả được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
Y	Quỳ tím	Quỳ tím chuyển thành màu xanh
X,Z	Dung dịch $AgNO_3/NH_3$, đun nóng	Tạo kết tủa Ag
T	Dung dịch Br_2	Kết tủa trắng
Z	$Cu(OH)_2$	Tạo dung dịch xanh lam

X, Y, Z, T lần lượt là

A. Etyl fomat, lysin, glucozơ, axit acrylic. **B.** Glucozơ, lysin, etyl fomat, anilin
C. Etyl fomat, lysin, glucozơ, phenol **D.** Lysin, Etyl fomat, glucozơ, anilin.

Câu 29: Có nhiều loại bánh cần tạo độ xốp, vì vậy trong quá trình nhào bột làm bánh người ta thường cho thêm hóa chất nào trong số các hóa chất sau đây?

A. NH_4HCO_3. **B.** NaCl. **C.** Na_2CO_3. **D.** $NaNO_3$.

Câu 30: Hòa tan hết 3,53 gam hỗn hợp X gồm ba kim loại Mg, Al và Fe trong dung dịch HCl thu được 2,352 lít khí hiđro (đktc) và dung dịch Y. Cô cạn dung dịch Y, thu được m gam hỗn hợp muối khan. Giá trị của m là

A. 11,195. **B.** 12,405. **C.** 7,2575. **D.** 10,985

Câu 31: Hỗn hợp X gồm CH_3COOH, $CH_2=CHCOOC_3H_7$, $CH_2=C(COOCH_3)_2$, $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ và $CH_3OOC-C\equiv C-COOH$. Đốt cháy hoàn toàn a mol X cần dùng 1,89 mol O_2, sản phẩm cháy gồm CO_2 và H_2O được dẫn qua bình đựng dung dịch H_2SO_4 đặc, dư thấy khối lượng bình tăng 22,32 gam. Hiđro hóa hoàn toàn a mol X cần dùng 0,25 mol H_2 (Ni, t^o). Giá trị của a là

A. 0,28 **B.** 0,25 **C.** 0,22 **D.** 0,27

Câu 32: Cho 0,3 mol hỗn hợp X gồm $H_2NC_3H_5(COOH)_2$ (axit glutamic) và $(H_2N)_2C_5H_9COOH$ (lysin) vào 400ml dung dịch HCl 1M, thu được dung dịch Y. Biết Y phản ứng vừa đủ với 800 ml dung dịch NaOH 1M. Số mol lysin trong hỗn hợp X là

A. 0,20. **B.** 0,15. **C.** 0,25. **D.** 0,10.

Câu 33: Hỗn hợp Z gồm 2 axit cacboxylic đơn chức X và Y ($M_X > M_Y$) có tổng khối lượng là 8,2 gam. Cho Z tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH, thu được dung dịch chứa 11,5 gam muối. Mặt khác, nếu cho Z tác dụng với một lượng dư $AgNO_3$ trong NH_3, thu được 21,6 gam Ag. Công thức và phần trăm khối lượng của X trong Z là

A. HCOOH và 45,12% **B.** C_2H_5COOH và 56,10%
C. C_2H_3COOH và 43,90% **D.** C_3H_5COOH và 54,88%

Câu 34: X có công thức phân tử $C_{10}H_8O_4$. Từ X thực hiện các phản ứng (theo đúng tỉ lệ mol):

$C_{10}H_8O_4 + 2\,NaOH \rightarrow X_1 + X_2$
$X_1 + HCl \rightarrow X_3 + 2\,NaCl$
$nX_3 + nX_2 \rightarrow$ poli(etylen-terephtalat) + $2nH_2O$

Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Dung dịch X_2 hòa tan $Cu(OH)_2$ tạo dung dịch phức chất có màu xanh lam.
B. Nhiệt độ nóng chảy của X_1 cao hơn X_3
C. Số nguyên tử H trong phân tử X_3 bằng 8.

Trang 97

D. Dung dịch X_1 có thể làm qui tím chuyển màu hồng.

Câu 35: Nhỏ từ từ đến dư dung dịch $Ba(OH)_2$ vào dung dịch chứa m gam hỗn hợp $Al_2(SO_4)_3$ và $Al(NO_3)_3$. Sự phụ thuộc của khối lượng kết tủa (y gam) vào số mol $Ba(OH)_2$ (x mol) được biểu diễn bằng đồ thị trên. Giá trị của m là

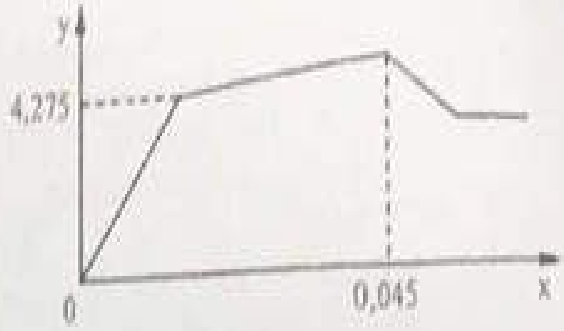

A. 5,97. B. 7,26. C. 7,68. D. 7,91.

Câu 36: Hỗn hợp X chứa các chất hữu cơ đều mạch hở gồm 2 ancol đơn chức, kế tiếp trong dãy đồng đẳng và một este hai chức. Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol X cần dùng 10,304 lít khí O_2 (đktc), thu được 14,96 gam CO_2 và 9 gam nước. Mặc khác, đun nóng 18,48 gam X với dung dịch NaOH dư, thu được hỗn hợp Y chứa 2 ancol và 5,36 gam một muối duy nhất. Đun nóng toàn bộ Y với H_2SO_4 đặc ở 140°C thu được m gam hỗn hợp ete. Biết hiệu suất ete hóa của 2 ancol trong Y đều bằng 80%. Giá trị **gần nhất** của m là

A. 9,0. B. 11,0. C. 10,0 D. 4,0.

Câu 37: Hỗn hợp X gồm a mol Mg và 2a mol Fe. Cho hỗn hợp X tác dụng với oxi, sau một thời gian thu được (136a + 11,36) gam hỗn hợp Y. Cho hỗn hợp Y tác dụng với dung dịch HNO_3 dư thu được 3 sản phẩm khử có cùng số mol gồm NO, N_2O, NH_4NO_3. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được 647a gam chất rắn khan. Đốt hỗn hợp X bằng V lít hỗn hợp khí Cl_2 và O_2 (đktc) thu được hỗn hợp Z gồm các oxit và muối clorua (không có khí dư). Hòa tan hỗn hợp Z cần vừa đủ 0,8 lít dung dịch HCl 2M thu được dung dịch T. Cho dung dịch T tác dụng với dung dịch $AgNO_3$ dư thu được 354,58 gam kết tủa. Giá trị của V là

A. 12,32. B. 16,80. C. 14,56. D. 15,68.

Câu 38: Hỗn hợp M gồm 3 peptit X, Y, Z (đều mạch hở) với tỉ lệ mol tương ứng là 4:3:2 có tổng số liên kết peptit trong 3 phân tử X, Y, Z bằng 12. Thủy phân hoàn toàn 78,10 gam M thu được 0,40 mol A_1; 0,22 mol A_2 và 0,32 mol A_3. Biết A_1, A_2, A_3 đều có dạng $NH_2C_nH_{2n}COOH$. Mặt khác, cho x gam M phản ứng vừa đủ với NaOH thu được y gam muối. Đốt cháy hoàn toàn y gam muối này cần 32,816 lít O_2 (đktc)(biết sản phẩm cháy gồm Na_2CO_3, CO_2, H_2O và N_2). Giá trị y **gần nhất** với giá trị nào sau đây ?

A. 37,45 B. 56,18 C. 17,72 D. 47,95

Câu 39: Hòa tan hết m gam hỗn hợp E gồm Al, Mg, MgO trong dung dịch hỗn hợp gồm HNO_3 (0,34 mol) và $KHSO_4$. Sau phản ứng thu được 8,064 lít (đktc) hỗn hợp khí X gồm NO, H_2 và NO_2 với tỉ lệ mol tương ứng là 10 :5 :3 và dung dịch Y chỉ chứa muối. Cho NaOH dư vào Y thì có 2,28 mol NaOH tham gia phản ứng, đồng thời thu được 17,4 gam kết tủa xuất hiện. Phần trăm về khối lượng Mg trong E là

A. 29,41% B. 17,65% C. 28,36% D. 26,28%

Câu 40: Tiến hành điện phân 100 gam dung dịch chứa 0,2 mol $FeCl_3$; 0,1 mol $CuCl_2$ và 0,16 mol HCl (với 2 điện cực trơ) đến khi có khí bắt đầu thoát ra ở cả hai điện cực thì dừng điện phân. Đem phần dung dịch cho tác dụng hết với 150 gam dung dịch chứa $AgNO_3$, kết thúc phản ứng thu được 90,08 gam kết tủa và dung dịch Y chứa một muối duy nhất có nồng độ a %. Giá trị của a **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

A. 34,5. B. 33,5. C. 30,5. D. 35,5.

---------- HẾT ----------

TRƯỜNG THPT CHUYÊN KHTN

KỲ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG
LẦN 1 - NĂM HỌC 2019-2020
Bài thi: Khoa học tự nhiên; Môn: Hóa Học
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Mã đề thi 2001

Họ, tên thí sinh: .....
Số báo danh: .....

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; Li = 7; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Rb = 85,5; Ag = 108; Ba = 137.

Câu 41: isoamyl axetat là este có mùi chuối chín. Công thức của isoamyl axetat là?

A. $CH_3COOCH_2CH_2CH(CH_3)_2$.
B. $HCOOCH_3$.
C. $CH_3COOC_2H_5$.
D. $CH_3COOC_3H_5$.

Câu 42: Cho sơ đồ các phản ứng theo đúng tỷ lệ mol:

(a) $X \longrightarrow Y + CO_2$
(b) $Y + H_2O \longrightarrow Z$
(c) $T + Z \longrightarrow R + X + H_2O$
(d) $2T + Z \longrightarrow Q + X + 2H_2O$

Các chất R, Q thỏa mãn sơ đồ trên lần lượt là?

A. $NaHCO_3$, $Ca(OH)_2$.
B. $Ca(OH)_2$, $NaHCO_3$.
C. NaOH, Na_2CO_3.
D. Na_2CO_3, NaOH.

Câu 43: Hoà tan hoàn toàn hỗn hợp gồm MgO, $Zn(OH)_2$, Al, $FeCO_3$, $Cu(OH)_2$, Fe trong dung dịch H_2SO_4 loãng dư, sau phản ứng thu được dung dịch X. Cho vào dung dịch X một lượng $Ba(OH)_2$ dư thu được kết tủa Y. Nung Y trong không khí đến khối lượng không đổi được hỗn hợp rắn Z. Sau đó dẫn luồng khí CO dư (ở nhiệt độ cao) từ từ đi qua Z đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được chất rắn G. Thành phần các chất trong G là:

A. BaO, Fe, Cu, Mg, Al_2O_3.
B. MgO, Al_2O_3, Fe, Cu, ZnO.
C. $BaSO_4$, MgO, Zn, Fe, Cu.
D. MgO, $BaSO_4$, Fe, Cu.

Câu 44: Kim loại nào sau đây là kim loại kiềm?

A. Al.
B. Cs.
C. Ca.
D. Ba.

Câu 45: Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Các hợp chất peptit kém bền trong môi trường axit nhưng bền trong môi trường kiềm.
B. Trong môi trường kiềm, đipeptit mạch hở tác dụng được với $Cu(OH)_2$ cho hợp chất màu tím.
C. Trong một phân tử tetrapeptit mạch hở có 4 liên kết peptit.
D. Amino axit là hợp chất có tính lưỡng tính.

Câu 46: Cho các phát biểu sau:

(a) Sau khi mổ cá, có thể dùng nước vôi để giảm mùi tanh.
(b) Dầu thực vật và dầu nhớt bôi trơn máy đều có thành phần chính là chất béo.
(c) Cao su sau khi được lưu hóa có tính đàn hồi và chịu nhiệt tốt hơn.
(d) Khi làm trứng muối (ngâm trứng trong dung dịch NaCl bão hòa) xảy ra hiện tượng đông tụ protein.
(e) Nước ép của quả nho chín có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc.(g) Để giảm đau nhức khi bị kiến đốt, có thể bôi một ít vôi tôi vào vết đốt.
(h) $K_2Cr_2O_7$ có màu vàng, K_2CrO_4 có màu da cam.
(i) Chất béo là trieste của etilen glicol với axit béo.

Số phát biểu đúng là

A. 5.
B. 2.
C. 3.
D. 4.

Câu 47: Cho 4,45 gam amino axit X (công thức có dạng $H_2NC_nH_{2n}COOH$) tác dụng hết với dung dịchNaOH dư, thu được 5,55 gam muối. Phần trăm khối lượng của H trong phân tử X là?

A. 15,73%.
B. 10,11%.
C. 5,62%.
D. 7,89%.

Câu 48: Tinh thể chất X không màu, vị ngọt, dễ tan trong nước. Trong máu người có một lượng nhỏ chất X với nồng độ hầu như không đổi khoảng 0,1%. X có thể được điều chế bằng phản ứng thủy phân chất Y. Tên gọi của X và Y lần lượt là?

Tuyensinh247.com

A. Fructozơ và saccarozơ. B. Glucozơ và fructozơ.
C. Saccarozơ và xenlulozơ. D. Glucozơ và tinh bột.

Câu 49: Cho m gam Al tác dụng hết với dung dịch H_2SO_4 loãng dư, thu được 3,36 lít H_2 (đktc). Giá trị của m là?

A. 5,4. B. 2,7. C. 4,05. D. 1,35.

Câu 50: Kim loại nào sau đây là chất lỏng ở điều kiện thường?

A. Na. B. Cu. C. Al. D. Hg.

Câu 51: Cho 1 ml dung dịch $AgNO_3$ 1% vào ống nghiệm sạch, lắc nhẹ, sau đó nhỏ từ từ từng giọt dung dịch NH_3 2M cho đến khi kết tủa sinh ra bị hòa tan hết. Nhỏ tiếp 3 - 5 giọt dung dịch X đun nóng nhẹ hỗn hợp ở khoảng 60 - 70°C trong vài phút, trên thành ống nghiệm xuất hiện lớp bạc sáng. Chất X là?

A. Anđehit axetic. B. Etylaxetat. C. Ancol etylic. D. Axit axetic.

Câu 52: Nhúng thanh Fe vào dung dịch $CuSO_4$, sau một thời gian nhấc thanh Fe ra rồi sấy khô thấy khối lượng của nó tăng 1,6 gam so với ban đầu. Giả sử lượng Cu sinh ra bám hết lên thanh Fe. Khối lượng Fe đã phản ứng là?

A. 5,6. B. 8,4. C. 11,2. D. 6,4.

Câu 53: Chất bột X màu đen, có khả năng hấp phụ các khí độc nên được dùng trong nhiều loại mặt nạ phòng độc. Chất X là?

A. Than hoạt tính. B. Thạch cao. C. Đá vôi. D. Lưu huỳnh.

Câu 54: Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Tơ tằm thuộc loại tơ nhân tạo.
B. Tinh bột thuộc loại đisaccarit.
C. PVC được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.
D. Tơ visco thuộc loại tơ bán tổng hợp.

Câu 55: Phèn chua có tác dụng làm trong nước, công thức của phèn chua là?

A. $Na_2SO_4.Al_2(SO_4)_3.24H_2O$. B. $K_2SO_4.Al_2(SO_4)_3.24H_2O$.
C. $K_2SO_4.Al_2(SO_4)_3.12H_2O$. D. $(NH_4)_2SO_4.Al_2(SO_4)_3.12H_2O$.

Câu 56: SO_2 luôn thể hiện tính khử trong các phản ứng với các chất nào sau đây?

A. H_2S, O_2, nước Br_2.
B. O_2, nước Br_2, dung dịch $KMnO_4$.
C. dung dịch NaOH, O_2, dung dịch $KMnO_4$.
D. dung dịch KOH, CaO, nước Br_2.

Câu 57: Polime nào sau đây thuộc loại polime tổng hợp?

A. Tơ capron. B. Tơ tằm.
C. Amilozơ. D. Tơ xenlulozơ axetat.

Câu 58: Thí nghiệm nào sau đây có xảy ra sự ăn mòn điện hóa học?

A. Nhúng thanh Fe vào dung dịch chứa hỗn hợp gồm $CuSO_4$ và H_2SO_4.
B. Nhúng thanh Cu vào dung dịch HCl và HNO_3 loãng.
C. Đốt dây Mg trong bình đựng khí O_2.
D. Nhúng thanh Fe vào dung dịch H_2SO_4 và $Fe_2(SO_4)_3$.

Câu 59: Kim loại nào sau đây được điều chế bằng phản ứng nhiệt nhôm?

A. Na. B. Ca. C. Cr. D. Al.

Câu 60: Ở điều kiện thường, khí X không màu, không mùi, tan rất ít trong nước, không duy trì sự cháy và sự hô hấp. Trong không khí, khí X chiếm % thể tích lớn nhất. Công thức của X là?

A. CO_2. B. N_2. C. O_2. D. H_2.

Câu 61: Cho dung dịch NaOH vào dung dịch chất X, thấy thoát ra chất khí có mùi khai. Chất X là?

A. $FeCl_3$. B. $FeCl_2$. C. NH_4Cl. D. $CuCl_2$.

Câu 62: Lên men m gam glucozơ thành ancol etylic với hiệu suất 50%, thu được V lít CO_2 (đktc). Hấp thụ toàn bộ lượng CO_2 này vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư thu được 30 gam kết tủa. Giá trị của m là?

A. 27,0. B. 18,0. C. 54,0. D. 108,0.

Câu 63: Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

Tuyensinh247.com

A. Saccarozo. B. xenlulozo. C. Fructozo. D. Tinh bột.

Câu 64: Dẫn luồng khí CO đi qua hỗn hợp gồm CuO và Fe_2O_3 nung nóng, sau một thời gian thu được chất rắn X và khí Y. Cho Y hấp thụ hoàn toàn vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư, thu được 30 gam kết tủa. Chất rắn X phản ứng với dung dịch HNO_3 dư thu được V lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc). Giá trị của V là?

A. 8,96. B. 4,48. C. 6,72. D. 3,36.

Câu 65: Công thức phân tử của đồng (II) sunfat là?

A. $CuSO_4$. B. $CuCl_2$. C. $Cu(NO_3)_2$. D. $FeSO_4$.

Câu 66: Thứ tự một số cặp oxi hoá - khử trong dãy điện hoá như sau: Fe^{2+}/Fe; Cu^{2+}/Cu; Fe^{3+}/Fe^{2+}. Cặp chất **không** phản ứng với nhau là?

A. dung dịch $FeCl_2$ và dung dịch $CuCl_2$. B. Cu và dung dịch $FeCl_3$.
C. Fe và dung dịch $FeCl_3$. D. Fe và dung dịch $CuCl_2$.

Câu 67: Dung dịch nào sau đây **không** làm đổi màu quỳ tím?

A. $C_2H_5NH_2$. B. $H_2NCH(CH_3)COOH$.
C. HCl. D. KOH.

Câu 68: Hỗn hợp X gồm axit HCOOH và axit CH_3COOH (tỉ lệ mol 1:1). Lấy 10,6 gam hỗn hợp X tác dụng với 11,5 gam C_2H_5OH (có xúc tác H_2SO_4 đặc) thu được m gam hỗn hợp este (hiệu suất của các phản ứng este hoá đều bằng 80%). Giá trị của m là?

A. 20,24. B. 12,96. C. 16,1. D. 32,40.

Câu 69: Cho kim loại M vào dung dịch NaOH loãng dư thấy M không tan. Kim loại M là?

A. Na. B. Ca. C. Fe. D. Al.

Câu 70: Hỗn hợp X gồm 0,2 mol vinylaxetilen và 0,6 mol H_2. Nung nóng hỗn hợp X (xúc tác Ni) một thời gian, thu được hỗn hợp Y có tỉ khối so với H_2 bằng 10. Dẫn hỗn hợp Y qua dung dịch brom dư, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, khối lượng brom tham gia phản ứng là

A. 32,0 gam. B. 60,8 gam. C. 35,2 gam. D. 64,0 gam.

Câu 71: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm Al và Al_2O_3 trong 400,0 ml dung dịch NaOH 2M, thu được dung dịch Y và 6,72 lít khí H_2 (đktc). Thêm 600,0 ml hoặc 1400,0 ml dung dịch HCl yM vào dung dịch Y đều thu được cùng một lượng kết tủa có khối lượng m gam. Giá trị **gần nhất của m** là

A. 13,8. B. 16,0. C. 18,2. D. 16,4.

Câu 72: Cho các sơ đồ phản ứng theo đúng tỉ lệ mol:

(a) $X + 2NaOH \xrightarrow{t^o} X_1 + X_2 + H_2O$

(b) $X_1 + H_2SO_4 \longrightarrow X_3 + Na_2SO_4$

(c) $nX_3 + nX_4 \xrightarrow{t^o, xt}$ poli(etylen terephtalat) $+ 2nH_2O$

(d) $X_2 + CO \xrightarrow{t^o, xt} X_5$

(e) $X_4 + 2X_5 \underset{}{\overset{H_2SO_4\ đặc, t^o}{\rightleftharpoons}} X_6 + 2H_2O$

Cho biết: X là este có công thức phân tử $C_8H_8O_4$; X_1, X_2, X_3, X_4, X_5, X_6 là các hợp chất hữu cơ khác nhau. Phân tử khối của X_6 là?

A. 118. B. 132. C. 104. D. 146.

Câu 73: Cho hơi nước đi qua than nóng đỏ thu được hỗn hợp X gồm CO_2, CO, H_2, H_2O. Dẫn X đi qua 38,28 gam hỗn hợp Fe_3O_4 và $FeCO_3$ nung nóng thu được hơi nước, 6,72 lít CO_2 (đktc) và chất rắn Y gồm Fe, FeO, Fe_3O_4. Chia Y thành 2 phần bằng nhau:

- Phần 1: Hòa tan hết trong dung dịch chứa a mol HNO_3 và 0,0375 mol H_2SO_4, thu được 3,36 lít (đktc) khí NO là sản phẩm khử duy nhất.
- Phần 2: Hòa tan hết trong dung dịch H_2SO_4 đặc nóng, thu được dung dịch chứa hai muối có số mol bằng nhau và 5,04 lít khí SO_2 (đktc) duy nhất.

Giá trị của a là?

A. 0,600 mol. B. 0,675 mol. C. 0,525 mol. D. 0,750 mol.

Câu 74: Cho các phản ứng sau:

(a) $FeS + 2HCl \rightarrow FeCl_2 + H_2S$

(b) $Na_2S + 2HCl \rightarrow 2NaCl + H_2S$

(c) $2AlCl_3 + 3Na_2S + 6H_2O \rightarrow 2Al(OH)_3 + 3H_2S + 6NaCl$

(d) $KHSO_4 + KHS \rightarrow K_2SO_4 + H_2S$

Tyensinh247.com

(e) $BaS + H_2SO_4$ (loãng) $\rightarrow$ $BaSO_4 + H_2S$

(f) $K_2S + H_2SO_4$ (loãng) $\rightarrow$ $2KCl + H_2S$

Số phản ứng có phương trình ion rút gọn $S^{2-} + 2H^+ \rightarrow H_2S$ là?

A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 75: Cho m gam Al tác dụng với O_2, sau một thời gian thu được (m + 2,88) gam hỗn hợp X. Cho hỗn hợp X tác dụng với dung dịch HCl dư, thu được a mol H_2 và dung dịch Y. Rót từ từ dung dịch NaOH vào dung dịch Y ta có đồ thị sau

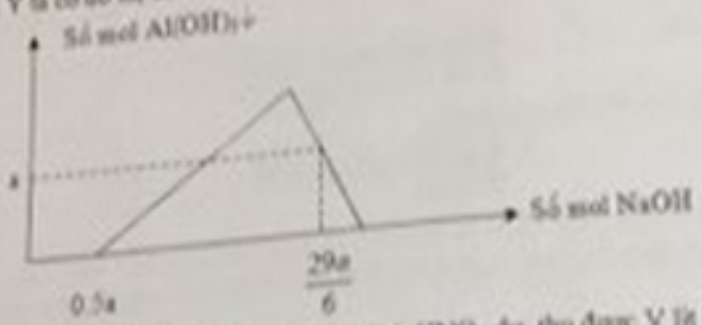

Cho hỗn hợp X tác dụng với dung dịch HNO_3 dư, thu được V lít hỗn hợp khí NO và N_2O (đktc) có tỉ khối so với hiđro là 16,75 và dung dịch Z. Cô cạn dung dịch Z thu được (m + 249a) gam chất rắn khan. Giá trị của V **gần nhất** với giá trị nào dưới đây?

A. 1,9. B. 2,1. C. 2,3. D. 1,7.

Câu 76: Hỗn hợp E chứa ba peptit đều mạch hở gồm peptit X ($C_4H_8O_3N_2$), peptit Y ($C_7H_{14}O_3N_2$) và peptit Z ($C_{11}H_{20}O_4N_4$). Đun nóng 28,42 gam E với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được hỗn hợp T gồm 3 muối của glyxin, alanin và valin. Đốt cháy toàn bộ T cần dùng 1,155 mol O_2, thu được CO_2, H_2O, N_2 và 23,32 gam Na_2CO_3. Phần trăm khối lượng của X trong hỗn hợp E là

A. 4,64%. B. 6,97%. C. 9,29%. D. 13,93%.

Câu 77: Hòa tan hết 5,51 gam hỗn hợp X gồm $FeCO_3$, $Fe(NO_3)_2$ và Al vào dung dịch Y chứa KNO_3 và 0,2 mol HCl, thu được dung dịch Z và 1,344 lít (đktc) khí T gồm CO_2, H_2 và NO (có tỷ lệ khối lượng tương ứng là 110 : 2 : 75). Dung dịch Z phản ứng được tối đa với 0,225 mol NaOH. Nếu cho Z tác dụng với dung dịch $AgNO_3$ dư thì thu được m gam kết tủa. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn và NO là sản phẩm khử duy nhất của N^{+5} trong các phản ứng trên. Giá trị của m **gần nhất** với giá trị nào dưới đây?

A. 31,5. B. 28,5. C. 30,5. D. 29,5.

Câu 78: Hợp chất hữu cơ X (chứa C, H, O) chỉ có một loại nhóm chức. Cho 0,3 mol X phản ứng vừa đủ với 360 gam dung dịch NaOH, thu được dung dịch Y. Làm bay hơi Y, chỉ thu được 329,4 gam hơi nước và 88,8 gam hỗn hợp chất rắn khan Z. Đốt cháy hoàn toàn Z, thu được 47,7 gam Na_2CO_3; 112,2 gam CO_2 và 29,7 gam H_2O. Mặt khác, Z phản ứng với dung dịch H_2SO_4 loãng (dư), thu được hai axit cacboxylic đơn chức và hợp chất T (chứa C, H, O và $M_T < 125$). Phân tử T có số nguyên tử H là?

A. 8. B. 6. C. 10. D. 12.

Câu 79: Hỗn hợp A gồm axit panmitic, axit stearic và triglixerit X. Đốt cháy hoàn toàn m gam A cần dùng vừa đủ 9,21 mol O_2, thu được H_2O và 6,42 mol CO_2. Mặt khác, m gam A tác dụng vừa đủ với dung dịch chứa 0,36 mol NaOH, thu được glixerol và dung dịch chỉ chứa a gam hỗn hợp muối natri panmitat, natri stearat. Giá trị của a là

A. 107,04. B. 103,56. C. 103,44. D. 106,80.

Câu 80: Điện phân (điện cực trơ, màng ngăn xốp, cường độ dòng điện không đổi) dung dịch X chứa a mol MSO_4 (M là kim loại) và 0,3 mol KCl trong thời gian t giây, thu được 2,24 lít khí ở anot (đktc) và dung dịch Y có khối lượng giảm m gam so với khối lượng dung dịch X. Nếu thời gian điện phân là 2t giây thì thu được dung dịch Z có khối lượng giảm 19,6 gam so với khối lượng dung dịch X. Biết hiệu suất điện phân 100%, các khí sinh ra không tan trong dung dịch. Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Giá trị của a là 0,15.

B. Giá trị của m là 9,8.

C. Tại thời điểm 2t giây, chưa có bọt khí ở catot.

D. Tại thời điểm 1,4t giây, nước chưa bị điện phân ở anot.

---------- HẾT ----------

Tuyensinh247.com

SỞ GD & ĐT HẢI PHÒNG

CHUYÊN TRẦN PHÚ

(Đề thi có 04 trang)

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN THỨ 1

NĂM HỌC 2019 - 2020

Môn: HOÁ HỌC

Ngày thi: ...../ 01/ 2020

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

(40 câu trắc nghiệm, từ câu 41 đến câu 80)

Mã đề thi 001

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Câu 41: Phương pháp điều chế kim loại kiềm là

A. nhiệt luyện. B. thuỷ luyện.

C. điện phân nóng chảy. D. điện phân dung dịch.

Câu 42: Trong chiến tranh Việt Nam, Mĩ đã rải xuống các cánh rừng Việt Nam một loại hóa chất cực độc phá hủy môi trường và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người, đó là chất độc màu da cam. Chất độc này còn được gọi là

A. dioxin. B. 3-MCPD. C. nicôtin. D. TNT.

Câu 43: Phân đạm urê có công thức hóa học là

A. $(NH_4)_2CO$. B. $(NH_4)_2CO_3$. C. $(NH_2)_2CO_3$. D. $(NH_2)_2CO$.

Câu 44: Nhỏ từ từ cho đến dư dung dịch NaOH vào dung dịch $AlCl_3$. Hiện tượng xảy ra là

A. có kết tủa keo trắng, sau đó kết tủa tan.

B. có kết tủa keo trắng, lượng kết tủa tăng đến cực đại.

C. có kết tủa keo trắng và có khí bay lên.

D. không có kết tủa, có khí bay lên.

Câu 45: Một mẫu nước có chứa các ion Ca^{2+}, Mg^{2+}, HCO_3^-, Cl^-, SO_4^{2-}. Chất được dùng để làm mềm mẫu nước trên là

A. HCl. B. Na_2CO_3. C. H_2SO_4. D. $NaHCO_3$.

Câu 46: Chất phản ứng được với tất cả các chất trong dãy Na, $Cu(OH)_2$ và $AgNO_3/NH_3$ là

A. glixerol. B. saccarozơ. C. etilenglicol. D. glucozơ.

Câu 47: Một lượng lớn nước thải công nghiệp chưa qua xử lí đổ trực tiếp ra sông suối là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường tại nhiều khu vực trên đất nước ta. Để xử lí sơ bộ mẫu nước thải chứa các ion Pb^{2+}, Fe^{3+}, Cu^{2+}, Hg^{2+}... người ta có thể dùng

A. H_2SO_4. B. etanol. C. $Ca(OH)_2$. D. dimetylete.

Câu 48: Trong các chất sau: etan, propen, benzen, glyxin, stiren. Chất có phản ứng trùng hợp để tạo ra được polime là

A. propen, benzen. B. stiren, propen.

C. stiren, glyxin. D. propen, benzen, glyxin, stiren.

Câu 49: Trong phản ứng: $Fe + Cu^{2+} \rightarrow Fe^{2+} + Cu$. Chất bị oxi hóa là

A. Fe. B. Fe^{2+}. C. Cu^{2+}. D. Cu.

Câu 50: Công thức tổng quát của hiđrocacbon X bất kì có dạng $C_nH_{2n+2-2k}$ (n, k ∈ N, n≥1). Kết luận nào dưới đây luôn đúng?

A. k = 1, n ≥ 2 → X là anken hoặc xicloankan. B. k = 2, n ≥ 2 → X là ankin hoặc ankađien.

C. k = 0, n ≥ 1 → X là ankan. D. k = 4, n ≥ 6 → X là aren.

Câu 51: Thuỷ phân este $C_2H_5COOCH{=}CH_2$ trong môi trường axit thu được

A. C_2H_5COOH, $CH_2{=}CH{-}OH$. B. C_2H_5COOH, HCHO.

C. C_2H_5COOH, CH_3CH_2OH. D. C_2H_5COOH, CH_3CHO.

Câu 52: Saccarozơ có công thức phân tử là

A. $C_6H_{10}O_5$. B. $C_6H_{12}O_6$. C. $(C_6H_{10}O_5)_n$. D. $C_{12}H_{22}O_{11}$.

Câu 53: Phản ứng nào sau đây **không** đúng?

Tuyensinh247.com

A. $3Fe + 2O_2 \xrightarrow{t^o} Fe_3O_4$ B. $2Fe + 3Cl_2 \xrightarrow{t^o} 2FeCl_3$

C. $2Fe + 3I_2 \xrightarrow{t^o} 2FeI_3$ D. $Fe + S \xrightarrow{t^o} FeS$

Câu 54: Số đipeptit có thể tạo thành từ phân tử glyxin và phân tử alanin là

A. 4. B. 5. C. 2. D. 3.

Câu 55: Phản ứng nào sau đây có phương trình ion rút gọn là $H^+ + OH^- \rightarrow H_2O$?

A. $Ba(OH)_2 + H_2SO_4 \rightarrow BaSO_4 + 2H_2O$.

B. $Ca(OH)_2 + 2HCl \rightarrow CaCl_2 + 2H_2O$.

C. $CH_3COOH + NaOH \rightarrow CH_3COONa + H_2O$.

D. $Mg(OH)_2 + 2HCl \rightarrow MgCl_2 + 2H_2O$.

Câu 56: Trường hợp nào sau đây **không** xảy ra phản ứng?

A. $Fe + Fe^{3+}$. B. $Ni + Mg^{2+}$. C. $Ag^+ + Fe^{2+}$. D. $Cu + Ag^+$.

Câu 57: Cho các chất: axit propionic (X); axit axetic (Y); ancol etylic (Z) và metyl axetat (T). Dãy gồm các chất được sắp xếp theo chiều tăng dần nhiệt độ sôi là

A. Z, T, Y, X. B. T, X, Y, Z. C. Y, T, X, Z. D. T, Z, Y, X.

Câu 58: Đốt cháy hoàn toàn 3,42 gam hỗn hợp gồm axit acrylic, vinyl axetat, metyl acrylat và axit oleic, rồi hấp thụ toàn bộ sản phẩm cháy vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư. Sau phản ứng thu được 18 gam kết tủa và dung dịch X. Khối lượng X so với khối lượng dung dịch $Ca(OH)_2$ ban đầu đã thay đổi như thế nào?

A. Tăng 2,70 gam. B. Giảm 7,38 gam. C. Tăng 7,92 gam. D. Giảm 7,74 gam.

Câu 59: Phích đựng nước lâu ngày sẽ thấy hiện tượng xung quanh thành ruột phích có một lớp cặn bám vào. Chất có thể dùng làm sạch được chất cặn đó là

A. NaCl. B. NH_3. C. NaOH. D. CH_3COOH.

Câu 60: Tiến hành các thí nghiệm sau:

(1) Cho Zn vào dung dịch $FeCl_3$ dư.

(2) Dẫn khí H_2 dư qua bột CuO nung nóng.

(3) Nhiệt phân $AgNO_3$.

(4) Đốt HgS trong không khí.

(5) Cho Na vào dung dịch $CuSO_4$ dư.

(6) Điện phân dung dịch $CuSO_4$ điện cực trơ.

Sau khi kết thúc các phản ứng, số thí nghiệm thu được kim loại là

A. 4. B. 5. C. 3. D. 2.

Câu 61: Nhúng thanh Fe vào dung dịch $CuSO_4$, sau một thời gian khối lượng dung dịch giảm 1,6 gam so với khối lượng dung dịch ban đầu (giả sử toàn bộ kim loại sinh ra bám trên thanh Fe). Khối lượng Cu đã tạo thành là

A. 5,6 gam. B. 6,4 gam. C. 11,2 gam. D. 12,8 gam.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Natri cacbonat là nguyên liệu quan trọng trong công nghiệp sản xuất thuỷ tinh.

B. Ở nhiệt độ thường, tất cả các kim loại kiềm thổ đều tác dụng được với nước.

C. Nhôm bền trong môi trường không khí và nước là do có màng oxit Al_2O_3 bền bảo vệ.

D. Theo chiều tăng dần của điện tích hạt nhân, nhiệt độ nóng chảy của kim loại kiềm giảm dần.

Câu 63: Amino axit X no, mạch hở, có công thức $C_nH_mO_2N$. Biểu thức liên hệ giữa m và n là

A. m = 2n. B. m = 2n + 3. C. m = 2n + 1. D. m = 2n + 2.

Câu 64: Cho dung dịch $Ba(HCO_3)_2$ lần lượt tác dụng với các dung dịch sau: NaOH, $NaHSO_4$, HCl, $KHCO_3$, K_2CO_3, H_2SO_4. Số trường hợp xảy ra phản ứng và số trường hợp có kết tủa là:

A. 5 và 4. B. 5 và 2. C. 6 và 5. D. 4 và 4.

Câu 65: Lắp dụng cụ như hình vẽ thì có thể dùng để thu được sản phẩm của thí nghiệm nào trong số ba thí nghiệm sau:

hocsinh247.com

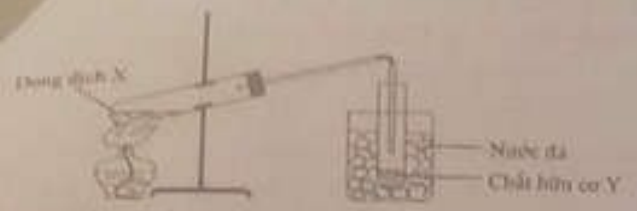

(1) Điều chế $CH_3COOC_2H_5$ từ ancol etylic và axit axetic.

(2) Điều chế CH_3COOH từ CH_3COONa và H_2SO_4.

(3) Điều chế but-2-en từ butan-2-ol.

A. chỉ có (2). B. chỉ có (1). C. (1) và (2) D. (1) và (3).

Câu 66: Cho các chất hữu cơ X, Y, Z, T, E thoả mãn các phản ứng hoá học sau:

$X + NaOH \rightarrow C_6H_5ONa + Y + CH_3CHO + H_2O$ (1)

$Y + NaOH \rightarrow T + Na_2CO_3$ (2)

$CH_3CHO + AgNO_3 + NH_3 + H_2O \rightarrow Z + ...$ (3)

$Z + NaOH \rightarrow E + ...$ (4)

$E + NaOH \rightarrow T + Na_2CO_3$ (5)

Cho biết khi cân bằng tỉ lệ mol giữa Y và NaOH trong (2) là 1 : 2.

Công thức phân tử của X là

A. $C_{11}H_{12}O_4$. B. $C_{11}H_{10}O_4$. C. $C_{12}H_{20}O_6$. D. $C_{12}H_{14}O_4$.

Câu 67: Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol hỗn hợp X (CH_4, C_2H_4, C_3H_4, C_4H_6) có tỉ khối hơi so với H_2 bằng 17. Dẫn toàn bộ sản phẩm cháy thu được vào bình đựng dung dịch $Ca(OH)_2$ dư thì khối lượng bình $Ca(OH)_2$ sau phản ứng tăng lên

A. 11 gam. B. 14,6 gam. C. 8,8 gam. D. 3,6 gam.

Câu 68: Cho các polime sau: (1) poli(metyl metacrylat); (2) polistiren; (3) nilon-7; (4) poli(etylen-terephtalat); (5) nilon-6,6; (6) poli(vinyl axetat). Số polime có thể là sản phẩm của phản ứng trùng ngưng là

A. 3. B. 5. C. 2. D. 4.

Câu 69: Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
X	Dung dịch I_2	Có màu xanh tím
Y	$Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm	Có màu tím
Z	Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 dư, đun nóng	Kết tủa Ag trắng sáng
T	Nước Br_2	Kết tủa trắng

Dung dịch X, Y, Z, T lần lượt là:

A. Hồ tinh bột, lòng trắng trứng, anilin, glucozơ.

B. Hồ tinh bột, anilin, lòng trắng trứng, glucozơ.

C. Hồ tinh bột, lòng trắng trứng, glucozơ, anilin.

D. Lòng trắng trứng, hồ tinh bột, glucozơ, anilin.

Câu 70: Hoà tan hoàn toàn một lượng Ba vào dung dịch chứa a mol HCl thu được dung dịch X và a mol H_2. Trong các chất sau: Na_2SO_4, Na_2CO_3, Al, Al_2O_3, $AlCl_3$, Mg, NaOH, $NaHCO_3$, số chất tác dụng được với dung dịch X là

A. 7. B. 6. C. 4. D. 5.

Câu 71: Amino axit thiên nhiên X trong phân tử có một nhóm $-NH_2$ và một nhóm $-COOH$. Cho 26,7 gam X phản ứng với lượng dư dung dịch HCl, thu được dung dịch chứa 37,65 gam muối. Công thức của X là

A. $H_2N-[CH_2]_2-COOH$. B. H_2N-CH_2-COOH.

C. $H_2N-[CH_2]_3-COOH$. D. $H_2N-CH(CH_3)-COOH$.

Câu 72: Thủy phân 324 gam tinh bột với hiệu suất phản ứng 75%, khối lượng glucozơ thu được là

A. 250gam. B. 300 gam. C. 270 gam. D. 360 gam.

tuyensinh247.com

Câu 73: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm Na, Na_2O, NaOH và Na_2CO_3 trong dung dịch axit H_2SO_4 40% (vừa đủ) thu được 8,96 lít (đktc) hỗn hợp khí có tỷ khối đối với H_2 bằng 16,75 và dung dịch Y có nồng độ 51,449%. Cô cạn Y thu được 170,4 gam muối. Giá trị của m là

A. 23,8. B. 50,6. C. 50,4. D. 37,2.

Câu 74: Hỗn hợp X gồm metyl fomat, dimetyl oxalat, glixerol triaxetat và phenyl axetat. Thủy phân hoàn toàn 47,3 gam X trong dung dịch NaOH dư, đun nóng, thu được m gam hỗn hợp muối và 15,6 gam hỗn hợp Y gồm các ancol. Cho Y tác dụng với Na dư, thu được 5,6 lít khí H_2 (đktc). Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn 47,3 gam X bằng oxi, thu được 92,4 gam CO_2 và 26,1 gam H_2O. Giá trị của m là

A. 54,3. B. 58,2. C. 57,9. D. 52,5.

Câu 75: Cho X, Y, Z là ba peptit đều mạch hở và $M_X > M_Y > M_Z$. Đốt cháy hoàn toàn a mol mỗi peptit X, Y hoặc Z đều thu được số mol CO_2 nhiều hơn số mol H_2O là a mol. Mặt khác, nếu đun nóng 69,8 gam hỗn hợp E (chứa X, Y và 0,16 mol Z; số mol của X nhỏ hơn số mol của Y) với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được dung dịch chỉ chứa 2 muối của alanin và valin có tổng khối lượng 101,04 gam. Phần trăm khối lượng của X có trong hỗn hợp E gần nhất với giá trị nào sau đây?

A. 10%. B. 95%. C. 54%. D. 12%.

Câu 76: Cho 80,0 gam muối $CuSO_4.5H_2O$ vào dung dịch chứa NaCl thu được dung dịch X. Tiến hành điện phân dung dịch X bằng điện cực trơ với cường độ dòng điện I = 9,65A tới khi khối lượng dung dịch giảm 22,8 gam thì dừng điện phân. Nhúng thanh Mg vào dung dịch sau điện phân đến khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Lấy thanh Mg ra, làm khô thấy khối lượng thanh không đổi so với trước phản ứng. Thời gian điện phân là

A. 4600 giây. B. 4800 giây. C. 4400 giây. D. 4200 giây.

Câu 77: X, Y, Z là ba axit cacboxylic đơn chức cùng dãy đồng đẳng ($M_X < M_Y < M_Z$), T là este tạo bởi X, Y, Z với một ancol no, ba chức, mạch hở. Đốt cháy hoàn toàn 26,6 gam hỗn hợp M gồm X, Y, Z, T (trong đó Y và Z có cùng số mol) bằng lượng khí O_2 vừa đủ, thu được 2,24 lít CO_2 (đktc) và 16,2 gam H_2O. Đun nóng 26,6 gam M với lượng dư dung dịch $AgNO_3/NH_3$ đến khi xảy ra hoàn toàn, thu được 21,6 gam Ag. Mặt khác, cho 13,3 gam hỗn hợp M phản ứng hết với 400 ml dung dịch NaOH 1M và đun nóng, thu được dung dịch G. Cô cạn dung dịch G thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m gần nhất với giá trị

A. 33. B. 25. C. 38. D. 30.

Câu 78: Có 3,94 gam hỗn hợp X gồm bột Al và Fe_3O_4 (trong đó Al chiếm 41,12% về khối lượng). Thực hiện phản ứng nhiệt nhôm hoàn toàn hỗn hợp X trong chân không thu được hỗn hợp Y. Hòa tan hoàn toàn Y trong dung dịch chứa 0,314 mol HNO_3 thu được dung dịch Z chỉ có các muối và 0,021 mol một khí duy nhất NO. Cô cạn dung dịch Z, lấy chất rắn khan nung trong chân không đến khối lượng không đổi thu được hỗn hợp khí và hơi T. Khối lượng của T gần nhất với giá trị

A. 15,35. B. 14,15. C. 15,78. D. 14,58.

Câu 79: Hòa tan hết 10,24 gam hỗn hợp X gồm Fe và Fe_3O_4 bằng dung dịch chứa 0,1 mol H_2SO_4 và 0,5 mol HNO_3, thu được dung dịch Y và hỗn hợp gồm 0,1 mol NO và a mol NO_2 (không còn sản phẩm khử nào khác). Chia dung dịch Y thành hai phần bằng nhau. Phần một tác dụng với 500 ml dung dịch KOH 0,4M, thu được 5,35 gam một chất kết tủa. Phần hai tác dụng với dung dịch $Ba(OH)_2$ dư, thu được m gam kết tủa. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

A. 20,63. B. 41,25. C. 20,21. D. 31,87.

Câu 80: Cho m gam hỗn hợp gồm Mg, Fe và Cu vào 200 ml dung dịch chứa $FeCl_3$ 0,8M và $CuCl_2$ 0,1M. Sau khi kết thúc phản ứng thu được dung dịch X và 11,84 gam chất rắn Y gồm 2 kim loại. Cho dung dịch $AgNO_3$ dư vào X, thu được 87,58 gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 13,52. B. 11,52. C. 13,92. D. 11,68.

---------- HẾT ----------

luyensinh247.com

Lớp .....

Câu 41. Thành phần hóa học chính của phân amophot là

A. $NH_4H_2PO_4$ và $(NH_4)_2HPO_4$.
B. KNO_3 và $Ca(H_2PO_4)_2$.
C. $Ca(H_2PO_4)_2$ và $NH_4H_2PO_4$.
D. KNO_3 và $NH_4H_2PO_4$.

Câu 42. Oxit nào sau đây là oxit bazơ?

A. CrO_3. B. Fe_2O_3. C. Al_2O_3. D. Cr_2O_3.

Câu 43. Cho các kim loại: K, Mg, Cu, Zn, Fe, Ag. Số kim loại phản ứng được với dung dịch HCl đặc nguội là

A. 2. B. 5. C. 3. D. 4.

Câu 44. Chất nào sau đây thuộc loại chất điện li mạnh?

A. CH_3COOH. B. C_2H_5OH. C. H_2O. D. NaCl.

Câu 45. Khử hoàn toàn m gam Fe_2O_3 ở nhiệt độ cao cần vừa đủ 6,72 lít khí CO (đktc). Khối lượng sắt thu được sau phản ứng là

A. 11,2 gam. B. 5,6 gam. C. 2,8 gam. D. 8,4 gam.

Câu 46. Cho m gam glucozơ phản ứng hết với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong amoniac, đun nóng. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 44,73 gam muối amoni gluconat. Giá trị của m là

A. 28,8. B. 37,8. C. 36,0. D. 27,0.

Câu 47. Metyl axetat có công thức cấu tạo là

A. $CH_3COOC_2H_5$. B. $HCOOC_2H_5$. C. CH_3COOCH_3. D. $HCOOCH_3$.

Câu 48. Alanin có công thức là

A. $C_6H_5NH_2$.
B. $CH_3CH(NH_2)COOH$.
C. H_2NCH_2COOH.
D. $H_2NCH_2CH_2COOH$.

Câu 49. Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

A. Xenlulozơ. B. Glucozơ. C. Saccarozơ. D. Tinh bột.

Câu 50. Kim loại nào sau đây là kim loại kiềm?

A. Liti B. Sắt C. Nhôm D. Can xi

Câu 51. Loại tơ nào sau đây được điều chế bằng phản ứng trùng hợp?

A. Tơ nitron. B. Tơ nilon-6,6. C. Tơ axetat. D. Tơ visco.

Câu 52. Kim loại có thể khử nước ở nhiệt độ thường là

A. Cu. B. Ag. C. K. D. Zn.

Câu 53. Khí nào sau đây là nguyên nhân chính gây nên hiệu ứng nhà kính?

A. NO_2. B. SO_2. C. CO_2. D. CH_4.

Câu 54. Trong các kim loại sau đây, kim loại có tính khử mạnh nhất là

A. Ag. B. Cu. C. Fe. D. Zn.

Câu 55. Một nhà máy nhiệt điện sử dụng loại than đá có chứa 2% lưu huỳnh. Nhà máy đó tiêu thụ hết 90 tấn than trong một ngày đêm. Khối lượng khí SO_2 do nhà máy xả vào khí quyển trong một năm (365 ngày) là

A. 657 tấn. B. 710 tấn. C. 1420 tấn. D. 1314 tấn.

Câu 56. Kim loại dẫn nhiệt tốt nhất là

A. Au. B. Ag. C. Al. D. Cu.

Tuyensinh247.com

Câu 57. Đốt hoàn toàn chất hữu cơ X cần 10,08 lít O_2 (đktc). Sản phẩm cháy gồm CO_2 và H_2O được hấp thụ hết vào bình $Ba(OH)_2$ thì thấy có 39,4 gam kết tủa và khối lượng dung dịch giảm 19,0 gam. Đun nóng dung dịch thu thêm 9,85 gam kết tủa. Công thức phân tử của X là

A. C_2H_6 B. C_3H_8O C. C_3H_8 D. C_2H_6O

Câu 58. Crackinh 2,2-đimetylbutan (xúc tác, nhiệt độ) thì thu được hỗn hợp sản phẩm X. Trong X **không thể** chứa anken nào sau đây?

A. 2-metylbut-2-en. B. isobutilen. C. 3-metylbut-1-en. D. etilen

Câu 59. Chất nào dưới đây **không** phải là este?

A. $CH_3COONH_3CH_3$. B. $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$.

C. $HCOOCH_2CH_2NH_2$. D. $H_2NCH_2COOCH_3$.

Câu 60. Cho các chất sau: metylamin, alanin, metylamoni clorua, natri axetat. Số chất phản ứng được với dung dịch HCl là

A. 4. B. 1. C. 3. D. 2.

Câu 61. Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử $C_8H_8O_3$. Biết 0,1 mol X phản ứng vừa đủ với 300 ml dung dịch NaOH 1M, X có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc. Số cấu tạo của X thỏa mãn dữ kiện trên là

A. 6. B. 3. C. 4. D. 9.

Câu 62. Cho các chất sau: Al, Cr_2O_3, Al_2O_3, Fe_2O_3, NaCl. Số chất tan hết trong dung dịch NaOH loãng dư ở điều kiện thường là

A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 63. Lên men m gam glucozơ để tạo thành ancol etylic (hiệu suất phản ứng bằng 85%). Hấp thụ hoàn toàn lượng khí CO_2 sinh ra vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư, thu được 45,0 gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 22,5. B. 47,65. C. 45,0. D. 40,5.

Câu 64. Cho 6,0 gam Fe vào 100 ml dung dịch $CuSO_4$ 1M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam kim loại. Giá trị của m là

A. 7,0. B. 6,4. C. 12,4. D. 6,8.

Câu 65. Aminoaxit X có công thức $H_2NC_xH_y(COOH)_2$. Cho 0,1 mol X vào 0,2 lít dung dịch H_2SO_4 0,5M, thu được dung dịch Y. Cho Y phản ứng vừa đủ với dung dịch gồm NaOH 1M và KOH 3M, thu được dung dịch chứa 36,7 gam muối. Phần trăm khối lượng của nitơ trong X là

A. 9,52%. B. 11,97%. C. 10,53%. D. 12,69%.

Câu 66. Đốt cháy hoàn toàn a gam chất béo X (chứa triglixerit của axit stearic, axit panmitic và các axit béo tự do đó) cần vừa đủ 18,816 lít O_2 (đktc). Sau phản ứng thu được 13,44 lít CO_2 (đktc) và 10,44 gam nước. Xà phòng hoá a gam X bằng NaOH vừa đủ thì thu được m gam muối. Giá trị của m là

A. 10,68. B. 11,48. C. 11,04. D. 11,84.

Câu 67. Cho các phát biểu sau:

(a) Dầu thực vật và dầu nhớt bôi trơn máy đều có thành phần chính là chất béo.

(b) Trong môi trường bazơ, fructozơ chuyển thành glucozơ.

(c) Alanin tạo được kết tủa trắng khi phản ứng với dung dịch nước brom.

(d) Khi luộc trứng xảy ra hiện tượng đông tụ protein.

(e) Để giảm đau nhức khi bị ong đốt, có thể bôi vôi tôi vào vết đốt.

(f) Phenyl axetat phản ứng tối đa với NaOH trong dung dịch theo tỉ lệ mol tương ứng 1:2.

Số phát biểu đúng là

A. 3. B. 4. C. 5. D. 2.

Câu 68. Cho Na vào 1 lít dung dịch HCl a (M). Sau phản ứng tạo a mol khí và dung dịch X. Cho X lần lượt tác dụng với: phenyl amoniclorua, natri phenolat, $NaHCO_3$, Na_2HPO_3, Zn, Cl_2, Si, $CuSO_4$. Số trường hợp có xảy ra phản ứng hóa học là

A. 8. B. 5. C. 6. D. 7.

Tuyensinh247.com

Câu 69. Hình vẽ bên mô tả thu khí **X** trong phòng thí nghiệm.

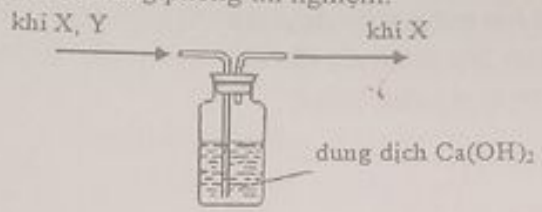

Khí **X** và **Y** có thể lần lượt là những khí nào sau đây?

A. N_2 và NO_2. B. SO_2 và CO_2. C. CO và N_2. D. CO_2 và CO.

Câu 70. Dung dịch **X** gồm $KHCO_3$ aM và Na_2CO_3 1,2M. Dung dịch **Y** gồm H_2SO_4 0,5 M và HCl 1,4M. Nhỏ từ từ đến hết 100 ml dung dịch **X** vào 100 ml dung dịch **Y**, thu được 3,36 lít (đktc) khí CO_2. Nhỏ từ từ cho đến hết 100 ml dung dịch **Y** vào 100 ml dung dịch **X** thu được dung dịch **E**. Cho dung dịch $Ba(OH)_2$ tới dư vào **E**, thu được **m** gam kết tủa. Các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Giá trị của **a** và **m** lần lượt là

A. 0,8 và 21,50. B. 0,6 và 27,41. C. 0,6 và 21,50. D. 0,8 và 27,41.

Câu 71. Thủy phân hoàn toàn 1 mol peptit mạch hở **X** thì thu được 1 mol glyxin, 2 mol alanin và 2 mol valin. Trong sản phẩm của phản ứng thủy phân không hoàn toàn **X** có Gly-Ala-Val. Amino axit đầu C của **X** là valin. Số công thức cấu tạo của **X** thỏa mãn dữ kiện trên là

A. 3. B. 4. C. 2 D. 6.

Câu 72. Khử hoàn toàn **m** gam hỗn hợp X gồm Fe_2O_3 và CuO cần vừa đủ 3,36 lít CO (đktc). Mặt khác, để hoà tan hết **m** gam X cần vừa đủ là V ml dung dịch HCl 1M. Giá trị của V là

A. 200 ml B. 400 ml. C. 150 ml. D. 300 ml.

Câu 73. Tiến hành thí nghiệm với các chất **X, Y, Z** kết quả được trình bày trong bảng dưới đây:

Thuốc thử	X	Y	Z	T
Nước	Tách lớp	Dung dịch đồng nhất	Tách lớp	Dung dịch đồng nhất
Dung dịch $AgNO_3/NH_3, t^o$	Không hiện tượng	Kết tủa trắng	Không hiện tượng	Kết tủa trắng
Nước brom	Mất màu	Không mất màu	Kết tủa trắng	Mất màu

Phát biểu nào sau đây đúng?

A. **X** là vinyl axetat, **Z** là glucozơ. B. **Y** là fructozơ, **T** là glucozơ.

C. **X** là fructozơ, **Z** là anilin. D. **Y** là fructozơ, **T** là vinyl axetat.

Câu 74. Hòa tan hết 7,92 gam hỗn hợp **X** gồm Mg, Al, Al_2O_3 và $MgCO_3$ trong dung dịch chứa 0,54 mol $NaHSO_4$ và 0,16 mol HNO_3, kết thúc phản ứng thu được dung dịch **Y** chỉ chứa các muối trung hòa có khối lượng 74,58 gam và 1,344 lít (đktc) hỗn hợp khí **Z** gồm hai khí có tỉ khối so với He bằng 11. Cho dung dịch NaOH đến dư vào dung dịch **Y**, lấy kết tủa nung ngoài không khí đến khối lượng không đổi, thu được 6,8 gam rắn khan. Tổng phần trăm khối lượng của Al và Mg có trong hỗn hợp **X** là

A. 65,91%. B. 27,27%. C. 51,52%. D. 20,45%.

Câu 75. Cho **m** gam hỗn hợp bột Mg và Cu tác dụng với 100ml dung dịch chứa hỗn hợp hai muối $AgNO_3$ 0,5M và $Cu(NO_3)_2$ 0,75M. Sau khi phản ứng xong, được dung dịch **A** và chất rắn **B**. Cho **A** tác dụng với dung dịch NaOH dư, lọc lấy kết tủa đem nung đến khối lượng không đổi được 5,6 gam hỗn hợp hai oxit. Hoà tan hoàn toàn **B** trong H_2SO_4 đặc, nóng được 1,792 lít khí SO_2 (ở đktc). Giá trị của **m** là

A. 2,72. B. 2,96. C. 5,04. D. 4,69.

Câu 76. **X, Y** là hai axit cacboxylic đều đơn chức, mạch hở (trong phân tử **X, Y** chứa không quá 2 liên kết π và $50 < M_X < M_Y$); **Z** là este được tạo bởi **X, Y** và etylen glicol. Đốt cháy 13,12 gam hỗn hợp **E** chứa **X, Y, Z** cần dùng 0,50 mol O_2. Nếu đun nóng 13,12 gam **E** với dung dịch KOH dư đến khi phản ứng hoàn toàn thì số mol KOH phản ứng là 0,20 mol. Mặt khác 0,36 mol **E** làm mất màu vừa đủ dung dịch chứa 0,1 mol Br_2. Phần trăm khối lượng của **Y** trong **E gần nhất** với giá trị nào sau đây?

A. 16,5%. B. 28,0%. C. 24,0%. D. 59,5%.

Tuyensinh247.com

Câu 77. Cho x mol Al tan hết trong V lít dung dịch H_2SO_4 1M và HCl 1M, thu được dung dịch Y. Cho từ từ đến dư dung dịch $Ba(OH)_2$ vào Y, khối lượng kết tủa tạo thành phụ thuộc vào số mol $Ba(OH)_2$ được biểu diễn trên đồ thị sau

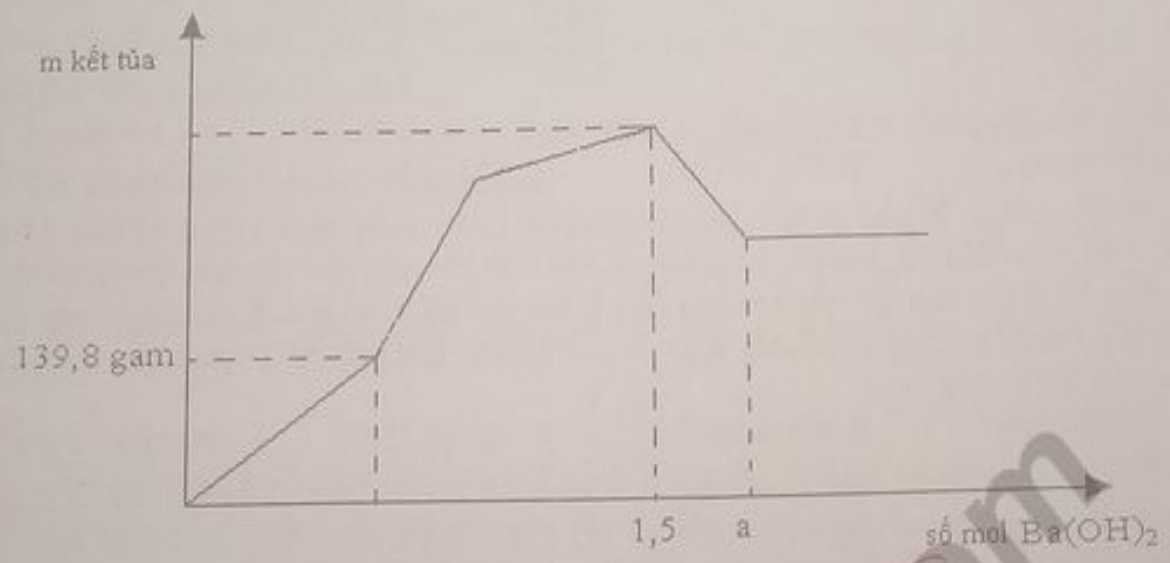

Tỉ lệ a:x có giá trị là

A. 1,8. B. 2,6. C. 2,4. D. 3,0.

Câu 78. Hỗn hợp E gồm ba muối có cùng công thức phân tử là $C_5H_{14}O_4N_2$, m gam E phản ứng vừa đủ với 400 ml dung dịch NaOH 1M. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 5,6 lít (đktc) hỗn hợp khí F gồm hai amin đơn chức, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng (có tỉ khối hơi so với hiđro là 18,3) và dung dịch G. Cô cạn dung dịch G thu được a gam hỗn hợp T gồm bốn muối (trong đó có ba muối có cùng số nguyên tử cacbon). Phần trăm khối lượng của muối có khối lượng mol lớn nhất trong T gần nhất với giá trị nào sau đây?

A. 15%. B. 25%. C. 20%. D. 10%.

Câu 79. Đun nóng 0,16 mol hỗn hợp A gồm hai peptit mạch hở X ($C_xH_yO_zN_4$) và Y ($C_nH_mO_7N_t$) với dung dịch NaOH vừa đủ chỉ thu được dung dịch chứa 0,32 mol muối của glyxin và 0,50 mol muối của alanin. Mặt khác đốt cháy m gam A trong O_2 vừa đủ thu được hỗn hợp CO_2, H_2O và N_2, trong đó tổng khối lượng của CO_2 và nước là 51,272 gam. Giá trị của m gần nhất với giá trị nào sau đây?

A. 32. B. 28. C. 23. D. 19.

Câu 80. Thực hiện các thí nghiệm sau:

(a) Nung nóng hỗn hợp $Cu(NO_3)_2$ và KNO_3.

(b) Cho $Fe(OH)_2$ vào dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng (dư).

(c) Sục khí CO_2 vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư.

(d) Cho dung dịch $KHSO_4$ vào dung dịch $NaHCO_3$.

(e) Cho dung dịch $Fe(NO_3)_2$ vào dung dịch HCl loãng.

(g) Cho đinh sắt vào dung dịch H_2SO_4 loãng.

Sau khi các phản ứng xảy ra, số thí nghiệm sinh ra chất khí là

A. 2. B. 4. C. 6. D. 5.

Cho KLNT: H = 1; O = 16; N = 14; C = 12; S = 32; Na = 23; K = 38; Mg = 24; Ca = 40; Ba = 137; Al = 27; Fe = 56; Zn = 65; Cu = 64; Ag = 108; Cl = 35,5.

---------- HẾT ----------

Tuyenchinh247.com

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THÁI BÌNH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

MÃ ĐỀ 132

ĐỀ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2019-2020
MÔN HOÁ HỌC 12
Thời gian làm bài: 50 phút;
(40 câu trắc nghiệm)

❖ Cho biết khối lượng nguyên tử (theo đvC) của các nguyên tố: H=1; Li=7; C=12; N=14; O=16; Na=23; Mg=24; Al=27; S=32; Cl=35,5; K=39; Ca=40; Cr=52; Mn=55; Fe=56; Cu=64; Zn=65; Br=80; Se=79; Ag=108; Sn=119; Ba=137; Pb=207.

Câu 1: Kim loại có những tính chất vật lý chung nào sau đây?
A. Tính dẻo, tính dẫn điện, tính cứng.
B. Tính dẻo, tính dẫn điện, nhiệt độ nóng chảy cao.
C. Tính dẫn điện, tính dẫn nhiệt, tính dẻo, có ánh kim.
D. Có ánh kim, tính dẫn điện, có khối lượng riêng nhỏ.

Câu 2: Cho các kim loại sau: Au, Al, Cu, Ag, Fe. Dãy gồm các kim loại được sắp xếp theo chiều tăng dần tính dẫn điện của các kim loại trên là
A. Fe, Cu, Al, Ag, Au. B. Fe, Al, Au, Cu, Ag. C. Cu, Fe, Al, Au, Ag. D. Au, Fe, Cu, Al, Ag.

Câu 3: Có các nhận định sau:
1. Chất béo là trieste của glixerol với các axit béo.
2. Lipit gồm chất béo, sáp, sterit, photpholipit, . . .
3. Chất béo là các chất lỏng.
4. Chất béo chứa các gốc axit béo không no thường là chất lỏng ở nhiệt độ thường và được gọi là dầu.
5. Phản ứng thuỷ phân chất béo trong môi trường kiềm là phản ứng thuận nghịch.
6. Chất béo là thành phần chính của dầu mỡ động, thực vật.

Số nhận định **đúng** là
A. 4 B. 5. C. 3. D. 6.

Câu 4: Kết luận nào sau đây **không** đúng về hợp kim?
A. Nhìn chung hợp kim có những tính chất hóa học khác tính chất của các chất tham gia tạo thành hợp kim.
B. Hợp kim là vật liệu kim loại có chứa thêm 1 hay nhiều nguyên tố (kim loại hoặc phi kim).
C. Thép là hợp kim của Fe và C.
D. Tính chất của hợp kim phụ thuộc vào thành phần của các đơn chất tham gia hợp kim và cấu tạo mạng tinh thể của hợp kim.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây **không** chính xác:
A. Khi thủy phân chất béo trong môi trường kiềm sẽ thu được glixerol và xà phòng.
B. Khi hidro hóa chất béo lỏng sẽ thu được chất béo rắn.
C. Khi thủy phân chất béo trong môi trường axit sẽ thu được glixerol và các axit béo.
D. Khi thủy phân chất béo trong môi trường axit sẽ thu được các axit và ancol.

Câu 6: Nhiệt phân hỗn hợp gồm Mg và 0,16 mol $Cu(NO_3)_2$ trong điều kiện không có không khí, sau một thời gian, thu được hỗn hợp rắn X và 5,6 lít (đktc) hỗn hợp khí Y gồm NO_2 và O_2. Hòa tan hoàn toàn X cần dùng vừa đủ dung dịch chứa 1,12 mol HCl, thu được dung dịch Z và 0,08 mol hỗn hợp khí T gồm hai đơn chất khí. Tỉ khối của T so với He bằng 2,125. Cô cạn dung dịch Z thu được m gam muối khan. Giá trị của m là
A. 59,96. B. 59,84. C. 59,72. D. 59,60.

Câu 7: Điện phân dung dịch chứa m gam hỗn hợp gồm $Cu(NO_3)_2$ và NaCl bằng điện cực trơ, màng ngăn xốp với cường độ dòng điện I = 5A, sau thời gian 6176 giây thì dừng điện phân. Để yên bình điện phân đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 0,06 mol khí NO (sản phẩm khử duy nhất của N^{+5}) và dung dịch X. Cho 400 ml dung dịch NaOH 1M vào X, lọc bỏ kết tủa, thu được dung dịch Y không màu. Cô cạn Y, lấy phần rắn đem nung đến khối lượng không đổi, thu được 29,64 gam chất rắn. Giá trị m là
A. 44,16. B. 39,80. C. 43,56. D. 45,44.

Câu 8: Anilin phản ứng được với dung dịch:
A. NaOH B. HCl C. NaCl D. Na_2CO_3

Câu 9: Dãy so sánh tính chất vật lý của kim loại nào dưới đây là **không đúng:**

A. Tính cứng: Cs < Fe < W < Cr.

B. Tính dẻo: Al < Au < Ag.

C. Ở điều kiện thường Hg là chất lỏng, các kim loại còn lại là chất rắn.

D. Nhiệt độ nóng chảy: Hg < Al < W.

Câu 10: Cho sơ đồ phản ứng:

$$\text{Khí cacbonic} \xrightarrow{(1)} \text{tinh bột} \xrightarrow{(2)} \text{glucozơ} \xrightarrow{(3)} \text{ancol etylic.}$$

Hãy chọn câu **đúng**?

A. (1) là phản ứng quang hợp, (2) là phản ứng lên men, (3) là phản ứng thủy phân.

B. (1) là phản ứng quang hợp, (2) là phản ứng thuỷ phân, (3) là phản ứng lên men.

C. (1) là phản ứng thuỷ phân, (2) là phản ứng quang hợp, (3) là phản ứng lên men.

D. (1) là phản ứng lên men, (2) là phản ứng quang hợp, (3) là phản ứng lên men.

Câu 11: Hỗn hợp X gồm hai este đơn chức và một este hai chức (đều mạch hở và được tạo bởi từ các ancol no). Hiđro hóa hoàn toàn 0,2 mol X cần dùng 0,2 mol H_2 (xúc tác Ni, t^o) thu được hỗn hợp Y gồm hai este. Đun nóng toàn bộ Y với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được hỗn hợp Z gồm hai ancol và 24,06 gam hỗn hợp T gồm các muối của axit đơn chức. Đốt cháy hoàn toàn Z cần dùng 0,72 mol O_2, thu được CO_2 và 12,78 gam H_2O. Tổng khối lượng của hai este đơn chức trong 0,2 mol hỗn hợp X là

A. 12,44. B. 10,82. C. 14,93. D. 12,36.

Câu 12: Phân tử khối trung bình của của cao su thiên nhiên là 105.000. Số mắt xích gần đúng trong công thức phân tử của cao su là

A. 1544 B. 1620 C. 1120 D. 1584

Câu 13: Dãy gồm các chất đều tác dụng với $Cu(OH)_2$ là

A. glucozơ, glixerol, andehit fomic, natri axetat. B. glucozơ, glixerol, axit fomic, ancol etylic.

C. glucozơ, glixerol, axit fomic, axit axetic. D. glucozơ, glixerol, axit fomic, natri axetat.

Câu 14: Trong cơ thể protein chuyển hóa thành

A. axit béo B. β-amino axit C. α -amino axit D. glucozơ

Câu 15: Khi đun nóng 2,225 kg chất béo Tristearin (có chứa 20% tạp chất trơ) với dung dịch NaOH dư. Giả sử hiệu suất của phản ứng 100%. Khối lượng glixerol thu được là

A. 0,184 kg B. 0,216 kg C. 0,235 kg D. 0,385 kg

Câu 16: Cho 25,9 gam hỗn hợp X gồm Mg, Al, Fe_2O_3 tác dụng hết với dung dịch HNO_3 loãng thu được 6,72 lít khí NO ở đktc (không còn sản phẩm khử khác). Nếu cho 25,9 gam X tác dụng hết với O_2 thì thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

A. 33,1. B. 28,3.

C. 40,3. D. 29,5.

Câu 17: Cho X là hexapeptit Ala-Ala-Gly-Val-Gly-Val và tripeptit Gly-Gly-Ala-Glu. Thủy phân hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm X và Y thu được hỗn hợp gồm 4 α-amino axit, trong đó có 30,00 gam glyxin và 28,48 gam alanin. Giá trị m là

A. 73,4. B. 87,4. C. 77,6. D. 83,2.

Câu 18: Cho sơ đồ: X → C_6H_6 → Y → Anilin. X, Y tương ứng là

A. C_6H_{12}, C_6H_5-CH_3 B. CH_4, C_6H_5-NO_2 C. C_2H_2, $C_6H_5CH_3$ D. C_2H_2, C_6H_5-NO_2

Câu 19: Tính chất đặc trưng của kim loại là tính khử (dễ bị oxi hoá thành ion dương) vì

A. nguyên tử kim loại có năng lượng ion hoá nhỏ.

B. nguyên tử kim loại thường có 5, 6, 7 electron lớp ngoài cùng.

C. kim loại có xu hướng thu thêm electron để đạt cấu hình của khí hiếm.

D. nguyên tử kim loại có độ âm điện lớn.

Câu 20: Cho sơ đồ sau: $X(C_4H_8O_2) \xrightarrow{+NaOH} Y \xrightarrow{O_2, xt} Z \xrightarrow{+NaOH} T \xrightarrow[CaO, t^o]{NaOH} C_2H_6$

Công thức cấu tạo thu gọn của X là

A. $CH_3COOC_2H_5$. B. $C_2H_5COOCH(CH_3)_2$.

C. $CH_3CH_2CH_2COOH$. D. $HCOOCH_2CH_2CH_3$.

Câu 21: Đốt cháy 1,6 gam một este X đơn chức thu được 3,52 gam CO_2 và 1,152 gam H_2O. Cho 10 gam X tác dụng với dung dịch NaOH (vừa đủ), cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được 14 gam muối

khan Y. Cho Y tác dụng với axit vô cơ loãng thu được Z không phân nhánh. Nhận định nào sau đây đúng?

A. Đun Y với vôi tôi xút thu được anken.

B. X có thể làm mất màu nước Br_2.

C. Tách nước chất Z trong điều kiện thích hợp có thể tạo axit hữu cơ không no, đơn chức.

D. Thuỷ phân X tạo ancol có thể điều chế cồn trong công nghiệp.

Câu 22: Từ chất nào sau đây, có thể điều chế trực tiếp thuỷ tinh hữu cơ?

A. $CH_2 = C(CH_3)COOCH_3$.

B. $CH_2 = CHCOOCH=CH_2$.

C. $CH_3CH_2COOCH=CH_2$.

D. $CH_3CH(OH)COOCH_3$.

Câu 23: Cho các dung dịch sau: CH_3COOH, $C_2H_4(OH)_2$, $C_3H_5(OH)_3$, Glucozơ, Saccarozơ, C_2H_5OH. Số lượng dung dịch có thể hòa tan được $Cu(OH)_2$ là

A. 6 B. 5 C. 3 D. 4

Câu 24: Ancol etylic được tạo ra trực tiếp khi:

A. thủy phân đường fructozơ.

B. lên men glucozơ.

C. thủy phân saccarozơ.

D. lên men xenlulozơ.

Câu 25: Sự chuyển hóa tinh bột trong cơ thể được biểu diễn trong sơ đồ

A. Tinh bột → dextrin → glucozơ → mantozơ → $CO_2 + H_2O$

B. Tinh bột → glucozơ → dextrin → mantozơ → $CO_2 + H_2O$

C. Tinh bột → mantozơ → dextrin → mantozơ → $CO_2 + H_2O$

D. Tinh bột → dextrin → mantozơ → glucozơ → $CO_2 + H_2O$

Câu 26: Sắt tây là vật bằng sắt tráng thiếc. Nếu lớp thiếc bị xước sâu tới lớp sắt, khi để ngoài không khí ẩm thì kim loại bị ăn mòn điện hoá trước là:

A. Không kim loại nào bị ăn mòn.

B. Thiếc.

C. Cả hai đều bị ăn mòn như nhau.

D. Sắt.

Câu 27: Cho 2,8g bột Fe và 2,7g bột Al vào dung dịch có 0,175 mol Ag_2SO_4. Khi phản ứng xong thu được m gam hỗn hợp 2 kim loại. Giá trị của m là:

A. 32,4g B. 34,2g C. 5,6g D. 39,2g

Câu 28: Thuỷ phân 32,4 kg xenlulozơ tạo thành glucozơ, lên men glucozơ để điều chế C_2H_5OH. Nếu hiệu suất cả quá trình là 60%, thì khối lượng C_2H_5OH thu được là:

A. 12,04 kg B. 11,04 kg C. 30,67 kg D. 18,4 kg

Câu 29: Cho 6g hợp kim Mg và Al vào dung dịch HNO_3 đặc, nguội, dư thu được 4,48 lít khí NO_2 (đktc). Phần trăm khối lượng của Al trong hợp kim là

A. 40%.

B. 60%.

C. 80%.

D. 20%.

Câu 30: Khuấy 7,85 gam hỗn hợp bột kim loại Zn và Al vào 100 ml dung dịch gồm $FeCl_2$ 1M và $CuCl_2$ 0,75M thì thấy phản ứng vừa đủ với nhau. % khối lượng của Al trong hỗn hợp là:

A. 21,7% B. 12,7% C. 27,1% D. 17,2%.

Câu 31: Cho 16,6 gam hỗn hợp X gồm 2 ancol kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng của metanol phản ứng với Na dư thu được 3,36 lít H_2 (đktc). Nếu cho toàn bộ lượng ancol có phân tử khối nhỏ trong hỗn hợp X tác dụng với 8,64 gam axit acrylic với hiệu suất 80% thì khối lượng este thu được là:

A. 9,04 gam B. 8,4 gam C. 8,0 gam D. 9,67 gam

Câu 32: Cho 30g hỗn hợp Cu, Fe tác dụng đủ với 14,48 khí Cl_2 (đktc). Vậy % Cu theo khối lượng là:

A. 45% B. 60% C. 53,33% D. 35,5%

Câu 33: Chất nào sau đây **không** phản ứng với dung dịch NaOH? (Cho gốc hidrocacbon trong các đáp án đều là gốc thơm).

A. $C_6H_5NH_3Cl$ B. C_6H_5OH C. $C_6H_5CH_2OH$ D. p-$CH_3C_6H_4OH$

Câu 34: Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp gồm Na_2O và 7,14 gam Al_2O_3 trong nước dư, thu được dung dịch X. Cho từ từ dung dịch HCl 1M đến dư vào X, sự phụ thuộc số mol kết tủa và thể tích dung dịch HCl 1M được biểu diễn theo đồ thị sau:

Tuyensinh247.com

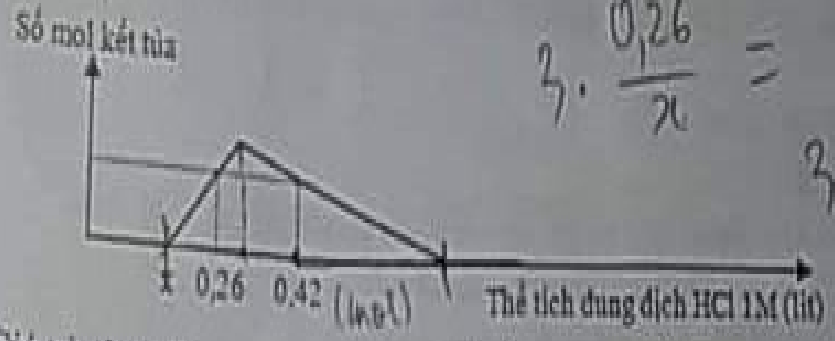

Giá trị của x là

A. 0,14. B. 0,16. C. 0,12. D. 0,18.

Câu 35: Cho hợp chất sau: $[-CO-(CH_2)_4-CO-NH-(CH_2)_6-NH]_n$. Hợp chất này thuộc loại polime nào sau đây?

A. cao su B. chất dẻo C. tơ capron D. tơ nilon

Câu 36: Nhận xét nào sau đây đúng?

A. Amin tác dụng với muối cho axit.
B. Tính bazơ của amin đều yếu hơn NH_3.
C. Các amin đều có tính bazơ.
D. Amin là hợp chất hữu cơ có tính lưỡng tính.

Câu 37: Hỗn hợp X gồm muối Y ($C_4H_{14}O_3N_2$) và muối Z ($C_2H_7O_3N$). Đun nóng m gam X cần dùng vừa đủ 400 ml dung dịch NaOH 1M, thu được hỗn hợp T gồm hai amin kế tiếp trong dãy đồng đẳng. Tỉ khối của T so với He bằng 8,75. Giá trị m là

A. 23,1. B. 24,0. C. 22,2. D. 21,3.

Câu 38: Trung hòa 1 mol α –aminoaxit X cần 1 mol HCl tạo ra muối Y có hàm lượng clo là 28,286% về khối lượng. Công thức cấu tạo của X là

A. $H_2N-CH_2-CH(NH_2)-COOH$
B. $H_2N-CH_2-CH_2-COOH$
C. $CH_3-CH(NH_2)-COOH$
D. H_2N-CH_2-COOH

Câu 39: Thủy phân hỗn hợp 2 este: metyl axetat và etyl axetat trong dung dịch NaOH dư, đun nóng sau phản ứng thu được:

A. 2 muối và 2 ancol B. 2 muối và 1 ancol C. 1 muối và 2 ancol D. 1 muối và 1 ancol

Câu 40: Từ xenlulozơ điều chế cao su buna theo sơ đồ:

Glucozơ → ancol etylic → buta-1,3-đien → cao su Buna

Hiệu suất của quá trình điều chế là 75%, muốn thu được 32,4 kg cao su thì khối lượng glucozơ cần dùng là

A. 144 kg B. 108 kg C. 81 kg D. 96 kg

---------- HẾT ----------

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THÁI BÌNH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

MÃ ĐỀ 209

ĐỀ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG LẦN 1
NĂM HỌC 2019-2020
MÔN HOÁ HỌC 12
Thời gian làm bài: 90 phút;
(50 câu trắc nghiệm)

❖Cho biết khối lượng nguyên tử (theo đvC) của các nguyên tố: H=1; Li=7; C=12; N=14; O=16; Na=23; Mg=24; Al=27; S=32; Cl=35,5; K=39; Ca=40; Cr=52; Mn=55; Fe=56; Cu=64; Zn=65; Br=80; Se=79; Ag=108; Sn=119; Ba=137; Pb=207.

Câu 1: Hãy chọn câu trả lời **đúng**?
A. Các aminoaxit thiên nhiên đều chứa 1 nhóm amino ($-NH_2$) và 1 nhóm cacboxyl (-COOH).
B. Saccarozơ thuộc loại đisaccarit.
C. Tinh bột và Xenlulozơ là đồng phân của nhau.
D. Ancol Sobitol chỉ có thể được tạo thành khi hiđro hoá glucozơ.

Câu 2: Chất nào sau đây được dùng làm thuốc súng không khói?
A. xenlulozơ trinitrat. B. tơ visco. C. tơ axetat. D. xenlulozơ.

Câu 3: Đun nóng vinylaxetat tác dụng với dung dịch Br_2, sau đó thuỷ phân hoàn toàn sản phẩm thu được muối natri axetat và chất hữu cơ X. Cho biết công thức X?
A. CH_3CH_2OH B. $CH_3CH=O$ C. $O=CH-CH_2OH$ D. $CH_3-CH-OH$

Câu 4: Phát biểu **không** đúng là:
A. Dung dịch fructozơ tác dụng với $Cu(OH)_2$ khi đun nóng cho kết tủa Cu_2O.
B. Thuỷ phân saccarozơ (H^+, t^o) chỉ cho một loại monosaccarit duy nhất.
C. Dung dịch fructozơ hoà tan được $Cu(OH)_2$.
D. Sản phẩm thuỷ phân xenlulozơ (H^+, t^o) có thể tham gia phản ứng tráng gương.

Câu 5: Cho các chất: $HCOOCH_3$ (A); $CH_3COOC_2H_5$ (B); $CH_3COOCH=CH_2$. Có thể dùng thuốc thử nào sau đây để phân biệt các chất trên:
A. dung dịch Br_2/CCl_4. B. dung dịch NaOH.
C. dung dịch Br_2 và dung dịch $AgNO_3/NH_3$. D. dung dịch $AgNO_3/NH_3$.

Câu 6: Hợp chất nào dưới đây thuộc loại amino axit?
A. $CH_3COOC_2H_5$. B. $C_2H_5NH_2$. C. H_2NCH_2COOH. D. $HCOONH_4$.

Câu 7: Cho dãy các chất: metyl metacrylat, triolein, saccarozơ, xenlulozơ, glyxylalanin, tơ nilon-6,6. Số chất trong dãy bị thủy phân khi đun nóng trong môi trường axit là:
A. 6 B. 3 C. 5 D. 4

Câu 8: Cho 90g axit axetic, tác dụng với 46g ancol etylic ở điều kiện thích hợp, hiệu suất của phản ứng đạt 80%. Khối lượng este thu được là:
A. 88,0g B. 100,0g C. 70,4g D. 105,6g.

Câu 9: Đốt cháy hoàn toàn 0,37g chất A (chứa C, H, O) thu được 0,27g H_2O và 336ml khí CO_2 (ở đktc). $d_{A/CH_4} = 4,625$. Khi cho 3,7g A tác dụng với NaOH dư thì thu được 4,1g muối. CTCT của A là:
A. CH_3-CH_2-COOH B. $HCOOC_2H_5$ C. $CH_3-COOCH_3$. D. $CH_3COOC_2H_5$

Câu 10: Hợp chất tham gia phản ứng tráng bạc là
A. Xenlulozơ. B. Saccarozơ. C. Tinh bột. D. Glucozơ.

Câu 11: Từ hỗn hợp glyxin (Gly) và alanin (Ala) có thể tạo thành bao nhiêu đipeptit mạch hở?
A. 1 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 12: Fructozơ **không** phản ứng với chất nào sau đây?
A. $Cu(OH)_2$. B. $AgNO_3/NH_3$. C. H_2 (Ni, t^oC). D. Dung dịch Br_2.

Câu 13: Thủy phân chất hữu cơ X trong môi trường axit vô cơ thu được hai chất hữu cơ, hai chất này đều có khả năng tham gia phản ứng tráng gương. Công thức của cấu tạo của X là:
A. $HCOOC_6H_5$ (Phenyl fomat). B. $HCOOCH=CH_2$.
C. $HCOOC_2H_5$. D. $CH_2=CH-COOH$

Tuyensinh247.com

Câu 14: Các polime: polietilen, xenlulozơ, polipeptit, tinh bột, nilon-6, nilon-6,6, polibutadien. Dãy các polime tổng hợp là:

A. Polietilen, nilon-6, nilon-6,6, polibutadien. B. Polietilen, tinh bột, nilon-6, nilon-6,6.
C. Polietilen, xenlulozơ, nilon-6, nilon-6,6. D. Polietilen, xenlulozơ, nilon-6,6.

Câu 15: Chất nào sau đây **không** tham gia vào phản ứng màu biure?

A. Val-Gly-Ala. B. Ala-Val-Gly-Val. C. Gly-Ala. D. Gly-Ala-Ala.

Câu 16: Cho sơ đồ: Tinh bột → A_1 → A_2 → A_3 → A_4 → $CH_3COOC_2H_5$. A_1, A_2, A_3, A_4 có CTCT thu gọn lần lượt là

A. $C_{12}H_{22}O_{11}$, C_2H_5OH, CH_3CHO, CH_3COOH. B. $C_{12}H_{22}O_{11}$, C_2H_5OH, CH_3CHO, CH_3COOH.
C. glicozen, $C_6H_{12}O_6$, CH_3CHO, CH_3COOH. D. $C_6H_{12}O_6$, C_2H_5OH, CH_3CHO, CH_3COOH.

Câu 17: Cho 4,65 gam anilin phản ứng với nước brom, thu được 13,2 gam chất không tan 2,4,6-tribrom anilin. Khối lượng brom đã phản ứng tạo kết tủa là bao nhiêu?

A. 19,2 gam B. 24 gam C. 9,6 gam D. 8,55 gam

Câu 18: Chất có phản ứng cộng với Br_2 trong dung dịch là:

A. Alanin. B. Metyl amin. C. Phenyl clorua. D. Triolein.

Câu 19: Cho sơ đồ sau:

$$X(C_4H_8O_2) \xrightarrow{+NaOH} Y \xrightarrow{O_2,\,xt} Z \xrightarrow{+NaOH} T \xrightarrow[CaO,\,t^o]{NaOH} C_2H_6$$

Công thức cấu tạo thu gọn của X là

A. $HCOOCH_2CH_2CH_3$. B. $C_2H_5COOCH_3$. C. $CH_3CH_2CH_2COOH$. D. $CH_3COOC_2H_5$.

Câu 20: Khối lượng saccarozơ thu được từ một tấn nước mía chứa 13% saccarozơ với hiệu suất thu hồi đạt 80% là:

A. 104 kg. B. 140 kg. C. 105 kg. D. 106 kg.

Câu 21: Chất hữu cơ đơn chức A mạch hở có công thức phân tử $C_4H_8O_2$. Xác định số công thức cấu tạo thoả mãn A, biết A tác dụng với dung dịch NaOH, nhưng không tác dụng với kim loại kiềm?

A. 4 B. 3 C. 5 D. 6

Câu 22: Phát biểu nào sau đây là **đúng** khi nói về aminoaxit?

A. Aminoaxit tồn tại trong thiên nhiên thường là α-aminoaxit.
B. Dung dịch aminoaxit luôn đổi màu quỳ tím.
C. Hầu hết ở thể rắn, ít tan trong nước.
D. Là hợp chất hữu cơ đa chức.

Câu 23: Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

A. Amilopectin có cấu trúc mạch phân nhánh.
B. Saccarozơ làm mất màu nước brom.
C. Xenlulozơ có cấu trúc mạch phân nhánh.
D. Glucozơ bị khử bởi dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 đun nóng.

Câu 24: Thuỷ phân hoàn toàn 62,5 gam dung dịch saccarozơ 17,1% trong môi trường axit (vừa đủ) được dung dịch X. Cho dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư vào X và đun nhẹ được m gam Ag. Giá trị của m là

A. 10,8. B. 6,75. C. 7,5. D. 13,5.

Câu 25: Cho 360 gam glucozơ lên men thành ancol etylic và cho toàn bộ khí CO_2 sinh ra hấp thụ vào dung dịch NaOH dư được 318 gam muối. Hiệu suất phản ứng lên men là

A. 62,5%. B. 75%. C. 50%. D. 80%.

Câu 26: X là một este đơn chức mạch hở có tỉ khối hơi so với metan là 5,5. Nếu đun 22g este X với 500ml dung dịch NaOH 1M, sau khi phản ứng hoàn toàn, đem cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được 34g chất rắn. Công thức cấu tạo của X là:

A. $C_2H_5COOCH_3$ B. $CH_3COOC_2H_5$ C. $C_2H_5COOCH_3$ D. $HCOOC_3H_7$

Câu 27: X có công thức: $H_2N-CH_2-CO-NH-CH_2-CO-NH-CH(CH_3)COOH$ có thể được tạo thành từ:

A. axit β - aminopropionic và axit aminoaxetic. B. axit α - aminopropionic và axit aminoaxetic.
C. axit aminopropionic. D. axit aminoaxêtic.

Tuyensinh247.com

Câu 28: Chọn câu phát biểu sai?

A. Phân biệt glucozơ và saccarozơ bằng phản ứng tráng gương.

B. Phân biệt hồ tinh bột và xenlulozơ bằng I_2.

C. Phân biệt saccarozơ và glixerol bằng $Cu(OH)_2$.

D. Phân biệt fructozơ và saccarozơ bằng phản ứng tráng gương.

Câu 29: Nhận xét nào sau đây **không** đúng về tơ capron?

A. Không phải là tơ thiên nhiên.

B. Bền trong môi trường axit, kiềm và trung tính.

C. Là tơ poliamit và còn được gọi là tơ nilon-6.

D. Được tạo ra từ phản ứng trùng hợp và trùng ngưng.

Câu 30: Số gốc α-amino axit trong phân tử tripeptit mạch hở là

A. 2. B. 4. C. 1. D. 3.

Câu 31: Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp X gồm 2 este no, đơn chức mạch hở kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng thu được 3,6 gam H_2O và V lít khí CO_2 (đktc). Giá trị của V là:

A. 3,36 lít B. 2,24 lít C. 1,12 lít D. 4,48 lít

Câu 32: Trong công nghiệp thực phẩm, để tạo hương dứa cho bánh kẹo người ta dùng este X có công thức cấu tạo $CH_3CH_2COOC_2H_5$. Tên gọi của X là

A. metyl propionat. B. etyl propionat. C. metyl axetat. D. propyl axetat

Câu 33: Công thức phân tử của glyxin (axit aminoaxetic) là

A. $C_3H_7O_2N$. B. $C_2H_5O_2N$. C. $C_2H_7O_2N$. D. $C_4H_9O_2N$.

Câu 34: Khối lượng glixerol tristearat cần để điều chế 9,2 tấn glixerol, với hiệu suất phản ứng đạt 75% là:

A. 89,00 tấn. B. 181,67 tấn C. 66,75 tấn D. 118,67 tấn

Câu 35: Chất dùng để điều chế tơ visco là:

A. $(C_6H_{10}O_5)_n$ (tinh bột). B. $(C_6H_{10}O_5)_n$ (xenlulozơ).

C. $C_6H_{12}O_6$ (glucozơ). D. $C_6H_{12}O_6$ (fructozơ).

Câu 36: Cho dãy các chất: glucozơ, saccarozơ, xenlulozơ, tinh bột. Số chất trong dãy tham gia phản ứng thủy phân là

A. 2. B. 4. C. 1. D. 3.

Câu 37: Phát biểu nào dưới đây về ứng dụng của xenlulozơ là **không** đúng?

A. Dùng làm vật liệu xây dựng, đồ dùng gia đình, sản xuất giấy.

B. Là nguyên liệu sản xuất ancol etylic.

C. Dùng để sản xuất một số tơ nhân tạo.

D. Làm thực phẩm cung cấp chất đường cho con người.

Câu 38: Tiến hành clo hoá poli (vinyl clorua) thu được một loại polime X dùng để điều chế tơ clorin. Trong X có chứa 66,18% clo theo khối lượng. Vậy, trung bình có bao nhiêu mắt xích PVC phản ứng được với một phân tử clo?

A. 1. B. 3. C. 4 D. 2.

Câu 39: Hỗn hợp X gồm hai este đơn chức, mạch hở. Thủy phân hoàn toàn 15,2 gam X bằng dung dịch KOH vừa đủ; cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được chất rắn khan Y (gồm hai muối của hai axit cacboxylic là đồng đẳng kế tiếp) và 9,04 gam hỗn hợp Z gồm hai ancol là đồng đẳng kế tiếp. Cho 0,04 mol Y tác dụng hoàn toàn với $AgNO_3$ dư (trong dung dịch NH_3, t^o), thu được 2,16 gam Ag. Hai ancol trong Z là

A. CH_3OH và C_2H_5OH. B. C_3H_7OH và C_4H_9OH.

C. C_2H_5OH và C_3H_7OH. D. C_4H_9OH và $C_5H_{11}OH$.

Câu 40: Hỗn hợp X gồm metyl fomat, metyl axetat và đimetyl oxalat (trong đó nguyên tố oxi chiếm 52% về khối lượng). Cho m gam X tác dụng với dung dịch NaOH dư, thu được 45,2 gam muối. Giá trị của m là:

A. 42,0. B. 40,0. C. 40,2 D. 32,0.

Câu 41: Hai chất hữu cơ X và Y, thành phần nguyên tố đều gồm C, H, O, có cùng số nguyên tử cacbon ($M_X < M_Y$). Khi đốt cháy hoàn toàn mỗi chất trong oxi dư đều thu được số mol H_2O bằng số mol CO_2. Cho 0,1 mol hỗn hợp gồm X và Y phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3, thu được 28,08 gam Ag. Phần trăm khối lượng của X trong hỗn hợp ban đầu là

A. 78,16%. B. 60,34%. C. 39,66%. D. 21,84%.

Câu 42: Hợp chất X có thành phần gồm C, H, O chứa vòng benzen. Cho 6,9 gam X vào 360 ml dung dịch NaOH 0,5 M (dư 20% so với lượng cần phản ứng) đến phản ứng hoàn toàn, thu được dung dịch Y. Cô cạn Y thu được m gam chất rắn khan. Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn 6,9 gam X cần vừa đủ 7,84 lít O_2 (đktc), thu được 15,4 gam CO_2. Biết X có công thức phân tử trùng với công thức đơn giản nhất. Giá trị của m là

A. 13,2 B. 12,3 C. 11,1 D. 11,4

Câu 43: Xenlulozơ trinitrat được điều chế từ xenlulozơ và axit nitric đặc có xúc tác axit sunfuric đặc, nóng. Để có 14,85 kg xenlulozơ trinitrat cần dung dịch chứa m kg axit nitric (hiệu suất phản ứng đạt 90%). Giá trị của m là:

A. 30 kg. B. 10,5 kg. C. 11,5 kg. D. 21 kg.

Câu 44: Vitamin B_1 (Thiamine) có công thức cấu tạo (dạng muối clorua của axit HCl) như sau: (Mỗi góc là một nhóm CH_x với $x \geq 0$). Một viên vitamin B_1 có khối lượng 1 gam, chứa 45,91% chất phụ gia. Số mol vitamin B_1 có trong viên thuốc này là:

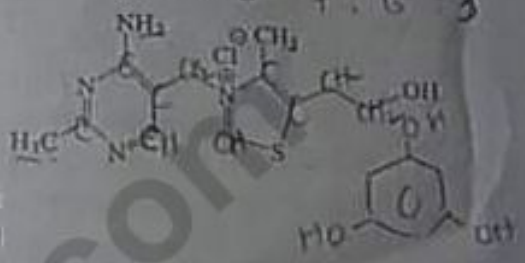

A. 0,0018 mol B. 0,0017 mol
C. 0,00185 mol D. 0,0020 mol

Câu 45: Đốt hoàn toàn 0,2 mol hỗn hợp X gồm etyl axetat và metyl acrylat thu được số mol CO_2 nhiều hơn số mol H_2O là 0,08 mol. Nếu đun 0,2 mol hỗn hợp X trên với 400 ml dd KOH 0,75M rồi cô cạn dung dịch sau phản ứng thì số gam chất rắn khan thu được là:

A. 26,16 B. 26,64 C. 20,56 D. 26,40

Câu 46: Hỗn hợp X gồm etyl axetat và propyl axetat. Đun nóng hỗn hợp X với NaOH (vừa đủ) thu được 13,12 gam muối và 8,76 gam hỗn hợp ancol Y. Vậy % khối lượng của etyl axetat trong hỗn hợp X là:

A. 39,80%. B. 56,85%. C. 34,11%. D. 45,47%.

Câu 47: Hỗn hợp H gồm 3 peptit X, Y, Z ($M_X < M_Y$) đều mạch hở; Y và Z là đồng phân của nhau. Cho m gam hỗn hợp H tác dụng vừa đủ với dung dịch chứa 0,98 mol NaOH, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được 112,14g muối khan (chỉ chứa muối natri của alanin và valin). Biết trong m gam H có $m_O : m_N = 552 : 343$ và tổng số liên kết peptit trong 3 peptit bằng 9. Tổng số nguyên tử có trong peptit Z là

A. 75 B. 63 C. 70 D. 65

Câu 48: Đồng trùng hợp đimetyl buta–1,3–đien với acrilonitrin ($CH_2=CH–CN$) theo tỉ lệ tương ứng x:y, thu được một loại polime. Đốt cháy hoàn toàn một lượng polime này, thu được hỗn hợp khí và hơi (CO_2, H_2O, N_2) trong đó có 57,69% CO_2 về thể tích. Tỉ lệ x : y khi tham gia trùng hợp là bao nhiêu?

A. $\frac{x}{y} = \frac{2}{3}$. B. $\frac{x}{y} = \frac{3}{2}$. C. $\frac{x}{y} = \frac{1}{3}$. D. $\frac{x}{y} = \frac{3}{5}$.

Câu 49: Một loại cao su lưu hoá chứa 1,714% lưu huỳnh. Hỏi cứ khoảng bao nhiêu mắt xích isopren có một cầu nối đisunfua –S–S–, giả thiết rằng S đã thay thế cho H ở nhóm metylen trong mạch cao su?

A. 46. B. 54 C. 52. D. 25.

Câu 50: Đốt cháy hết 25,56g hỗn hợp H gồm hai este đơn chức thuộc cùng dãy đồng đẳng liên tiếp và một amino axit Z thuộc dãy đồng đẳng của glyxin ($M_Z > 75$) cần đúng 1,09 mol O_2, thu được CO_2 và H_2O với tỉ lệ mol tương ứng 48:49 và 0,02 mol khí N_2. Cũng lượng H trên cho tác dụng hết với dung dịch KOH, cô cạn dung dịch sau phản ứng được m gam rắn khan và một ancol duy nhất. Biết KOH dùng dư 20% so với lượng phản ứng. Giá trị của m là :

A. 38,792 B. 34,760 C. 31,880 D. 34,312

---------- HẾT ----------

Tuyensinh247.com